

VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

tham gia đối thoại sử học
tạ chí đại trường
trả lời phỏng vấn về "khu rừng lau"
doãn quốc sỹ
văn học trong nền văn hóa điện tử
nguyễn hưng quốc
một cõi đi về
thích nguyên hạnh
nghệ nhân và cuộc sống
dạ quỳnh

truyện

trúc chi • diễm âu • trần thị Ng.H.
diệp mỹ linh • nguyễn bình phương

thơ

viêm tịnh • lê cần sơn
trần hồng châu • trần yên hòa
triều hoa đại • dung nham

172
THÁNG 8 2000



VănHoc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng



Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Thạch Hãn,
Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu văn Thọ

Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác

Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:

Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270



Đại diện Văn Học ở Âu châu:

Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12



Đại diện Văn Học ở Úc châu

Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770



Đại diện Văn Học ở Houston, Texas

Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262



Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana

Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về Văn Học
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com

Homepage trên Internet: <http://www.saigonline.com/vanhoc/>
Phone: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

Số 172 - Tháng 8, 2000

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
VĂN HỌC	3	phỏng vấn đoàn quốc sỹ về <i>khu rừng lau</i>
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỞNG	9	tham gia đối thoại sử học
VIÊM TỊNH	34	<i>khúc thời gian</i>
DẠ QUỲNH	35	nghệ nhân và cuộc sống
NGUYỄN HƯNG QUỐC	50	văn học trong một nền văn hóa điện tử
THÍCH NGUYỄN HẠNH	62	một cõi đi về
LÊ CẦN SƠN	66	<i>hoang ngôn</i>
TRÚC CHI	67	mây hồng
TRẦN HỒNG CHÂU	90	<i>suối orphée suối ophelia</i>
DIỄM MÂU	91	đường tro bay
TRẦN YÊN HÒA	108	<i>dụ ngôn cho bé nhỏ xiu</i>
TRẦN THỊ NG. H.	109	sinh nhật
TRIỀU HOA ĐẠI	124	<i>mùa hạ, ngồi chờ bóng trăng soi.</i>
ĐIỆP MỸ LINH	126	cuộc tình xa
DUNG NHAM	140	<i>muối-đường-ta</i>
NGUYỄN B. PHƯƠNG	141	trí nhớ suy tàn
VĂN HỌC	155	giới thiệu sách mới
VĂN HỌC	160	hộp thư

Copyright by Authors & Van Hoc, 2000

Tác giả và Văn Học giữ bản quyền

Thư Tòa soạn *Văn Học*

Bắt đầu từ tháng Tám 2000, Ban Chủ biên Văn Học xin có hai thay đổi liên quan đến tờ báo và bạn đọc:

Trước hết, như bạn đọc đã nhận ra, từ số báo này cỡ chữ in được tăng lên 11 points (trước đây chỉ 10 points) theo yêu cầu của một số bạn đọc cao tuổi. Thay đổi cỡ chữ có nghĩa là số bài vở trên mỗi số báo bắt buộc phải giảm xuống, vì điều kiện tài chánh không cho phép Văn Học tăng trang quá 160. Ngay trên số này, một số truyện ngắn đã thông báo cho tác giả là sẽ đăng cuối cùng phải gác lại. Xin cáo lỗi cùng các văn hữu liên hệ.

Thay đổi thứ nhì là địa chỉ trang nhà của Văn Học trên Internet. Kể từ tháng này, website của Văn Học sẽ là:

<http://vanhoc.omely.org>

ngoài địa chỉ cũ trên saigonline.com vẫn duy trì cho đến khi có thông báo mới. Server omely.org do nhà văn Nguyễn Quý Đức phụ trách là một server mạnh, có nhiều khách hàng trong các cộng đồng thiểu số trên thế giới, nội dung thông tin phong phú và cập nhật, nên có thêm một địa chỉ website trên omely.org, Văn Học sẽ có thêm sự cộng tác của thế hệ trẻ chuyên nghiệp - là lực lượng nòng cốt đang làm biến chuyển tất cả mọi hoạt động của nhân loại trong thế kỷ tới.

Chúc tất cả quý bạn đọc và quý văn hữu những tuần nghỉ hè vui vẻ, bổ ích, với sách và báo Văn Học trong hành lý mang theo.

Văn Học

*Phỏng vấn nhà văn Doãn Quốc Sỹ
về bộ trường thiên tiểu thuyết
Khu Rừng Lau*

Văn Học: *Mục đích của cuộc nói chuyện này là tìm hiểu những lý do và bối cảnh của việc sáng tác bộ trường thiên Khu Rừng Lau. Thưa anh, động cơ nào thúc đẩy anh viết Khu Rừng Lau?*

Doãn Quốc Sỹ: Tôi viết *Khu Rừng Lau* từ kinh nghiệm của cá nhân tôi khi trực tiếp tham gia cuộc kháng chiến kháng Pháp trong thời gian đầu. Thuở đó, từ 1945 tôi đã gia nhập đoàn Thanh niên Cứu quốc. Chúng tôi tổ chức những cuộc như là đi phá kho gạo Nhật, rồi phân phát gạo cho dân chúng ngay tại chỗ. Rồi đến 1946, chúng tôi đã chuyển lên hoạt động ở tỉnh Vĩnh Yên, rồi Bắc giang, Bồ hạ, Nhã nam. Tôi còn nhớ vùng đó có một bến dò có cái tên rất nên thơ là bến dò Lục liễu. Cũng ở Bắc giang, trong cuộc kháng chiến, tôi được dịp biết tới núi Sáng, là nơi cụ Hoàng Hoa Thám chống Pháp ngày xưa.

Văn Học: *Thưa anh bộ trường thiên Khu Rừng Lau gồm bao nhiêu cuốn?*

Doãn Quốc Sỹ: Bộ *Khu Rừng Lau* của tôi gồm bốn cuốn, tổng số trang khoảng chừng 2000 trang. Cuốn đầu là *Ba Sinh*

Hương Lửa, ấn hành năm 1962. Cuốn 2 là *Người Đàn Bà Bên Kia Vĩ Tuyến*, ấn hành năm 1964. Cuốn 3 là *Tình Yêu Thánh Hóa*, ấn hành năm 1965. Cuốn cuối cùng là *Đàm Thoại Độc Thoại*, gồm hai phần: phần 1 là *Những Ngả Sông Trên Dòng Đời*, ấn hành năm 1966. Phần 2 là *Đàm Thoại Độc Thoại*, chưa ấn hành. Cho nên vào dịp nhà xuất bản Văn Hóa của anh Vũ Ngự Chiêu-Nguyên Vũ in *Doãn Quốc Sỹ Toàn Tập*, bạn đọc sẽ có một bộ *Khu Rừng Lau* thật đầy đủ.

Văn Học: *Hóa ra bấy lâu nay những người đã đọc Khu Rừng Lau của anh cứ tưởng là đã đọc trọn bộ. Nhưng như anh vừa nói, bộ đã in chưa đầy đủ.*

Doãn Quốc Sỹ: Vâng. Phần 1 cuốn cuối cùng đã in rồi, nhưng phần 2 chưa in.

Văn Học: *Tại sao phần 2 cuốn 4 anh không cho in hồi ở Sài Gòn? Phần đó, trước 1975 anh đã viết chưa?*

Doãn Quốc Sỹ: Phần đó tôi chỉ mới phác thảo, chứ chưa hoàn tất, thành ra chưa in.

Văn Học: *Trong hai nghìn trang Khu Rừng Lau, anh kể lại kinh nghiệm và suy nghĩ của một thanh niên đi kháng chiến như thế hệ của anh đã trải qua. Có thể coi Khu Rừng Lau là một thứ tiểu thuyết luận đề nói về tâm trạng của một thế hệ trẻ hăng hái tham gia kháng chiến, và về sau thất vọng về những người cộng sản?*

Doãn Quốc Sỹ: Anh hiểu như thế là đúng với suy nghĩ của tôi, hay như anh vừa nói, luận đề mà tôi muốn trình bày trong *Khu Rừng Lau*.

Văn Học: *Anh có tiếp nối tinh thần của Tự Lực văn đoàn khi viết Khu Rừng Lau không?*

Doãn Quốc Sỹ: Vâng. Đã có người hỏi tôi câu anh vừa hỏi. Tôi viết theo tinh thần của Nhất Linh, viết để phản ánh tâm lý của một thế hệ trong giai đoạn lịch sử mà tôi đã kinh qua.

Văn Học: *Nhất Linh viết bộ trường thiên Xóm Cầu Mới và chưa hoàn tất bộ truyện này. Nhưng ông có để lại những sơ đồ, chi tiết về bối cảnh và nhân vật của bộ trường thiên này, kể cả cái cổng nhà, y phục, hình dáng tính tình các nhân vật. Anh có chuẩn bị kỹ lưỡng như Nhất Linh, viết theo một dàn bài lớn và tỉ mỉ, hay là viết Khu Rừng Lau một cách tự nhiên, thoải mái theo ngòi bút đưa đẩy?*

Doãn Quốc Sỹ: Nói chung, nét đại cương của bộ truyện thì tôi đã có sẵn trước khi viết *Khu Rừng Lau*. Nhưng đến khi viết từng truyện một, thì tôi viết một cách thoải mái, để cho nhân vật sống một cách tự nhiên trong bối cảnh của nhân vật ấy. Có nhiều khi chính tôi phải chạy theo nhịp sống và cách suy tư của nhân vật. Có thể nói một cách vui là đôi khi tôi muốn viết như thế này, nhân vật của tôi lại nói: “Ấy chết, sao ông lại viết về tôi như thế? Tôi phải như thế này chứ!” Quả thật nhiều khi tôi phải sửa lại phần tâm lý của nhân vật do lời yêu cầu của nhân vật tiểu thuyết.

Văn Học: *Trong bộ Khu Rừng Lau, nhân vật nào đại diện cho tác giả nhiều nhất?*

Doãn Quốc Sỹ: Câu này cũng có nhiều người từng hỏi tôi. Và tôi cũng có thư với các bạn đó rằng các nhân vật của tôi đều do sự suy nghĩ và đời sống chân thực của tôi mà sáng tạo nên, nên nếu hỏi tôi thích nhân vật nào hơn cả, thì tôi đáp: nếu những người mẹ thương tất cả các con, thì tôi cũng thương mến đồng đều các nhân vật tôi sáng tạo ra, không có nhân vật nào tôi thích nhất.

Văn Học: *Nhưng ở đây chúng tôi muốn biết nhân vật đại*

diện cho anh nhiều nhất, chứ không phải nhân vật anh thích nhất, yêu mến nhất. Tức là nhân vật mà khi đọc xong, người đọc biết ngay đây là nhà văn Doãn Quốc Sỹ?

Doãn Quốc Sỹ: Tôi không dám nói đến cái “tôi” trong các nhân vật của tôi. Nhưng trong *Khu Rừng Lau*, ngay trang đầu tôi đã nêu tên từng nhân vật mà bạn đọc sẽ gặp sau này; tôi ghi cả năm sinh của các nhân vật đó. Cho nên nhân vật Kha trong *Khu Rừng Lau* là nhân vật tôi ủy thác phần lớn các suy tư của tôi.

Văn Học: *Nếu muốn giới thiệu Khu Rừng Lau cho những độc giả chưa từng đọc bộ truyện này, thì anh giới thiệu như thế nào?*

Doãn Quốc Sỹ: Có lẽ phải giới thiệu về đại ý, nhân vật, cốt truyện, bối cảnh lịch sử...còn chi tiết thì phải dành sự khám phá và ngạc nhiên cho người đọc.

Văn Học: *Anh đã dành bốn năm để viết Khu Rừng Lau. Trong thời gian đó, anh viết liên tục hay có những thời gian gián đoạn?*

Doãn Quốc Sỹ: Tôi không viết liên tục được. Viết xong một cuốn, ngừng một thời gian, sau đó tiếp tục.

Văn Học: *Khi viết, anh có một thời khóa biểu bắt buộc viết hằng ngày, hay chỉ viết khi có hứng?*

Doãn Quốc Sỹ: Tôi chỉ viết khi nào có hứng. Như đã nói nhiều lần trước đây, tôi có hai cái nghiệp: nghiệp cầm bút viết văn, và nghiệp cầm phấn dạy học. Tôi vừa viết văn vừa làm giáo sư ở Trường Sư phạm, về sau có dạy ở Đại học Vạn Hạnh và Đại học Văn khoa Sài Gòn.

Văn Học: *Khi không viết liên tục, mỗi lần viết anh có phải đọc lại những gì đã viết trước đó không?*

Doãn Quốc Sỹ: Nét chính thì đã có sẵn trong óc rồi. Chỉ khi viết đến các chi tiết, nếu thấy lơ mơ không rõ, thì phải xem lại phần trước để khỏi có những nhầm lẫn hoặc mâu thuẫn, để có sự thống nhất về hành vi và cá tính các nhân vật.

Văn Học: *Vì trường thiên tiểu thuyết thường có không gian và thời gian rộng nên các tác giả thường có một sơ sót chẳng hạn có nhân vật lúc đầu da trắng mà về sau da lại ngăm ngăm đen. Một trong những lời khuyên của Nhất Linh là tác giả nên làm những bản căn cước chi tiết từng nhân vật. Từ trước tới nay, có nhà phê bình nào tìm ra trong Khu Rừng Lau những sơ sót như vừa nêu trên hay không?*

Doãn Quốc Sỹ: Không. Không có những sơ sót đó.

Văn Học: *Phần 2 của cuốn cuối hiện chưa ấn hành. Phần đó có thể coi như kết luận của toàn bộ trường thiên Khu Rừng Lau?*

Doãn Quốc Sỹ: Đó là phần kết thúc của *Khu Rừng Lau*.

Văn Học: *Như vậy cũng hấp dẫn vì cho đến nay, mọi người vẫn chưa biết Khu Rừng Lau kết thúc như thế nào. Phần kết thúc này anh viết vào năm nào?*

Doãn Quốc Sỹ: Như tôi đã nói hồi nãy, cuốn cuối có hai phần: phần 1 đã in ra rồi. Phần 2 *Đàm Thoại Độc Thoại* là suy tư của các nhân vật dài chừng 200 trang mà thôi.

Văn Học: *Nhưng vì là suy tư sau bao nhiêu biến cố dàn ra suốt bộ trường thiên, nên chắc phần chưa in là phần quan trọng?*

Doãn Quốc Sỹ: Thật ra thì phần nào cũng có vị trí quan trọng riêng của nó. Hai trăm trang cuối cùng cũng chỉ đóng vai trò của nó trong toàn bộ trường thiên *Khu Rừng Lau* mà thôi.

Văn Học: *Những tác phẩm viết sau bộ Khu Rừng Lau, nhất là sau thời gian anh đi tu nghiệp hai năm ở Mỹ, anh vẫn giữ y lối viết Khu Rừng Lau hay có thay đổi lối viết?*

Doãn Quốc Sỹ: Lối viết của tôi xưa nay vẫn giữ lối hồn nhiên như thế thôi, chứ tôi không có ý định tu sửa cho mới hơn. Nếu có gì mới sau thời gian xuất ngoại du học, thì cái mới ấy cũng đã được thẩm thấu tự nhiên, tiêu hóa tự nhiên trong tâm trí tôi.

Văn Học: *Có phải anh không coi trọng quá về kỹ thuật viết?*

Doãn Quốc Sỹ: Anh nói có phần nào đúng ý tôi. Kỹ thuật dĩ nhiên là quan trọng, nhưng không phải lúc nào tôi cũng quan tâm toàn phần đến kỹ thuật.

Văn Học: *Như vậy tất cả những truyện anh viết từ xưa tới nay đều viết tự nhiên theo tâm tình của mình, theo kinh nghiệm sống của mình mà thôi.*

Doãn Quốc Sỹ: Đó là chủ trương dứt khoát của tôi.

Văn Học: *Câu chuyện trao đổi cùng anh cũng đã khá dài. Anh có điều gì để nói thêm với độc giả Văn Học và các độc giả của anh không?*

Doãn Quốc Sỹ: Bằng hữu gặp tôi thường nhắc nhở: “Anh phải viết nữa đi chứ!” Tôi vui vẻ và thân mật trả lời: “Thôi các anh để cho tôi được ‘rửa tay gác kiếm.’” Tuy nhiên với kinh nghiệm bản thân của tôi, cho đến bây giờ, nếu quả thật có điều gì đáng viết, có nội dung gì hấp dẫn đáng dựng thành truyện, thì dù tôi có bảo đã “rửa tay gác kiếm”, chắc chắn tôi lại tiếp tục viết. Nhưng chuyện đó chưa xảy ra.

Văn Học: *Xin cảm ơn anh Doãn Quốc Sỹ. Mong rằng sẽ có cơ hội khác để trò chuyện thêm với anh về quá trình sáng tác. □*

Tham gia đối thoại sử học *Tạ Chí Đại Trường*

Nguồn tin tức

Suốt ngày, suốt tuần loay hoay với mấy sợi dây điện, với những chuyện lằng nhằng kì kèo kinh cãi trong sếp làm, nào có thấy trời trăng gì đâu! Anh bạn Nguyễn Xuân Sơn ở NY là người đầu tiên cho biết có một quyển sách vừa xuất bản ở Việt Nam đòi đặt lại một số vấn đề về sử Việt, làm xôn xao dư luận. Thế rồi đến trong tầm tay là tạp chí *Hợp Lưu* số tháng 6-7/2000 đăng bài phỏng vấn và bài phân tích sơ qua quyển sách, của bà Thuy Khuê. (Hình như *Hợp Lưu* bị ám ảnh bởi đề tài chung nên bài thứ nhất của bà Thuy Khuê đã là “Đối thoại văn học” thay vì “Đối thoại sử học”?) Nhưng đó là chuyện tận tháng 2, tháng 3-2000! Biết tên tác giả là Bùi Thiết (BT) rồi nhờ các nhà sách Nam Cali “giao lưu văn hoá với VC”, chúng tôi thấy có quyển *Việt Nam thời cổ xưa* (VNTCX) của tác giả này, liền gượng bỏ tiền ra mua ngay. Anh bạn NY lại có nhã ý gởi quyển *Đối thoại sử học* (ĐTSII) định cho mượn đọc, rồi cho luôn! Vẫn biết rằng “đa đa ích thiện, càng nhiều càng tốt” nhưng người-viết cũng có thể viện dẫn “tri túc tiện túc” để tham gia đối thoại cho vui. Ai muốn kiểm tra người-viết thì xin mua *Hợp Lưu* (gợi ý may ra ông KT bán thêm được vài số), mua sách ở VN (nghe nói hơi khó vì đã bán sạch). Quý vị nào có phương tiện để có tin tức nhiều hơn, xin chớ trách.

Có một cuộc nội chiến

Tên “Đối thoại sử học” là của quyển sách “in 1 500 bản...

[k]ế hoạch xuất bản năm 1999... [g]iấy phép... 14-8-1999... nộp lưu chiểu quý 1 năm 2000” nhưng ở bìa 4 của *Việt Nam thời cổ xưa* với giấy phép 3-5-1999, in và nộp lưu chiểu tháng 1-2000, thì tên sách là “Đối thoại lịch sử”. Người bên ngoài không thể hiểu lí do của sự thay đổi nhưng đứng về phương diện thuần túy chữ nghĩa thì cái tên được lựa chọn cuối cùng có vẻ hợp lí, xác định hơn.

Chuyện bất đồng ý kiến thì ở đâu cũng có, thời nào cũng có nhưng cái khác là ở tính chất tương thông với bên ngoài. Áp lực bên ngoài dữ dằn, tạo được hiệu quả nhãn tiền thì người ta nín thính, nuốt vào bụng, cho đến khi trở thành thói quen không phản ứng, bởi vì Đảng và Nhà nước nói xuôi nói ngược lúc nào cũng đúng; áp lực nhẹ hơn một chút, chút thôi, thì người ta cầu nhàu nói xiên nói xỏ. Lúc quyền bính thấy không kềm hãm được thì mở ra một hướng “bảo lưu”, nói nhỏ với nhau nghe mà thôi, “cấm ngoại tử không ai được biết.” Cho đến khi có nổ bùng, tức nước vỡ bờ. Không phải bởi người ngoài. Tranh giành không phải là chuyện của kẻ không quyền lực, của những người ngoài hệ thống. “Chuyện thường ngày ở” xã thì cũng như chuyện chữ nghĩa cao cấp. Không phải cách mạng. Chưa kể đây lại là một mưu toan đảo chính phục hồi.

Bởi vậy cho nên phát sinh nhiều nhận định từ vị thế trong, ngoài của đất nước, trong trong, ngoài ngoài của lãnh vực chuyên môn. Chữ nghĩa thời hậu... hậu gì đó thật điên cái đầu. Hồi ở trong nước, có lời chê bai: vọng ngoại, nghĩa là cho cái gì bên ngoài cũng tốt, thường khi tốt hơn sự thật, theo trí tưởng tượng và tâm cảm của mình. Bây giờ ra đến ngoài rồi, nhìn về trong nước với tinh thần đó thì gọi là gì? Vọng nội? Không được, những người lưu tâm đến vấn đề đều đã là Mĩ, Anh, Pháp, Càri... cả, dù là da vàng. Vậy thì theo chính danh vẫn phải dùng chữ vọng ngoại – ngoại của nội! Ngày tháng nguôi ngoai, lâu ngày tránh thoát những áp lực cũ, bức bối với những da đoan trước mắt, người hưởng-về khen bên trong hết lời, bênh che cả những việc người trong cuộc thấy chưa cần đến “nhiệm vụ lịch sử” đó, hăng hái khen như sợ người ta giành mất địa vị hồi chánh của mình.

Người còn hăng say, hay rứt rè nhút nhát mong kẻ khác làm-thay mình, thấy bên trong có tên nào cự nự thì tưởng như là đồng chí của mình, tung hô theo dòng tưởng tượng các chiến sĩ tiền đồn đang “nhìn hoả châu rơi”. Người-còn-bên-trong cũng coi là một dịp phát tiết anh hoa theo, chống. Và thế là phát sinh rắc rối, ồn ào, mở rộng tâm “đối thoại”.

Bà Thuy Khuê hỏi “các nhà nghiên cứu sử (Hà Nội)” thì được trả lời: Đó là chuyện trò đánh thầy, chuyện đấu đá quyền lực, chuyện nhắc lại những điều ai cũng biết rồi, không có gì mới. Người phỏng vấn cũng hỏi ý kiến một nhà nghiên cứu về quyển sách ĐTSH. Tuy có lời dè chừng rằng ông Lai Nguyên Ân không phải là sử gia, nhưng ông ấy là người “bên trong” cho nên ta chộp riêng cái ý “không khí học phiệt” để hiểu về tình trạng có chiếu trên chiếu dưới trong làng nghiên cứu ở Việt Nam hiện nay. Ở trong chần mới biết chần có rận...

Chuyện trò đánh thầy, nên hay không, là vấn đề ngoại sử học. Vấn đề không đặt ra nếu nơi đào tạo, trường đại học, cho ra đại học, không nên là một cấp bậc trên - trung học, ở đó sách là Kinh để học trò tụng niệm từng chữ, từng câu cho qua ải thi cử. Sách của Thầy cũng nương theo dà quyền bính của sách giáo khoa, nơi chứa đựng kiến thức được cho là của “pháp lệnh (Nhà nước)”. (Dù rằng có sách giáo khoa vẽ bóng, dạy rằng: ‘Sài Gòn ở trên sông Đồng Nai’!) Vai trò tối thượng của sách vở như thế đối với trong nước rõ rệt trong lối gần giọng của ông BT khi phê bình các tác giả khác. Không điều gì cho thấy quan niệm sách chỉ là phương tiện đi vào kiến thức, nhất là đối với sinh viên đại học, và hiểu như thế thì sẽ không có lời chê trách trò đánh thầy.

Chuyện “nhắc lại những điều ai cũng biết rồi” thì chứng tỏ ngay trong ĐTSH, ở đó công khai, rõ ràng trên diện phổ biến rộng là các bài của ông Đinh Văn Nhật về Hai Bà Trưng, từng đăng ở tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*. Trong tình trạng bản quyền mù mờ, không cần quan tâm ở Việt Nam như từng thấy, chúng ta không biết các bài của tác giả đã chết này được đưa vào đây theo tính cách nào. Một số vấn đề khác (chuyện “Nội các quan bản” của *Toàn thư*, chuyện Đặng Tiến Đông, chế độ chiếm hữu

nô lệ) thì lúc còn ở trong nước chúng tôi cũng thấy bàn đến đâu đó – gián tiếp giúp cho trí nhớ mù mờ của chúng tôi là ngay trong các bài phản đối ở ĐTSH có nhắc đến những bài tham luận được đọc ở các hội nghị chuyên môn. Có điều sự phổ biến hẳn là hạn hẹp hơn nên có sự bức tức (chỉ đăng ở các tờ *Thông tin...*, báo hàng ngày, hoặc “chưa công bố”, bị “bỏ quên” ở toà soạn *Nghiên cứu lịch sử*). Tất nhiên là cũng có sự chèn ép, nhưng người nắm quyền lực và uy thế cũng có thể viện dẫn chính trong chuyên môn để gạt bài ra, viện dẫn lí do trình độ thấp của những người phản đối, rõ rệt trong những bài đưa ra ở ĐTSH, hay của người chủ chốt đầu đàn, ông BT, trong khả năng thực hiện một tác phẩm sử học (VNTCX) không được vừa tầm với mong ước của ông khi chỉ trích người khác.

Vậy thì quả đúng là có chuyện giành giật. Một tác giả tranh luận đã dùng chữ “Thế lực khoa học” (ĐTSH, tr. 352) để chỉ thẳng vào địch thủ. “Thế lực” đó được nêu rõ, không giấu giếm gì: các ông Phan Huy Lê (người chấp bút *Lịch sử Việt Nam* tập I của Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, tác giả một phần của *Lịch sử Việt Nam* tập I [rắc rối quá!]) khác, chủ chốt trong sự kiện “bản Chính Hoà”, Hội trưởng ? Hội văn hoá ? Việt Nhật với giải thưởng khá bộn tiền theo tin tức trên báo hải ngoại), Trần Quốc Vượng (nhiều năm đi tham dự hội nghị sử học Úc, Mỹ), Hà Văn Tấn (được coi là nhà khảo cổ có uy tín), Phan Đại Doãn (coi như người ăn-theo?)... Ông BT chê trách các “cách nghiên cứu áp đặt... thiếu cả tự do dân chủ... do sự bao sân của một vài người được gọi là có quyền uy!” Có “sự phớt lờ của các phía hữu quan... sự răn đe áp đặt này khác... sự chụp mũ...” (ĐTSH, tr. 422-423). Cho nên thật có nhiều chòng chéo phức tạp bên trong “đối thoại”: Cũng phải có những luận cứ đánh vào các sơ hở, các yếu kém có thật của đối phương, phải viện dẫn đến chính thống, ngược lại, không từ luôn việc sử dụng những nguyên tắc khoa học, đạo lí khác đề lên cả sự chính thống kia. Và bất chợt, đẩy đối phương đứng về phía lợi dụng Mở cửa (khiến cho người đọc phải đặt câu hỏi về sự ra đời của ĐTSH). Nghĩa là đòn nào cũng có đủ, theo chiến thuật ưu việt, từng đạt hiệu quả: “Cứu cánh biện minh cho

phương tiện.” Chỉ có điều là rốt lại sự việc giống như của bầy cua bỏ trong giỏ, que càng cứ quắp vào nhau, loay hoay vụn vẹo, bực mình, rộn người.

Do tính cách chống đối đó mà người đọc có thể chọn lựa trong ĐTSH phần hợp ý của mình. Có thể viện dẫn khoa học bình thường mà chống lời buộc tội trò đánh thầy. Có thể theo sử gia quan chức - uy tín nhỏ chê quan chức uy tín lớn là làm việc của cán bộ tuyên truyền. Có thể chê giáo dục lịch sử hiện tại nói toàn chuyện chiến tranh. (Nhưng không có cái tiền đề nhấn mạnh đó thì làm sao đề cao chiến thắng “đánh cho Mĩ cút, nguy nhào” – từ đó đẻ ra chuyện Đô đốc Giản khoác áo Đô đốc Đông thay thế Đô đốc Long trong nhà Bảo tàng Bình Định, dấu hiệu của một tình trạng “thực dân văn hoá khu vực” từ sau 1975 – thời điểm chiến thắng làm cơ sở cho quyền lực mà những người dù chống hay theo trong “đối thoại” cũng phải bám chắc không rời?) Cũng có thể trích một câu trong đà hăng say của người viết khi làm việc công kích, đại loại: “Không thể tân trang tương lai xã hội trong lòng kính của các tư tưởng mục nát” (BT) để cho rằng ĐTSH là bước đầu cho việc đặt lại vấn đề nghiên cứu sử, viết sử và dạy sử, là chứa đựng một tinh thần cách mạng trong lãnh vực sử học ở Việt Nam ngày nay. Tuy nhiên khi đọc kĩ cuốn ĐTSH và kết quả chuyển từ lí thuyết sang thực hành của nó, quyển VNTCX, người ta lại cứ muốn như bà già thành La Mã xưa “cầu cho bạo chúa (Neron) sống lâu”.

Trước hết phải nói đến mặt yếu kém hình thức (từ đó dẫn đến nội dung) không thể tha thứ được của các luận văn. *Bài viết chưa được hoàn chỉnh đã cho ra đời.* Chúng tôi chưa nói đến những tiêu chuẩn chú thích của việc nghiên cứu chẳng hạn. (Có ai muốn nhức đầu vì tác giả khoe kiến thức thì mò tìm các chú thích ở VNTCX, hay lấy ra ví dụ ở tr. 82, 88, 115... của ĐTSH.) Bài in được ghi rõ là do tác giả (hay các tác giả) xem lại, đã có những lỗi không phải do in ấn mà ta cho rằng tác giả đã để sơ sót. Kì quái nhất là các dấu chấm hỏi. Hà Nội? Tác giả đâu có chỉ nghe đến tên sách rồi viết bừa (hay dùng sách chợ trời mất bìa còn ruột) mà không biết sách xuất bản ở đâu, hay ví dụ không

thể kiểm tra lại năm xuất bản (nếu đó là năm) của sách ở Hà Nội? Dấu chấm hỏi thường đặt ở những câu không thể nào là nghi vấn được. Không thể nghi tặc là tác giả không biết viết một câu văn. (Tuy cũng có những câu khiến người ta phải nghi như vậy.) Chỉ nên nghi rằng tác giả đưa ra một ý kiến, một kết luận mà còn nghi ngại rồi cứ để đó cho ra sách. Quyển ĐTSH, và VNTCX, đầy dẫy những chấm hỏi như vậy khiến người ta càng nghi rằng tác giả sau khi công kích người khác, muốn đưa ra kiến giải mới, dựa vào hiểu biết tưởng là sâu về một lý thuyết (sẽ nói sau) đến lúc đem vào áp dụng, thấy phân vân (cũng là một sự trung thực bên trong đáng khen), liền đặt dấu chấm hỏi... và quên luôn! Đó là do tình trạng khả năng chưa tới mà muốn làm “lớn chuyện” rồi đâm ra lúng túng. Gặp một quyển sách như vậy không thể có can đảm đọc tiếp được. Huống chi bên trong nội dung đầy quả đoán, đầy mâu thuẫn (cả với chủ trương của chính tác giả) chỉ có thể hiểu được khi cho rằng tác giả muốn “nói lấy được”, muốn nói gì thì nói. Nhưng người viết những dòng này vốn có những ngày weekend không đủ kiên nhẫn đi câu cá, còn dành sức lực đi làm, lại nhân dịp thiên hạ ồn ào “đối thoại”, lờ đi rồi nên phải làm-tới để suy nghĩ thêm về tình trạng sử học trong nước, về một ngành mình muốn dần thân mà có lúc lửng lơ thành người ngoại cuộc – và từ đó, thành người ngoại quốc! Thôi thì cứ bàn một vài điểm chính, nói về ông Bùi Thiết mà không phải chỉ ông Bùi Thiết.

Về tính mác-xít phục hồi quật khởi

Nếu là người “bên trong” thì phải nói đến tính giai cấp, tính Đảng trong việc nghiên cứu sử học. Như ông Viện trưởng Viện sử học Văn Tạo (còn tại chức không?) tuyên bố trong một hội nghị quốc tế năm 1988: “Chúng tôi không viết sử để làm công trình sử học mà là để góp phần xây dựng chế độ mới.” Câu nói nằm trong thời gian hồ hởi mở cửa hân hoan, chưa trối lại. Cho nên không lấy làm lạ khi năm 2000, ông Bùi Thiết, mở đầu thiên niên kỷ mới, nhất quyết viết sử Việt Nam theo lời dạy của Mác, Ăngghen, Lênin (không nói tới Stalin với quyển *Duy vật biện chứng và duy vật lịch sử*, sách gối đầu giường một thời của

nhà sử học mácxít!)

Bìa 4 của quyển VNTCX cho đoán hiểu một chút về thái độ của ông. Ông từ cái nôi xô viết của nước Việt, tiếp nối thành phần Tam phủ ngày xưa (như có người nói lên về vai trò những đồng hương của ông bây giờ). Ông sinh năm 1944, tốt nghiệp Đại học 1965, nghĩa là học tập nhuần nhuyễn trong lòng chế độ mới, có thể tự phụ là hiểu biết về mácxít, tinh hoa của loài người, hơn những người ông công kích, thuộc lớp lớn, tuy có vai vế chỉ vì đi trước nhưng “có những hạn chế về trình độ lí luận, về khả năng của khái quát và xử lí thông tin” (ĐTSH, tr. 111), không được hiểu thấu lí thuyết bằng ông. Sự tự phụ về kiến thức chính thống tỏ rõ trong những bài và phần bài bàn về chế độ nô lệ, phương thức sản xuất châu Á, không phải chỉ như một tranh cãi về phương pháp luận đem áp dụng vào thực tiễn cụ thể là Việt Nam mà là một dịp để trở tài uyên bác. Không chỉ coi là một đệ tử bình thường của Marx, Engels, ông còn muốn chứng tỏ là một đệ tử xuất sắc nữa khi ông vạch ra được “một chân lí mà lâu nay chưa được làm sáng tỏ, chưa được nhận thức đúng mức trong các giáo khoa thư về chủ nghĩa Mác” (ĐTSH, tr.33).

Với ông, không thể bài bác việc ông dẫn chứng Marx hay Engels trong sử học. Với ông, không thể như những tên “phản động”, “xét lại” chê Marx là người của thế kỉ XIX, đầy tinh thần “quy về châu Âu”, ví dụ như khi đặt “phương thức sản xuất châu Á” trước cả thời cổ đại – thời có chế độ chiếm hữu nô lệ – ngang tầm với chế độ cộng sản nguyên thủy, theo ông hiểu. Không thể hỏi ông, cũng như hỏi những người sống chung với ông, rằng “tác phẩm vĩ đại” *Nguồn gốc của gia đình...* (1884) của Engels là dựa trên nghiên cứu của L. H. Morgan: *Xã hội cổ đại* (1877) theo tinh thần “đơn tuyến” mà ông chỉ trích, vậy chẳng lẽ từ bấy đến nay khoa nhân chủng, dân tộc học không có tiến bộ nào khác sao? Không thể chỉ cho ông thấy sự trung thành ngây dại khi ông trích dẫn Engels: “Sắt là thứ nguyên liệu cuối cùng – cho đến khi khoai tây xuất hiện – và là thứ nguyên liệu quan trọng nhất cuối cùng của các nguyên liệu đóng một vai trò cách mạng trong lịch sử” (ĐTSH, tr.21). Câu trích, lấy của Engels đã lạc lõng, ngớ

ngắn như thế mà giá như ông BT khôn ngoan lược đi phần chúng tôi nhấn mạnh thì chứng tỏ ông còn chút thông minh, không bị sự tự phụ mù quáng che lấp, coi ai không ra gì cả. Nhưng ông vẫn trung kiên bám vào Engels, Morgan, thấy không cần thay đổi gì hết. Bởi vì, với ông, “những nghiên cứu và khái quát của (Mác, Ăngghen, Lênin) về chế độ chiếm hữu nô lệ, cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị và có tính định hướng rõ ràng, nhiều phát hiện tư liệu mới trong vòng một thế kỉ qua càng làm sáng tỏ thêm những tư tưởng đó.” (ĐTSH, tr. 27) Có thể thấy trong sách của ông những lời tán tụng về Marx... không còn có thể dùng những từ ngữ nào khác hơn được. Khi công kích bộ sách *Lịch sử Việt Nam I* của tập thể tác giả Phan Huy Lê, Hà Văn Tấn, Trần Quốc Vượng, Lương Ninh (phân biệt với LSVN tập I của Ủy ban Khoa học xã hội, nhưng ông cũng có vài dòng xen vào), ông đóng vai trò đại diện đích truyền của Marx, “đã chỉ ra rằng” phải hiểu đúng trật tự phân kì lịch sử xã hội loài người của Marx, bởi vì “trong điều kiện hiện nay, *chưa cho phép ai hiểu khác trật tự đó, nếu cố tình hiểu sai là phản lại Mác..!*” (ĐTSH, tr. 112, chúng tôi nhấn mạnh, mà tưởng như còn vọng lên lời ông Phạm Huy Thông đâu đây.) Phải biết sợ ông, bởi vì ông cảnh cáo “không riêng gì các nhà sử học” đâu! Chỉ tiếc rằng khi đem lí thuyết áp dụng vào lịch sử cụ thể, ví dụ trong VNTCX, thì ông nói lung tung, chữ ba-hoa nhiều hơn sự kiện, từ ngữ không chọn lựa, nghe có lúc vẫn như bài diễn văn của ông Trường Chinh, Lê Duẩn gì đó, và viết câu sau quên mất những gì ông đã viết ở câu trước, nơi khác!

Cũng không nên đổ tội oan cho ông BT. Cái lối viết chính-trị-sử là ưu thế của các sử gia mácxít. Ở cái xứ từng là thành đồng của chủ nghĩa xã hội, được xưng tụng là Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, người ta viết lịch sử nước Pháp như là của đảng Cộng sản Pháp anh em, với ông lãnh tụ M. Thorez trốn quân dịch vì nghe theo chỉ thị của Đệ tam Quốc tế chống “chiến tranh giữa bọn tư bản với nhau” trong lúc Stalin kí hiệp ước bất tương xâm với Đức Quốc xã. Với sử gia mácxít Việt Nam thì càng dữ dằn hơn vì đậm thêm tính yêu nước nồng nàn. Sau 4-1975, một câu

bé trung học Sài Gòn đã làm bài thi tán dương anh Nguyễn Văn Trỗi đặt bom định giết tên Mác Lênin, và bị cấm thi ba năm sau khi thoát được đề nghị của những bậc tôn sư đòi bỏ tù tên môn sinh phản động. Một cô sinh viên lại ca tụng đồng chí Nguyễn Cao Kỳ dám làm cách mạng. Chúng tôi đã nghe được bài của một sinh viên khoa sử viết đầy tinh thần yêu nước chống chủ nghĩa đế quốc thực dân loạn xạ ngẫu như thế. Thành quả của các thầy giáo “yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội” từ các trường đại học Hà Nội, Vinh đem chân lí vào để xoá tan đầu óc bọn trẻ Miền Nam nhiễm đầy nọc độc văn hoá nô dịch của Mỹ nguy đấy! Kết quả sau 25 năm cũng có chiều hướng tích cực vì mới đây một cậu bé theo gia đình sang Mỹ đã hỏi người lớn: “Chú ơi chú, có phải hồi trước nếu Mỹ thắng thì nó lấy hết nước mình rồi, phải không chú?” Cậu bé đã ra đi, nhưng bạn bè ở lại sẽ có thể học bài của nhà Văn hoá học Trần Ngọc Thêm để ba hoa rằng Đông Nam Á là một trong những cái nôi hình thành loài người, một trung tâm văn hoá lớn ngay từ thời cổ đại, trong đó Việt Nam là “nơi hội tụ ở mức độ đầy đủ nhất mọi đặc trưng của văn hoá khu vực”, mà tinh hoa cuối cùng sẽ loạn xạ dồn vào một người: Bác Hồ, “người tích hợp các giá trị văn hoá Đông Tây với tinh hoa của chủ nghĩa Mác”. (Marx đứng chỗ nào trong khu vực Đông, Tây?) “Chính vì đặt nước lên trên mà một người dòng dõi Nho gia như Hồ Chí Minh dám đi ngược lại giáo huấn của Nho giáo... [d]ám không lập gia đình (theo Nho giáo thì Bất hiếu hữu tam vô hậu vi đại... *không có con nối dõi* là tội nặng nhất).” Sinh viên khoa Văn, Sử gì đó của ông thầy giảng dạy tại “trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh... kiêm Trưởng khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Đông phương trường Đại học Ngoại ngữ – Tin học TP. Hồ Chí Minh”, chắc rồi lúc ra đời cũng sẽ bắt chước tôn sư núp bóng quyền lực chính trị, *muốn nói gì thì nói*, không cần sự kiện, sự thật! (Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, Bộ Giáo dục xuất bản 1998, 334 trang. Sách được in 5 lần qua 4 cơ sở xuất bản khác nhau, thuộc các Đại học và Bộ Giáo dục.)

Thật ra không phải những người ông BT phản đối đã “phản

lại Mác” như ông buộc tội. Với người đứng ngoài, tình trạng xung đột đó cũng chỉ là hiện tượng thắng trầm chính trị trong chế độ cộng sản (hay dùng chữ “xã hội chủ nghĩa” cho người ta bằng lòng) qua những lúc người ta tố cáo nhau “tả”, “hữu”, “xét lại” theo tình hình thuận tiện để diệt trừ nhau mà thôi. Chúng tôi chỉ thấy bản LSVN tập I 1977, nhưng một anh bạn nhà giáo đã thấy ấn bản 1971, trong đó có câu của Thủ tướng Phạm Văn Đồng nhấn nhủ các sử gia: (đại khái) “Các đồng chí phải nặn óc tìm cho ra chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam.” Câu này đã được bỏ đi trong bản in năm 1977. Năm này không phải là năm mất uy thế của anh/bác/dồng chí Tố để Ủy ban KHXHVN dám bỏ câu của Thủ tướng. Việc xác định có hay không chế độ CHNL ở Việt Nam theo cách hiểu tính chất “gia trưởng” hay “điển hình”, chỉ mang tính cách chi tiết để giành quyền chính thống chứ không biến các tác giả LSVN (ở cả hai quyển khác nhau) thành người không-mácxít, phản-mácxít chút nào! Chính vì tự nhận là người bảo vệ *đạo lý* chính thống, nên ông BT đã nói đến các “sai lầm” của các tác giả kia với giọng *dạy dỗ* rõ rệt. Và lạ lùng đối với dân chúng cùng trí thức Miền Nam là những lời dạy nghiêng hách dịch ấy lại được khai mào và đóng kết bằng những câu rào đón nhũn nhặn khiêm cung, một cung cách sinh hoạt giả dối rồi sẽ trở thành thống nhất quen thuộc trên toàn quốc sau 4-1975.

Vấn đề đặt ra là tại sao ông BT lại nổi lên như người mácxít chính thống dữ dằn như vậy? Ngoài nguyên nhân ở tính chất cá nhân muốn chơi trội, ngoài ý muốn tranh giành, chèn lấn, còn có lí do nào khác không? BT cho mình là người có bốn phận phải chấn chỉnh sự lệch hướng vì “thời gian gần đây, cùng với không khí đổi mới, nhân học thuật có rộng hơn...” (ĐTSII, tr. 464) đã phát sinh nhiều sai sót trong nhận định về nhân vật lịch sử. Nên chú ý, đây là bài ông phản kháng một nhận định “bịa đặt” của Phan Huy Lê, Phan Đãi (sic) Doãn, tác giả sách *Khởi nghĩa Lam Sơn* viết từ 30 năm trước! Vậy thì sự bất mãn của ông về “không khí đổi mới” (nếu có) trong sử học Việt Nam có thể cũng đến từ những sự kiện và nguyên nhân khác. Đó là ý thức bảo vệ nền chính thống mácxít trong hồi nó lung lay (tuy chính quyền vẫn

còn vững.) Đó là công tác có thể do ông tự đảm nhận không cần ai xúi bẩy, công tác trong lãnh vực sử học, tương tự như những người viết “văn” trên tờ *Văn nghệ* trung ương (dịch bài) tán tụng thiên tài của Thống chế Stalin, nuối tiếc quá khứ Xô-viết, khẳng định “không ai có thể thủ tiêu trí tuệ (CS) được.” Đó là những loạt bài “lịch sử” về đánh cho Mĩ cút nguy nhào của một chức sắc hội Nhà báo (nơi mà Thông tin là căn bản) có bằng chứng Tướng Ngô Quang Trưởng gọi ông Tổng lãnh sự Mĩ ở Huế là “Ngài... ngài” ngon ơ! (Tất nhiên là hiểu chữ “ngài” nịnh bợ theo lối người ta muốn hiểu, như trong những bài báo sau tháng 4-1975, người ta cho cả lính VNCH gọi thượng sĩ là “ngài”.) Tuy nhiên lại cũng trên tờ *Văn nghệ*, có những tiếng nói lạc lõng, như riêng của ông Phan Ngọc. Ông này cho rằng thời xưa có những người được thờ cúng “bất kể thuộc thành phần gì”: “Tôi thấy những việc này không làm thiệt hại gì tới lý luận của Cách mạng, trái lại khẳng định bước đổi mới quyết định dưới chế độ XHCN, nước và Đảng, chính quyền là của dân, không phải của riêng một giai cấp nào, một tổ chức nào.” Bài viết, theo thói quen dễ hiểu, núp dưới chuyện tán tụng việc cứu trợ bão lụt 1999, với nhan đề: “Một thắng lợi lớn sau tai nạn”, rõ ràng là *lợi dụng* “không khí đổi mới” để bài bác mácxít, phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng. Ông BT khi đặt bài tranh luận lý thuyết với ông PN trang trọng nơi đầu sách của ông, có vì lý do từ những bài viết “phản động” về trước của ông PN mà chúng tôi không được biết chẳng? Có thể nào tình trạng “mở cửa” chằng-dặng-dừng đã khiến cho một số người chậm lụt nhìn những kẻ nhanh chân đổi thay, cơm áo thoải mái hơn mà phát sinh nổi luyến tiếc quá khứ của một thời bao cấp bình đẳng như nhau, trong đó mình cũng có phần (khá lớn so với dân chúng), phản ứng cùng kiểu các nhà văn, sử gia Liên Xô cũ?

Nhưng vấn đề ông PN là “chuyện nhỏ”. Dịch thù của ông BT là một nhóm lớn hơn, có địa vị vững vàng hơn, càng lúc càng vững vàng hơn bởi vì đã lan ra ngoài nước. Tình thật ra, không phải người ngoại quốc có lòng ưu ái với riêng ai đâu. Trong giao tiếp của tương quan quốc gia với quốc gia, người ta chỉ nhắm

vào những khuôn mặt (hãy cứ cho là) đại diện cho quốc gia mà thôi. Mấy cái anh lèo tèo bên dưới muốn ngoi lên phải có cố gắng vượt bậc, chữ nghĩa đàng hoàng, hơn cả những người dương chức, mới được người ta chú ý tới – mà có khi đến chết cũng không đạt được kết quả. Có không bằng lòng thì đành chịu, thường thì vẫn phải nên chấp nhận luật chơi đó của con người. Vậy thì phải bằng lòng với việc ông Phan Huy Lê có địa vị trong hội Việt Nhật, ông Hà Văn Tấn có uy tín ở Pháp, ông Trần Quốc Vượng đi lung tung ở Mỹ. Những người này trong giao tiếp với bên ngoài có “lợi dụng sơ hở của Đổi mới” để viết lách, tuyên bố những gì “phản mácxít” khiến ông BT nổi giận không? Trong tình hình hiểu biết hiện tại, chúng tôi chỉ nghe được chuyện ông Trần Quốc Vượng ở Mỹ vung vẩy về “Bác Hồ” và lúc xuống phi trường Nội Bài bị anh công an trẻ đòi xem tướng tay, báo cho biết cái “hạn” sắp đến mà thôi. Và đây là phần phỏng đoán: Ông Hà Văn Tấn khi viết về khảo cổ học chắc chỉ lo lượm xương, gom gổm... và suy luận từ các chứng cứ đó chứ không lấy đó để chứng minh sự đúng đắn của các luận điểm của Marx, Engels về tình trạng quần hôn, hợp hôn, tính chất giai cấp... gì gì! Viết ở trong nước, nói về “nội dung chủ đạo của lịch sử mácxít, được các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác đặt nền móng vững chãi và cho đến nay chưa có sự phủ định đối với nó”, như ông BT dạy, viết như thế cho Đảng và Nhà nước bằng lòng, chứ đem ra ngoại quốc, Tây với Mỹ nó vứt vào sọt rác! Cho nên ông BT không bằng lòng. Lúc loạn li mới biết đến trung thần hiếu tử. Tính chất “đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu” hiện ra rõ rệt khi cuốn sách và ông BT được nồng nhiệt ca tụng hết mình trên tờ *Tiền Phong*, cơ quan trung ương của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, những người nắm vận mệnh tương lai Việt Nam nếu đất nước vẫn còn tiến triển theo đà ì ạch xốc tới hiện nay.

Về tính yêu nước nồng nhiệt và tính trung thực khoa học làng nhàng

Bước ra khỏi lãnh vực lí thuyết khô khan, cứng nhắc, ông BT có thể tìm được quần chúng rộng rãi hơn. Đó là chuyện lịch sử quốc gia dân tộc không theo lối phân tích phương thức sản xuất

như ông đề nghị..., chỉ theo hướng chiến tranh (Hai Bà Trưng, chống Minh, Quang Trung...) mà ông cho là người ta đã nói quá nhiều. Bàn bè của ông nhiều hơn, quyển sách trở nên dày hơn, và nếu thực hiện được ý định ông tuyên bố với đài RFI thì nó còn dày hơn nữa.

Có lẽ không mong được như vậy. Trong số hàng trăm trang viết, chỉ có một bài ngắn gọn “Bàn về niên đại của bản đồ mang tên Hoài Đức phủ toàn đồ” (ít ra là theo những chứng cứ được đưa ra) là chứng tỏ ông BT biết đứng vào vị trí của một sử gia, đi theo con đường làm việc bình thường của một người nghiên cứu. Tuy kết quả còn dở dang, ý định công kích chưa mất, nhưng ông đã biết dừng lại trong khả năng của mình. Không như lúc ông “bành trướng” khả năng đó để định làm người phát hiện luận thuyết “sắt có trước đồng” trên thế giới mà mập mờ giấu giếm trong khung cảnh tiền sử Việt Nam (ĐTSH, tr. 19-22. Hay chỉ vì coi Việt Nam là trung tâm của thế giới, tinh hoa của loài người mà cái gì có thể xảy ra ở Việt Nam cũng là bắt buộc phải xảy ra trên thế giới?) Có một chút gì không bình thường trong đời sống của trí thức quốc nội. Đổ thừa tại chính trị o ép đã trở thành nhàm chán rồi. Hình như trí thức Việt Nam hơi lười biếng trong hoạt động... trí thức. Huêngh hoang cũng là một dạng khác của nó. Huêngh hoang sau khi bằng lòng với những gì có sẵn, do người khác, do tình thế đưa đến. Vì thế ông BT mới e sợ về những quyển sách đã ra đời của các tác giả ông chống đối, sẽ có ảnh hưởng nguy hại đến muôn đời con cháu mai sau. Nỗi e ngại như thế cũng có cái lí của nó xét theo tình hình đã xảy ra, đang xảy ra. Nội một chuyện nhỏ như vấn đề phiên âm danh từ riêng đầy tính chất vô lí trên phương diện nghiên cứu mà vẫn không thể nào thoát ra được. Thời bản cổ nổi ám ngàng ngạnh thì người ta cho rằng phải phiên âm cho quần chúng dễ đọc, dễ hiểu (mà có thật như vậy không?) Rồi viện dẫn tinh thần yêu nước để Việt Nam hoá chúng, theo một chân lí đúng đắn là quần chúng vốn đầy lòng yêu nước, vì chứng cứ là có những nhà trí thức nào đó xa quê hương, sống ở Âu Mỹ bao nhiêu năm khi viết tiếng Việt vẫn phiên âm các danh từ riêng ấy! Việt Nam hoá kiến thức,

một thời theo kiểu học bài tiếng Anh về sự cần kiệm của Bác Hồ, về tinh thần yêu nước chống Mĩ, bắt tiếng Anh trở thành tiếng Việt, “Tây” không hiểu đã đành mà học xong cũng không biết để làm gì! Sự thật thì đó là những biện minh cho tính lười biếng trí thức, bằng lòng (và bắt người khác bằng lòng) với cảnh gà què ăn quần cối xay trong lúc cái cối xay đã sắp phải bỏ viện Bảo tàng dân tộc học để đi vào viện Bảo tàng lịch sử rồi. Phiên âm là một cách (tự) chặn đứng cửa ngõ giao tiếp với bên ngoài; người viết bằng lòng với những gì sao chép lại, người đọc không thể kiểm tra xem người viết nói có đúng không, không những người mù chữ vốn đã nhiều mà người có chữ cũng trở thành mù chữ và thế là xảy ra tình trạng bịa chữ, bịa người để hù nhát kẻ khác về kiến thức! Ôi, yêu nước, trăm sự chỉ vì mi!

Chuyện yêu nước thì nói mãi vẫn không ai dám nói chán. Người ta phải nói đến cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng “làm tan vỡ ... âm mưu bành trướng” (như rơi rớt của một thời thù địch mới đây); phải phân biệt bạn thù, chỉ đích danh những tên bán nước không cho chúng lộn sòng đòi chia phần thắng lợi; phải nói đến thiên tài quân sự của Quang Trung át hẳn các tướng lĩnh từ xưa đến nay... Phải dè chừng “chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi và tinh thần sô vanh dân tộc” (ĐTSH, tr. 95) cho nên phải vợ dân nước Chân Lạp tham gia vào “sự nghiệp bảo vệ đất nước” (Việt Nam) của Nguyễn Huệ (ĐTSH, tr. 377.) Muốn đi đúng tinh thần quốc tế vô sản, tránh tiếng “bành trướng lãnh thổ” (ĐTSH, tr.97) thì phải đem các tập hợp phía Nam vào lịch sử Việt – cho ngồi ở đâu, được phép hưởng những gì lại là chuyện hậu xét.

Nhưng đi vào một lãnh vực càng rộng thì không những phe ta nhiều hơn mà phe địch cũng có cơ hội nhiều hơn. Trừ phi ta viện dẫn đến một thế lực khác.

Phải có tinh thần khoa học nên bác bỏ thời đại mở đầu Hùng Vương 4000 năm tính đến nay. (Bộ quên đó là con số tính gọn theo Ngô Sĩ Liên 1479 sao?) Kể ra thì cũng ngỡ ngẩn khi chuyện đó đưa vào sách của các sử gia danh tiếng đại diện cho quốc gia thời đánh thắng bao đế quốc sừng sỏ, nhưng cũng có thể tha thứ được khi thấy năm 1986 ông Thủ tướng Nhật lại nói chuyện con

cháu Thái Dương Thần nữ làm thiên hạ ó ré om sòm. Theo *Việt sử lược* thì có vẻ hợp lí hơn, nhưng ví dụ ở Nhật, ông thủ tướng chỉ để truyền thống bất chợt nổi dậy trong một cơn hứng khởi chính trị, còn ở Việt Nam thì chính trị dè các nhà khoa học đến nghệt thở, cũng nên thông cảm cho người ta ráng ú ớ vài tiếng mà sống với đời. Cái “truyền thống” nó dai dẳng lắm. Hồi chưa nói chuyện “khoa học” thì Hùng Vương 4000 năm là chỗ bám víu, hồi có “khoa học” thì Hùng Vương 2500/2600 năm gì đấy, nhưng để bù lại thiệt thòi thì phải cho Hùng Vương nhất định có chữ viết (dựa trên sự phát hiện chữ viết “có thể đã xuất hiện cùng với văn hoá khảo cổ học Gò Mun” của ông bạn Lê Trọng Khánh), chắc là để ông vua ra đạo Dụ với dân chúng Lạc Hồng. Một ông vua Hùng không thể sống đến 130 năm thì phải rồi, nhưng bù lại “theo căn cứ các tài liệu nhân học” Thẩm Khuyên, Thẩm Ồm gì đấy (chừng chừng ngang với thời đại đá cũ núi Đọ bị nồng nhiệt bác bỏ) thì dân Việt phải trường tồn liên tục đến 300 000 năm! Lỡ đại đột như ông Y. Tsuboi nói “người Việt từ Nam Trung Hoa đến Bắc Bộ khoảng 200 tr.C.n.” thì bị ông BT nổi máu yêu nước đòi xét lại giá trị văn bằng tiến sĩ Paris của ông tùy viên văn hoá Toà Đại sứ Nhật ở Hà Nội (chắc nay đã bị ông BT đuổi đi rồi.) (VNTCX, tr. 144. chú 17). Nhiệt tình dâng cao làm ông BT không thấy đó chỉ là câu đoạn trong một thèse nói về một thời đại khác, bàn về vấn đề khác chuyện nguồn gốc dân tộc vốn chỉ có các sử gia Việt Nam (gồm ông BT) mới coi là đã giải quyết xong, thuộc loại “không cho phép ai lấy danh nghĩa khoa học mà phát ngôn tùy tiện” (Phạm Huy Thông). Ngoài các Tuyển tập, Toàn tập... ông BT không đọc lịch sử thế giới để thấy chuyện các tập hợp dân tộc di chuyển trên các lục địa là thường tình, không thấy rằng tính cách bản địa, nếu vẫn tồn tại vì tính chất cô lập thì đó là bằng chứng của sự ngu dốt, lạc hậu không chối cãi được. Còn nói dân Việt (?) Thẩm Khuyên Thẩm Ồm (chỉ còn lưu lại hai ba cái răng khô gì đó) đã có từ trong gene tính chất tự phát triển, tự thích ứng siêu việt thì điều đó ngày nay hình như chưa chứng minh được, nói gì đến ông Mác!

Phải như dừng “lên gân” yêu nước thì khỏi phải có mặc cảm

để đặt ra nhiều vấn đề giả trá rồi quanh quẩn bào chữa, biện minh. Cứ theo tinh thần sử học bình thường, nhìn sự kiện như nó đã xảy ra thì hiện tượng Nam tiến không thể là điều chối bỏ, không phải là viết lịch sử theo vương triều phong kiến, theo tính cách “đơn tuyến” để đề nghị lối “đa tuyến” rồi giật mình phân trần không phải nói chuyện “đa nguyên”, theo thói quen sợ mất lập trường, sợ đến cả gió thổi, lá rơi biết đâu lại có bóng công an trong đó! (Nếu muốn ra ngoài lãnh vực khoa học, đi vào đời sống, tìm bài học lịch sử cho tương lai theo hướng nhân bản, văn minh thì trong quá khứ đã “bành trướng”, về sau chớ bành trướng nữa, mình muốn sống được hãy để kẻ khác sống với! Chớ bắt chước ông Trần Ngọc Thêm khẳng định rằng Việt đánh Chăm chỉ là bất đắc dĩ phải tự vệ! Phủ nhận sự bành trướng trong quá khứ là chuẩn bị cho những bành trướng trong tương lai mà tiêu chuẩn cao với lúc nào cũng có sẵn để đưa ra, ví dụ trong thời gian gần đây là “làm nhiệm vụ quốc tế”. Và chớ tưởng rằng tính chất lấn lướt lúc nào cũng biểu lộ rõ rệt để cần đến biện minh. Có khi nó nằm trong tiềm thức được chấp nhận, đem ra xử trí đối với cả người trong nước như vụ thay thế Đô đốc Long bằng Đô đốc Giản/Đông mà chính những người phản đối cũng không nhận ra.)

Đề nghị về một quyển sử Việt viết luôn cả lịch sử các dân tộc ít người, lịch sử Chiêm Thành, Phù Nam, có vẻ như vượt qua được “tinh thần dân tộc hẹp hòi,” sự thật lại là một cách biện minh trá hình cho sự bành trướng. Theo ông BT, người Việt cổ có mặt đến tận đèo Cả, hẳn là dựa vào một vài luận điểm cho rằng biên giới Nhật Nam choàng tận nơi đó, và điều này thì lại được các nhà khảo cổ học sau 1975 chứng minh bằng các dấu vết văn minh Đông Sơn gì đấy. (Theo kiểu chứng minh này thì dân Việt cổ đã từng có mặt ở cả Mã Lai, Nam Dương ngày nay!) Như thế thì cái nước Chiêm Thành không phải đã bị Trần, Lê, Nguyễn chiếm mà các họ này chỉ góp sức với nhân dân Chăm bị bóc lột, lật đổ bọn cầm quyền áp bức để lập nền thống-nhất-trở-về-với-dân-tộc-anh-em đấy thôi! Cái dân tộc có tiếng nói mà vùng Hà Tĩnh, quê hương ông BT, còn cố công gìn giữ được đến 80%

(ĐTSH, tr. 110) thật xứng đáng là tổ tiên còn lại của người Việt ngày nay! Còn Phù Nam, Chân Lạp? Sao hồi đó các sử quan nhà Hán không nói biên giới Nhật Nam đến đồng bằng Cửu Long thì tiện việc sổ sách biết mấy! Nhưng đã có chữ “Nam Bộ” rồi thì dùng tạm cũng được, chẳng thằng cha Norodom Ranariddh, Hun Xen nào dám hé răng. Các tác giả hai quyển LSVN nên từ bỏ thái độ lạc hậu theo vương triều, phản mácxít của mình mà đi theo đường lối tiến bộ của ông BT.

Ông BT tuy có chê người ta viết sử theo vương triều cũ nhưng cũng không thoát ngoài cách đó. Cuối sách VNTCX tr. 408-435 có bản Niên biểu lịch sử Việt Nam, về thời hiện đại chỉ rõ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam làm chính, và *phụ* là Việt Nam Cộng hoà, Cộng hoà Miền Nam Việt Nam. Hãy đọc rõ chữ “phụ” để tưởng chúng ta đang đọc *Toàn thư* trong đó có ghi các *nhuận triều*, *Phụ: Hồ Quý Li...*, *Phụ: Mạc Đăng Dung...* Tội nghiệp Mặt trận Giải phóng một thời có toà Đại sứ nhiều nơi, sống bằng tiền của Hà Nội ăn độn, nghe nói có nơi sang hơn toà Đại sứ của Bắc, thế mà thành lập “nước” để phục vụ cho đến phút chót vẫn chỉ là *phụ*, ngang hàng với bọn nguy. Thế cũng còn là may vì tuy tiếng nhỏ nhưng cũng có miếng. Còn bọn nguy có khi chỉ cần ông chủ tịch phường dán miếng giấy trước cửa là phải dọn nhà ngay. Tài sản tạm gọi là văn hoá cũng vậy: Chúng tôi có quyển sách bị chửi dài dài suốt mười năm, chỉ tạm dừng khi có khẩu hiệu “Đổi mới hay là Chết.” Nhưng bài chửi trong cuộc “hội thảo lịch sử” nào cũng có ý, chữ, cả đoạn, bài trong sách của chúng tôi, đem ra dùng làm tài liệu, dẫn chứng – không phải để phản đối. Có ông sử gia danh tiếng cả gan trích từng câu, bôi xoá rồi thay vào vài chữ làm bài của mình, đăng ở *Sài Gòn Giải phóng*, chúng tôi thấy được, phản đối ở tờ *Tuổi trẻ* thì cơ quan địa phương của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tiên tiến này im luôn. Dù gì thì cũng phải bảo vệ cho nhau chứ! Chuyện đó trong giới giang hồ gọi là “cướp giật”, nhưng sử gia chỉ thấy là chuyện-nhỏ trong một chế độ tạm gọi là “thực dân nội biên”.

Thằng nguy chỉ có quyền “nghiên cứu” dựa theo công trình

của các bậc đàn anh Miền Bắc, chờ đại đột mà vạch ra những điều sai lầm có thể làm mất mặt kẻ thắng. Một hôm đứng ngơ ngơ giữa chợ trời sách Đặng Thị Nhu (Sài Gòn) thấy được quyển *Cơ sở khảo cổ học* của nhóm ông Trần Quốc Vượng (đối thủ của ông BT, sướng nhé!) trong đó có in lại bản khuôn tiền đá tìm được ở núi Voi (Bắc Thái). Bản in trên giấy vàng lèm nhèm khó đọc nhưng ham quá, chúng tôi cũng ráng mua về lấy kính lúp lật qua lật lại soi xem những chữ gì mà các nhà khảo cứu nói là khuôn tiền Khai nguyên đời Đường. Kết quả chúng tôi thấy được chỉ có một khuôn Khai nguyên, tiền gốc là ở thế kỉ VII, còn bao nhiêu là của đời Tống thế kỉ XI! Thấy có một tên nguy cũng được mời tham gia vào hội thảo lịch sử Hoa Lư 1982, sách đăng 1984, chúng tôi định núp bóng ăn theo, liền gửi bài của mình cho tờ *Khảo cổ học*, và nó mất tiêu! Chuyện khuôn tiền đá được coi là phát hiện quan trọng làm bằng cứ lịch sử cho một nhận định tình hình thời Bắc thuộc trong quyển *Lịch sử Việt Nam* tập I (1971) nghe nói người chấp bút được Thủ tướng Phạm Văn Đồng thưởng cho hai kí đường, và sách được Nhân dân xuất bản xã Bắc Kinh in bản dịch chữ Hán (1977). Phát hiện khuôn tiền đá đời Đường ở Việt Nam từ sách trên được người anh em thông báo nhau thành một tin tức nhỏ đăng trên tờ *Hiệp Tây kim dung* (Trung Quốc), vào mắt ông F. Thierry, nhà cổ tiền học của Pháp, thế là bay khắp nơi. Cho đến năm 1997, khi bài viết chúng tôi ra đời trong quyển *Những bài dã sử Việt* (Thanh văn, California 1996), ông F. Thierry mới giật mình: Người ta không cho biết khuôn tiền ấy có đến 8 lỗ và họ chỉ đọc được có một lỗ Khai nguyên rồi mà-mắt thiên hạ, kết luận ngay đó là khuôn tiền đời Đường đã phát hiện trên đất Việt. (Bài thông báo đính chính của ông F. Thierry đăng trong *Bulletin de la Société française de numismatique*, No 3, Mars 1997, pp. 40-41). Không phải bày trò kiêu ngạo, nhưng là người bình thường thì không ai chịu làm dân Việt Nam hạng nhì cả, thành thử cái trò *Phụ* của ông BT không thể chấp nhận được. Thà cứ để cho đảng Cộng sản coi VNCH như không có trên đời này còn đỡ có vẻ giả dối hơn.

Thật ra thì có một cách viết sử Việt Nam bao gồm Chiêm

Thành, Phù Nam – Chân Lạp (nói chung chung cho gọn) mà không phải mặc cảm gì hết. Chúng tôi đã phác hoạ lối viết như thế trong một bài năm 1964 đăng trên *Tập san Sử Địa* (Sài Gòn, quên mất số, năm). Bài viết của anh học trò mới ra trường một hai năm, suy nghĩ từ trong quân trường Thủ Đức, hình như nói loạn xà ngầu, nhưng dựa trên ý tưởng căn bản này: *Sử một nước phải nói về quá khứ của các tập đoàn người từng sống trên đất nước ấy; người thắng nói thay cho kẻ bại, người sống nói thay cho người chết.* Chẳng mắc cỡ, bào chữa gì hết! Ngày tháng phôi pha, thôi thì cứ coi như đó là cái ngông của một thời thanh niên, nhân có người đưa ra vấn đề mà hình như không thấy ra sự gian dối che giấu dưới vỏ bọc nhân bản văn minh thì cũng ngửa miệng tự phô mà thôi.

Tính cách bao chiếm coi như dương nhiên đó cũng lộ ra khi tranh cãi về các nhân vật lịch sử. Ở đây là trường hợp của Phan Liêu. Ông BT chụp mũ trật hai ông Phan Huy Lê và Phan Đại Doãn khi mở đầu bài công kích hai ông này với sự lợi dụng “nhân Đối mới”. Đó là chuyện hai ông Phan “bịa đặt” tính yêu nước của nhân vật Phan Liêu mà ông BT cho là một kẻ “phản dân phản nước đáng bị trừng trị và bị muôn đời sau lên án.” (Cụ Hồ dặn “trong thơ phải có thép” là để dạy thi sĩ kia, sử gia sao lại lật đặt nháy vô lãnh gươm làm đao phủ, còn trách gì sách sử chỉ dạy về chiến tranh chém giết mà thôi?)

Thực ra phe bên phe chống đều trật chìa hết! Ông Phan Liêu nằm trong mớ nghe những danh tài của nước Việt bàn tán đến mình, chửi lộn vì mình, liền nháy nhồm la lên: (tạm dịch, không biết có trúng không) “Ơ kìa, tui là người của thế kỉ XV, sao lại bắt tui trung thành với nước Việt của thế kỉ XX? Mà phải là yêu nước theo phe của các ông, phải yêu cùng với chủ nghĩa xã hội tan tành, mới được cơ! Các ông có tài [B]út tre, bút máy, gõ còmputơ mới làm được như vậy, chớ còn tui thì xin chịu! Các ông có viện dẫn đến “nhà văn hoá lớn” mê Thái hậu Dương Vân Nga cải lương là Đặng Thai Mai, hay theo cụ Thánh Hoàng Xuân Hãn mà các ông kiểm duyệt đục bỏ, thì cũng vậy thôi! Tui là “thổ quan” mọi rợ, không có gia phả để lại những đoán chừng

họ Phan của tui gốc là “phiên” đó! Cũng giống như quan của tổ các ông vào Trà Vinh, Sóc Trăng kêu lên tên người Miên: danh (tên) Sót, danh (tên) Bên... rồi người Việt (mới) có thêm một cái họ Danh nữa. Vậy thì nhắc lại: Thời tui sống khác hẳn như các ông đã tận lực suy nghĩ, vắt óc viết lách và gán cho sự việc rắc rối từ những sự kiện rất giản dị. Hãy đọc kĩ, và *thông minh*, cuốn sách sử độc nhất mà các ông đang cãi nhau chí choé Nội các hay Quốc tử giám gì đó. Sách nói ở thế kỉ X, Lê Hoàn giết dân Hoan, Ái không biết bao nhiêu là kẻ, hẳn là dân đồng bằng, cụ tổ của họ Phan Huy và ông BT (cho rằng họ đã hiện diện vào thời ấy rồi). Một ông Nùng Tôn Đản hứa theo Lí đánh Tống rồi trở cờ theo Tống (cứ hỏi cụ Hoàng Xuân Hãn thì biết), có gì khác với tui mà các ông đặt tên đường để lưu lại cho đời sau đặc trưng chế độ ưu việt ngày nay trong cái “sổ Tôn Đản”? Trong đời Trần mà cha ông tui thân phục thì vẫn còn có sự phân biệt Kinh, Trại (bao gồm vùng cha tui và tui cai trị). Bọn tui là thủ lĩnh một phương, đầu phục họ Trần ở Thăng Long là đi theo một thế lực mạnh mà cũng là theo cách “đôi bên cùng có lợi”: Trần có người giữ yên một phương thu thuế má cho đầy *kho của họ*, bắt lính để bảo vệ *nước của họ*, còn bọn tui thì lấn xuống đồng bằng, cũng kiếm được chút cháo, chớ có vì tổ quốc tổ cò gì đâu! Cho nên thế lực Minh thay họ Trần thì tui theo Minh, nào có phản bội ai? Bọn Minh tham quá lấy vàng bạc của tui thì tui đánh nó, có lúc nào tui nói vì nghĩa lớn đâu mà chê trách tui, chửi bới mạnh bạo vì biết mình không bị trừng trị ‘[S]ự nổi loạn của Liêu là hành vi bản thủ đòi chia chác với kẻ xâm lược, bọn chó săn vẫn là chó săn làm sao có thể tranh ăn phần hơn với ông chủ sai khiến mình’? Là mọi rợ, nhưng bị áp bức còn biết chống đối (dù là cho bản thân) còn hơn các ông bị mắng chửi mà cứ cúi đầu ca tụng, che dấy sự hèn nhát của mình bằng ‘nghĩa lớn!’ Về phần Nguyễn Biểu, hẳn thuộc phe đối địch của tui, không giết thì có dịp hẳn cũng giết tui, cứ coi cách hắn ăn thịt người không gớm tay thì biết. Các ông là người của thế kỉ XX mà vẫn cho rằng hễ cứ viện dẫn lòng yêu nước ra là có quyền ăn thịt người thoả thích sao? Cái đầu kia là của đồng bào các ông đó! Chớ tội gì Trương Phụ

chặt đầu lính của nó để đãi khách mà hồng ăn ‘dầu người Bắc’ để so sánh với vị dầu người Nam (từng ăn)?

“Làm quan đồng bằng nên nghe chuyện kinh sử, tui cũng bắt chước than là mình chống Minh mà không gặp ‘thời’ để bây giờ các ông tranh cãi chuyện bán nước, đổi nước. Không như ông Lê Lợi của các ông. Không phải là ‘Chàng Lê kéo bữa’ (tội nghiệp!) như một bài ca của các ông đâu. Dân du canh du cư đấy, cứ đọc *Lam Sơn thực lục* cho thông minh một chút thì biết. Còn một bộ phận lớn dân ông Lê cầm gậy chọc lỗ mỗi tay. Ông vua con (Thái Tông) về ở Đông Đô còn cầm cung bắn chim. Ông vua cháu (Nhân Tông) còn chằng lưới săn trước nhà. Cung nhà Lê đầy chuyện bữa chú pháp thuật mang từ rừng chiến khu về... Chỉ thiếu có cái nhà sàn cất thêm bên cạnh dinh Đô hộ phủ cũ của Vương Thông mà thôi! Bước đầu khởi nghĩa thì cũng là tranh giành ruộng đất với xóm giềng mà bị quan Minh binh phe địch. Chính ông vua đã không nghe lời bọn tay chân nịnh hót, bỏ dở công ‘cứu dân trừ bạo’ của mình mà thành thật thú nhận rằng ‘khởi binh chỉ là sự bất đắc dĩ’. Làm chúa một vùng nên Mã Kì Trương Phụ không cất lính cầm giáo canh trước cửa nhà sàn, xẻo ngay từ lúc đầu để đến nổi vạ thành lớn và ông ta thành công! Ôi, *thời lai đồ điều thành công dị..!*

“Nói như vậy để các ông chớ lộn chuyện đời xưa đời nay. Mà dù có nhắc nhở các ông cũng không nghe đâu. Bề dày văn minh các ông không nhiều lắm nên cho dù có mang kinh sách mới ra tụng thì chữ của thánh hiền cũ vẫn cứ hiện lên như thường. Mà bởi vì thánh hiền mới cũng như cũ đều bàn chuyện xa vời to tát cho nên các đệ tử cứ muốn nói chuyện to lớn siêu việt, suy tưởng theo hướng triết lý mông lung hay theo đà thực hành hoang tưởng, dao to búa lớn. Ngay đến cả khi kéo về một vấn đề nhỏ như một chỗ lui quân chờ viện binh của chủ tướng Tây Sơn mà một người quen với ngôn từ chiến tranh, ồn ào xướng lên “phòng tuyến Tam Điệp” thì ông BT ra tài chỉ huy trên giấy, thuyết lý tràng giang đại hải như một tham mưu trưởng liên quân trong lúc chắc ông ta chỉ là một nhân viên được phát khẩu CKC canh giữ cơ sở hành chính của ông mà thôi. Ừa bàn chuyện to lớn nên

nhập cục những thời đại khác nhau, dễ dẫn đến lí sự tào lao hoặc những xác định hiển nhiên (truism). Có thể nói bài 'Bi kịch của những nhà cải cách trong lịch sử trung cận đại Việt Nam' là một minh chứng như thế, nếu không kể đó là một dịp cho ông B.T nhẩy sang địa hạt chính trị làm người dạy dỗ lãnh tụ: 'Bài học cho những nhà cải cách đương đại thật là đơn giản: Cái gì thì có thể cải cách và cái gì thì cần cách mạng? Không nên nhầm lẫn giữa hai cách làm đó!'

"Thật ra thì cái lối tán rộng nói khoác cũng là truyền thống của sử quan, trí thức phương Đông dưới áp lực của chính quyền. Như Ngô Thì Sĩ trong *Việt sử tiêu án* và *Đại Việt sử kí tiền biên*. Lưu Bang từng vạch quần đái vào mũ của nhà nho nhưng lại sử dụng Nho giáo như một phương tiện để thu phục tay chân trí thức bằng quan tước và để các ông nghe lời tâng bốc về 'kẻ sĩ', 'sĩ phu'. Nhưng nghe mãi lời tán tụng chắc cũng chán như ông vua trong chuyện Zadig (?) của Voltaire, ông Trường Chinh có lúc cũng ngượng nên nhắc nhở là chớ nhìn Đảng trong quá khứ như trong hiện tại. Nhưng lời đó chỉ làm sáng giá thêm cho lãnh tụ chứ sử gia làm sao theo cho được? Làm sao đưa vào tiểu sử ông Tổng bí thư Đỗ Mười nghề hoạn lợn, làm sao kể gốc du dương của ông Trần Quốc Hoàn, Bộ trưởng Nội vụ, Uỷ viên Bộ Chính trị? Không phải chuyện cá nhân đâu. Đó là các nhân vật lãnh đạo có ảnh hưởng trên trường chính trị một thời. Chưa kể các sự kiện lớn hơn... Sử gia XHCN có cái khuôn duy vật lịch sử đặt để sẵn, có tờ tem phiếu quơ quơ trước mặt, vô hình đâu đó mà lại hiện diện cùng khắp, có bóng công an, làm sao bây giờ? Phải giấu chuyện tờ tem phiếu, nói chuyện cao cấp về hình thái kinh tế xã hội, chuyện yêu nước cao cả cho ra vẻ trí thức đảng hoàng. Điều đó trở thành "truyền thống" khó bỏ, hoặc vướng vít dai dẳng. Chỉ vì sự phối hợp đã gặp khó khăn vô vàn: Những khái niệm mơ hồ vốn dành cho tương lai chưa chắc có, đi vào thực tế đối chọi nhau chan chát phải tùy theo lời giải thích của người có quyền tùy lúc, rồi thấy dở thọt vụng... Sử gia đem áp dụng trong thực tế của ngành đành nói cái này quên cái kia, từng lúc phải biết khôn ngoan lạng tránh, tâng lờ để khỏi mang tiếng không

yêu nước. To tiếng với đền Cầu Nhi vì có bằng cớ để lấn át phe địch, nhưng cứ để cái Tháp Rùa nằm đó như của ông Lê Lợi xây lên từ lúc ông ta nuôi loại rùa đặc biệt mới có tên khoa học gần đây. Để khỏi mang tiếng không yêu nước nên không hỏi thăm bà Hồ Xuân Hương có phải gò Đống Đa là chứng cứ chiến tích của Quang Trung năm đó không? Có phải đó là nơi chôn xác quân Thanh như người ta nghĩ về các *đống đa* khác đã bị san bằng khi Hà Nội phát triển không? Có phải cái ụ đất lưá thừa năm ba cây lớn với hàng đá bậc cấp làm chỗ cho ông Quang Trung ngày nay lăm liết núp sau lưng, sợ dĩ thoát khỏi cảnh tàn phá chỉ vì trên ấy có miếu Sầm Nghi Đống mà bà “Dậu thừa” mĩa mai không?

Khi cần chọn lựa để nói ra thì chân lí căn cứ vào đó phải được tuyên bố to lên cho át mâu thuẫn. Núp bóng sau Tổ quốc, vung vẩy với chuyện sắt có trước đồng trong biện chứng về trường hợp Việt Nam, thì quên lời thánh Engels về phát hiện ‘Sắt là nguyên liệu cuối cùng... cho đến khi khoai tây xuất hiện...’ Quên ‘bạo lực là bà đỡ của Cách mạng’ (K. Marx), quên ‘giai cấp cầm quyền không bao giờ tự nhiên từ bỏ quyền lực’ (V. Lenin), cứ nói Hùng Vương truyền ngôi cho Thục Phán là một “sự thực lịch sử” (VNTCX, tr. 146) cho đúng với tinh thần ‘Nhiều điều phũ phàng giá gương...’, đúng với tinh thần vì quyền lợi của nhân dân tổ quốc, là xong hết! Cũng như phê phán chuyện cái xe tăng nào đầu tiên húc đổ cổng dinh Độc lập, bảo là phải tôn trọng sự thật nhưng quên tinh thần giai cấp trong chuyện đó, tinh thần chủ yếu mà ông Viện trưởng Văn Tạo đã nhắc nhở sứ mệnh sử gia XHCN: ‘Viết sử để xây dựng chế độ.’ Không thể lệch ra ngoài đường lối xây dựng chế độ đã được vạch sẵn mà trong lúc ai cũng xưng yêu nước, ai cũng thể sống chết vì Đảng, vì chế độ quang vinh thì phải ráng gân cổ mà hô to hơn để át giọng người khác. Biết đâu ông BT đã cho rằng mình chọn con đường mácxít phục hồi quật khởi lúc này là hợp với thời thế nhất, nhất định sẽ đưa đến ưu thế tất thắng?

“Tôn Hành Giả vương víu cái kim cô chỉ có thể cãi nhau với Trư Bát Giới, chửi lộn với yêu tinh (mà đem Quan Âm, Phật Tổ

ra hù) chứ không dám cãi Tam Tạng, nó giở bài chú cấm cô của bà thầy Quan Âm thì lần quay ra. Ông Tô Hoài nói chuyện đi ăn chơi với đám văn sĩ cầu bơ cầu bất thế giới, nói chuyện làm tổ trưởng khu phố với anh tổ phó hù dọa ‘Nhân văn’ để ông tổ trưởng cho tự do làm tiền dân chúng, ông lém phém một ít về chuyện cải cách ruộng đất, thì được. Xưa rồi, để lâu cứt trâu đã hoá bùn, như ông nói. Nhưng có những chuyện cứt trâu chưa hoá bùn, còn hôi dối với một số thẩm quyền. Ông Bùi Ngọc Tấn lại đại dột viết chuyện ở tù động đến quyền chuyên chính (vô sản), xương sống của chế độ. Không được. Phải gọi vào xoa dầu. Thấy người đập vỏ dừa, chưa thấy vỏ dừa vẫn phải sợ, Bà Thụy Khuê cứ xúi đại các sử gia trong nước!

Ờ kìa, cái thằng cha Phan Liêu bán nước này, sao nói giành của tui?

Lời muộn:

Viết xong thì anh bạn NY lại ưu ái gửi thêm tài liệu: bản sao một bài phê bình sách ĐTSH của ông Phó Giáo sư, Tiến sĩ Khoa học Vũ Minh Giang, đăng trên tạp chí *Xưa và Nay* số 73, tháng 3-2000. Bài lại thiếu một trang gốc, cho nên đành chỉ dẫn người đọc nên đi tìm lấy. Đại khái, ông Vũ Minh Giang cải chính ý kiến cho rằng trong nước có “không khí học phiệt nặng nề”, “không có thảo luận, đối thoại”... Sở dĩ giới sử học trong nước chậm lên tiếng chỉ vì “có ý kiến tỉnh táo” cho rằng chớ nên “mắc bẫy... những người làm sách” vì những người này “đang cần quảng cáo để bán chạy cuốn sách độc hại này”. Tác giả hứa sẽ “nghiên cứu phân tích cặn kẽ về các luận điểm của ĐTSH” và sẽ công bố “thành sách trong một ngày gần đây”. Chúng ta cũng đành phải chờ, tạm thời đọc trên bản sao thấy các đề mục “Đối thoại hay độc thoại?”, “Sử học hay tư biện?” để biết sơ qua sự bài bác của tác giả về quyển sách “độc hại” này.

Riêng chúng tôi thấy có hai điều đáng chú ý, tưởng có thể nhìn ra một khía cạnh vừa quen vừa lạ của sinh hoạt trí thức nói chung, sử học nói riêng, ở trong nước, cả đến lúc này, sau cơn Đổi mới, và sẽ có hi vọng kéo dài đến hết thiên niên kỉ. Một

chứng cứ nằm bên lề bài báo của ông Vũ Minh Giang, cùng trang ở bản sao nhưng thuộc một bài khác, chỉ còn khúc đuôi. Trong lời chú cho bài báo có lời trích dẫn Engels với quyển sách *Nguồn gốc của gia đình...* Như thế, đến năm 2000, ông Bùi Thiết vẫn không cô đơn bởi vì khi bàn về một điều gì trong xã hội, không thể nào không trích kinh điển được – cũng như năm nọ thấy trên một tờ báo thể dục thể thao, người ta đã rặn ra được một câu của Marx vậy! Nghĩa là vẫn có thảo luận, nhưng phải “trong khuôn khổ”. Cái khuôn khổ vương vít từ vương triều cũ, như coi vấn đề Trần Thủ Độ, Hồ Quý Li, Mạc Đăng Dung là những “sự kiện lịch sử phức tạp” (VMG; sử gia VN hiện tại đâu phải là con cháu *nhà Lí, nhà Trần, nhà Lê?*) Cái khuôn khổ rắng vùng vẫy mà ngó trước ngó sau như trong các bài luận về đổi mới sử học VN.

Chứng cứ thứ hai không phải là điều suy đoán “nhân tiện...” bên lề. Ông VMG cho biết: “Phần lớn các bài viết công bố trong cuốn sách [ĐTSH] này vốn là nội dung những bức thư kiện tụng cá nhân...” Cũng theo ông VMG, sự việc thấu đến tai Tổng bí thư khiến ông Tổng phải ra “chỉ thị” “triệu tập” một Hội đồng giám định “để xem xét những lá thư kiện tụng (Công văn số 21-97/CV/VPTW[sic] ngày 15-4-1999).” Chúng ta thử tưởng tượng cảnh ông Tổng thống Pháp ra lệnh triệu tập Hội đồng giám định để xem xét luận đề: “Tổ tiên chúng ta có phải là người Gô-loa hay không?” Nói cho vui chứ chẳng có nhà nghiên cứu Pháp nào muốì mặt đi thưa với Tổng thống để giành phần hơn, và chẳng có ông tổng nào rảnh rang hơn ông Tổng Việt Nam để ra chỉ thị. Cho đến nay, lãnh tụ chưa bỏ thói quen xoa đầu trí thức (quên lời cụ tổ “Chủ nô lệ không phải là người tự do,” tội gì mà bỏ!), trí thức Việt Nam chưa bỏ thói quen mong được xoa đầu, xoa một lần sướng rêm cả tháng, nên họ có thể vui mừng thấy rằng ông Tổng dù đa đoan công việc vẫn dành thì giờ lưu tâm đến học thuật nước nhà, đến công miệt mài của tầng lớp một thời hãnh diện là “con em công nông.” Lại thêm kẻ đi kiện mạnh dạn kêu rêu vì thấy có ông Tổng “cùng làng”, chắc ăn quá! Thật là chuyện “Mười hai con giáp chẳng giống con giáp nào”, độc nhất vô nhị

Khúc thời gian

VIÊM TÌNH

*Mây vẫn vẫn cuộn đỏ phù sa
 Bềnh bồng hội tre Gióng
 Âu yếm làng Quan họ
 Huyền diệu tứ thân đưa người phiêu bạt
 Bước chân thiên lý quên nẻo đi về
 Mãi mê trải mộng sông nước*

*Gió quay lốc xoay vẫn thủy mặc
 Lững lơ nụ mai vàng
 Hương ngát trời Tôn nữ
 Dang rộng đôi tay thanh xuân với gọi
 Trầm ẩn hoàng thành đông hành giá buốt
 Tỉnh giấc chiêm bao sáu tiền*

*Trăng mênh mông một khung hội họa
 Cành trúc nghiêng môi hồng
 Vời vợi hồn lãng tử
 Tháo thứ phương nam gót hồng hò hẹn
 Hơi thở thì thầm cung bậc trần gian
 Chết lịm trái tim tưởng nhớ*

trên thế giới!

Như thế “người ngoài giới chuyên môn, nước ngoài” đã không “hiểu sai về diện mạo của khoa học lịch sử nước ta” (VMG) ngày nay vậy. □

Nghệ nhân và cuộc sống

Dạ Quỳnh

Nghệ thuật là một hoạt động sáng tạo và là cách biểu lộ những cảm nhận của con người trước cuộc sống. Như thế, văn học, hoạt động sáng tạo qua phương tiện ngôn ngữ, cũng không thể tách rời với cuộc sống và con người. Những vấn đề của cuộc sống, đến từ niềm tin hay sự nghi ngờ về tôn giáo, đến từ những lãnh vực lịch sử, chính trị, kinh tế, từ niềm băn khoăn, từ sự ham muốn nhục dục hay sự bất bình, từ niềm yêu hay ghét đều là những vấn đề kích động hoạt động sáng tạo của nghệ nhân (Schmidt, trg 899). Nhận từ cuộc sống, người nghệ sĩ trả lại gì cho cuộc sống? Nghệ nhân sáng tạo nên những tác phẩm nghệ thuật với mục đích gì?

Herbert Read, nhà nghiên cứu về nghệ thuật người Anh, cho rằng công dụng thực sự của nghệ thuật là biểu lộ cảm xúc và truyền đạt sự hiểu biết (Read, trg 266). Wystan Auden, nhà thơ lớn của Anh quốc, người mà tên gọi được đặt cho cả một thế hệ thi ca tại Anh, thế hệ Auden, cũng có phát biểu tương tự trong lãnh vực thi ca (Schmidt, trg 710). Tuy nhiên, ông không ngừng lại ở sự hiểu biết mà còn muốn nghệ thuật dẫn đường cho hành động:

Công việc của thơ không phải để bày bảo cho thiên hạ biết họ phải làm gì, mà là để mở rộng kiến thức của chúng ta về thiện và ác, có lẽ làm cho sự cần thiết của hành động trở nên gấp rút hơn và bản chất của hành động ấy rõ ràng hơn, nhưng chỉ

lèo lái chúng ta đến một vị trí giúp chúng ta có thể chọn một chọn lựa hợp lý và hợp đạo đức.

Tiểu thuyết gia Nguyễn Mộng Giác (*Việt* số 5, trg 170) có lẽ cũng đồng quan điểm với những phát biểu trên khi ông nói về nhiệm vụ của người viết tiểu thuyết:

Người viết tiểu thuyết có phận sự phức tạp hóa những điều tưởng là đơn giản, để người ta nhớ rằng con người, đời sống là cái gì mong manh dễ vỡ, phải cố gắng thông cảm với những tế vi phức tạp của nó, nhẹ tay với đồng loại những lúc bất đồng, kiên nhẫn với những yếu đuối khó hiểu.

Hiểu biết sự phức tạp của đời sống, để thông cảm, khoan dung, kiên nhẫn với đồng loại trong thái độ, để trân quý con người, để biết nâng niu cuộc sống mong manh. Có lẽ thái độ sống ấy là vị trí mà Auden muốn hướng đến, vị trí giúp chúng ta chọn lựa một hành động hợp lý và hợp đạo đức, để vinh danh con người, thăng hoa cuộc sống, để không nỡ hủy diệt con người và phá hoại cuộc sống?

Ước mơ đem lại niềm cảm thông cho đồng loại qua tác phẩm của mình, chúng ta cũng tìm thấy nơi Kafka trong tác phẩm cuối cùng của ông - *Josefine cô ca sĩ chuột* - (Hayman, trg 299). Kafka đã ví mình như con chuột Josefine làm công việc hát cho đồng loại của nó và ví nghệ thuật của mình với tiếng hát của con chuột ấy, có thể không phải là tiếng hát, có thể chỉ là tiếng kêu, một tiếng kêu cũng giống như tiếng kêu của những con chuột khác. Nhưng khi được những con chuột khác lắng nghe, tiếng kêu ấy nghe như thông điệp của quần chúng gửi cho cá nhân.

Con chuột Josefine nói:

Cuộc đời của chúng ta vô cùng bất an, mỗi ngày là những bất ngờ, những âu lo, những hy vọng và sợ hãi; không có sự giúp đỡ của đồng loại, cá nhân sẽ không thể nào chịu đựng nổi những điều này. [Tôi làm công việc bảo vệ đồng loại tôi]. Nếu nghệ thuật [của tôi] không xua đuổi được cái Ác, ít nhất nó cũng giúp cho [đồng loại] tôi sức mạnh để chịu đựng cái Ác. (Hayman, trg 299)

Dù không đem đến sự cứu rỗi, sự chia sẻ và cảm thông của nghệ thuật rất cần thiết, vì vậy Josefine được lắng nghe chăm

chú hơn vào những thời kỳ biến động (Hayman, trg 298). Nói lên tâm tư, nỗi niềm của quần chúng, như thế công dụng của nghệ thuật theo Kafka xem ra rất gần với công dụng của nền nghệ thuật dân gian.

Elie Wiesel, nhà văn gốc Do Thái và người lãnh giải Nobel Hòa Bình năm 1986, không dừng lại ở sự hiểu biết và cảm thông. Theo ông, hiểu biết đến từ nghệ thuật không những chỉ dẫn dắt hành động, giúp con người lựa chọn theo như Auden, mà buộc con người phải hành động, buộc con người phải lựa chọn, một lựa chọn dứt khoát, và nghệ sĩ là người đầu tiên phải làm công việc đó: Sự hiểu biết buộc con người phải chọn giữa thiện và ác, giữa sự sống và hư vô. Người cầm bút tạo ra mối dây nối giữa người sống và người chết; bảo vệ người sống trước sự chết. (Wiesel, trg 372)

Một số người cầm bút tin rằng họ phải dồn hết công sức độc cho công việc viết lách của họ, họ cho rằng ảnh hưởng và quyền lực của họ đến từ nghệ thuật của họ nhiều hơn là hành động của họ. [Nhưng] thi ca không thể ngăn cản kẻ tra tấn đánh đập nạn nhân của hắn, và cuốn tiểu thuyết hay nhất trên thế giới vẫn bất lực trước một tên quá khích. Từ đó đưa đến nhu cầu hành động. (Wiesel, trg 47-48)

Điều đó giải thích sự liên quan giữa những tác phẩm nói lên những bất công và tàn ác mà người Do Thái phải gánh chịu trong thế chiến thứ hai của Wiesel và những nỗ lực của ông trong lãnh vực nhân quyền trên thế giới, nỗ lực ấy đã được vinh danh khi giải Nobel Hòa Bình 1986 được trao cho ông.

Hiểu biết dẫn đến hành động. Kinh nghiệm đến từ hành động bồi đắp thêm cho hiểu biết. Sự dấn thân vào hành động của người nghệ sĩ, có thể không đến từ một lý tưởng thanh cao nghe rất kêu nào cả, mà có thể chỉ đơn thuần từ ý muốn chu toàn chức năng của chính mình. Điều đó giúp chúng ta hiểu những phát biểu có vẻ mâu thuẫn của Auden khi ông tự nguyện sang Tây Ban Nha tham gia cuộc chiến tranh chống phe phát-xít Franco năm 1937:

Tôi thật sự không ưa những sinh hoạt chính trị thường ngày

cho nên tôi chẳng làm gì [trong lãnh vực đó cả]. (Auden, trg 206)

Tôi không phải là một trong những người tin rằng thi ca cần hay nên có tính chính trị, nhưng trong thời đại nguy cấp như thời đại của chúng ta, tôi tin rằng nhà thơ phải có kiến thức trực tiếp về những biến cố chính trị quan trọng.

Có thể là trong một số thời đại nào đó, nhà thơ có thể cảm thụ tất cả mọi điều ngay trong đời sống thường ngày, có thể những tài năng lớn luôn luôn có thể làm chuyện đó, nhưng đối với những nhà thơ hạng nhì, và riêng trong thời đại ngày nay, những gì người cầm bút có thể viết là những kinh nghiệm mà chính anh ta đã trải qua. Kiến thức khoa bảng không chứa đủ. (Auden, trg 207)

Không ưa những sinh hoạt chính trị, nhưng lại trực tiếp tham gia vào một biến cố chính trị. Auden có mâu thuẫn không? Không, nếu chúng ta hiểu mục đích của chính trị là tranh giữ quyền thống trị một đảng phái, một quốc gia. Auden không tham gia chiến tranh với tham vọng lãnh đạo hay giành một chức vụ trong chính quyền. Ông tham gia chiến tranh với tư cách của một nghệ sĩ. Ông không tuyên hứa trung thành với đảng này hay phái nọ. Ông trung thành với nghệ thuật của chính ông. Nghệ thuật ấy dẫn dắt đến một lựa chọn gần như tất yếu: đó là phục vụ con người, phục vụ sự sống. Vì thế trong cuộc chiến chống độc tài phe hữu Franco, ông đứng chung vào hàng ngũ những người phe tả, gồm cả những người theo chủ nghĩa Mác. Đến khi phe tả hóa hình thành những chính quyền độc tài như tại Liên Xô, ông lại tìm mọi cách giúp đỡ những nhà văn nhà thơ bị kẹt sau bức màn sắt, đáng kể là ông đã giúp nhà thơ Joseph Brodsky thoát khỏi Liên Xô. Vì thế khi Tố Hữu làm thơ ca ngợi cuộc kháng chiến đánh đuổi thực dân Pháp với mục đích giành lại tự do cho dân tộc, giành lại độc lập cho đất nước, ông là một thi sĩ; nhưng khi ông làm thơ ca ngợi Đảng Bác sau khi đã chứng kiến những đàn áp bất công của chế độ độc tài đối với người dân miền Bắc, ông không còn là một thi sĩ nữa mà chỉ còn là một công cụ tuyên truyền của chính quyền.

Wiesel khi giải thích về những hoạt động về nhân quyền của

ông, đã không tách rời những hoạt động ấy với chức năng nghệ sĩ của mình:

Người cầm bút không thể tách rời chính mình với câu truyện [do mình viết ra]: anh ta có trách nhiệm với những gì mình viết ra từ đầu cho đến cuối. (Wiesel, trg 372)

Trách nhiệm của một nghệ sĩ đối với nghệ thuật của chính mình như thế xem ra không khác gì trách nhiệm của một con người đối với cuộc sống. Nhà văn, nhà thơ và nhà hành động Thi Vũ Văn Ái đã viết về hành động của thi nhân Nguyễn Trãi như sau:

Nhà thơ đúng nghĩa là Nhà Thơ nào khác gì hơn một con người biết mình là người nơi sinh thế chuyển hóa hào hùng: một Nhà Hành Động. Hành động từ đôi mắt ngửng lên trời cao nhìn thẳng vào mặt nhật, trăng, sao... trao đổi những thông điệp qua sợi dây ý tưởng. Hành động trên đôi chân giẫm lên núi rừng thành những chuỗi tiếng chấn động và thức giấc hư không. Hành động trên đôi tay chèo khuấy vào vùng nước trùng khơi mở luống di kết nối... Chỉ có hành động, con người mới chính thực là thi sĩ. Thi sĩ trọn vẹn. Mọi hình thức khác đều là chạy trốn, chạy trốn thực tại, chạy trốn cô đơn, chạy trốn mặc cảm, chạy trốn sự yếu hèn của chính mình: chạy trốn vì sợ hãi. Con người hành động là con người không sợ hãi, không dối trá, họ minh thực qua từng động tác thi tính của mình. Những lối viết, những diễn văn, triết luận... viết hay nói ngoài hành động, nếu không là sự dối lừa tế nhị, thì chỉ là trò chơi dây đu trong trường xiếc. (Vũ Văn Ái, trg 177)

Hành động hiển nhiên không phải là cử động bừa bãi... Hành động là sự sống (Vũ Văn Ái, trg 177). Bởi đó là hành động đến từ nguồn hiểu biết của nghệ thuật. Hành động là thơ.

Vũ Văn Ái nhìn thấy sự tương đồng giữa thi nhân Nguyễn Trãi và họa sĩ Van Gogh, những người “đã sống hết mình, đã già từ sự chinh phục để ẩn mình trong cuộc sống, nhập tịch với như nhiên,” nơi ấy “người, cảnh, tình, vật không hề chen lấn, xâm phạm, bóp nén nhau” (Vũ Văn Ái, trg 179), nơi ấy không có “sự chiếm đoạt, gây tổn thương, áp đảo những gì xa lạ [với ta] và yếu đuối hơn” (Shattuck trg 168-169) như triết lý sống tàn ác và vô trách nhiệm của chủ nghĩa hư vô:

...Nhìn vào bất cứ bức tranh, bức họa nào của Van Gogh, người ta đều bị rung động bởi một mạch sống vạm vỡ tuôn tràn. Không góc tranh nào mang chất tĩnh, thấy thấy đều biểu trưng cho sự chỗi dậy, một sự tĩnh toàn triệt tới nhịp độ bình thường của dòng Sống lớn, nuôi bằng hư không. (Võ Văn Ái, trg 178)

Quan niệm sống thật, sống hết mình ấy đã được Van Gogh diễn giải như sau:

Con người hiện hữu trên mặt đất không phải chỉ để sống hạnh phúc, mà đơn giản là để sống thật, để thành đạt những gì vĩ đại cho nhân loại, để đạt đến những gì thanh cao và vượt qua những thô tục tầm thường mà trong đó gần như tất cả mọi con người đều phải kéo lê cuộc sống của mình. (Read, trg 203)

Cái giá cho sự “sống thật,” sống trọn vẹn với nghệ thuật, sống trọn vẹn với cuộc sống ấy của Van Gogh, tiếc thay là một đời sống vật chất nghèo nàn khốn đốn đã trở thành huyền thoại. Những bức thư tổng cộng trên 1,600 trang Van Gogh gửi cho người em trai Theo đã cho chúng ta thấy sự kỳ vĩ bi thảm (Read, trg 202) của cuộc đời người nghệ sĩ này, dù mang thân phận hẩm hiu vẫn tràn trề tình yêu con người và cuộc sống.

Biết bao nghệ sĩ trong đời chỉ thấy tới bức tranh của họ, chỉ thấy tới bài thơ họ. Họ ấp yêu những sản phẩm đó như một thượng đế, một chân lý (Võ Văn Ái, trg 180-181). Nhưng theo Van Gogh thì “Dường như con người sâu sắc, rộng thẳm hơn nghệ sĩ nhiều, và chính thực tôi đã yêu thương con người.” Yêu cuộc sống, yêu cả cái hữu hình lẫn vô hình của cuộc sống, ông cố công vẽ cả “cái chỗ trống,” vẽ ngọn nến và chồng tiểu thuyết mới để trám chỗ cho “một chỗ ngồi thiếu mặt.” Tình yêu đó dẫn Van Gogh đến sự cảm thông và bênh vực những người khốn cùng trong xã hội. Tình yêu đó khiến thi nhân Nguyễn Trãi trở thành một nhà hành động, một nhà chính trị; tuy tham gia chính trị nhưng với tấm lòng tha thiết mưu cứu người, cứu sự sống của một nhà thơ nên không bị danh vọng, giàu sang, quyền chức làm ô uế, vì tất cả “thấy là chuyện hư ảo.” (Võ Văn Ái, trg 175)

Những hành động thi tính ấy chúng ta cũng thấy qua kịch tác gia Vaclav Havel, người đã đứng trong vai trò lãnh đạo cuộc lật

đổ chế độ Cộng Sản tại Tiệp và hiện là đương kim Tổng thống Tiệp Khắc, cũng như thi sĩ và nhà lãnh đạo kháng chiến giành độc lập cho East Timor Xanana Gusmao. Khi Havel ráo riết đề nghị bà Madeleine Albright, Tổng trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ, hãy thay ông nắm quyền lãnh đạo nhân dân Tiệp Khắc vì ông kính phục tài năng của bà, vì ông tin rằng bà sẽ là người giúp cho đất nước Tiệp hồi sinh. Khi Gusmao, sau khi lãnh đạo cuộc kháng chiến giành độc lập cho East Timor thành công, đã cười mà nói rằng ông sẽ để người khác ra ứng cử Tổng thống, những người có khả năng hơn ông. Sẵn sàng hành động khi sự sống bị đe dọa, và cũng sẵn sàng buông bỏ quyền lực để sự sống được hiển sinh. Đích tới không phải là tranh giành bám giữ quyền lực. Đích tới là sự sống. Như thế thì xem ra sự sống của một dân tộc, một quốc gia, có lẽ chỉ rồi ren thêm với những nhà làm chính trị chuyên nghiệp, nhưng lại rất cần đến hành động đầy thi tính của những nghệ sĩ chân chính.

Nghệ thuật truyền đạt sự hiểu biết. Hiểu biết soi sáng sự thật. Hiểu biết sự thật đòi hỏi hành động. Một hành động hợp lý và hợp đạo đức. Sự thật là phần thưởng của sự hiểu biết. Còn hành động là cái giá phải trả của sự hiểu biết, một cái giá có khi rất cao, cho nên lắm khi chối bỏ sự thật có lẽ là một chọn lựa dễ dàng hơn. Kafka nói lên mối băn khoăn này của người cầm bút:... “Có lẽ vì vậy mà tôi chẳng hoàn tất được cái gì. Tôi sợ sự thật... Nếu ta không giúp được gì thì ta nên giữ im lặng.” (Hayman, trg 280)



Chối bỏ sự thật, hoặc là gạt phăng sự thật hẳn ra một bên trong phương trình đời sống, trong sáng tạo nghệ thuật. Đó là một hướng đi khác của những nghệ sĩ thuộc phái hiện đại và hậu hiện đại, mà Edgar Allan Poe (1809-1849) được xem như phát ngôn nhân đầu tiên của những khuynh hướng này. Bài tiểu luận “Triết lý của việc sáng tác” viết năm 1846 của Poe đã được xem là bản tuyên ngôn đầu tiên của nền văn chương hiện đại và hậu hiện đại (Silverman, trg 295).

Những nhà hiện đại và hậu hiện đại không hướng đến cái

Thật, nhưng hướng đến cái Đẹp:

Viết, như một hành động sáng tạo, là viết trong ý hướng sáng tạo, nghĩa là, trước hết, để tạo ra một cái đẹp bằng chữ nghĩa.

... viết để chữ nghĩa được đặt vào một cấu trúc hoàn hảo như một thế trận thật đẹp, bất chấp sự kiện được mô tả trong đó có đầy đủ chính xác hay không...

Viết để người khác xúc động trước tình cảm nồng nhiệt của mình là cái viết của một tình nhân hoặc của một người tuyên truyền; viết để người khác bị mê hoặc trước chính cách viết của mình mới là cái viết của một thi sĩ.

Đoạn trích dẫn trên đây lấy từ bài viết của Nguyễn Hưng Quốc (*Việt* số 5 trg 85). (Ông đồng hóa hai sự việc hoàn toàn khác biệt: sự bày tỏ cảm xúc yêu thương của một người với đối tượng mình yêu thương qua văn chương [đối tượng ấy có thể là một người yêu, một đất nước, một quê hương, một dân tộc, hay trọn cả cuộc sống] với cái công việc tuyên truyền là công việc phổ biến chính sách, chủ trương, đường lối của một chính phủ, một chính quyền cho quần chúng với mục đích phục vụ guồng máy cai trị của chính phủ, chính quyền đó, điều đó hơi lạ. Tuy nhiên, chúng ta đã đề cập đến sự khác biệt giữa người làm nghệ thuật và người làm chính trị, giữa hành động của một thi nhân và hành động của một người làm công tác tuyên truyền ở phần trên, nên thiết tưởng không cần nhắc lại.)

Phát biểu trên đây của Nguyễn Hưng Quốc về khuynh hướng sáng tác hướng đến cái Đẹp không khác biệt lắm với những gì Edgar A. Poe viết cách đây hơn 150 năm. Trong bài tiểu luận "Triết lý của sự sáng tác" (Silverman, trg 295-296), Poe đối chọi cái Đẹp với Tình Cảm Nồng Nhiệt và sự Thật. Ông hoàn toàn coi nhẹ tính truyền cảm và khả năng cảm thông của nghệ thuật, đồng thời nhấn mạnh về kỹ thuật viết và sự tách rời của nghệ thuật. Đó là sự tách rời giữa con người đau khổ và người nghệ sĩ làm công việc sáng tạo. Hay giải thích như Nguyễn Hưng Quốc, cái được viết hay cái được kể, dưới hình thức một cảm xúc... thuộc về cuộc đời; chỉ có cái cách thể hiện cảm xúc ấy mới thuộc về lãnh vực văn học... (NHQ, *Việt* số 5). Tại sao cái

Đẹp lại đối nghịch với Cảm Xúc? Tại sao cái Đẹp lại đối nghịch với sự Thật? Tại sao không thể có cái Đẹp trong cảm xúc? Tại sao không thể có cái Đẹp trong sự Thật? Chúng ta không bác bỏ khuynh hướng đánh giá nghệ thuật viết dựa trên khả năng kỹ thuật. Mặc dù, đó chỉ là một trong nhiều khuynh hướng đánh giá nghệ thuật (xin xem lại bài viết của Dạ Quỳnh đăng trên *Văn Học* tháng 7-1999). Chúng ta chỉ thắc mắc vì sao những nhà hiện đại hoặc hậu hiện đại tuy đánh giá một tác phẩm dựa trên những giá trị khách quan như các kỹ thuật sử dụng ngôn ngữ, tác động âm thanh của ngôn ngữ... nhưng lại bác bỏ giá trị của một tác phẩm ngay từ đầu dựa theo nội dung chứa đựng trong tác phẩm, có thể là cảm xúc, hay một câu chuyện thực. Cái gì ngăn cản người cầm bút thể hiện cái tài năng, cái kỹ thuật bày binh bố trận chữ nghĩa của mình khi mô tả hay thể hiện sự đau khổ của một con người hay một sự kiện có thật? Tại sao cái đẹp của ngôn ngữ chỉ dành riêng cho phạm trù của sự Vô Cảm, sự Lạnh Đạm, sự Giả Dối?

Trở lại với Poe. Để minh họa cho lập luận sáng tạo có giá trị là một hoạt động hoàn toàn tách rời cảm xúc mà chỉ thuần túy là một sự sắp xếp dàn dựng chữ nghĩa có tính toán trong đó người viết hoàn toàn nắm trọn quyền kiểm soát, Poe mô tả tỉ mỉ tiến trình sáng tác bài thơ “Con quạ” (Silverman, trg 296), một trong những sáng tác gây nhiều tiếng vang của ông; trong đó, theo Poe, không hình ảnh nào, không động tác nào, không diễn tiến nào, không một chữ dùng nào không đi theo một “tiến trình chính xác, cứng ngắc của một vấn đề toán học” và “không một điểm nào có thể liên hệ đến một sự bất ngờ ở ngoài sự kiểm soát hay thuộc về trực giác” của người viết. Theo Poe, một nhà thơ là một nhà toán học với ngôn ngữ (Silverman, trg 535). Tuy nhiên, với những người biết được cuộc đời riêng đầy thảm kịch của Poe và tình trạng tâm thần ngày càng trở nên mất thăng bằng của ông, sự bình thản phát rợn người của Poe trong việc phân tích quá trình sáng tác của mình trong bài tiểu luận, như để minh chứng ông vẫn còn sáng suốt và vẫn còn tự chủ, chỉ làm người đọc lo sợ và ái ngại cho tác giả của nó mà thôi (Silverman,

trg 296, 297). Bởi vì bài thơ ấy, qua câu chuyện một con quạ mang hung tin đến cho cậu học trò có người yêu mới qua đời, gói trọn tất cả những chủ đề chính bao trùm lên toàn bộ sự nghiệp viết lách của Poe: đó là sự chết, đó là niềm thương tiếc không nguôi, đó là niềm mong muốn nối kết với những gì đã quá vãng, với cõi chết, để người chết vẫn còn mãi trong ký ức của người sống, để cho niềm hồi tưởng sẽ giúp người chết trở lại với cuộc sống. Đó chính là niềm đau đớn và mối ám ảnh không nguôi của Poe về người mẹ thân yêu đã qua đời lúc Poe chỉ mới lên ba, về người vợ yêu thương của Poe với cơn bệnh ngặt nghèo, và bóng tối của cái chết như thể vờn quanh cuộc đời nghèo túng lao đao của Poe từng ngày. Poe đề xướng nghệ thuật đối chọi với Cảm Xúc và cái Thật, trong khi nghệ thuật của ông chứa đầy cảm xúc và sự thật về cuộc đời chính mình. Chính vì thế mà có một số người cho là tiểu luận “Triết lý của sự sáng tác” của ông chỉ là chuyện đánh lừa thiên hạ (Silverman, trg 296).

Như những nhà hiện đại và hậu hiện đại khác, Poe cũng chủ xướng tách rời nghệ thuật và chính trị, nghệ thuật và đạo đức (Silverman, trg 296). Với Poe, có thể chỉ vì ông một đời tất bật với cơm áo, với nỗi ám ảnh không nguôi về thế giới của người chết nên những vấn đề chính trị xã hội không ở trong thế giới của ông (Silverman, trg 148). Tuy nhiên, những hình ảnh đen tối, những khung cảnh ghê rợn đầy ma quái, những hành động đầy ác tâm đến bệnh hoạn của những nhân vật trong tác phẩm của ông đã bị cho là tội lỗi. Tuy ông tuyên bố phục vụ cái Đẹp, tác phẩm của ông lại đầy những hình ảnh thân thể người chết bị dòi bọ đục rữa, những con chó ngiên ngẩu nhai thịt người chết, xác chết ở giai đoạn thối rữa v.v... (Silverman, trg 88) Poe tuyên bố tách rời nghệ thuật và đạo đức, có lẽ là để phản ứng lại những chỉ trích này.

Với Algenon Charles Swinburne (1837-1909) một trong những nhà thơ hiện đại đầu tiên của thi ca Anh quốc, người đã có công đưa thơ ra khỏi sự đều đặn, cân đối, ước lệ về vần điệu đến mức nhàm chán của thi ca cổ điển, thì lập luận nghệ thuật tách rời với đạo đức xem ra là một lập luận có lẽ không đến từ một căn

bản triết lý sâu xa nào cả, mà chỉ vì nó có lợi cho riêng ông. Ai cũng biết cuộc đời riêng của Swinburne thác loạn và dâm dật đến mức nào. Chúng ta không phủ nhận đóng góp của Swinburne đã đem sự quan trọng của âm thanh vào thi ca, “thơ nghe theo lô-gíc của lỗ tai chứ không phải của ý tưởng.” Theo ông, hình ảnh và ý tưởng không quan trọng, âm thanh mới quan trọng, đặc biệt qua sự gieo vần và sự chỗi âm của cấu trúc ngữ pháp. Người ta cũng không tìm thấy cái Thật trong thơ ông. Tuy nhiên, có cái Đẹp hay không với những tác phẩm tương tự như bài thơ “Người Cùi”, trong đó ông mô tả một kẻ bệnh hoạn thích làm tình với xác chết. Tác giả Michael Schmidt phẩm bình, “Phải có một cái gì sai trái với loại văn phong có thể thẩm mỹ hóa và vô hiệu hóa vấn đề đạo đức [khi mô tả] cảnh tượng ấy.” (Schmidt, trg 466-471)

Nhà thơ hiện đại tên tuổi khác, Ezra Pound (1885-1972), cũng có lý do riêng khi cổ xúy một nền nghệ thuật phi chính trị. Pound là một trong những nhà thơ Hoa Kỳ đầu tiên thuộc phái duy hình, với những nguyên tắc sáng tác như xử lý trực tiếp với “sự thể” cho dù là khách quan hay chủ quan; không dùng bất cứ một chữ nào không góp phần vào việc trình bày, hình ảnh được định nghĩa là “giây phút chính xác khi một sự thể ngoại tại và khách quan tự biến đổi thành một sự thể nội tại và chủ quan,” hình ảnh xuất hiện trong thơ không cần mất công diễn dịch, tiêu biểu như hai câu thơ sau của ông (dịch từ Anh ngữ):

Sự xuất hiện của những khuôn mặt ấy trong đám đông
 Những cánh hoa trên cành cây đen, ướm
 (Trích từ bài “Trong trạm Metro”)

Pound và chủ nghĩa duy hình của ông đã đem một sắc thái mới vào lãnh vực thi ca. Tiếc là danh tiếng của Pound sau này đã bị giảm thiểu đáng kể vì quan điểm chính trị của ông, mà theo Donald Davie, “là một sự hiểu biết sai lầm về lịch sử, và từ đó đưa đến sự hiểu biết sai lầm về chính trị” (Schmidt, trg 591). Pound ủng hộ chủ nghĩa phát-xít, và theo chủ nghĩa bài Do Thái. Biết rằng quan điểm chính trị của mình bị nhiều người chống đối, biết rằng nghệ thuật của mình sẽ bị đánh giá bất lợi dưới

nhân quan chính trị, ông chủ trương nghệ thuật phải được tách rời với chính trị. Khi thế lực phát-xít đang lên, trong niềm tin tưởng phe phát-xít sẽ thắng, ông công khai đem chủ nghĩa bài Do Thái vào trong những trường thi "Cantos". Đó là lúc tên tuổi của Pound bắt đầu giai đoạn tuột dốc không thể nào cứu vãn. Khi phe phát-xít thất trận, Pound bị chính phủ Hoa Kỳ bắt bỏ tù vì tội phản quốc. Hậu thế cần đánh giá Pound ra sao? Năm 1968, lúc nhà thơ tuổi đã xế chiều, khi một bài "Cantos" của ông được đọc tại đại học Oxford, một nửa khán thính giả bỏ ra ngoài phản đối. Nếu cái Đẹp của ngôn ngữ là thước đo giá trị của một tác phẩm văn học, bất kể nội dung, thì có thể có cái đẹp trong một bài thơ bài Do Thái hay không?

Nhà thơ hiện đại Hoa Kỳ Thomas Stearns Eliot (1888-1965), cùng với Pound, là cặp bài trùng với tên tuổi gắn liền với nền văn học hiện đại Tây phương. Theo Schmidt (trg 586), chính nhờ Eliot và Pound mà ngôn ngữ thi ca và ngôn ngữ phê bình cũng như sự cảm nhận [của nghệ nhân, của người thưởng thức] đã được khai mở toàn diện. Michael Schmidt, nhà nghiên cứu về lịch sử thi ca, đã không dành một chút cảm tình nào cho chủ nghĩa hậu hiện đại mà theo ông là một thứ nghệ thuật dễ dãi và vô nghĩa lý (Schmidt, trg 586); nhưng lại dành nhiều lời ca ngợi cho những thử nghiệm của chủ nghĩa hiện đại mà theo ông là những thử nghiệm có giá trị.

Eliot chịu ảnh hưởng của phái tượng trưng và phái duy hình của Pound. Với phái tượng trưng, nhiệm vụ của nhà thơ là khám phá ra sự tương đồng và sự thuần nhất của những phần rời rạc của kinh nghiệm và cưu mang nó trong một sự căng thẳng đầy biểu cảm. Nói cách khác, đây là sự khám phá một số vật thể ổn định, độc lập, một trạng huống, một chuỗi những biến cố đưa đến công thức của một cảm xúc riêng biệt (Schmidt, trg 574). Eliot cũng đưa ra ý niệm "sự tưởng tượng bằng tai" bằng cách phối hợp những phẩm chất âm thanh của chữ, từ đó khơi dậy ý nghĩa từ những vùng ý thức mà ngôn ngữ thường không xâm nhập, nhưng nơi đó lại chứa đầy ý nghĩa. Nói cách khác, chỉ từ phẩm chất âm thanh [của một bài thơ], người nghe, dù không

biết ngôn ngữ dùng để viết bài thơ đó, cũng có thể có phản ứng đúng [như dụng ý của bài thơ]. Dĩ nhiên, những nhà lý thuyết có thể thử nghiệm với nhiều lý thuyết, tuy nhiên thưởng thức thơ viết bằng một ngôn ngữ lạ qua “âm nhạc” của bài thơ đó, mà không cần hiểu ý nghĩa của nó hẳn là một thử thách xem ra không hẳn hấp dẫn cho lắm cho những người bình thường.

Tuy nhiên, về sau này, chính Eliot lại chỉ trích và xem nhẹ những thử nghiệm xem ra mới mẻ và cấp tiến ấy của chủ nghĩa hiện đại, mà chính ông là một trong những người tiên phong. Eliot và Pound, hai cột trụ vững chãi của nền thi ca hiện đại đã không tồn tại với thời gian. Nếu tên tuổi của Pound bị sút mẻ trầm trọng vì những quan điểm chính trị vô nhân, thì ngược lại, tên tuổi của Eliot lại bị giảm sút, tuy rằng chỉ trong quỹ đạo những nhà hiện đại và hậu hiện đại, vì sự chuyển hướng qua con đường đạo đức của ông. Từ những năm sau khi nhận giải Nobel năm 1948, Eliot đã trở nên một nhà đạo đức, ông đã tìm thấy bình an trong tôn giáo và quan tâm của ông đã biến đổi từ cái đẹp trong hình thức nghệ thuật sang những quan tâm về những vấn đề xã hội và tôn giáo. (Schmidt, trg 578-579). Sự chuyển hướng của ông là một mất mát lớn cho khuynh hướng vì cái Đẹp và là một chiến thắng cho khuynh hướng vì cái Thật trong văn học Tây phương. Điều trái cẳng ngổng là khi chúng ta nhắc đến nền thi ca hiện đại chúng ta không thể không nhắc đến Eliot, dù chính ông sau này đã khước từ chủ nghĩa hiện đại; và giải thưởng mang tên ông, giải T.S. Eliot 1996 lại được trao tặng cho Les Murray là một nhà thơ Úc thuộc phái hiện thực. Quan điểm về nghệ thuật của Murray rất rộng rãi. Theo ông, mọi hình thức biểu lộ đều là thơ, từ chuyện nhẩy múa đến chuyện bỏ củi (Schmidt, trg 895). Là một nhà thơ của quần chúng, Murray dành nhiều cảm tình cho những người bị xã hội ruồng bỏ, đứng bên lề cuộc đời; ông hoàn toàn không muốn dính dáng gì cũng như không có một chút kiên nhẫn nào dành cho Pound, Eliot và khuynh hướng hiện đại cả. (Schmidt, trg 895-896)



Khuynh hướng nghệ thuật của một nghệ sĩ xem ra có liên quan

rất gần đến quan niệm sống thể hiện qua đời sống thực của nghệ sĩ ấy như chúng ta vừa tìm hiểu. Như thế thì giữa hai khuynh hướng sáng tác chính, nghệ nhân nên chọn cái Thật hay cái Đẹp? Văn học Việt Nam bước vào thế kỷ thứ 21 sẽ tôn vinh sự thật hay cái đẹp? Có nhất thiết phải phân rẽ cái Thật và cái Đẹp hay không?

V.S. Naipaul, nhà văn đầu tiên được giải Văn chương David Cohen (1993) đã trả lời như sau:

Văn chương hay hoặc có giá trị [bao gồm] hơn là những khéo léo kỹ thuật; nó tùy thuộc một phần nào vào sự toàn vẹn về đạo đức của người viết... Người cầm bút nói láo là phản bội chức năng của mình; chỉ những cây bút hạng nhì mới làm chuyện đó. Tại một nước như Nam Dương với tình trạng tham nhũng thối nát kéo dài, với thế hệ hậu chiến tranh bơ vơ mất phương hướng, ngày xưa là chế độ cộng sản, bây giờ là chế độ [Hồi giáo] chính thống [những chế độ không cho con người có tự do phát biểu, tự do tư tưởng], tấn thảm kịch thực sự là [tình trạng phẩm chất] hạng nhì loại đó. (Naipaul, trg 81)

Và Herbert Read:

Người Hy Lạp đã sáng suốt hơn chúng ta khi tin, một niềm tin luôn có vẻ nghịch lý đối với chúng ta, rằng cái đẹp là sự tốt lành về đạo đức, đây quả là một sự thực giản dị... và nếu chúng ta đặt tin tưởng vào điều này với tất cả tấm lòng của chúng ta, tất cả những sinh hoạt khác của tâm linh con người tự nó sẽ có thể chăm nom cho chính nó (Read, trg 267).

Như thế, cái đẹp dường như đã sẵn tiềm ẩn trong cái thật và trong đạo đức. Cái đẹp tách rời với cái thật và đạo đức là cái đẹp của xác chết thối rữa (Poe), của người cù làm tình với xác chết (Swinburne), của chủ nghĩa phát-xít bài Do Thái (Pound) qua những bài "Cantos" mà từng âm thanh, từng hình ảnh, từng lời chữ đều được trau chuốt tuyệt vời, ngân nga cất lên tiễn đưa trẻ thơ Do Thái vào lò hơi ngạt. Xem ra cái Thật và cái Đẹp, cả hai đều phải là mục đích vĩnh viễn không rời của nghệ thuật. Của cuộc sống. Của sự tồn sinh của trái đất. Và sự thăng tiến theo hướng nhân ái và nhân bản của nền văn minh nhân loại. □

Tài liệu tham khảo

- Carpenter, Humphrey W.H. *Auden A Biography*, Oxford, 1992
 Hayman, Ronald *A Biography of Kafka*, Weidenfeld & Nicolson, 1981
 Naipaul V S *Beyond Belief*, Little, Brown and Company, 1998
 Nguyễn Mộng Giác, “Nhìn lại những trang viết cũ”, *Việt số 5*, 2000
 Nguyễn Hưng Quốc, “Viết”, *Việt số 5*, 2000
 Read, Herbert *The Meaning of Art*, Faber & Faber, 1974
 Schmidt, Michael *Lives of the Poets*, Weidenfeld & Nicolson, 1998
 Shattuck, Roger *Forbidden Knowledge From Prometheus to Pornography*, St. Martin's Press, 1996
 Silverman, Kenneth *Edgar A Poe Mournful and Never-ending Remembrance*, Weidenfeld & Nicolson, 1992
 Võ Văn Ái *Nguyễn Trãi Sinh Thức và Hành Động*, Quê Mẹ, 1985
 Wiesel, Elie *And The Sea Is Never Full*, Alfred A. Knopf, 1999

Chúc Mừng

*Nhận được hồng thiệp Anh Chị Mai Kim Ngọc
 báo tin lễ đính hôn của thục nữ*

Vũ Như Mai

cùng cậu

Philippe Georges Paré

ngày 8 tháng 7 năm 2000 tại Long Beach,

California, U. S.,

Ban Biên Tập, Văn hữu cộng tác và Độc giả

góp vui cùng Anh Chị

và chúc hai cháu Như Mai & Philippe

sắt cầm hòa hợp

Văn học trong một nền văn hoá điện tử

Nguyễn Hưng Quốc

Trong năm cuốn sách đã in của tôi,¹ bản thảo hai cuốn đầu được viết tay, cuốn thứ ba bằng máy đánh chữ, hai cuốn cuối bằng *computer*. Tôi không biết những phương tiện khác nhau ấy có ảnh hưởng gì đến cách viết của tôi hay không, song có điều, với tư cách là một người đọc, chủ yếu là người đọc tác phẩm của chính mình, những sự thay đổi vừa nêu dường như không để lại dấu ấn nào đáng kể. Từ trước đến sau, dù là viết tay hay đánh lộn cộp trên máy chữ hay gõ rào rào trên bàn phím *computer*, tôi vẫn là đệ tử trung thành của nền văn hoá in ấn. Đọc bản thảo viết tay, thấy chữ của mình bay lượn tung hoành trên trang giấy, ừ thì cũng thích, nhưng đó là cái thích trước một cái gì gần gũi, thân mật, như đọc một lá thư hay mấy trang nhật ký. Vậy thôi. Thích, hơn nữa, thương, nhưng không phải là ngưỡng mộ. Có cảm giác, dù hay đến mấy, nó vẫn chưa phải là một tác phẩm. Cho nên, lần nào cũng thế, viết xong là nôn nao được in. Và lần nào cũng thế, nhận được cuốn sách hay tờ báo có bài viết của mình, bao giờ tôi cũng đọc lại ngay. Một lần. Có khi, hai lần. Thấy bài viết của mình lạ hẳn. Dưới hình thức chữ in, bao giờ nó cũng có vẻ hay hơn. Và nhất là, sang hơn. Có lẽ phần nào nó cũng giống cảm giác của những người miền quê lần đầu tiên được mặc bộ quần áo lớn: tự ngấm mình trong gương mà cứ ngỡ như ngó một ai khác. Từ đó, tôi hiểu được lý do tại sao bao nhiêu người quần quật làm việc để chắt chiu từng đồng hầu in ra

một tập thơ hay một tập truyện ngắn, cho dù chỉ để chất đống trong góc nhà: trong văn hoá của chúng ta, cho đến nay, tác phẩm là những gì được in. Chưa in, chưa phải là tác phẩm. Chưa in, chưa thể nào có được cảm giác ngáy ngất khi đọc và khi ngấm đũa con tinh thần của mình.

Trong những năm từ 1994 đến 1996, tôi viết hai cuốn *Vô Phiến và Thơ*, v.v... và v.v... trực tiếp trên *computer*. Mỗi lần viết xong một chương hay một đoạn dài, tôi lại in ra để đọc. Dĩ nhiên, trong quá trình viết, tôi vẫn đọc và sửa ngay trên màn ảnh. Nhưng lúc ấy, tôi có cảm tưởng đọc trên màn ảnh và đọc trên trang giấy là hai điều hoàn toàn khác nhau. Đọc trên màn ảnh là cái đọc của một người nghiên cứu cốt để phân tích, để tìm hiểu chỗ nào đúng và chỗ nào sai, chỗ nào cần thêm và chỗ nào cần bớt. Một cách rất tỉnh táo. Chỉ trước trang giấy, tôi mới đọc như một người thưởng thức. Bằng tất cả tâm hồn của mình. Tôi không những theo dõi được lập luận mà còn nghe được cái hơi văn chạy từ đoạn trên xuống đoạn dưới, nghe được tiếng ngân của chữ, độ trầm bổng của thanh điệu, cái nhịp ngắt dài hay ngắn của từng dấu chấm và dấu phẩy, cái ngập ngừng của các dấu ba chấm nối đuôi nhau kết thúc một câu dài, v.v... Tất cả những yếu tố ấy (những yếu tố, theo tôi, làm nên văn chương (chỉ có thể được cảm nhận từ trang giấy chứ không phải từ màn ảnh. Bởi vậy, đọc tin tức của các tờ báo điện tử, tôi đọc thẳng trên màn ảnh; nhưng muốn đọc các bài viết liên quan đến văn chương, dù là một bài thơ, một cái truyện hay một bài phê bình và lý luận văn học, nhất là khi muốn đọc một cách nghiêm túc, bao giờ tôi cũng in ra.

Trong suốt thời gian ấy, thỉnh thoảng tôi nghe đâu đó người ta nói đến sách điện tử (e-book). Nghe, lòng đầy hoài nghi. Như nghe một chuyện khoa học viễn tưởng. Hoặc ơ hờ: nếu sách điện tử, một ngày nào đó, tràn ngập thị trường, thì trong số độc giả của nó, hẳn sẽ không có mình, kẻ lỡ sinh ra trong nền văn hoá in ấn, suốt một đời nâng niu trên tay những cuốn sách bằng giấy thơm nồng mùi mực.

Nhưng chỉ mấy năm sau, tôi biết là tôi lầm. Lầm to.

Chính trong thời gian viết thẳng trên *computer* hai cuốn *Võ Phiến* và *Thơ*, v.v... và v.v..., hằng ngày phải đọc đi đọc lại, sửa đi sửa lại sáng tác của mình trên màn ảnh, tôi dần dần làm quen với cách đọc các văn bản văn học trên *computer*. Để, một hai năm sau, khoảng 1997 hay 1998 gì đó, tôi hoàn toàn không còn thấy có nhu cầu phải in ra giấy nữa. Chỉ đọc trên màn ảnh. Là đủ. Cũng thấy được mạch văn chạy. Cũng nghe được tiếng thở phập phồng của từng con chữ, lời tình tự âm thầm giữa các con chữ với nhau. Cũng nghe được cả âm hưởng của từng dấu câu, chẳng hạn, dấu chấm này hơi gắt, dấu chấm kia ngọt ngào, dấu chấm nọ, ở cuối một đoạn dài, có cái gì như thể ngẩn ngơ. Với con mouse trên tay, tôi lướt từ đoạn này qua đoạn khác, lòng bồi hồi không nguôi theo từng triều văn như sóng vỗ lúc nhịp nhàng lúc ào ạt. Trước màn ảnh computer hay trước trang sách in, tôi cũng đều là một độc giả văn học trọn vẹn. Gần như không có gì khác nhau. Gần như không có mất mát nào khi chuyển từ trang sách đến màn ảnh.

Những sự thay đổi ấy khiến cho tôi càng ngày càng tin là một lúc nào đó, những cuốn sách điện tử hoặc những tác phẩm chỉ phổ biến qua hệ thống *internet* hoàn toàn có khả năng thay thế những cuốn sách bằng giấy mềm mại mà nhân loại từng cầm đọc cả năm sáu trăm năm nay.

Nhất là, không còn hoài nghi gì nữa, với tốc độ phát triển vượt bậc của khoa học kỹ thuật, hình thức sách điện tử sẽ càng ngày càng hoàn hảo; và càng hoàn hảo, nó càng tiện lợi: người ta có thể bỏ trong túi, có thể nằm đọc trên giường hay trên bãi biển, bất cứ ở đâu, trong bất cứ điều kiện nào. Nó sẽ không khác một cuốn sách theo kiểu truyền thống. Mà lại có vô số các ưu điểm khác hơn hẳn sách truyền thống, chẳng hạn, trong một kích thước nhỏ gọn như một cuốn sách bình thường, nó lại có sức chứa bằng cả trăm cuốn sách bình thường. Lại là những cuốn sách hết sức thú vị, ở đó, nói như Michael Joyce, chúng ta có quyền tự chọn cho mình một cách đọc và “những sự chọn lựa của chúng ta làm thay đổi hẳn bản chất của những gì chúng ta đọc,”² nói cách khác, ở đó, chúng ta thực sự là những đồng tác

giả, những kẻ tham gia vào một quá trình tương tác đúng nghĩa với tác giả. Chưa hết. Trời tối hay do tuổi già mắt kém ư? Đơn giản lắm, chỉ cần nhích con *mouse* thay đổi *size* chữ, từ 10 lên 12 hay 14 là có thể đọc được dễ dàng. Mùa hè nóng nực, trong lòng hơi có chút khó chịu ư? Thì đổi màu nền trên màn ảnh thành màu xanh da trời cho dịu mắt. Lâu lâu, máu huyết cổ nổi dậy, muốn cầm trên tay những trang giấy quen thuộc ư? Thì nối sách điện tử với *printer* trong nhà để vài phút sau là có ngay một tập sách như ý muốn. Vân vân.

Hơn nữa, nên nhớ là độc giả chủ yếu của sinh hoạt văn học trong vài chục năm sau không phải là chúng ta, những kẻ đã mài mòn đời mình trên các trang giấy in mà là những đứa bé đang (hoặc, trong trường hợp của Việt Nam, sẽ) suốt ngày mài mê trước *computer*. Để chơi *games*. Để tìm tài liệu cho các bài tập trong lớp. Để viết *essay*. Để thư từ liên lạc với bạn bè. Chúng là sản phẩm của một nền văn hoá khác: nền văn hoá điện tử.

Trong nền văn hoá điện tử ấy, dĩ nhiên sách in dưới hình thức cổ điển vẫn còn; những người một mực khẳng khẳng đọc mỗi một loại sách duy nhất là sách in trên giấy chắc chắn vẫn còn. Cũng như, cho đến nay, sau hơn cả một trăm năm sống trong nền văn hoá in ấn, vẫn còn vô số người Việt Nam tiếp tục sống với tâm thế hoài niệm nền văn hoá truyền khẩu vốn kéo dài cả hàng ngàn năm xa xưa: từ đọc đến viết, họ đều thích những gì đơn tuyến và đơn nghĩa, những gì du dương và ngân nga, theo kiểu ca dao, dân ca và truyện cổ tích. Trong sinh hoạt văn hoá của nhân loại, nếu một hình thức mới ra đời không dễ dàng thì một hình thức cũ cũng chết một cách cực kỳ lâu lã. Do đó, chúng tôi không cần đọc điều văn cho sách in vội. Chúng vẫn còn, chắc chắn một thời gian khá lâu, có khi cả hàng trăm năm nữa.

Còn, nhưng có điều gần như chắc chắn là sách in sẽ chỉ còn như một hiện tượng thứ yếu trong sinh hoạt văn học và văn hoá của nhân loại mà thôi. Sẽ dần dần chiếm vai trò chủ đạo trong nền văn hoá điện tử là các văn bản điện tử, hoặc dưới hình thức sách điện tử hoặc dưới hình thức *internet*. Nhưng dù không phải

là đồ đệ của thuyết kỹ thuật tất định luận (technological determinism), chúng ta cũng biết là trong lãnh vực văn học, cũng như trong cả lãnh vực nghệ thuật, khi hình thức thay đổi thì bản chất của cái gọi là văn học nghệ thuật ấy cũng thay đổi theo.

Sự thay đổi ấy hẳn sẽ lớn lao hơn những sự thay đổi do ảnh hưởng của ti vi, điều mà nhiều học giả, theo chân của Marshall McLuhan,³ đã nghiên cứu khá tường tận suốt mấy chục năm vừa qua.⁴ Về phương diện văn hoá, ti vi, nói như Marshall McLuhan, biến cả hoàn cầu thành một cái làng bằng cách làm cho mọi người ở hầu khắp hang cùng ngõ hẻm trên mặt đất có thể xem cùng một hình ảnh, nghe cùng một bản tin, chịu sự tác động của cùng một cách nhìn, và do đó, có cùng một phản ứng.⁵ Hơn nữa, ti vi còn góp phần tạo nên chiến thắng của cái hình (figure) trên cái ngôn (discourse), tạo nên những hiện thực ảo (virtual reality), khiến con người bị vây bọc bởi cái Jean Baudrillard gọi là simulacra,⁶ những bản thể vì của hiện thực, những hình ảnh của hình ảnh của hình ảnh, những *hyper-reality*⁷; từ đó, cùng với nhiều yếu tố khác, dẫn đến sự hình thành của chủ nghĩa hậu hiện đại trong triết học cũng như trong các ngành nghệ thuật, trong đó có văn học. Riêng trong phạm vi văn học, ti vi làm giảm hẳn số lượng độc giả; làm khuynh hướng giải trí phát triển mạnh hơn; làm gia tăng hình thức đối thoại trong tiểu thuyết; làm câu văn ngắn gọn và đơn giản hơn; làm nhịp văn và nhịp truyện thay đổi nhanh hơn và gấp hơn, v.v...⁸ Những ảnh hưởng ấy lớn, rất lớn, nhưng đều là những ảnh hưởng gián tiếp, phần chủ yếu oằn nặng xuống loại văn học bình dân. Đối với văn học thường được gọi là cao cấp, ảnh hưởng của ti vi khó thấy hơn. So sánh các cuốn tiểu thuyết trong nửa đầu thế kỷ 20 với các cuốn tiểu thuyết trong nửa sau thế kỷ 20, lúc ti vi đã bành trướng rộng rãi trong xã hội, người ta nhận thấy có một số khác biệt trong ngôn ngữ cũng như trong kỹ thuật, nhưng dù sao chúng cũng vẫn là tiểu thuyết. Chứ không phải là một cái gì khác.

Computer và cùng với nó, internet cũng như sách điện tử thì khác hẳn. Ảnh hưởng của chúng lớn lao đến độ rất nhiều nhà nghiên cứu xem đó như một cuộc cách mạng lớn thứ ba trong

lịch sử văn hoá nhân loại, sau sự xuất hiện của chữ viết và sự xuất hiện của máy in.⁹ Nếu sự xuất hiện của chữ viết chuyển nền văn hoá truyền khẩu sang nền văn hoá ký tự thì sự xuất hiện của máy in với chữ đúc rơi vào giữa thế kỷ 15 đã góp phần chuyển nền văn hoá dựa trên thần quyền sang nền văn hoá có tính chất thế tục, làm tiền đề từ đó lịch sử chuyển từ thời trung đại sang hiện đại. Nếu sự ra đời của chữ viết đã tạo điều kiện để con người phát huy khả năng tư duy trừu tượng, nâng cao óc phân tích và tổng hợp từ đó làm nở rộ các thể văn xuôi nghị luận và triết lý thì sự ra đời của máy in và sự phổ cập của sách báo đã làm văn học vừa phát triển theo chiều rộng, trở thành một thứ sinh hoạt đại chúng, vừa phát triển theo chiều cao, thành một nghệ thuật đặc tuyển, in đậm dấu vết của từng cá tính sáng tạo, từ đó, đẩy mạnh những nỗ lực tìm tòi và thử nghiệm, khiến sinh hoạt văn học ngày càng độc đáo và càng phong phú.¹⁰ Có thể nói chính sách in đã góp phần quyết định trong việc hình thành tư tưởng cá nhân chủ nghĩa cũng như tính thần duy lý: đọc sách bao giờ cũng là một hoạt động thâm lặng, nơi con người một mình đối diện với trang sách và với lòng mình, ở đó, người ta phải vận dụng trí thông minh của chính mình để giải quyết những chỗ phức tạp, bí hiểm và mâu thuẫn trong cuốn sách hoặc giữa các cuốn sách; và ở đó, việc nhìn cuốn sách như một hiện hữu cụ thể, gắn liền với một tên tuổi nhất định, đã dần dần làm nảy nở ý thức về bản sắc, về phong cách và cùng với chúng, ý thức về cái tôi.

Đặc điểm nổi bật nhất của cuộc cách mạng thứ ba trong lịch sử văn hoá nhân loại, nói như Robert Coover, được đánh dấu bằng “sự tận cùng của các cuốn sách”,¹¹ khi văn bản được chuyển từ trang giấy lên màn ảnh. Sự thay đổi về không gian ấy sẽ kéo theo sự thay đổi trong bản thân khái niệm “văn bản”. Nếu văn bản theo nghĩa cổ điển, trên sách in, chủ yếu là một công trình ngôn ngữ với sự kết hợp giữa các yếu tố từ vựng và một ít các yếu tố phi từ vựng, từ các dấu câu đến cách trình bày trên trang giấy như cách ngắt dòng hay cách sắp dòng thì văn bản dưới hình thức điện tử vừa là một công trình ngôn ngữ vừa là một

công trình phi ngôn ngữ, trong đó, có thể có cả âm thanh, hình ảnh, hay các sự chuyển động mà *internet* có thể làm được. Nếu văn bản cổ điển có một trung tâm quy chiếu rõ ràng với một cấu trúc vững chãi dựa trên cách phân bậc chặt chẽ giữa các điểm chính và các điểm phụ, điểm trước và điểm sau thì văn bản trong môi trường điện tử lại là một cái gì phi tâm, không có điểm khởi đầu cũng như điểm kết thúc, gắn liền với một liên mạng đa phương và đa tầng, ở đó, mọi mối quan hệ đều hết sức dân chủ. Nếu văn bản cổ điển được thiết kế theo một trật tự tuyến tính (linearity), từ câu thứ nhất đến câu thứ nhì, từ đầu trang đến cuối trang, từ trang trước đến trang sau thì văn bản điện tử, ngược lại, có tính chất phi tuyến tính (nonlinearity), ở đó, người đọc được tự do chọn các điểm nối (link) để có thể chuyển mạch văn hay mạch truyện theo một chiều hướng khác, không nhất thiết phải theo một kết cấu nào cố định. Cuối cùng, nếu văn bản theo nghĩa cổ điển là cái gì tĩnh tại, cố định, hay nói như Jay David Bolter, “đông lạnh”¹² thì văn bản điện tử có thể biến hoá liên tục tùy theo cách tiếp cận của mỗi người đọc, thậm chí, của mỗi lần đọc. Nói một cách tóm tắt, văn bản điện tử là loại văn bản phi tuyến tính, liên văn bản, đa tâm, bất định và bất liên tục, nặng tính chất tương tác cũng như tính chất trình diễn.¹³

Những kiểu văn bản như thế, thật ra, không phải hoàn toàn mới lạ. Trong các văn bản cổ điển, các cước chú và phụ chú thật ra cũng là những điểm nối có tính chất liên văn bản, dù chỉ ở mức độ khá thô sơ. Tính chất phi tuyến tính và liên văn bản cũng xuất hiện, với những mức độ khác nhau, trong thơ đa đa, thơ siêu thực, thơ cụ thể, thơ hình hoạ cũng như truyện ngắn và tiểu thuyết của James Joyce (*Ulysses*, và *Finnegans Wake*), Julio Cortazar (*Hopscotch*), George Perec (*La vie: mode de emploi*), Italo Calvino (*If On a Winter's Night a Traveler*), Milorad Pavic (*Dictionary of the Khazars*) và Jorge Luis Borges (“Library of Babel” và “Garden of Forking Paths”), v.v... Về phương diện lý thuyết, người ta cũng có thể biện chính cho loại văn bản điện tử với rất nhiều điểm nối ngang như thế bằng quan niệm văn bản khả tác (writerly text) của Roland Barthes; quan niệm về tính liên văn bản của

Jacques Derrida cũng như các nhà giải cơ cấu ở Mỹ; quan niệm về tính lắp ráp (bricolage) của Claude Levi-Strauss, và cả quan niệm về tính tương thoại (dialogism) trong tiểu thuyết của Mikhail Bakhtin, v.v...¹⁴

Có thể nói, từ góc độ lý thuyết cũng như từ góc độ thực tiễn sáng tác, hình thức văn bản điện tử mà hiện nay chúng ta quen gọi là hypertext vừa là một quá trình tiến hoá lại vừa là một cuộc cách mạng của nền văn học hậu hiện đại. Là một sự tiến hoá, văn học hypertext, trên nguyên tắc, vẫn là những văn bản mang tính văn học, là những văn bản văn học. Là một cuộc cách mạng, văn học hypertext có khả năng làm đảo lộn mọi điển phạm, mọi mô thức và mọi ước lệ văn học hiện có. Nó có khả năng làm thay đổi cách chúng ta đọc cũng như cách chúng ta viết. Nó có khả năng làm thay đổi không những quan hệ giữa độc giả với văn bản mà còn làm thay đổi quan hệ giữa tác giả với văn bản: nếu người đọc có quyền tham gia vào công cuộc định hình tác phẩm, vào việc thay đổi trật tự của tác phẩm, có thể “lướt” từ tác phẩm này qua tác phẩm khác một cách dễ dàng và cực kỳ nhanh chóng thì tác giả không còn là một tiếng nói độc nhất có thẩm quyền trên tác phẩm của chính hắn. Nói cách khác, văn học hypertext có khả năng khai tử hẳn tác giả, điều vốn đã được Roland Barthes dự báo từ mấy chục năm trước, trong bài “Cái chết của tác giả”.¹⁵ Chúng ta nên nhớ, như Michel Foucault đã từng nhắc nhở, khái niệm “tác giả” không phải là cái gì tự nhiên hay vĩnh cửu, ngược lại, nó chỉ là một sản phẩm của lịch sử: có những giai đoạn rất dài loài người vẫn đọc và vẫn thưởng thức văn học mà không hề một chút băn khoăn về sự hiện hữu, đừng nói là bản sắc, của tác giả.¹⁶ Trong văn học điện tử, những giai đoạn lịch sử ấy không chừng sẽ được lặp lại. Nhưng khi vai trò của tác giả bị khai tử hoặc, nhẹ nhàng hơn, bị mờ nhạt, thì ý niệm về phong cách văn học cũng có nguy cơ bị triệt tiêu. Khi ý niệm về phong cách bị triệt tiêu thì bảng giá trị văn học vẫn thường được dùng lâu nay trong đó tôn vinh sự độc đáo và độc sáng cũng bị lung lay theo, và hậu quả là ngay chính cái gọi là tính văn chương hay các quan niệm về cái hay và cái đẹp

của văn chương cũng không còn được hiểu như trước được nữa.

Trước đây, trong quan niệm của Roland Barthes, cái chết của tác giả đồng nghĩa với sự ra đời của người đọc. Sự ra đời của người đọc thực chất là sự ra đời của quyền tự do diễn dịch văn bản. Chính vì thế, lời khai tử tác giả của Roland Barthes đã góp phần đẩy mạnh xu hướng phê bình căn cứ trên sự hồi ứng của người đọc và đồng thời đẩy mạnh mọi hoạt động phê bình nói chung: một trong những đặc điểm nổi bật nhất trong sinh hoạt văn học những thập niên cuối cùng của thế kỷ 20 là sự nở rộ của những văn bản về văn bản, những văn bản bình luận về các văn bản khác. Thế nhưng, trong nền văn học điện tử, mặc dù người đọc được tuyên xưng như những kẻ đồng hành với tác giả trong việc thăm dò bản đồ văn học của các văn bản, vai trò của phê bình có khả năng đánh mất những chỗ dựa cố hữu của nó. Chẳng hạn, như George P. Landow đã phân tích trong bài viết "What's a Critic to Do?: Critical Theory in the Age of Hypertext", khác với văn học truyền thống tồn tại trên những văn bản cố định theo đó nhà phê bình có thể nghiền ngẫm và phân tích, nền văn học điện tử chỉ có những văn bản với nhiều khả thể khác nhau, thay đổi theo những cách đọc khác nhau, vậy thì làm thế nào hấn có thể đọc hết các khả thể ấy và làm thế nào hấn biết là người khác đang đọc cùng một văn bản như hấn?¹⁷

Xin lưu ý cụm từ "có khả năng" trong các câu văn trên. Chỉ là "có khả năng" chứ chưa phải là hiện thực. Lý do quan trọng nhất là vì dòng văn học trong môi trường điện tử, đặc biệt dòng văn học khai thác tối đa các kỹ thuật điện tử, văn học hypertext, chỉ mới manh nha trong hơn một thập niên vừa qua mà thôi. Vì mới manh nha và vì phải dựa trên nhiều yếu tố kỹ thuật cho nên hầu như nó chỉ tập hợp được một số cây bút có tài về kỹ thuật hơn là có tài về văn học. Bởi vậy, ngay trong phạm vi toàn thế giới, số lượng những tác giả hypertext tiêu biểu vẫn còn khá hiếm hoi. Những tác phẩm được xem là thành công của họ lại càng hiếm hoi. Hơn nữa, chúng lại dễ bị lỗi thời trước tốc độ phát triển dữ dội của kỹ thuật điện tử. Riêng bằng tiếng Việt, phần lớn các tác phẩm đăng tải trên mạng lưới vi tính toàn cầu

vẫn được viết theo những kỹ thuật và những văn phong khá cũ, có khi, rất cũ: trên các siêu xa lộ thông tin cực kỳ hiện đại chỉ mới xuất hiện lác đác mấy chiếc xe ngựa và một số những chiếc xe đạp với những vạt áo dài và những mái tóc bay phất phơ. Rất thôn làng và cũng rất yếu điệu thực nữ.

Chưa có thực tiễn sáng tác làm chỗ dựa, mọi nhận định về nền văn học hypertext hay văn học trong môi trường điện tử nói chung vẫn chỉ là những phỏng đoán. Nhưng, một thái độ dấn thân nghiêm túc trong văn học lại không cho phép chúng ta ngồi chờ. Kinh nghiệm cho thấy trong những giai đoạn văn học có nhiều chuyển biến lớn lao và mau lẹ, quy luật đào thải thường rất khốc liệt: ở Việt Nam, trong những năm 1930; ở miền Nam, cuối thập niên 1950; trong cả nước, giữa thập niên 1980, số lượng những tác giả đột ngột bị đẩy vào cảnh hưu non trong văn học nhiều vô cùng. Thoắt một cái, chỉ trong vòng mấy năm, vô số người đang tương đối có chút danh tiếng bỗng khám phá ra là tác phẩm của mình bị xem là cũ mèm và không-thể-nào-đọc-nổi, từ đó, không thể viết tiếp được nổi. Đó là những cuộc “đổi đời” trong cộng hoà văn chương. Cuộc “đổi đời” khi xã hội bước hẳn vào nền văn hoá điện tử và văn học điện tử chắc sẽ còn triệt để hơn nữa. Có thể đó sẽ là sự thay đổi hoàn toàn trong bản chất mỹ học của văn học. Nó mở ra không phải là một chương mới mà là một cuốn sách mới trong lịch sử văn học.

Theo tôi, thử thách lớn nhất của giới cầm bút hiện nay, không riêng gì của Việt Nam, là phải tiên liệu và tìm cách thích nghi với những thay đổi mà nền văn hoá điện tử sẽ mang lại, trong tương lai. Có khi là một tương lai rất gần. Đâu đó. □

Chú Thích

¹ Đó là các cuốn: *Tìm hiểu nghệ thuật thơ Việt Nam* (1988), *Nghĩ về thơ* (1989), *Văn học Việt Nam dưới chế độ cộng sản* (1991), *Võ Phiến* (1996) và *Thơ, v.v... và v.v...* (1996).

² Michael Joyce (1997), “Nonce Upon Some Times: Rereading Hypertext Fiction”, *Modern Fiction Studies* 43.3 (1997). Tôi đọc theo bản in trên internet, trong Project Muse.

³ Marshall McLuhan (1911-1980), tác giả của *The Gutenebrg Galaxy* (1962) và *Understanding Media: The Extensions of Man* (1964), là người

di tiên phong và cũng là người đặt những nền tảng lý thuyết cho việc nghiên cứu ảnh hưởng của các phương tiện truyền thông, từ máy in cho đến báo chí, sách vở, ti vi, điện thoại, truyền thanh, v.v... đến tâm lý con người và văn hoá của thời đại.

⁴ Xem chương "Technology and Literature: Book Culture and Television Culture" in trong cuốn *The Death of Literature* của Alvin Kernan, Yale University Press, New Haven, 1990, tr. 126-151; chương "Hình ý, ý hình" trong cuốn *Viết* của Võ Phiến, nxb Văn Nghệ, California, 1993, tr. 207-236.

⁵ Xem bài "From Global Village to Global Mind" của Derrick de Kerckhove, đăng trên *UNESCO Courier* số tháng 2.1995.

⁶ Jean Baudrillard (1983), *Simulation*, Semiotext, New York.

⁷ Hoàng Ngọc-Tuấn, trong bài "Viết: từ hiện đại đến hậu hiện đại" đăng trên tạp chí *Việt* số 5 (đầu năm 2000) dịch chữ "hyper-reality" là "hiện thực thâm phần".

⁸ Trong bài "The dump-down" đăng trên báo *The Nation* số ra ngày 17 tháng Ba năm 1997, Todd Gitlin, một giáo sư về Văn hoá, Báo chí và Xã hội học tại New York University đã nghiên cứu mười cuốn tiểu thuyết được báo *The New York Times* xếp loại bán chạy nhất trong tuần lễ đầu tiên của tháng Mười của các năm 1996, 1976, 1956 và 1936. Ông khám phá thấy cách dùng văn đối thoại từ năm 1936 đến năm 1996 tăng lên 40%. Cũng trong thời gian ấy, chiều dài của câu văn giảm xuống 27% và số lượng các dấu câu giảm xuống 55%. Phân tích kỹ hơn, Todd Gitlin nhận thấy sự thay đổi diễn ra nhanh nhất là trong khoảng thời gian từ 1956 đến 1976. Trong hai mươi năm này, câu văn trong các cuốn tiểu thuyết bestsellers càng ngày càng ngắn lại và đơn giản dần. Nếu trong năm 1956, chiều dài trung bình của câu văn là 17.75 từ thì năm 1976 là 13.55 từ; nếu trong năm 1956, số lượng các dấu câu là 1.5 thì năm 1976 là 0.85. Todd Gitlin cho đó không phải là điều ngẫu nhiên. Thời gian này trùng hợp với sự phát triển của ti vi. Và dưới áp lực của ti vi, các cuốn tiểu thuyết bình dân đã được viết như một thứ kịch bản phim: câu văn ngắn gọn và giản dị, phần lớn là đối thoại, ít có những tư tưởng sâu xa và phức tạp.

⁹ George P. Landow (1992) *Hypertext: The Convergence of Contemporary Critical Theory and Technology*, The Johns Hopkins University Press, Baltimore. Có thể xem thêm một số bài viết ngắn khác như "Drafting an Alphabet for the Digital Tradition" của Ashley Dunn trên *The New York Times on the Web* (ngày 18.12.1996); "Is It Really Gutenberg All Over Again?" của Bruno Giussani trên *The New York Times on the*

Web (ngày 6.1.1998), hay “The Internet and Gutenberg” của Robert J. Samuelson trên *Newsweek* ngày 24.1.2000.

¹⁰ Về ảnh hưởng của chữ viết đối với văn hoá, có thể xem cuốn *A Preface to Plato* của Eric Havelock, Cambridge xuất bản năm 1963; cuốn *The Death of Literature* của Alvin Kernan, Yale University Press xuất bản năm 1990, đặc biệt các trang 126-143.

¹¹ Robert Coover (1992), “The End of Books?”, *New York Times Book Review* 21.6.1992. (Xem trên internet: <http://www.nytimes.com/books/98/09/27/specials/coover-end.htm>)

¹² Dẫn theo David S. Mial, trong bài “Trivializing or Liberating? The Limitation of Hypertext Theorizing” đăng trên *Mosaic* (Winnipeg) số tháng 6.1999. (Nguyên văn cách nói của Bolter là: “frozen structure of the printed page”.)

¹³ Xem Sven Birkerts (1996), *The Gutenberg Elegies, the Fate of Reading in an Electronic Age*, Faber & Faber, London; George P. Landow (biên tập) (1994), *Hyper/Text/Theory*, The Johns Hopkins University Press xuất bản tại Baltimore; Robert Kendall (1995), “Writing for the New Millennium” đăng trên *Poets & Writers Magazine* số tháng 11 & 12. 1995. Bằng tiếng Việt có thể xem thêm bài “Về văn học hypertext” của Nguyễn Minh Quân và bài “Văn học hypertext: phác hoạ về một thể loại văn học mới” của Đức Thuần trên tạp chí *Việt* số 6 (giữa năm 2000).

¹⁴ Xem bài “Virtual transformations: the evolution of publication media” của Kenneth Arnold đăng trên *Library Trends*, Spring 1995; “Cybernetic esthetics, hypertext and the future of literature” của Molly Abel Travis đăng trên *Mosaic* (Winnipeg), 12.1996; “The state of the art (novelists and novel writing) của John Barth đăng trên *The Wilson Quarterly*, vol. 20, 03.01.1996; “Nonce Upon some times: rereading hypertext fiction” của Michael Joyce, đăng trên *Modern Fiction Studies* 43.3 (1997); “Trivializing or Liberating? The Limitation of Hypertext Theorizing” của David S. Miall, đăng trên *Mosaic* (Winnipeg) số tháng 6.1999.

¹⁵ Roland Barthes (1977), “The Death of the Author”, in trong tập *Image, Music, Text*, Stephen Heath dịch và biên tập, Hill & Wang xuất bản tại New York, trang 146-148.

¹⁶ Michel Foucault (1979), “What is an Author?”, in trong tập *Textual Strategies: Perspectives in Post-Structuralist Criticism*, Josué V. Harari biên tập, nxb Methuen, London.

¹⁷ In trong cuốn *Hyper/Text/Theory*, George P. Landow biên tập, The Johns Hopkins University Press xuất bản tại Baltimore, 1994, tr. 34-35.

Một cõi đi về

Thích Nguyên Hạnh

Để tưởng niệm tác giả Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc

I.

D*ì Tìm Một Căn Bản Tư Tưởng* là tác phẩm đầu tiên của Ông Nghiêm Xuân Hồng tôi đọc đầu từ đầu thập niên 1960. Thuở đó, bắt đầu có chút ý thức non nớt về thời đại của mình, tác phẩm – với tôi – đã như tiếng nói của lớp người đã trưởng thành giữa ngã ba đường của lịch sử; ở đó, thế nước ngổn ngang như đang đặt thành vấn đề ý thức và hành động cho cả một thế hệ. Tôi không còn nhớ nội dung. Chỉ còn mơ hồ cái cảm giác như thế của khi đọc nó; và thêm nữa, cái cảm giác về tác giả như một trong những người tiêu biểu cho giai tầng trí thức bấy giờ – một con người sống và hành động với tất cả ý thức lựa chọn của mình.

Người Viễn Khách Thứ Mười là tác phẩm thứ hai của ông tôi đọc. Lãng mạn có thừa. Và cái bi kịch nhân sinh mà tác phẩm vẽ lên càng cho tôi thấy thêm, con người của ông. Lịch sử đã không dễ dàng. Lãng Mạn và Hành Động, cả hai đều như những mâu thuẫn không hòa giải được ở ông. Lãng mạn cho tâm hồn ông một nơi trú ẩn nào đó, mơ màng cái khí vị khói sương của Phương Đông xưa. Nhưng hành động lại đưa ý thức ông đến những thực tế ngổn ngang làm cho nơi trú ẩn của ông vốn đã mơ màng càng

trở nên chốn hoang dại mơ hồ. Con đường ông lựa chọn, cuối cùng đã như chỉ còn là con đường của một Nỗi Đợi Chờ thăm thẳm.

Năm 1982, tôi viết mấy bài về Phật Giáo. Ông đọc và nói với anh Kiên Đạt, ngờ ngợ như tác giả là một người ông quen. Sau đó, trong một lần đến Chùa Việt Nam ở Los Angeles, ông hỏi thăm và tỏ ý muốn gặp. Tôi gặp ông trước cổng chùa, trao đổi cùng ông một vài điều trong Phật Pháp. Đó là lần đầu tiên tôi gặp ông. Bẵng đi một thời gian, tôi lại gặp ông, cũng ở ngôi chùa Việt Nam này và trao đổi nhiều hơn về Phật Pháp; đặc biệt là về những tương hợp giữa Phật Pháp và khoa học. Ông tỏ ra đồng tình và thích thú với những lý giải Phật Pháp trong sự đối chiếu với những kiến giải mới của khoa học. Ông khiếm tốn tự nhận là người mới đến với Đạo Phật. Nhưng cuộc trao đổi cho tôi cái ý nghĩ, những kiến giải về Phật Pháp của ông sâu sắc và trải rộng ra trên nhiều chiều kích đến độ làm tôi ngạc nhiên; và thấy ở ông, không chỉ là một trí thức học Phật theo nghĩa bình thường mà là một tâm hồn thành khẩn đang dâng hiến cuộc đời còn lại của mình cho việc tâm nghiên, học hỏi Phật Pháp như một đánh đổi đến kỳ cùng cho câu trả lời về ý nghĩa tối hậu của con người và kiếp sống mà ông đã miệt mài tìm kiếm. Tôi nghĩ đến Phan Văn Hùm, Trần Trọng Kim, đến Tam Ích, Nguyễn Duy Cần... những trí thức Việt Nam từng có nghiên cứu Phật Học. Nhưng tôi chưa thấy ở một ai trong những người tôi đọc, cái tấm lòng trân trọng, cảm bội Phật Pháp như tôi nghe ra được ở ông trong cuộc trao đổi hôm đó. Cái duyên gặp gỡ của tôi với ông chỉ có ngần ấy, hai lần ngắn ngủi. Nhưng cái tấm lòng của ông đó thì đã ở lại trong tôi lâu dài cho đến bây giờ.

II.

Phật Pháp vốn được đặt để ở mọi kích thước Trí Tuệ và Tâm Linh của con người. Ở đó, có cái chỗ không nói được mà cũng có cái chỗ nói được. Chỗ không nói được thì chỉ có ông tự biết. Nhưng còn chỗ nói được về ông thế nào?

Đó là cái tấm lòng của ông với Phật. Tôi không biết, trong

cuộc đời thường, ông có liên hệ gì với các thầy hay các tổ chức Phật Giáo. Nhưng liên hệ hay không liên hệ thì có lẽ, cũng chẳng quan trọng gì với ông. Đó chẳng phải là cửa vào Đạo của ông. Vả chẳng, cái tâm hồn nghệ sĩ ít nhiều khinh bạc càng không dễ cho ông cái tín tâm chỉ vì một chút liên hệ nào đó. Ông đến với Phật như một kẻ đã từng nung nấu trong lòng một nỗi băn khoăn khắc khoải, khát khao tìm kiếm một cái gì đó. Ông đã lang thang tìm kiếm trên nhiều ngã đường tư tưởng Đông Tây, chấp chỡn với những cơn sóng của Hữu Thể và Hư Vô giữa biển trần mờ mịt trong cái “mê đồ ảo phố” không biết đâu là đường đi lối về. Đã hẳn, ông đã từng thất vọng với những lý thuyết Cách Mạng và Hành Động, với những văn chương, triết lý, tư tưởng, tôn giáo không cho ông một câu trả lời thỏa đáng. Để rồi, cuối cùng, ông đã như thấy *Cái Đó* ở Phật. Thấy rồi, ông neo đời ông ở lại và đem cả trí lực của mình đào bới đến tận cùng để mong nhìn thấy trọn vẹn mặt mũi của *Cái Đó*. “Sợ không còn đủ thì giờ!” Ông đã từng nói lời chân thành cảm động này với tôi.

Ông từng nghiền ngẫm đến mơ màng hằng giờ – như ông tự nhận – trên từng trang kinh, trong từng câu, từng ảnh tượng mà kinh vẽ ra. Ông từng say mê đem lý trí biện biệt, những kinh nghiệm và hiểu biết khoa học ông có được để mong thấy ra cái ý nghĩa đích thực của lời kinh đằng sau những chữ nghĩa và ảnh tượng. Nhưng ông không phải là kẻ “dùng Lý đoạt Sự” bởi vì ông luôn luôn ý thức về những giới-hạn-không-vượt-qua-được của chúng trong nỗ lực thâm nhập và thể chứng thực tại. Tôi có cảm tưởng, lời kinh – với ông – đôi lúc chẳng khác gì một công án hiểm hóc treo mãi trong đầu kẻ hành Thiền mà sự bùng vỡ nó trở nên một thách thức có tính cách sinh tử. Ông trân trọng Phật, trân trọng lời kinh với tất cả niềm cảm bội sâu xa như trân trọng và cảm bội một nơi chốn cuối cùng ông có được trong đời này là điều thấy được trong từng trang sách ông viết ra sau này.

Khát vọng hiểu biết của ông mãnh liệt và bền bỉ. Một con người như vậy không dễ dàng bằng lòng với những câu trả lời dễ dãi. Huống chi, khát vọng đó của ông không chỉ ở trong lãnh vực thường nghiệm tương đối. Nó chỉ muốn đi tới tận cùng của bản

thể, tìm ra cái chân lý tối hậu để lý giải một cách hợp lý tương đối tất cả mọi hiện tượng xem ra đầy đầy những nghịch lý, phi lý, siêu lý của từ một hạt bụi nhỏ nhiệm đến cái vũ trụ bao la không ngần mé nầy. Từ *Lãng Kính Đại Thừa*, *Lãng Nghiêm Ảnh Hiện*, *Nguồn Thiên Như Huyền* đến cả bộ tiểu thuyết lạ lùng và tuyệt vời *Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc* đều là kết quả của những nghiền ngẫm mơ màng của ông trên từng trang kinh xưa; và là một chuỗi, những nỗ lực diễn bày cái chân lý tối hậu mà ông đã nhận được ít nhiều từ đó.

Cuối cùng, ông là con người thế nào ở chỗ cuối cùng của đời ông?

Là Cuồng Huệ ư? Có thể là chính ông đó. Những khắc khoải triền miên của nhân vật nầy về chân lý tối hậu, về Thực Tại cuối cùng của cái vũ trụ lung linh kỳ ảo như thực như hư này có khác gì là của ông đâu.

Là Thạch Sanh chăng? Có thể lắm. Ông lý giải biện biệt mọi điều, ông đọc kinh nầy kinh khác để tìm lấy một con đường trở về để cuối cùng, con đường ông chọn lại là con đường cực kỳ đơn giản: chỉ một câu niệm Phật còn lại đó cho ông vào cửa Pháp Giới như Thạch Sanh đã chỉ sống chết cùng một câu niệm Phật mà hóa giải mọi khúc mắc ngang trái ngổn ngang để đi tới cùng.

Là Càn Thát Bà chăng? Tôi ngờ có một Càn Thát Bà ở ông. Ngòi bút ông viết về nhân vật nầy thoải mái lắm. Nếu không có lấy cái tâm hồn đồng điệu thì dễ gì thoải mái được vậy. Thì ra, con người nghệ sĩ với chút lòng khinh bạt giữa chốn dọ dầy như vẩn thủy chung với ông tự bao giờ đến giờ.

Và còn nữa. Những hán tử nầy, hán tử nọ; những Phi Ly, Ma Kiệt, Trần Tứ Cú... những nhân vật ông dựng lên trong cuốn tiểu thuyết lạ lùng *Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc*, tôi thấy như đều có phần ở ông.

Thạch Sanh không đi thỉnh kinh một mình. Thì sao ông lại không thể mang tất cả những-cái-con-người-của-ông đó theo ông mà về với Phật.

Một cõi đi về, ông đã có. Kiếp người của ông đã không trôi qua một cách oan uổng! □

Hoang Ngôn
LÊ CẦN SƠN

Kính dâng lên anh hồn *Người Viễn Khách Thứ Mười*

Khi người thiếu nữ gập lại quyển sách
Sa mạc bắt đầu lên cơn mưa
Trang tôn kinh cũng bắt đầu huyền hoặc
Gợi nhớ một thời mộng mơ trung học
Cứ nghĩ hoài lười gươm nằm giữa Tristan và Yseult
Có kẻ cười rộ ngô nghê
Cho rằng tình yêu không phải là đạo
Và
"Vào sáng mai
Người viễn khách ra đi vào lúc mặt trời sắp mọc..." *

Khi lão chủ quán bông bột nói thiệt lòng mình
Mấy vò rượu cạn mà vẫn chưa say
Người đã trầm tư một trời sen nở
Một loài hoa Ngô
Trên những phiến đá hoa cương
Khắc những dấu chân chim
Ghi lại một thời khề khà hỗn mang chen lẫn
Trong mùa dã thú hiện sinh
Tôi là kẻ hạ sĩ trí thấp hơn sâu
Đang vẽ vờ một bầu trời Hoa Tạng
Và luôn nuôi những mọn hèn cô quạnh
Nhuôm một thiên hận tình sử dỏm
Đang ngợi ca những phù du
Mà chợt quên ta đang
"Đi phiêu bông giữa cuộc đời
Giữa những cơn sanh tử Mê Ngô" *

* Trích trong *Người Viễn Khách Thứ Mười* và *Hoa Tạng Trầm Tư* của cố nhà văn Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng

Mây Hồng

Trúc Chi

Cách chỗ tôi làm việc non hai cây số, có một tiệm cà-phê và giải khát nằm chênh chếch cổng trường trung học của một khu giàu có. Sau giờ tan trường, luôn có một số đông học sinh ghé vào giải khát, hỏi nhau bài vở, chuyện trò. Có người dùng điện thoại cầm tay nói cả tiếng đồng hồ. Những cô cậu đã có đôi, chọn mấy cái bàn trong góc phía trong tiệm mà tỉ tê. Mấy cô cậu thích hút thuốc hay tùm tùm ở hai cái bàn tròn bên lề đường. Thường họ hay ngồi từng nhóm bốn năm người một bàn. Ở vào tuổi học trò ấy, cứ ngồi chung như vậy bất cứ ở đâu, tất thế nào cũng có một người thuộc loại hoạt náo viên, kể chuyện khôi hài, trêu ghẹo bạn hữu. Không khí luôn vui nhộn. Cứ lâu lâu lại nghe những chuỗi cười giòn tan.

Thường, vì tiện đường nên xong công việc trong ngày vào những hôm không cần phải về nhà ngay, tôi vẫn vào đây uống một ly nước cam, hay coca để nghỉ, để tránh giờ đông xe trên xa lộ, ghi vào sổ tay một vài điều cần phải làm hôm sau hoặc trong tuần, gửi một tấm các, vài hàng chữ thăm một người bạn. Luôn thế, cũng để tránh ô nhiễm, tránh một đôi phút bức mình vì những cú “vẩy đuôi cá” của những chiếc xe có người lái bạt mạng trên xa lộ, những người không tin rằng họ có thể chết! Tôi vẫn trung thành với lời khuyên, hình như của Nguyễn Công Trứ, nên nghỉ ngơi ngay những khi nào nghỉ được.* Cuối ngày, ngay cả những lúc không mệt mỏi lắm, một chuỗi cười trong sáng, hồn nhiên

lắm lúc cũng khiến cho tôi thấy khỏe khoắn, vui lây.

Chưa qua mùa hạ, nhưng mà bây giờ là hè rồi, trường vắng học mà quán cũng thưa người. Nghe được cả tiếng riu rít của bầy sỏ trên những cành phượng tím lá xanh um nhún nhẩy theo từng đợt gió ấm. Nghe được cả lời ca tình tứ từ cái radio Sony để trên quầy phía trong quán. Nghe được cả tiếng làu nhàu của một trong hai ông già người Mỹ ở bàn bên, thường vẫn ngồi hàng giờ bên bàn cờ chess. (Chắc lại có người mới mất một con tướng đương với loại xe pháo trong cờ tướng hoặc di hờ một nước ngay vào lúc mình đang núng thế.) Nghe được cả tiếng chị Rosa, chủ tiệm, gốc Nam-Mỹ đang hét lớn vào điện thoại gây gổ với người ở phía bên kia đầu dây, hình như có một ai đó đã sai hẹn trong việc phải người đến sửa máy lạnh. Chị Rosa càng nói lớn tôi càng nghe rõ những chữ “r” rung đều theo lối “r...r...r...”

Nghe được những âm thanh ấy có nghĩa là đã vắng hẳn cái ồn ào huyên náo những lúc quán đông học trò. Mỗi tuần trước đây họ còn tíu tít tính chuyện kiếm việc làm trong mùa hè, nộp đơn vào đại học, rủ nhau đi cắm trại, mách cho nhau một vài chuyến bay rẻ tiền đi Âu châu quảng cáo trên mạng lưới.... Tự nhiên tôi thấy nhớ tiếng cười nói của đám học sinh vui vẻ khỏe mạnh ấy, nhớ nét tươi vui trên những khuôn mặt mà “tương lai” chưa khắc vào đấy những vết hằn, những đường nhăn của suy tư, của khổ lụy, của kinh nghiệm sống. Tuổi học trò đặc biệt đẹp vì nó mơn mớn, tuổi lên đường mà trong nhiều trường hợp, chưa cần phải biết nơi đến. Ngày tháng chưa vội vã, đường sá còn thênh thang. Không phải ngẫu nhiên mà người ta dùng nhiều tính từ có màu sắc tươi sáng khi nhắc đến tuổi trẻ : tuổi xanh , tuổi hoa, (nhập cảnh từ Trung Quốc) tuổi vàng (mượn đỡ của Pháp). Riêng Việt Nam, phải đợi đến thời kỳ văn chương lãng mạn Pháp bắt rễ trong xúc cảm và suy tư của giới tân học – trước đó là giới nho học - mới thấy “tuổi hai mươi” thiết dễ thương của Huy Cận, một từ ngữ đã khiến cho Hoài Thanh nảy ra một lời bình ý nhị: “tuổi hai mươi không phải là hai mươi tuổi.”

Sau đó, không thấy xanh đỏ trắng tím gì nữa cả. Toàn những tuổi không màu sắc. Chỉ thấy trung niên với lão niên, vãn niên.

Túng quá thì lại phải chạy sang Tàu lấy đại những *bất hoặc, tri thiên mệnh, cổ lai hi* vân vân, những từ ngữ có nhuốm chút luân lý hoặc đạo đức hoặc triết lý. (Kể cũng không có chi lạ vì đó là chữ của thánh hiền, của đấng Vạn Thế Sư Biểu!) Dĩ nhiên tuổi nào cũng có vẻ đẹp của nó dù là đẹp đối với chủ quan của người trong cuộc hay là khách quan của kẻ đứng ngoài nhìn vào.

Tôi nhận thấy trong thi văn Việt Nam tuy cũng có nhiều bài thơ, nhiều đoạn văn nhắc đến các lớp tuổi từ ba, bốn mươi trở lên, nhưng theo chỗ tôi biết, lại không có từ ngữ nào thơ mộng dành riêng cho trạc tứ tuần, ngũ tuần vân vân. Toàn những con số vô thưởng vô phạt như :

Lên bảy mươi rồi mẹ nó ơi

Thọ ta ta chúc há cầu ai

của ông Phan Khôi, thốt ra trong những ngày cơ cực vì bị bao vây kinh tế sau vụ án Nhân Văn Giai Phẩm ngoài Hà Nội, năm 1956 hoặc mấy vần lạc quan của ông Tú Vĩ Xuyên:

Xấp xỉ ba mươi mấy tuổi đầu

Trăm năm tính đối hãy còn lâu.

Có lẽ là vì khi “tuổi xanh, tuổi vàng” đã qua rồi, hệ lụy của kiếp người nó khiến cho mình nhìn cuộc đời, cuộc sống qua một loại lăng kính đặc biệt: ánh sáng không khúc xạ thành bảy màu rõ rệt nữa. Dưới loại lăng kính này, dưới nhãn quan này không có gì hoàn toàn trắng hoặc trong đã đành, mà cũng không gì có được một màu “nguyên chất”. Nhìn tới, đã biết rằng đường đi, có thể là đẹp đấy, nhưng không phải luôn bằng phẳng. Nhìn lui đã biết rõ cái giá phải trả cho thành quả, thành công. Thường là đắt, nếu quả có thành công thành quả. Ở đây, tôi hiểu hai chữ thành công theo nghĩa tự tạo được cơ hội hoặc may mắn có cơ hội sống trọn vẹn với điều mình ham thích, với đam mê của mình, bất luận hiền ngu và quý tiện.

Với lăng kính đó, tôi nghĩ từ mấy chục năm nay, tôi sống trong cái tuổi tạm gọi là...tuổi xám xám. Và chiều nay, giữa cái thiếu vắng những chuỗi cười quen thuộc, thân thiết nữa là khác, cái màu xám ấy có vẻ như lại đậm thêm chút nữa. Bởi vì không muốn mà hình như có một động lực mà tôi không cưỡng lại được

nó buộc tôi so sánh tuổi xam xám của mình với tuổi của những người chiều nay vắng mặt bên những chiếc bàn chung quanh tôi trong tiệm giải khát này. Có một chút gì đó như là một thoáng hụt hẫng.

Suốt hai ba niên khóa vừa qua, tôi chỉ lơ là một tiếng “Hello” với nhiều khuôn mặt quen thuộc mỗi khi bước vào quán. Nhưng mà nhiều lần nghe họ gọi nhau, trêu ghẹo nhau, riết rồi tôi biết tên của một số trong đám học sinh ấy:

Mary xinh xắn mát mẻ với mớ tóc vàng óng ả, nhưng mà luật di truyền do tu sĩ Mendel khám phá ra, đến đời cô có vẻ như lại có biệt lệ, thành ra mắt không xanh như những thiếu nữ Bắc Âu, mà lại nâu màu cánh gián. Cao khoảng 1,80m và hiện đang kết bồ với Steve, bạn cùng lớp. Cậu Steve có một lối ăn mặc đặc biệt rất dễ nhận dù cậu có đứng giữa một đám đông: áo sơ mi rộng, dài đến gối luôn luôn sạch sẽ thẳng thớm, nhưng quần Jeans thì quanh năm... bẩn. Hình như đây là cao điểm của nghệ thuật ăn mặc xuềnh xoàng có chải chuốt. Steve thấp hơn Mary một đầu nửa cổ chứ không ít. Có lần tôi thấy Mary và Steve sóng bước khi rời quán. Không có ác ý nhưng mà quả tình hôm ấy tôi có nghĩ đến mấy câu ca dao nhắc chuyện đôi dưa lệch trong cái cảnh chồng thấp vợ cao!

Mike thuộc loại Tarzan. Ở cái tuổi 18 ấy thân hình chưa nẩy nở đến chỗ “toàn thịnh” mà đã cao cỡ 1,90m. Cũng như đa số những người cao lớn lực lưỡng, Mike hiền khô. Bị mấy cô bạn trêu, anh chỉ đỏ mặt cười. Henry gốc Hương Cảng, nhỏ con, láu lỉnh, gọi một ly coca cỡ nhỏ mà không bao giờ uống hết cả, luôn sốt cho bạn một nửa trước khi uống. Có lần bị bạn bè thách uống hết một ly lớn, tôi thấy Henry nốc một hơi cạn hết Coca trong cái ly giấy cỡ bự. Xong, Henry đổ mấy viên đá chưa kịp tan ra giữa bàn, bắt bạn phải thanh toán tiền bạc ngay, rồi lại còn thông thêm một câu nữa: “Tụi bây- you guys- chưa thấy tao uống trà Tàu đó, hai ba ly lớn như không, nhằm nhò gì?” Lần ấy, tôi không biết Henry có tháu cáy không, nhưng mà tôi sức nhớ câu nói của Napoléon I: “Trung Quốc là một con sư tử ngủ, cứ để yên, đừng đánh thức nó.”

Cậu Henry này có một vài nét giống một người bạn cũ: chỉ có khác là bạn tôi cao hơn, gầy hơn và mắt còn sáng hơn cả đôi mắt thật lạnh lẹn của Henry. Tự nhiên mà lòng tôi hơi se lại. Cũng không hiểu tại sao. Trời tháng sáu ở California, buổi chiều thường vẫn có từng đợt sương mỏng theo gió biển lan tận vùng này, đẩy khí nóng lên tận đồi núi xung quanh thung lũng San Gabriel. Không khí dịu hẳn xuống rồi. Cách đây mới có nửa tiếng, ngồi trong xe còn rịn mồ hôi trán mà bây giờ đã phải tính đến chuyện ra xe lấy cái áo mỏng mặc thêm.

Chứng phong thấp mà tôi mang trong người đã gần hai mươi nay là một cái nhiệt kế rất nhạy. Đang nóng mà trời dịu xuống hoặc trở lạnh là cứ ê ẩm cả người. Nó khiến tôi nghĩ đến những đầu khớp xương không còn được dẻo dai như... ngày nào. Nó nhắc cho tôi biết rằng nay đã đến “giờ” lục chai rượu thuốc, hoặc một thứ rượu mạnh nào khác cũng được, lục nó ra, mà chặn hoặc đẩy lui cơn mỏi đang lan ra khắp cơ thể như nước mặn lấn vào cửa sông vào giờ triều lên, trắng sáng. Nó cũng là cái cớ để cho tôi vin vào đó mà biện minh cho chằm ngôn của tôi, của một người lười biếng việc nhà, luôn để lại cho đến hôm sau, hầu hết những gì tôi có thể làm trong ngày hôm nay. Nó, chứng phong thấp ấy, đòi tôi phải nhấp chằm chằm từng hớp dăng dăng, mà nghe sóng rượu nó đẩy lui sóng mỏi và đôi khi cả sóng sầu nữa. Rắc rối quá!

Tôi nốc cạn ly nước cam tươi mát ngọt. Nhìn sang bàn bên hai ông già Mỹ vẫn mải mê trong cái tàn cục của một ván cờ chỉ còn có tám chín quân. Cờ tây hay cờ ta cũng vậy, hai bên ngang sức thì xuất quân quanh quẩn vẫn mấy thế thông thường. Đến trung cục thì tha hồ tung hết cả lực lượng ra mà biến hóa, cản, bắt, chặn, thí, chiếu. Có độ dăm kỹ đấy nhưng mà trừ những tay đại cao thủ, những tay gọi là kỳ vương, số đông không tính hết nước được. Bởi vậy nên một người Trung Hoa nào đó đã thốt ra hai câu vừa chua chát mỉa mai nhưng mà cũng không xa sự thật cho lắm: “*Nhân tình tự chỉ tương tương bạc/Thế sự như kỳ cục cục tân*” đại ý nói tình người giống như giấy, tờ nào cũng mỏng; còn việc đời như cờ, mỗi ván một khác. Cờ tàn nó bắt người

trong cuộc phải suy nghĩ nhiều và kỹ hơn, bởi vì con số nước đi đã hẹp lại, hờ một chút là ôm hận. (Cứ cái nước “rút xe “ ra khỏi Kontum và Pleiku năm ấy là đủ thấy!) Nhìn hai ông già chăm chú gò từng nước, nhìn hai cái miệng khi thì mím chặt, lúc thì méo xệch, nhìn hai cái trán vốn đã có nếp ngang dọc, bây giờ có lúc nhăn túm lại, tôi nghĩ rằng không nên xếp cờ tướng vào loại giải trí lành mạnh. Một óc đã dành mà nhiều khi, mê quá rồi ngồi cả mấy tiếng đồng hồ, người cứ bã ra.

Chị Rosa, chừng đã nguôi cơn giận công ty chữa máy lạnh, vừa cẩn thận lau chùi bàn ghế vừa giảng giải:

“Chỉ có mùa này tôi mới có thì giờ mà làm việc này vào buổi chiều. Ông thấy đấy, trong năm học, suốt cả buổi chiều, các cô cậu ấy ra vào không ngớt. Tôi có muốn làm họ cũng không cho. Họ bảo vẫn sạch đấy, không cần phải lau chùi gì...” Rosa nghỉ tay, đặt chai nước và cuộn khăn giấy lên bàn, ngồi xuống ghế rồi hơi nhăn mặt đưa tay ra phía sau, khê đám vào lưng:

“Cái lưng khổ sở của tôi (my poor back). Đứng suốt ngày ông ạ. Ông dùng thêm một ly nước cam nữa? ...Ôi chà! ngọn gió buổi chiều đã hơi lạnh rồi...” Rosa trạc ngoài bốn mươi, cái tuổi mà người Anh họ gọi là “ở sườn bên kia đồi” (over the hill), còn An-Nam ta thì nói trắng ra là bắt đầu xuống dốc, có vẻ như cũng là người đồng bệnh với tôi trong cái chứng nhức mỏi. “Suốt ngày không sao cả mà cứ động đến sương chiều là cái lưng nó hành tôi.”

Tôi hỏi sơ vài câu là chẩn ngay ra bệnh! Liền nhanh nhẩu đoảng huyền thuyên một hơi về một vài phương thức trị nhức mỏi thuộc loại ngoại khoa. Đa số người Mỹ chỉ tin ở thuốc men mua tại nhà thuốc Tây, nhưng vì biết các nước Nam Mỹ cũng hay dùng được thảo, tôi mới mạnh dạn đóng vai Hoa Đà. Và cũng ngay sau đó tôi học thêm được một vài “bài thuốc” của mấy bộ lạc ở Chile và Peru, kể cả xương đuôi cá sấu phơi khô, giã vụn, trộn với muối, gói trong lá bắp non, đốt gần cháy, đắp lên chỗ mỏi “là hết ngay” theo lời chị Rosa. Cũng giống như những bài ngoại khoa khác của người mình, cân lượng không rõ

rệt, vị nào cũng “vài nhánh, vài cái, một nắm, một nhúm, vài giọt, nấu hoặc nướng một chốc”. Mọi thứ gia giảm tùy “thầy”. Về cái khoản này, thầy hoàn toàn tự do. Có vẻ như đây là loại tự do duy nhất mà ngay cả một số chính thể chuyên chế, độc tài lạc hậu còn lơ thơ lây lất ở châu Á châu Phi cũng tự thấy là không nên xen vào. Tôi vừa lắng nghe Rosa nói vừa cố nhớ bài thuốc vừa lo rằng cái “vị” xương đuôi cá sấu chưa biết kiếm nơi nào. Cao hứng, tôi còn lẩm bẩm một câu văn vắn vắn nữa: Xương đuôi cá sấu biết tìm đâu! Thơ với thần!

Chị Rosa nhìn đồng hồ:

“Quán vắng khách, có khỏe đấy, nhưng mà cũng hơi buồn ông ạ. Ông biết không, không phải chuyện hàng họ đâu. Năm nào cũng vậy, cứ đến hè là mấy cô cậu ở lớp 12 (**) đi biệt tích luôn (they simply disappear). Họa hoàn lắm, lâu lắm mới thấy một người trở lại đây uống một ly coca, nước cam.”

Tâm trạng của chị Rosa? Tôi hiểu rồi. Nó là một cái bến đang nhớ những con đò đã từng thả neo ở đây. Trong lòng chị Rosa đang thiếu vắng nhiều lớp thanh niên nam nữ đã từng vui đùa trò chuyện trong khung cảnh quen thuộc này. Bây giờ.... có bao nhiêu là cánh buồm đang hứng gió mà lướt sóng, để lại trong lòng người đàn bà này chút buồn của cảnh bến ngóng sông chờ.

Vẻ mặt hơi buồn của chị Rosa đã làm tôi ngạc nhiên không ít. Tôi đặt cái tẩu thuốc xuống mặt bàn, nhìn thẳng vào đôi mắt hơi mệt nhọc của người đàn bà mà tuần nào tôi cũng có mưa nắng một đôi câu suốt ba năm qua, nhưng lại hoàn toàn xa lạ. Tôi không biết một mảy may gì về Rosa, ngoài chuyện chị có hai người con gái. Cô lớn, thỉnh thoảng cũng có ra tiệm phụ với mẹ mà ngồi thu tiền. Cô nhỏ, tôi chưa hề gặp, nhưng cả hai đều đã có công ăn việc làm. Colin, chồng bà Rosa, là nhân viên sở cứu hỏa thành phố này. Tôi có gặp anh một đôi lần, những bạn Colin ghé vào tiệm sau giờ làm việc giúp vợ chắt thêm những lon nước cam nước bưởi, trà ngọt vào tủ lạnh hoặc bê mấy cái túi ni-lông lớn ra thùng rác phía sau tiệm. Và cũng chỉ là một tiếng “hello” xã giao về phía tôi và một tiếng “hi” cộc lốc từ

phía Colin.

Tôi không có lý do gì để tò mò mà biết thêm về họ. Tôi là một người khách hàng cần một ly nước ngọt. Họ cung cấp cho tôi chỗ ngồi, nước ngọt. Xong, tôi trả tiền. Lịch sự chào hỏi khi đến và khi đi. Chấm hết. Tôi vẫn thường nghĩ rằng khi đã lọt vào guồng máy sinh hoạt rộng lớn của tiểu bang California, khi có công ăn việc làm, có nhà, có xe, có bảo hiểm rồi, thì mỗi cá nhân là một đoàn toa xe lửa chở hàng hóa riêng của mình. Tùy thời khóa biểu, khi thì đó là một chuyến tàu suốt, có khi là một chuyến tàu chợ. Cả hàng triệu con tàu đó rộng rãi muôn phương nhưng mà chật hẹp giữa hai đường sắt cứng của riêng mình. Trên hệ thống thiết lộ chằng chịt ấy, trùng điệp khắp bốn phương tám hướng, mỗi con tàu, có những nhà ga riêng của nó. Chằng chịt vậy mà lại có rất ít giao điểm. Mỗi người một cuộc đời. Ít ai có thì giờ cho ai.

Đôi khi tôi vẫn nghĩ đến, với một chút nhớ tiếc, những nhịp sống tương đối thư thả hơn cơn lốc ở đây đang cuốn mình vào rất nhiều những thứ thuộc loại “thân chi ngoại vật”. Có thứ cần thật, có thứ nghĩ cho kỹ, không có cũng xong. Tại nhiều nơi ngày trước tôi có dịp làm việc khi năm bảy tháng, có khi cả mấy năm, cũng là sáng đi tối về cho chuyện cơm áo, nhưng mà tôi đã gặp trên những đoạn đường ngăn ngắt ngày ngày qua lại một đôi nụ cười chào hỏi của bác thợ sửa xe đạp, xe gắn máy, trao đổi một đôi lời vu vơ với em bé bán thuốc lá dưới cột đèn, cắn và nhai thử một lá trà mà bà chủ tiệm người Phúc Kiến nói rằng toàn là trà đợt non, ghé vào một tiệm sách cũ căn dặn người bán sách phải gắng tìm cho được một quyển đang cần, ghé lấy ổ ba-ghết cho bữa cơm tối, tạt vào một cái quán có nào đó “làm” một ly bia...

Dĩ nhiên, cũng có lúc công việc cứ chồng chất thành đống, bận bịu tối tăm mắt mũi, nhưng mà trên đường tới sở và về nhà, tôi biết những nụ cười, những ánh mắt quen thuộc ấy vẫn có đó thấp thoáng sau một cái quầy hàng, một tủ kính, một tấm bạt bên đường.

Ngày trước tôi chưa bao giờ sống trong ba cái hộp như hiện

tôi đang sống ở đây: hộp thứ nhất là nhà, hai hộp kia là xe hơi và nơi làm việc. Khó mà thấy được một khuôn mặt quen thuộc trên xa lộ, trừ những lần lái theo đoàn xe sau một chiếc linh xa kiểu limo tám máy, trên đường ra nghĩa trang mà tiễn chân một người thân, một người bạn, một người quen trong chuyến đi thật là đẹp, đẹp và vô cùng lãng mạn, bởi vì đó là một cuộc hành trình vô định. Ai mà biết được là mình sẽ đi về đâu, đến nơi nào! Cuộc hành trình mà thoát nhìn là chuyến lên đường riêng rẽ, riêng biệt của mỗi người, mỗi sinh vật, nhưng mà nghĩ cho kỹ, trong lẽ tương đối xem nghìn năm như “chớp mắt” - tôi mượn chữ “nhất thuận” của Tô Đông Pha trong bài Tiền Xích Bích Phú - lại là cuộc đi chung, chuyến đồng hành, đồng hành với tất cả những gì, hoặc tình cờ, hoặc qua một sự an bài hoặc theo một qui luật nào đó mà đã, đang và sẽ lọt vào vòng sinh, trụ, hoại, diệt. Còn có cuộc đồng hành nào bất ngát và mệnh mông hơn nữa. Và cũng vì vậy mà tôi nói nó đẹp.

Thật ra, tại vì dùng hai chữ “nghĩa trang” rồi liên tưởng khiến tôi rẽ sang những giòng triết lý vơ vẩn trên đây, nhưng tôi vẫn chưa quên chuyện thiếu vắng tình người trên những chuyến khứ hồi thường nhật của một người sinh sống ở tiểu bang California, nơi mà không biết lái hoặc không có xe hơi là kể như què! Có thì giờ mà có chí để đi học lại, rồi may mà bò lên được đến cao học, tính đến chuyện làm ông nghề ông cống Mỹ, nhất định tôi sẽ viết một cái luận án tiến sĩ về đề tài sau đây: muốn thở được chút dưỡng khí của tình người, cần phải chui ra khỏi hai cái hộp thứ nhì và thứ ba.

Thành ra chút tình của bà chủ quán đối với lớp thân chủ trẻ tuổi kia là một điều khá lạ đối với tôi. Nó là cái lững lờ của duyên bèo nước, ơ hờ đấy nhưng mà lại thiết tha. Kể cũng hay, chút chân tình nào mà không đẹp, ngay cả lúc nó bị trao lăm người, lăm chốn. Và...hình như tôi cũng vừa ý thức được nguyên nhân của một thoáng hụt hẫng, thiếu thốn đã lọt vào lòng tôi trước đây có mấy phút. Trong đầu tôi đang loáng thoáng nhiều cái bóng nhanh nhẹn, vui vẻ của cả một lớp bạn đồng hành từ buổi lên đường hăm hở ấy. Và cũng chia tay từ buổi ấy.

Phải rồi, ở cái tuổi ấy, buồn vì cảnh biệt ly thì cũng có đấy, mà ngây ngất trong chất men phân kỳ thì quả là ngây ngất. Bởi vì đó là một cuộc chia lìa không có người ở lại. Trên cái đài hoa ấy của tuổi trẻ có cả một lớp phấn nhụy nhiều màu đang theo gió mà tung bay khắp bốn phương tám hướng. Hình như tôi đang muốn viết một bài thơ về hình ảnh lãng mạn này. Một hình ảnh gây nhiều cảm xúc, vui buồn lẫn lộn. Nhưng mà thơ không phải là cứ “muốn làm” là chữ nó tới với mình. Nhất là vào lúc những tế bào vị giác đang xôn xao đòi hỏi một chút men rượu vào lúc chiều xuống. Tôi đang vẫn vơ tiếc một đôi chuỗi cười giòn giã, nhớ dăm ánh mắt đầy tin tưởng đã tan biến mà nhường chỗ cho lớp phiền não trùng điệp giữa cuộc nhân sinh này.

Giữa những vang vọng của tiếng cười, những hồi quang của ánh mắt ấy là những người quen, người bạn. Có người có cuộc đời mà tôi biết rõ từng chi tiết nhỏ nhất; có người tôi chỉ biết loáng thoáng qua lời kể lại của kẻ khác. Có người đã qua đời vì bệnh hoạn, chiến tranh, tai nạn bất kỳ. Số còn lại, có đôi lòng mình mấy đi nữa, cũng là đang loay hoay trong cái tàn cục của ván cờ đời mình. Có người cho đến giờ này vẫn còn hăng hái xông pha với mã đã què, sĩ đã khuyết, tượng đã gãy. Có người thua đậm. Có người đang cầu hòa. Và hình như tôi không có quen một ai đã từng vỗ ngực mà tự cho là mình đã chiếu cho cuộc đời phải bí!

Nhưng mà, có một người...tôi đang nghĩ đến anh Thường, quen biết từ ngày còn ở Khải Định(Quốc Học) Huế. Anh lớn hơn tôi ba tuổi nhưng học trên tôi có một lớp vì bị mất hai năm thời tản cư hồi cuối năm 1947. Gia đình anh buôn bán ở Đà Nẵng. Thời gian ở Huế, anh trọ nhà một người bà con trong Thành Nội, gần cửa Đông Ba. Nhà tôi ở Vĩ Dạ nên cũng có buổi học về, cùng đi một quãng đường, đến cầu Trường Tiền thì chia tay trước nhà hàng Morin. Nghe nói anh chuyên cần và học giỏi. Hồi ấy, có hai điều về anh Thường mà tôi biết chắc. Thứ nhất là anh không rập vào cái khuôn “Quảng Nam hay cãi” mà không biết ai đã chế ra để đúc những con người “đồng dạng” ở ngay phía Nam chân đèo Hải Vân. Trái lại, anh có vẻ ít lời. Trong sân

trường, vào giờ ra chơi, bạn bè có túm tụm lại mà cãi nhau – tuổi ấy, chúng tôi chưa biết thảo luận – về một đề tài hay một chuyện gì đó, tôi nhớ anh lắng nghe nhiều hơn là nói. Mà có nói cũng chưa bao giờ tôi nghe anh phát ngôn bừa bãi. Điểm thứ hai là anh giỏi sinh ngữ. Về hai môn Anh và Pháp văn, anh luôn là người không nhì thì cũng nhứt lớp.

Bấy giờ là niên khóa 1948-49. Lúc tôi rời Huế cũng vào dạo ấy để đi học ở một tỉnh khác thì anh vừa đậu trung học phổ thông hạng ưu. Chúng tôi cùng trường khác lớp, biết nhau khá nhiều, nhưng thật ra chưa phải là bạn. Trên đường về nhà, những buổi cùng đi với nhau một đoạn đường là do tình cờ mà gặp, còn thì chưa bao giờ chúng tôi hẹn gặp nhau trong giờ ra chơi hoặc rủ nhau đi tắm sông, đi dạo phố vào những ngày nghỉ. Ngay cả một quyển sách cho nhau mượn cũng không có. Tóm lại, chúng tôi không có nhiều kỷ niệm học trò chung với nhau. Do đó, tôi quên mất anh Thường nếu không có lần gặp lại bất ngờ năm 1974, ở Ngã Bảy Chợ Lớn, gần đường Lý Thái Tổ cũ...

Một trong những điều bức mình đối với tôi khi phải nhắc đến địa danh trong nước là vì không biết nay những con đường ấy, những thôn xóm ấy, có tên mới hay không, nên cứ phải thêm chữ “cũ”. Saigon bị/ được đổi tên rồi, thôi, chuyện đã xong. May mà cho đến bây giờ chưa phải nói đến Hà Nội cũ, Huế cũ, biết đâu lại không có cả Việt Nam cũ. Vì trong lịch sử, quốc hiệu cũng đã từng thay đổi nhiều lần. Mà những người được bầu lên với 99% số phiếu cử tri, như vẫn luôn thấy trong những cuộc bầu cử tại các chính thể độc tài, thì... điều gì mà họ lại không dám làm!

...Lý Thái Tổ cũ. Phải rồi, lúc ấy là thời gian có nhiều cuộc biểu tình trong đó cái gọi là Thành Phần Thứ Ba ngày nào cũng trống kèn inh ỏi mà cổ võ cho phong trào gọi là Hòa Giải Dân Tộc. (Lúc ấy, hình như không ai biết rằng họ chủ trương *hòa hợp* cốt là để *giải* tán mình! Giản dị vậy thôi.) Vì nghề nghiệp, tôi phải theo dõi để tường thuật về một trong những cuộc biểu tình ấy. Ba giờ trưa. Trời Saigon nắng chang chang, đổ mồ hôi hột. Ký giả ngoại quốc bấm lía bấm lịa mà chụp các nhân vật dẫn

dầu cuộc biểu tình trong số có bà luật sư Tây học họ Ngô – không có họ hàng chi với tổng thống Ngô Đình Diệm – trên trán và bên má có dán tổng cộng năm miếng băng keo màu hồng, loại dùng trong các hộp thuốc cấp cứu để rịt những vết thương ngoài da. Thấy nhiếp ảnh viên của hãng thông tấn AFP (Agence France Presse) bà lớn tiếng – tiếng Pháp - kêu gào là bị cảnh sát hành hung. Liên đó có ngay một cuộc phỏng vấn tại chỗ đầy đủ chi tiết về chuyện mạnh chân mạnh tay của nhân viên công lực.

Tôi đứng cạnh đấy, lắng nghe và cố nhớ nhưng không ghi lên giấy bút. Sau đó bà luật sư nọ tụt lại đằng sau đoàn biểu tình vì...cái tiếng Việt mình nó hay lắm, vui lắm! Có những câu tục ngữ hoặc thơ đại ý nói rằng trong một vài loại hoàn cảnh, ai cũng giống ai cả như “tắt đèn nhà ngói như nhà tranh” hoặc “ngày thì quan lớn như cha/dêm thì quan lớn rầy rà như dân”. Có một câu nữa nói rằng khi mưa thì dưới gầm trời này ai cũng ướt cả, nhưng mà tôi nhớ không ra. Còn như khi nóng thì không cần đến ca dao tục ngữ hay thơ thần gì cả mà quốc gia, cộng sản hay là thành phần thứ ba thứ tư gì cũng đổ mồ hôi cả. Như tôi nói hồi nãy, ba giờ trưa ở Saigon khoảng tháng năm tháng sáu, nắng chang chang.

Tuy vậy, vì nghề nghiệp, tôi cũng chịu khó đi theo bà luật sư để xem tại sao đang hùng hổ ở “tiền tuyến” vậy mà tự nhiên lại lạng lẽ rút về “hậu phương”. Không khó nhọc lắm vì liên đó, bà luật sư tay ôm mặt ra chiều đau đớn lắm, cùng với mấy người nữa, rẽ vào một tiệm giải khát bên đường Lý Thái Tổ. Tình hình có vẻ khẩn trương, tôi theo sát. Tình hình khẩn trương nên bà luật sư quên cảnh giác, bà quên mất sự hiện diện của một phóng viên mũi tẹt da vàng, bà tháo mấy miếng băng trên mặt để dán lại cho chắc vì mồ hôi trên mặt khiến chúng bong ra, sắp sửa rớt. Chỉ vài giây thôi, nhưng tôi cũng đủ thấy rõ là bên dưới những miếng băng ấy không có một mảy may xây xát, bầm tím hay sưng u chi cả. Vẫn là mặt hoa da phấn như danh tướng Cẩm Mã Siêu đời Tam Quốc.

Hôm ấy là lần đầu tiên trong đời tôi chứng kiến cảnh “khi chiếc mặt nạ rơi xuống” cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Và lại

càng thấm thía lời căn dặn khuyên nhủ của những bạn đồng nghiệp giỏi hơn và giàu kinh nghiệm hơn tôi: đừng bao giờ thấy hoặc nghe “sự thật” mà tin ngay rằng đó là sự thật, không hẳn là vì một lý tưởng cao cả nào, mà vì lạng quạng là mất việc! Chỉ tội nghiệp cho mấy anh ký giả ngoại quốc ngây thơ hồi ấy, dùng chiến tranh Việt Nam làm bàn đạp mong nhảy vọt trên những nấc thang danh vọng của nghề nghiệp, thích đóng vai hiệp sĩ mà ra tay phò nguy cứu khổn cho những kẻ mà họ cho là lép vế, yếu thế (underdog), mắc mớ là phải. Bây giờ hơn một phần tư thế kỷ sau những ngày ấy, tôi thấy tội nghiệp cho họ, nhưng lúc bấy giờ tôi nghĩ: “Đáng kiếp! Ai biểu sơn sắc!”

Sau khi đoàn biểu tình đã giải tán và tuy không có tin gì khẩn, cần phải đánh đi ngay, tôi cũng tìm cách điện thoại, như đã hẹn, cho cơ quan biết là tôi đang trên đường về và sẽ viết bài tường thuật tại sở. Thời ấy chưa có điện thoại bỏ túi như bây giờ. Tôi vừa rảo bước vừa nhìn vào từng cửa hiệu trên đường Lý Thái Tổ. Đến một hiệu bán dụng cụ điện, thấy có máy điện thoại trên quầy, tôi xông vào hiệu và xông luôn vào vấn đề:

“Ông cho phép tôi dùng điện thoại được không ạ? Tôi gọi đi Saigon thôi.” Thường thì những lúc râu ria sạch sẽ, tóc tai gọn gàng, áo quần thẳng thớm, đi đứng khoan thai, tôi nghĩ tôi không đến nỗi khiến cho trẻ con trông thấy mà ù té chạy. Nhưng mà hôm ấy, sau gần năm tiếng đồng hồ theo đoàn biểu tình ngoài nắng- đúng là theo dõi!- tôi kéo áo sơ-mi ra ngoài cho mát, mặt mũi chắc cũng khá nhiều bụi bặm, bơ phờ vì mệt và khát, nên tôi gặp ngay một chút ngần ngừ trong ánh mắt của người chủ tiệm, đang quét một cái nhìn quan sát tôi từ đầu đến chân. Mà lỗi tại tôi, bởi vì ở đâu thì cũng vậy thôi, ở đâu thiên hạ cũng coi mặt mà bắt hình dong, không riêng chi Chợ Lớn! Đang đi ngoài đường, áo quần xốc xếch, hớt ha hớt hải xông thẳng vào tiệm người ta xin gọi điện thoại, lại không nói rõ lý do, ai mà cho! Đã vậy, hấp tấp nên quên luôn cả khoản lịch sự tối thiểu là tự giới thiệu. Biết mình hổ, tôi lí nhí xưng tên. Mở ví rút nhanh một tấm danh thiếp có ghi rõ nghề nghiệp và xin lỗi vì cử chỉ đường đột của mình. Liếc nhanh qua mấy hàng chữ, người chủ tiệm mở

tròn mắt nhìn tôi:

“Anh K. ở Vĩ Dạ phải không?”

Giọng Quảng Nam nguyên chất này, âm sắc hơi rồ rồ này, đời nào tôi quên được! Tôi nhận ngay ra Thường.

Tôi ngược mắt nhìn lên phía đỉnh Mount Wilson, một vài đám mây chiều dật dờ sau một màn sương mỏng. Không biết ai là người đầu tiên nghĩ ra từ ngữ “bèo hợp mây tan”, nhưng mà nó hay đến độ người ta yêu nó quá, dùng nó nhiều đến độ nó bị biến thành một sáo ngữ. Nhưng tôi nghĩ cũng khó kiếm ra một hình ảnh đẹp hơn và chính xác hơn để tả cảnh tụ tán bất thường và tâm trạng của những người quen biết, của một đôi tình nhân, của một đôi bạn. Nhìn mấy đám mây đang mỏng dần, lang thang qua bên kia rặng núi rồi biến hẳn, tôi đã nghĩ rất nhiều về Thường và tôi, về những ngày mới quen nhau ngoài cổng trường, về lần gặp nhau ở Chợ Lớn và nhiều hơn nữa...về cuộc đời của Thường.

Sau năm đệ tứ, Thường phải nghỉ học vì mắc chứng lao phổi. Nhờ thuốc trụ sinh lúc ấy đã có bán ở Việt Nam tuy rất đắt, anh khỏi hẳn, nhưng mà cũng phải mất hết hai năm anh mới chuẩn bị đi học lại. Lúc anh đang ôn bài vở để sửa soạn ra Huế học tiếp thì ông thân sinh anh qua đời, để lại một cơ sở thương mại khá lớn chuyên phát hành gạo, muối và than củi cho nhiều tỉnh miền Trung. Thường là con trưởng mà mẹ anh suốt đời chỉ lo nuôi con, chăm sóc việc nhà, chưa hề nhìn đến sổ sách. Thường quyết định thôi học để ở nhà điều khiển công việc buôn bán và giúp mẹ.

“Lúc đầu tôi cũng hơi buồn buồn vì đi học lại không được. Nhưng có lẽ vì lúc ấy gánh gia đình khá nặng - tôi còn năm đứa em nhỏ nữa - mà sức khỏe của tôi cũng đang kém tuy đã bình phục, nên tôi cũng hơi ngần ngại. Nhớ bạn nhớ trường lắm chứ anh. Mà đành chịu.” Lời Thường thuật lại cho tôi nghe hoàn cảnh anh lúc ông thân sinh qua đời, vào một trong những lần chúng tôi ăn cơm hoặc uống một ly chanh đá với nhau – Thường không uống rượu – sau buổi gặp gỡ bất ngờ ở Chợ Lớn.

Thường hiếu học nên dù không đến trường, anh theo các lớp thương mại, sinh ngữ hàm thụ của trường Ecole Universelle bên

Pháp, dần dà tự tạo cho mình một kiến thức căn bản đầy đủ mà tôi phải phục ở một thương gia tự học. Cơ sở của cha để lại, lúc đầu anh lúng túng vấp vấp nên có lúc hàng hóa ứ đọng, công việc trì trệ, thành ra có thua lỗ, nhưng nhờ thông minh và nhờ có chút kinh nghiệm qua những lần anh giúp cha xem sổ sách, tính toán chi thu, anh thạo việc sau một thời gian ngắn rồi điều khiển công ty rất phải phép nên cứ vậy mà ngày càng khá giả. Một tay anh gây dựng cho năm em – ba trai hai gái – học hành tới nơi tới chốn, cưới vợ gả chồng đầy đủ.

Mấy năm sau, anh nghiêm nhiên trở thành một ông chủ giỏi giang của một hãng buôn đang phát triển mạnh và được bà mẹ gốc Hoa Kiều cưới cho một người vợ đảm đang, tần tảo.

“Lúc ấy, mình còn trẻ quá, mới có hăm mấy tuổi. Nhưng bà má tôi nói mày làm ông chủ mà chiều chiều cứ đi đánh binh-bông với bạn bè vậy, coi không được. Với lại má tôi nói tuổi nhà tôi hợp với tôi lắm. Tướng vượng phu ích tử mà cũng phải gặp chồng hợp số nó mới phát được.”

Tôi hơi ngạc nhiên khi nghe Thường nói anh chấp nhận sự sắp xếp của bà mẹ trong cuộc hôn nhân của anh vì thời ấy, lớp thanh niên trạc tuổi chúng tôi thường ít có ai chịu ngồi vào chỗ cha mẹ tính đặt mình. Ngược lại, đa số vẫn tự chọn lấy người bạn đời của mình. Trong chỗ bạn bè cũ tôi biết có người suy nghĩ kỹ, có người mê rồi xông đại tới, quyết lấy cho được, sẵn sàng chấp nhận mọi hậu quả xấu tốt. Đa số, may mà êm ấm cả.

Tôi đùa:

“Một sự lựa chọn quyết liệt giữa chuyện lập gia đình và bóng bàn?”

Thường châm thêm cho tôi một chén trà Đài Loan mà anh nói là quà của một người bạn Hoa Kiều trong Chợ Lớn:

“Thứ trà này thiệt ra không phải là thượng hảo hạng, nhưng mà anh đổ trà cho thiệt chặt ấm, uống đến nước thứ ba thứ tư còn ngọt. Anh thử coi.” Chờ tôi nhấp xong chén trà quả còn ngọt thiệt, Thường nói tiếp:

“Tại vì tôi mê bóng bàn lắm, tuy đánh không hay. Một phần cũng là vì hồi đó tuy đã bình phục nhưng thật sự không được

sung sức. Bóng bàn là một môn thể thao nhẹ, hợp với tình trạng sức khỏe của tôi. Lúc đó, quyết định quan trọng nhất của tôi là chuyện ở nhà giúp gia đình. Còn chuyện học thì tôi cũng đã nghĩ đến trường Ecole Universelle, nhưng mà cũng mãi mấy năm sau mới thực hiện được. Còn chuyện lấy vợ thì thật ra má tôi nói cũng có lý. Với lại tôi với nhà tôi cũng quen nhau từ lâu, bạn từ tiểu học. Lấy vợ rồi coi có được không thì tôi không biết nhưng mà lũ bạn cũng bớt rủ mình. Sau tôi có đóng một cái bàn ở nhà mà tụi nó cũng ít tới.”

Tôi tùm tùm bắt nọn Thường:

“Còn tình đầu ngoài Huế?”

Thường trợn tròn đôi mắt, ngạc nhiên trước câu hỏi đó, nhưng anh biết ngay là anh đang bị tôi tra mánh. Anh cười:

“Có. Học trò trong Quảng... mà. Yêu thầm nhớ trộm cô con gái một bà có sạp bán vải ngoài chợ Đông Ba. Tôi có... xướng một bài lục bát và được họa bằng một bài văn xuôi. Đó là một bức thư ngắn, dặn dò kỹ là *anh có ưng nói chi thì cứ nói, đừng làm thơ*. Hồi mới đậu trung học phổ thông, tôi ra chợ Đông Ba, rình đúng vào lúc hai giờ rưỡi trưa, thường không có bà má ở đó, chắc là về nhà ngủ trưa, tôi dạo qua dạo lại, thấy không có ai, thu hết can đảm nói một câu lẳng xet “Mai tôi vô Đà Nẵng.” Câu trả lời cũng lẳng xet không kém: “Dạ rửa nhĩ hê xong anh ra lại.”

Thường còn nói thêm rằng bây giờ anh cho câu nói của người con gái là lẳng xet, nhưng lúc ấy cái dáng e thẹn, bẽn lẽn khi thốt ra câu đó khiến anh nghĩ rằng đó là một lời hò hẹn, hẹn cho đến ngày khai trường niên khóa sau “thành ra lòng mình nở như hoa, tươi quá xá, tươi hơn cả mấy cành phượng trước nhà Thông Tin bên cầu Trường Tiền nữa.” Chúng tôi cười vang cả cái sân thượng trên nhà Thường.

Chị Thường, tươi và trắng trẻo, với dáng đi nhanh nhẹn của những người siêng năng và khỏe mạnh, từ dưới lầu lễ mễ bưng lên một khay trái cây và bánh ngọt. Thường săn sóc vợ:

“Em biểu chị Tư bưng cho. Lên mấy tầng lầu!”

“Em làm được mà. Dạ, mời anh, không biết cam có được

ngọt hay không nhưng mà ổi thì ngọt mà thơm lắm. Hai anh vui chuyện chi mà cười đã vậy?”

Thường cười thẳng thắn:

“Anh đang thuật lại cảnh biệt ly ngoài chợ Đông Ba.”

Chị Thường hơi cau mày cười âu yếm nhìn chồng:

“Có một chuyện đó mà kể hoài.”

Tôi vội vàng giải thích để cho Thường khỏi chống chế, nếu quả là Thường phải chống chế:

“Xin lỗi chị, tại tôi khởi chuyện ngày còn đi học.”

Tôi liếc nhìn chị Thường. Nếu có một chút hờn giận, bức bối thì quả là tôi không nhận ra qua nét cười hiền lành ấy. Ớt nào chẳng cay, nhưng tôi nghĩ rằng đôi lông mày kia, khi hơi cau lại chỉ là một thoáng trách móc thì đúng hơn, trách Thường sao không biết nhàm mà cứ kể mãi cái màn biệt ly ngộ nghĩnh ấy. Thật ra, nếu biết vợ hay bóng gió thì Thường, vốn không thiếu tế nhị, đã không nói thẳng ra là anh đang nhắc đến điều mà anh gọi là “mối tình giữa chợ.”

Dạo ấy là những ngày tháng mệt nhọc vì công việc hơi chán, ngày nào cũng phải nghe và buộc phải tường thuật những lời tuyên bố đầy những danh từ chính trị to lớn và do đó mà rỗng tuếch của mấy ông bà thuộc thành phần thứ ba, nhấn mạnh vai trò hòa giải “lịch sử” của họ. Có lúc, tôi đã nghĩ rằng, cứ soạn một bản tin cũ chừng một hai tuần, đổi một vài chữ là có ngay một bản tin mới toanh (mới về mặt thời gian tính thôi). Ngày nào cũng ngán ấy chuyện, lải nhải mãi... trong vai trò lịch sử của họ. Thường thường không riêng gì ở Việt Nam, những tay chính trị hoạt đầu - bây giờ gọi là theo cơ hội chủ nghĩa - gây thơ đến độ đại dột, mà có được một vai trò nào đó trong sinh hoạt chính trị, thì chỉ có thể là một vai hề thảm thương, không hơn không kém. Lịch sử thường không dung được với những vai trò như vậy, sân khấu chính trị không có chỗ đứng lâu dài cho họ.

Giữa những ngày tháng mà sự kiên nhẫn trong nghề nghiệp bị cái nhàm chán nó thử thách đến cực độ, một hai tiếng đồng hồ trong không khí thân mật và đầm ấm của gia đình Thường, trên cái sân thượng rộng rãi và mát mẻ ấy, đôi khi cũng đưa lại cho

tôi cái cảm giác dễ chịu của một chuyến đi đổi gió. Thành thử, ngồi trong quán cà phê này, nghĩ đến những cô cậu học sinh đang sắp sửa nắm lấy những quyết định có ảnh hưởng đến chuyến lên đường đầy hứa hẹn của họ- họ sống trong một nước giàu có vào một thời kỳ thanh bình- tôi đã nghĩ rất nhiều về những người bạn cũ, về những chuyến khởi hành trong một hoàn cảnh lịch sử, vật chất và tâm lý khác, nhưng không kém phần hăm hở.

Tôi chợt nhận ra rằng Thường là người duy nhất có được cái hạnh phúc của một cuộc đời bình thường trong hoàn cảnh bất thường của đất nước. Vì chứng lao phổi thời thanh niên, anh được miễn dịch, lập gia đình, năm đứa con của anh mặt mũi sáng sủa, mạnh khỏe, công ty nhà ngày một phát đạt, anh giao cho một người em gái ở Đà Nẵng trông coi, vào Saigon chuyển sang ngành buôn bán điện cụ, cũng thành công không kém “thối nhà” buôn muối và buôn gạo. Anh thuộc hạng thương gia giàu, nhưng không phải là giàu có lớn. Nhờ dư dả, anh sống trọn vẹn với cái đam mê khá tốn kém của mình: chơi tem.

Bộ tem Đông Pháp và Việt Miên Lào của anh, theo lời Thường, chỉ thiếu có chừng hai chục con. Anh là hội viên của hội bưu hoa quốc tế từ đầu thập niên 1950. Qua trung gian của hội, anh sưu tầm đầy đủ, kể cả tem phát hành ở Hà Nội sau hiệp định Genève năm 1954. Trong phòng làm việc ngay bên dưới cái sân thượng mà chúng tôi vẫn ngồi nói chuyện, tôi đã thấy mấy cái tủ kính lớn đựng đầy những quyển album dày, trang nào cũng dán kín đủ hai loại tem sống và chết, đã được phong kỹ trong những bao giấy bóng đục và sắp theo niên lịch.

Đặc biệt và rất quý là hai quyển dán những bản “épreuve” (in thử) của mấy con tem phát hành vào năm 1943-44, có triện của nhà in I.D.E.O và Cliché DAU mà Thường đã mua lại được của một người Pháp trước là công chức bưu điện Nam Kỳ. Lúc soạn mấy quyển album đó ra cho tôi xem, Thường nói:

“Mấy cái épreuves này, thật ra không có giá trị bằng tem đã phát hành, nhưng đối với người chơi tem lại quý lắm. Anh có đem vàng đến, tôi cũng không bán.”

Mà quả là như vậy thật. Sau tháng 4 năm 1975, anh quyết

định ở lại hay là bị kẹt tôi không biết. Nhưng một người em trai của anh mà tôi gặp ở Mỹ thuật lại rằng gia đình anh, cũng có lúc phải bán nhiều thứ, kể cả nữ trang của chị Thuởng. Nhưng tuyệt đối anh không bán một con tem dù có lúc có một vài người đến hỏi mua với giá rất cao. “Anh Thuởng tôi nói vàng bạc hột xoàn may mà trời cho có cơ hội làm ăn được thì còn sắm lại được, chớ còn tem thì ai in ra cho mình mua lại.”

Kể cũng có lý, dù rằng đó là cái lý của kẻ đam mê -logique du passionné- như người Pháp vẫn nói. Tôi hiểu tâm trạng người bạn cũ này lắm, dù anh Thuởng có lúc bị chị vợ trách là gàn, theo như lời người em trai. Bởi vì tôi đã thấy cái đam mê, say sưa, dấm đuối nữa là khác, nó hiện trên mặt trong cử chỉ trong lời nói của anh qua một vài lần anh mở cái kho báu của anh cho tôi xem.

Một tay cầm cái kính hiển vi nhỏ hình chữ nhật, một tay nắm cái kẹp sắt, anh cẩn thận gấp hai con tem có hình thống chế Pétain để lên trên mặt bàn có tấm gương lớn, rồi giảng giải:

“Anh coi, con 1942, nó đậm hơn con 1943, cũng là màu đỏ cả mà mặt ông Pétain coi sắc sảo hơn, mà răng cửa cũng sắc hơn, giấy cũng tốt hơn nữa. Cả cái nhà nước Bảo Hộ mà cũng thiếu giấy tốt để in tem thì hồi đó tại mình ghiền mấy quyển tiểu thuyết ba xu in giấy bồi cũng không phải là chuyện lạ.”

Trên khuôn mặt hơi mập và trắng của một người đã từng mắc chứng lao phổi, tôi đã thấy đôi mắt ấy sáng hẳn lên, linh động khác thường, khi anh nói về những chi tiết trên cái mũ trong phẩm phục của hoàng hậu Nam Phương, về một chiếc máy bay “bà già”, về ông đại úy Đỗ Hữu Vị với câu nói nổi tiếng “tôi vừa là người Pháp, vừa là người Nam, nghĩa vụ nặng nề, tôi phải sang Pháp”! Nhìn anh nâng niu mấy tấm bưu hoa, tôi đã nghĩ đến sự trân trọng mà chúa Trịnh Sâm dành cho viên ngọc dạ quang xâu trên áo, viên ngọc đã từng bị Đặng Thị Huệ phụng phịu quẳng xuống đất vào một phút nung nịu với nhà chúa!

Tôi là một người lộn xộn, bừa bãi với những vật tùy thân của mình. Chưa nói đến cái tật hay quên của những người không có tổ chức, bạ đâu vứt đấy, cho nên cả một đời tôi, tôi không đồn,

không thu thập được một thứ gì cả. Thành thử tôi phục anh Thường lắm, phục cái thứ tự ngăn nắp của anh đã dành mà còn phục luôn cả cái kiến thức rộng rãi bên lề chuyện chơi tem. Những biến chuyển lịch sử, những địa danh, những nhân vật có liên hệ đến một con tem nào đó, anh nói vanh vách. Tôi vừa lắng nghe anh nói vì tò mò về tem vừa chú ý đến vẻ sung sướng, hân hoan trên mặt anh mà trong lòng cũng vui lây. Có người cho rằng đam mê là yếu đuối. Tôi lại cho rằng đam mê là “con người”. Mà tôi thì lại thích ngắm con người. Có lẽ vì nghĩ như vậy mà không bao giờ tôi thấy tôi “nghèo” cả. Một nét mặt, một nụ cười, một giọt nước mắt, một câu chuyện, một tiếng đàn, một tiếng khóc, một giọng hát, một cử chỉ hờ hênh, một câu nói chửi xéo tất cả những gì tôi đã thấy tận mắt, nghe tận tai có vẻ như đã giúp cho tôi giàu thêm được một chút xót xa, trắc ẩn đứng trước những gì là yếu đuối, là thất bại, là đổ vỡ, là rủi ro, là thiệt thòi trong cuộc đời của những người tôi có dịp gặp gỡ, quen biết.

Sau này, nếu tôi có nổi hứng hoặc nổi khùng mà viết hồi ký, thì tôi biết trước chắc chắn một trăm phần trăm là tập hồi ký đó sẽ có nhiều ấn tượng, cảm tưởng và cảm giác hơn là sự kiện. Thật ra thì đời ai mà không nhiều sự kiện, nhưng có lẽ chỉ có cách mình sống với sự kiện như thế nào là điều mà mọi người nhớ lại, ghi lại với nhiều thích thú, nhiều say sưa hơn, nhiều xúc động hơn.

Thường, nhớ đến bạn trai cũng như bạn gái cũ xa cách đã lâu, tôi vẫn hay buồn buồn. Những con thuyền nay đã neo ở một vài cái bến đâu đó khắp năm châu, tôi biết đã từng gặp sóng gió, không ít thì nhiều. Những cánh buồm xưa, nói như câu thơ của một người bạn, giờ đã tơi tả, không còn hứng được gió tương lai. Có người không còn màng đến tương lai nữa tuy vẫn sung sức, chưa lão; có người trắc trở trên đường công danh sự nghiệp; kẻ thì tình duyên lận đận, kẻ sa sút khánh tận không còn sức mà gượng đứng dậy nữa. Có người góa chồng góa vợ, có người khổ vì chồng, vì vợ vì con cái... nhiều lắm, chuyện của họ, kể không hết được. Nhưng mà riêng về Thường, hình như tôi không có gì để mà nói cả.

Anh không may bị bệnh lúc còn trẻ, nhưng đời lại bù cho một cuộc sống bình thường, tiền bạc đầy đủ, gia đình êm ấm, cháu nội cháu ngoại cả một bầy và cho đến nay, năm 2000 hân hoi, vẫn say mê chơi tem, theo lời người em trai. Đời anh Thường có giống như mặt nước trong một cái bể cạn có hòn non bộ. Gió bão của trời đất có thể là khủng khiếp đấy, nhưng cũng chỉ gây nên những lớp sóng lăn tăn. Ở nhiều vùng trên địa cầu may mắn có được một thời gian thanh bình chừng năm bảy mươi năm, thì những cuộc đời tương đối phẳng lặng như đời anh Thường nó cứ nhan nhản ra đấy.

Nhưng mà trong hoàn cảnh của đất nước suốt nửa thế kỷ vừa qua, một ổ kiến trong rừng, một cây cổ thụ đầu non cũng khó mà vẹn toàn, nói chi đến cuộc sống của từng gia đình, của mỗi người từ Nam chí Bắc. Thành thử một làn nước gợn sóng như những năm tháng trải dài trên nếp sống của người bạn cũ này là chuyện ít có. Đã đành ai mà không có chuyện lo buồn và tôi không có lý do để nghĩ rằng anh Thường thuộc vào một trường hợp ngoại lệ. Tôi nghĩ Thường có được một cuộc đời ít sóng gió một phần cũng vì tâm hồn anh giản dị, ít tham vọng. Có lần, nhân nói về hôn nhân của cô em gái, anh kể với một giọng tự hào nhưng không khoe khoang:

“Má tôi mất bốn năm sau ba tôi, thành ra một tay tôi gây dựng cả cho năm đứa em. Tụi nó thương tôi lắm. May mà số tôi không hẩm hiu như Người Anh Cả của Lê Văn Trương. Chắc anh cũng đã đọc rồi.”

Tôi gật đầu và vụt một cái, tôi thấy luôn trang bìa của quyển tiểu thuyết ấy do cơ sở Phổ Thông Bán Nguyệt San xuất bản, khoảng năm 1942-43, vẽ một bàn tay mở rộng, ở giữa lòng bàn tay có ba hình người. Chuyện một người anh cả lo cho ba em bạc bẽo. Một cốt chuyện hay, đoạn kết cay đắng, chua chát. Có nhiều đoạn cảm động. Tôi nói:

“Nhưng cũng đã lâu rồi. Không nhớ hết được mọi tình tiết trong đó.”

Còn Thường thì lại thuộc lòng. Sau đó chúng tôi nói sang chuyện đọc sách. Tôi để ý thấy anh thích đọc những tác phẩm có

cốt chuyện giản dị, tâm lý nhân vật không phức tạp lắm. Anh thuộc loại độc giả xem truyện ngắn, truyện dài để giải trí. Anh dành nhiều thì giờ hơn cho loại sách biên khảo lịch sử và địa lý. Tôi không tin rằng anh Thường là một người chong đèn lên mà đọc thâu đêm cho hết quyển *Wuthering Height* của Emily Bronte hoặc *Les Frères Karamazov* của Dostoievsky. Ở đây tuyệt đối tôi không nghĩ đến điều thường được nói đến như là trình độ thưởng giám, thưởng thức các văn nghệ phẩm. Không có nguồn vui nỗi buồn nào mà những sáng tác văn chương đưa lại cho mỗi người, lại có thể được đánh giá được bằng trình độ cao thấp. Mỗi người một sở thích. Đọc hay không đọc thật ra cũng không quan trọng lắm cho kinh nghiệm riêng của mỗi người. Bởi vì sống là sống với cuộc đời, không phải sống với sách vở. Bởi vì “cái sống nhất” là cuộc sống. Lúc cọ xát với cuộc sống, kinh nghiệm bản thân luôn để lại những ấn tượng sâu đậm, sâu đậm hơn là kinh nghiệm của người khác thuật lại trên mặt giấy. Thư bất tận ngôn, sách vở không nói hết được là vì vậy! Tôi nghĩ Thường cũng dày kinh nghiệm sống như bao nhiêu người khác qua những xáo trộn lịch sử trong năm mươi qua, nhưng tâm hồn Thường giản dị. Anh thích xem những tác phẩm mà anh gọi là “dễ đọc”.

Sau lần nói chuyện về sách vở, tôi phải rời Việt Nam vì công việc. Khoảng bốn tháng sau đó, trở lại Saigon, tôi đến thăm Thường, biếu anh một quyển album để dán tem khá đẹp mà tôi mua ở Kuala Lumpur, dù đã biết rằng Thường quen biết nhiều Hoa Kiều trong Chợ Lớn, muốn mua gì bất cứ ở đâu cứ nhờ họ, thế nào cũng tìm ra. Thật ra quyển album ấy cũng là một món quà Giáng sinh, vì tôi biết Thường đạo Thiên Chúa.

Cuối tháng chạp, Saigon đã mát. Nắng chiều đổ nhẹ xuống những chậu cây kim quất, hải đường trên cái sân thượng ấy. Thoảng chút hương ngọc lan cuối mùa tỏa ra từ một cái chậu sứ đất tiền cạnh chỗ chúng tôi ngồi. Nét mặt hơi dăm chiêu, Thường cầm món quà mọn của tôi:

“Cám ơn anh. Đang thiếu một quyển để dán mấy con tem Bắc Việt, thuộc loại ngày đầu tiên phát hành.... Thấy các bạn và anh có dịp đi đây đi đó nhiều, tôi cũng thèm. Ngày còn ở Đà

Năng tôi vẫn ước mơ được sang Pháp một chuyến, đáng lẽ thì cũng đi được rồi. Nhưng mà...”

Thưởng cúi nhặt một món đồ chơi của con, một chiếc xe hơi tí hon nằm chống cả bốn bánh dưới chân bàn. Anh im lặng, ngồi thẳng người, ngắm mãi chiếc xe hơi, bỏ dở câu nói. Tôi hiểu. Ngày xưa... ai mà không có một giấc mộng hải hồ. *Chim nào có cánh không thềm bay*. Tôi nghĩ trong cuộc đời của Thưởng, nếu có một điều sở nguyện mà anh không đạt được thì chính là chuyến đi ấy, chuyến đi hụt mà tôi không dám hỏi lý do.

Nắng xé rồi. Giờ này xe cộ trên xa lộ đã thưa. Tôi trả tiền, chào chị Rosa rồi ra xe, nổ máy. Vừa đưa tay gạt số, tôi chợt để ý đến một đám mây nhỏ mà nắng chiều đã nhuộm cho một màu hồng phấn mong manh. Quanh Mount Wilson, toàn là những cụm mây bạc và xám, khiến cụm mây hồng nổi hẳn như một nụ cười không chờ đợi trên một vẻ mặt buồn bã. Ví những đám mây xám kia với những cuộc đời nhiều phong ba của bạn bè tản mát mười phương chẳng? Ví đám mây hồng kia với cuộc đời suông sẻ của Thưởng chẳng? Thì cũng tạm được. Thật ra, nếu không có cái sân trường vắng vẻ, quán thưa người, những cụm mây đầu núi, có lẽ tôi đã quên mất Thưởng, quên mất cuộc sống của anh vốn không có chi đặc biệt, hoặc lạ lùng để cho tôi phải bận tâm suy nghĩ cả. Thành thử, dù có muốn viết về Thưởng, tôi cũng không biết chi mà nói. □

7/2000

* Tri nhân tiện nhân đãi nhân hà thời nhân

** Ở Mỹ, lớp 12 là năm cuối cấp trung học

Tìm mua truyện dài đầu tay của
Ngô Nguyên dũng

khung cửa nắng

văn học xuất bản

văn nghệ tổng phát hành

Sách dày 150 trang. Giá 10 Mỹ kim

Suối Orphée Suối Ophelia

TRẦN HỒNG CHÂU

Ta tỉnh dậy rũ tung ngàn nhung nhớ
 Bờ suối thơ trùng trùng cánh bướm say
 Hoa phơi phơi đào gọi hồn mây nổi
 Cỏ hoàng hôn huyền hoặc tóc ai đây
 Em về đấy chẳng Ophelia?
 Tóc ai đây cắm thạch nghiêng Biển Bắc
 Trán bạch lap bất động chết suy tư
 Em có chia hồn tử Phượng Hồ Gươm?
 Em có hẹn Tiểu Thanh Hàng Châu liễu?

Ta theo suối đến vô cùng
 Ta ôm đàn chiều hoang liêu
 Từ đỉnh ngọn về khởi hứng
 Suối tuổi thơ suối sữa nguồn

Đêm nguyện cầu Orphée đàn lả lướt
 Dây thương cảm tình tang Thơ Nhạc sầu
 Khóc Ophelia, Đẹp yếu tử
 Suối thuyền hoa ôm ấp mình châu ngọc
 Về Trường Giang! Đại Hải! côi nhiệm mầu!
 Em bắt diệt hồn liệm ý Nhạc Thơ
 Ngày Phục Sinh hoa nở suối bình minh!

Ghi chú: Phượng: nhân vật truyện dài lãng mạn Mồ
 Cô Phượng (Hà nội, khoảng 1925-1930) đã trầm mình tại
 Hồ Gươm vì thất tình.

Đường tro bay

Diễm-Âu

*La lune
C'est la mienne.
La mienne
C'est dire qu'elle est à toi.
(thơ Pháp-văn)*

*Vàng trắng
Là của anh.
Của anh
Có nghĩa là thuộc về em.*

Từ sau ngày anh bỏ ra đi, mẹ anh và Duyên không buồn nói với nhau một lời nào nữa. Giữa hai người đàn bà là một khối băng sơn khổng lồ, lạnh buốt đến cắt thịt cắt da. Người ta thường nói, khi hai người yêu nhau, họ nên cùng nhìn về một hướng. Nhưng khi hai người đàn bà không yêu nhau mà chỉ cùng yêu tha thiết một người đàn ông, để rồi chẳng may, người đàn ông ấy lại biến biệt bỏ đi, không bao giờ trở lại nơi chốn thân quen này nữa... thì hai người đàn bà ấy biết nhìn... về đâu? Có còn gì để nói với nhau đâu?

Thật ra thì... từ sau ngày anh đi, mẹ anh đã có nói với Duyên nhiều lắm. Mẹ anh đổ tiếng ác cho chị. Mẹ anh nói:

“Chị Duyên à, chị ác lắm, chị là người chia rẽ mẹ con tôi, không cho tôi được gần anh ấy...”

Rồi có khi, mẹ anh lại nói:

“Chị Duyên à, tôi là người sanh ra anh ấy, mang nặng đẻ đau, lo bú mớm đêm ngày. Chị không sanh không đẻ, chị làm sao hiểu được, làm sao biết được tình mẹ con sâu đậm như thế nào, chị ác lắm...”

Nhưng Duyên đã bịt tai, bịt mắt lại, chị không muốn nghe, không muốn thấy. Duyên chỉ im lặng, bỏ đi chỗ khác vì trong thâm tâm, Duyên hiểu rằng mẹ anh cũng đang đau đớn lắm. Vả lại trước giờ, Duyên ít khi nào cãi lại bà cụ. Mẹ anh nói, chị nghe. Mẹ anh buông lời bóng gió, chị nhìn. Về nhà, chị kể lại tất cả cho anh nghe đầu đuôi không sót một câu nào. Thường thường, chị hay nhắc lại cho anh nghe những điều ấy khi chị đang đứng làm cơm chiều, anh ngồi xem báo ở phía bên kia chiếc bàn ăn, sau lưng anh là khung cửa kính lớn và khu rừng mà cả anh lẫn chị rất yêu. Lần nào cũng vậy, nghe xong, anh đứng dậy, đến bên chị, đưa tay xoa lên lưng chị, vuốt ve, mơn trớn, rồi anh kết luận:

—”Khổ thân Duyên! Nhưng mà thôi, anh đã nói rồi. Mẹ... ghen đấy! Mẹ nói mà không... suy nghĩ, em đã hiểu tại sao rồi thì đừng để ý đến nữa. Mẹ già rồi. Duyên có thương anh thì em bỏ qua mọi chuyện đi, đừng bận tâm đến nữa.”

Có khi anh lại cười, ghé môi thì thầm vào tai chị:

“Mẹ... ghen... với... Duyên! Nhưng mà... chính Mẹ cũng đâu có biết, thật lòng anh yêu em... nhiều đến như thế nào! Nếu biết được thì... thì Mẹ...”

Rồi anh bỏ lửng câu nói, và anh vòng tay qua ôm ngang người chị, siết nhẹ nhẹ. Có hôm chị đang đứng thái mấy củ hành tây để nấu món súp cua mà anh ưa thích — chị nhớ, vòng tay ôm của anh đã làm chị giật mình, lát dao vô tình đi một đường rất ngọt trên ngón tay trỏ của chị, máu ứa ra đỏ tươi. Chị bật kêu lên đau đớn, nước mắt hoen mi, vì hành cay cũng có mà vì đau cũng có. Anh hoảng hồn, vội vàng cầm nhanh ngón trỏ của chị đưa lên ngậm vào miệng, hít hà hút mạnh. Vừa ngậm ngón tay chị trong miệng anh, anh vừa nhìn chị. Xót xa. Đắm đuối. Khi buông ngón tay chị ra rồi, anh nói khẽ:

“Anh xin lỗi Duyên, anh xin lỗi... Khổ thân Duyên!”

Chỉ chừng đó thôi là Duyên đủ quên hết, không còn bận tâm đến những lời xa gần bóng gió của mẹ anh nữa. Đôi lúc, chị lại còn đâm ra hãnh diện, thấy giữa mẹ anh và mình, phần thắng đã thuộc về ai. Anh là của chị. Anh đâu còn phải là của mẹ anh. Mẹ anh có... ghen cách mấy đi nữa thì anh cũng đã không còn là của cụ. Vì anh yêu chị. Yêu chị khác yêu mẹ chứ. Mà chắc chắn là phải yêu chị nhiều hơn (bội phần nhiều hơn), đậm thắm hơn, da diết hơn, ngọt bùi hơn, làm sao có thể so sánh được... Cứ nghĩ đến như thế thì lòng chị dịu lại, chị hết bực tức, không thấy hờn giận mẹ anh chút nào mà lại còn cảm thấy có phần... thương hại cho bà cụ, người mà chị cho là kẻ thua cuộc, chắc chắn là kẻ thua cuộc, trong cuộc chạy đua với tình yêu này.



Nhưng từ sau ngày anh bỏ chị ra đi thì không còn ai thì thầm vào tai chị những khi mẹ anh lên cơn hạnh học, nói nặng nói nhẹ và gieo cho chị tiếng ác là người nhả tâm chia rẽ mẹ con anh. Lúc đầu chị im lặng, có lúc muốn buông xuôi chịu theo ý cụ. Nhưng càng về sau, chị cảm thấy mình càng cứng rắn hơn. Chị không cãi lại câu nào, nhưng trong thâm tâm, chị nhất quyết không thể để cho cụ *chiếm lấy* anh, *giữ riêng* anh cho cụ được! Cho đến một hôm, khi sức chịu đựng của chị như chiếc bát sành đã cũ, bị ném vỡ tan tành ra trên sàn nhà lát đá hoa cương thì... chị đã bật hét lên mấy câu để phản đối những lời buộc tội phũ phàng của cụ - chị đã bật hét lên, ngay trước chiếc bàn thờ chạm trổ rồng phượng của nhà họ Nguyễn (nơi mà chị, xiêm y sùng sính, đã quỳ mọp xuống lạy trong ngày tân hôn)... Chị đã bật hét lên ngay trước mặt cụ và trước mặt mọi người, rồi chị bỏ chạy như có ma đuổi ra khỏi nhà cụ trước bao cặp mắt kinh ngạc của đông đủ cả họ bên chồng. Quắc mắt lên nhìn thẳng vào mặt mẹ anh, chị đã gằn từng tiếng một, giọng chị danh lại:

“Con xin Mẹ, lần này là lần cuối. Mẹ đừng bao giờ nhắc đến chuyện này nữa! Để cho con và nhà con được yên! Anh ấy... không còn phải... là... của... Mẹ! Anh ấy... là... *của*... con! Mẹ không thể *giữ riêng* anh ấy được! Không ở đây, không ở chùa, không ở đâu hết!”

Từ đó đến nay, mẹ anh và Duyên không nhìn mặt nhau hay nói với nhau một lời nào nữa. Bà cụ giận Duyên, giận lắm, và thề độc trước mặt họ hàng là sẽ không bao giờ nhìn nhận gì đến đứa con dâu mà cụ cho là vừa nhẫn tâm, vừa hẹp hòi, ích kỷ ấy. Cụ nguyên rủa chị. Cụ lập đi lập lại mãi một câu với mọi người:

“Chị ấy ác lắm, đến nước này rồi mà chị ấy còn nỡ lòng chia rẽ mẹ con tôi.”

Rồi cụ khóc rức lên, người cụ run lên bần bật không ngừng trong khi những giọt nước mắt già nua, mặn như muối, lả chả rơi như giông tố trên khuôn mặt xác xơ, nhuộm đầy vết mùa thu úa tàn của cụ.

Duyên cũng khóc. Nhưng chị khóc trong âm thầm, không gào réo, không kêu than. Chị khóc nhẹ nhàng, những giọt nước mắt cũng nhẹ nhàng, như lá mùa thu, rơi lặng lẽ trên đôi bờ má còn phảng phất nét thanh xuân của chị. Chị thường gọi tên anh, gọi *anh*, *anh ơi anh*, và trái tim chị thắt lại, như có ai đang siết lại bằng một sợi dây gai đầy móc nhọn, những chiếc móc nhọn đâm tua tủa sắc như dao lưỡi liềm. Chị nhớ đến vòng dây gai Chúa đã đeo vào đầu trên thập tự giá, rồi cứ thế chị lịm người đi trong cơn đau nhức riêng tư, cơn đau mà chị đoán chắc rằng trên thế gian này, sẽ không ai là người có thể chia sẻ được với mình. Không ai có thể chia sẻ được! Làm sao chia sẻ được? Ngay cả mẹ anh, người mà chị biết là cũng đang khóc anh, thương anh, đang níu kéo anh, y như chị!



Ngay sau khi xảy ra chuyện bùng nổ giữa Duyên và mẹ anh ở nhà bà cụ xong, chị lái xe thẳng về nhà anh chị, vừa lái xe, vừa khóc rấm rức. Mây trắng non nà của mùa xuân bay lờn vờn trên trời cao và hoa anh đào nở thắm suốt dọc con đường cái dẫn vào đến thềm cửa nhà anh chị. Mây không chào đón ai, và hoa cũng không chào đón ai. Có còn ai đâu để mà chào đón? Chị nhìn mây, nhìn hoa, đầu óc lơ lửng ở một chốn mịt mù nào khác - chốn mịt mù nào khác của anh, nơi chị biết là chị không thể tới được, không làm sao tới được. Chị mở cửa vào nhà, chạy như sao băng vào căn phòng ngủ nơi nhìn ra khu rừng mùa xuân của

anh chị. Chị đến bên đầu giường anh chị, nhấc bổng chiếc hộp vuông nhỏ, bằng đồng, có chạm hình mấy câu thơ cổ và hai vầng trăng khuyết mỏng nằm chênh chếch ngó nhau, rồi chị ôm sát nó vào lòng, vừa vuốt ve nó - kỷ vật cuối cùng của anh - vừa không ngừng quẹt nước mắt bằng ống tay áo bằng lụa màu đen của mình. Vài phút sau bỗng chị oằn người lên và nằm vật xuống giường như một con thú bị trúng tên, chiếc hộp vuông chạm hai vầng trăng khuyết được chị thả xuống nằm sát một bên trên mặt nệm. Hai tay chị ôm chặt lấy bờ ngực nơi có trái tim đang bị siết lại bởi một vòng gai dây móc nhọn. Chị càng ôm chặt bờ ngực bao nhiêu thì vòng gai càng như siết trái tim chị lại bấy nhiêu. Chị đau đớn. Chị quẫn quại. Đến một mức chị tưởng chừng mình sắp tắt thở, chị đâm hoảng, không hiểu sao thân xác chị lại có thể trải qua một cơn đau kinh hồn đến như vậy. Chị cố hít không khí vào nhưng không cảm thấy có chút gì nhấp nhô nơi lồng ngực. Chẳng thấy có chút gì vào đến buồng phổi, giúp cho chị có thể thở dễ dàng hơn, bớt đau đớn hơn!

Rồi chị lại tấm tức khóc, nước mắt ứa thành một vũng nhoè nhoẹt trên chiếc gối đặt bên mé phải của chiếc giường, chiếc gối của anh. Từ ngày anh bỏ chị ra đi, chị vẫn chưa thay nó. Cái bao gối vẫn như còn đầy hơi hướm của anh. Buổi tối đi ngủ chị áp mặt lên nó ngủ, có khi chị ôm nó vào lòng, rồi tủi thân, chị lại khóc. Chị nhớ anh... Chị lại gọi, *anh, anh ơi anh*, và trong giấc ngủ chập chờn, chị như vẫn còn nghe thấy tiếng gọi *anh ơi anh* của mình vọng vào đến tận trong mơ, để cũng chính tiếng vọng ấy lay lay gọi chị tỉnh dậy mỗi sáng. Thức dậy xong rồi chị mới thấy, rõ ràng đêm qua chị đã ngủ mà sao hoàn toàn như chưa hề ngủ? Trong cơn vằng vắt đầu ngày, nhiều khi chị bàng hoàng không hiểu, cả đêm chị đã làm gì? Ngủ? Thức? Vừa ngủ vừa thức? Khóc? Hay gọi tên anh?



Cũng từ hôm đó trở đi, cái hôm mà mẹ anh thề độc là sẽ không bao giờ nhìn đến mặt chị nữa, đi đâu Duyên cũng đem theo chiếc hộp vuông có chạm hai vầng trăng lẻ bên mình. Có

nó bên cạnh, chị cảm thấy an tâm hơn, thấy mình được che chở hơn.

Mới đầu, không ai để ý vì chị kín đáo để chiếc hộp đồng vuông của anh trong một chiếc túi to bằng vải màu nâu có thêu những bông hoa cúc trắng. Khi đến sở làm, Duyên để cả cái sắc vải vào trong một chiếc ngăn kéo lớn gần phía dưới chân bàn. Để ở đó một dạo thì Duyên thấy có cái gì không ổn. Như thể để chiếc hộp ấy, giấu trong chiếc ngăn kéo gần phía dưới chân bàn ấy, không phải là một việc nên làm. Như thể thiếu trang trọng. Thiếu hẳn lòng yêu quý chị dành cho anh. Ở trong chiếc ngăn kéo đó, chị ít khi nhìn thấy nó và nó cũng ít khi được chị nâng niu. Nghĩ như thế xong thì chị dời chỗ nằm cho chiếc hộp đồng vuông, đem nó để lên trên kệ sách, ở ngăn cao nhất, cạnh một lẵng hoa phơi khô mà chị đã mua từ lâu lắm rồi của một bà người Đại Hàn bán hàng xén dưới phố dạo chị mới bắt đầu vào nhận việc nơi đây. Ngồi ở bàn làm việc, hằng ngày, chỉ cần ngược lên khỏi mở giấy tờ bữa bộn là Duyên có thể thấy được chiếc hộp đồng vuông. Lúc ngừng tay làm việc, chị có thể đứng dậy đến bên kệ sách mân mê mấy cái góc hộp, vuốt ve nó bằng cả năm ngón tay thon nhỏ của mình. Chiều đến, sau khi thu dọn giấy tờ sách vở bỏ vào cặp, chị lại đến bên kệ sách, với hai tay lên bưng nó xuống, chậm rãi, cẩn trọng, rồi mở chiếc sắc vải to ra, chị bỏ nó vào trong, đeo túi vải lên xe, lái thẳng về nhà.



Một hôm, Duyên có việc phải đi thăm một người bạn học rất thân đã lâu không gặp, quen nhau từ thuở cả hai chỉ mới là những cánh chim non tập tễnh đến trường. Bạn chị từ phương xa tới, được sở gửi đi tu nghiệp, đang tạm trú trong một khách sạn rất tân kỳ ở giữa lòng thủ đô, cách nơi chị ở chừng hơn 20 dặm. Từ phòng ngủ của khách sạn, chị có thể nhìn xuống phía xa xa là giòng sông uốn lượn chảy ngang thành phố, hồng thắm một màu hoa đào. Hôm đi thăm bạn, chị xách theo chiếc túi vải có đựng chiếc hộp đồng vuông bên mình. Nhìn thấy chị với chiếc túi trĩu xuống trên vai, bạn chị hỏi:

“Duyên xách cái túi gì mà trông nặng thế?”

Chị lắc đầu:

“Không nặng lắm đâu. Kỷ vật... Của anh Nghiêm để lại thôi Hân.”

Bạn chị chau mày, im lặng mất mấy giây, rồi lại hỏi:

“Đi đâu Duyên cũng đem nó theo à?”

“Ừ. Duyên đem nó theo. Có nó, Duyên thấy an tâm hơn.”

Rồi chị rủ bạn ra xe, chị đưa bạn đi một vòng bờ sông ngắm hoa anh đào đang mùa nở rộ. Sau đó, chị đưa bạn về nhà chơi để ngắm khu rừng và khu vườn mùa xuân của anh chị. Chị làm một vài món ăn nhẹ cho bạn, hai người ngồi ăn ở khoảng sân lót gỗ sau vườn, dưới một cụm thông uốn éo như vừa được lấy ra từ trong một bức tranh thiền của Nhật. Trời chớm xuân vẫn còn se lạnh nên hai người phải mặc áo len che kín cổ. Vừa chậm rãi phết bơ lên mẩu bánh nhỏ, Duyên vừa nói:

“Lâu lắm rồi Duyên mới được ra đây ngồi ăn trưa. Từ khi anh ấy đi cho đến nay, Duyên gần như không nấu nướng gì trong nhà nữa. Duyên toàn đi ăn ngoài. Ở nhà, ngồi ăn một mình, Duyên không thấy thức ăn, chỉ thấy anh ấy ngồi trước mặt, nuốt không trôi... Ăn ngoài tiệm, Duyên có thể ngồi hàng giờ, nghe ngóng, ngắm người qua lại, không phải đối diện với cái im vắng, cái trống trải, cái cô đơn của bữa ăn...”

Rồi chị buông tiếng thở dài rất nhẹ, nhẹ như một cánh hoa rơi:

“Buồn quá...”

Bạn chị nắm bàn tay chị lại, siết nhẹ nhẹ, không biết phải nên nói gì vì nếu có nói điều gì ra thì cũng sẽ thừa thãi lắm. Hai người im lặng rất lâu. Một lúc sau, bạn chị lên tiếng trước:

“Duyên có hay nằm mơ thấy anh Nghiêm không?”

“Có chứ.”

“Duyên thấy gì? Anh có nói gì không?”

“Anh ấy trong mơ buồn lắm, chẳng bao giờ nói gì cả đâu. Nhưng mới hôm qua, Duyên thấy anh nắm tay Duyên... hai đứa đang đứng trong nhà, ngay trong căn phòng ăn sáng xế bếp kia. Còn thêm một người nữa... mẹ chồng Duyên cũng có ở đó... Duyên

thấy cụ lúc đó đang ở ngoài vườn, cũng chẳng hiểu là vườn nhà ai mà không giống khu vườn này, bừa bộn, um tùm lảm. Cụ đang làm gì đó Duyên không biết. Lâu lâu anh cứ ngoái cổ ra sau nhìn mẹ anh xem cụ đang làm gì. Đến khi thấy cụ khuất hẳn sau một lùm cây lớn thì anh mỉm cười, quay vào thì thầm vào tai Duyên mấy câu. Lần đầu tiên Duyên thấy anh mỉm cười và nói với Duyên trong giấc mơ đấy. Anh nói, mẹ đi rồi, bây giờ chỉ còn lại mình anh với Duyên thôi, chỉ vợ chồng mình thôi... Rồi anh ôm Duyên hôn. Tỉnh dậy, Duyên khóc quá là khóc..."

Bạn nhìn chị. Chị nhìn bạn, hai mắt chị đỏ hoe.

"Mẹ anh ấy bây giờ đang ở đâu, Duyên?"

"Ở một mình, cũng... như Duyên thôi. Cô út vừa đi lấy chồng. Sau một thời gian ngắn ở chung thì chồng nó muốn hai đứa ra riêng. Cuối cùng cụ ở một mình, mà cụ còn khoẻ lắm. Mấy cô em, cậu em khác đã lập gia đình hết, cũng có ý muốn mời cụ về nhưng cụ chẳng muốn về ở với đứa nào cả. Duyên thì... từ ngày tụi này lấy nhau đến giờ, đâu có ở chung với cụ ngày nào. Nhưng mà..."

Chị kể đến đó thì dừng lại.

"Mà sao, Duyên?" Bạn hỏi.

Chị thở hắt ra:

"Mẹ chồng Duyên từ Duyên rồi. Cũng... mới đây thôi!"

Bạn nghe chị nói, ngẩn người ra, ngó chị dăm dăm.

"Tại sao lại đến nỗi thế?"

Chị lắc đầu, không trả lời. Mặt chị buồn so, nét xác xơ, ảm đạm, như cảnh một khu rừng vừa bị cháy xám, đất còn vương mùi khói, thân khô đen đúa, cành khô đen đúa, khắp nơi chỉ thấy tro tàn. Nếu có ai đem chị ra để làm người mẫu vẽ tranh vào lúc ấy, có lẽ, bức tranh cũng sẽ biến ra thành một khu rừng cháy xám, năm màu tro than.

Bạn với tay nắm lấy bàn tay khô cứng của chị, siết nhẹ nhẹ, rồi ngập ngừng hỏi (mà như không có ý muốn hỏi):

"Bây giờ Duyên đang để anh Nghiêm ở đâu?"

Chị lắc đầu, hai mắt nhắm nghiền lại...

Sau bữa ăn trưa, bạn chị nói:

“Hay là Duyên đưa Hân về khách sạn lấy quần áo. Hân ở lại chơi với Duyên mấy bữa cho Duyên bớt buồn. Mỗi sáng, Duyên chở Hân ra trạm *metro*, Hân có thể lấy *metro* đi đến chỗ họp, không sao đâu.

Chị ôm chầm lấy bạn, cảm động, rưng rưng.



Những ngày ngắn ngủi có Hân ở chơi trôi qua rất nhanh. Mỗi chiều đi làm về, Duyên vào bếp làm cơm chiều, chờ bạn về cùng ăn. Bữa ăn tối bao giờ cũng ấm cúng, hai người bạn đã nói với nhau rất nhiều, và ăn rất ít. Duyên hay ân cần tiếp thức ăn cho bạn, như đã từng làm cho chồng từ hơn mười năm qua.

Có hôm, trong lúc đang vui câu chuyện, bạn đã hăng hái đề nghị:

“Hay là... Duyên nuôi một con chó con đi. Trong nhà, cho bớt quanh quẽ... Lũ trẻ nhà Hân mê thú vật lắm, nên tụi này mới quyết định nuôi con Lou cho mấy đứa bé có bạn chơi từ ngày chúng nó còn bé. Lẽ dĩ nhiên, nuôi chó thì cực... cũng không khác gì có con mọn! Nhưng mà... cũng giống như con mình vậy, cực thì có cực nhưng chúng nó đem lại cho mình những niềm vui đôi lúc lạ lùng lắm, vuông tròn hơn, sâu đậm hơn.”

Lạ nhỉ, Duyên trầm nghĩ, sao bạn mình lại nói và suy nghĩ giống anh ấy như thế! Mới chừng ba năm trước đây, Duyên nhớ, sau lần sảy thai cuối cùng của chị, chồng chị cũng đã đề nghị với chị hết như vậy:

“Hay là mình nuôi một con chó con đi em!”

Chị suy nghĩ một thoáng rồi vội vàng lắc đầu:

“Thôi, anh. Nuôi chó cực lắm! Làm sao trông nom nó nổi, hờ anh? Mình lại đi làm suốt ngày, nó ở nhà một mình, thui thủi vào ra một mình, buồn chết!”

“Thì cực bằng mình có con mọn là cùng chứ mấy! Nhưng anh chắc là nó sẽ đem đến cho mình những niềm vui nho nhỏ khác, em không nghĩ vậy sao?”

Chị nghe anh nói đến đây thì tự nhiên trong lòng bỗng dưng

ra bắn khoăn, khó chịu. Đẩy nhẹ cánh tay anh qua một bên, gương mặt chị sa sầm xuống. Ánh nắng nhòa nhạt của buổi chiều tàn phủ mờ mờ quanh chỗ anh chị đang ngồi, như một vệt bụi phủ mờ cái tách trà còn hoen màu nước. Trước khi đứng dậy bỏ đi ra vườn nhổ tiếp mớ cỏ dại mọc ngổn ngang từ phía sườn đồi đang dần dần lan cả xuống đến bồn hoa của chị, chị nói thật nhanh, giọng nhuốm chua cay:

“Anh muốn có con mà em không có con được cho anh thì lẽ ra mình nên đi nuôi con nuôi, nuôi... con người khác! Như thế có hơn không? Em không hiểu anh muốn nuôi chó để làm gì! Làm sao anh có thể so sánh một đứa bé với một con chó con được! Thật lòng, em không hiểu nổi tại sao!”

Khi chị nhổ xong được mớ cỏ dại, trở vào nhà, chị thấy anh vẫn còn ngồi ở chỗ cũ, mắt ngó mông lung ra vườn hoa nơi chị mới rời đi và nơi bóng tối của hoàng hôn vừa trở đến. Anh không nhìn thấy chị đang đưa tay kéo rộng phiên cửa kính trong suốt ra để bước vào trong. Chị đến đứng sau lưng anh, đặt tay lên vai anh, rồi nhỏ nhẹ nói:

“Em xin lỗi anh.”

Anh vẫn ngồi yên, tưởng chừng hoá đá. Chị cũng đứng yên, hai tay đặt hờ trên đôi vai chồng. Chỉ mấy giây sau, anh quay lại, kéo chị ngồi sát xuống bên cạnh. Khuôn mặt anh đã hết nét thờ thẩn, dăm chiêu. Anh vuốt tóc chị:

“Không... Anh xin lỗi em.”

Rồi anh ôm chị vào lòng. Và chị khóc. Nước mắt cứ từ từ ứa ra ở hai bên mí mà không rơi thành hạt được. Chị khóc không phải vì buồn, giận anh. Anh thật chẳng có lỗi gì! Chị đã quên mất chuyện con chó nhỏ mà anh có ý rủ rê chị nuôi. Chị đã quên hết. Chị chỉ đang nghĩ đến những cơn đau quặn ruột chị đã phải trải qua, những cơn đau mà chị tin là còn đau hơn đau đẻ. Chị chỉ đang hình dung ra những chiếc ghế dài lạnh lẽo trong những căn phòng mổ mà chị đã phải leo lên nằm để người ta giúp đem ra ngoài đời những mầm sống của anh, của chị, những mầm sống đã được tạo thành bên trong chị nhưng không làm sao chị giữ lại được để chúng tiếp tục nảy nở, lớn khôn cho đúng hạn đúng kỳ.

Chị chỉ đang nhớ quay quắt đến những đứa con *không bao giờ thành* của anh, của chị. Những đứa bé má hồng, mũm mĩm, có đôi mắt nhân từ của anh, có khoé cười không tròn nụ của chị, có trong lòng tất cả tình yêu bao la vô bờ bến mà anh chị muốn gửi gắm vào. Chị nhỏ hơn anh vừa đúng sáu tuổi, quen anh năm chị đã ba mươi lăm và anh chị lấy nhau trong vòng không đầy một năm sau đó. Trong vòng bảy năm, chị sẩy thai hết bốn lần. Sau mỗi lần là một lần chị chết đuối, chìm đắm, ngụp lặn trong cơn lũ lụt của một vết thương sâu thẳm mà chị biết là sẽ không cách chi lành. Lần nào cũng vậy, chị muốn được thụ thai tự nhiên, không đồng ý để cho có sự can thiệp của những vị y sĩ cùng với những tiến bộ vượt bậc về sản khoa của họ. Ngoại trừ anh, là người hiểu chị và bao dung với quyết định của chị, hết thấy mọi người trong gia đình và bạn bè ai cũng phải lên tiếng phản nân rằng chị quá... lì lợm; họ bảo, nếu chị bằng lòng nhờ đến phương thức thụ thai nhân tạo thì biết đâu chị đã không phải trải qua quá nhiều kinh nghiệm đau thương đến vậy trong suốt bao năm trời. Nhưng cứ mỗi khi chị sức nhớ đến những lời nói của mẹ anh sau lưng chị, những lời nói còn sắc lạnh hơn dao mà vô tình chị được nghe có người kể lại, thì chị lại sẵn sàng từ chối sự can thiệp của những vị y sĩ tài ba, những người mà chị tin chắc là cũng đang sẵn sàng muốn giúp đỡ tận tình những cặp vợ chồng hiếm muộn như anh như chị. Mẹ anh nói:

- Tôi đã bảo từ đầu mà anh ấy không nghe. Tôi xem người tất biết tướng. Lấy chị ấy về, làm sao có con cho được. Người trẻ hơn, mượt mà hơn, thì anh ấy chê. Mà gặp chị ấy... tuổi đã như thế, dáng nét khô khan, cần cỗi như thế thì anh ấy lại phải lòng, như si như dại, tôi có muốn cản cũng chẳng làm sao cản nổi! Con trai ngần ấy tuổi, phải gọi là già rồi, ở với mẹ với em mãi đâu có được, chỉ có lấy vợ là yên. Nhưng lấy vợ không sanh không đẻ được thì cũng còn là khổ, có yên được đâu.

Cũng từ sau lần đó cho đến mãi ngày anh bỏ chị ra đi, anh không bao giờ nhắc gì đến chuyện anh muốn nuôi một con chó nhỏ nữa. Bây giờ, nghe bạn vô tình khuyên mình những điều hết như anh đã nói, Duyên bỗng thấy xốn xang trong lòng. Chị trả

lời cho qua chuyện:

“Ừ, để rồi Duyên xem... Có thể là như thế thật!”

Lại có hôm, vừa nói chuyện với chồng con trên điện thoại viễn liên xong, bạn quay qua chị, kể lể:

“Thằng bé út của mình thật là tức cười! Mấy hôm nay nó giận mình vì mình đi vắng lâu quá nên nó không chịu nói chuyện điện thoại với mẹ. Hôm nay biết đêm hôm nữa mẹ sắp về, cậu ta nài nỉ đòi khi nào mẹ về thì mẹ phải vào giường con ngủ với con cả tối. Nó sắp lên tám tuổi, học lớp hai rồi đấy Duyên, mà còn buồn cười như thế! Nó hay sợ bóng tối, lại bám mẹ, tối nào trước khi đi ngủ, tắt đèn xong rồi, Hân cũng phải vào giường nằm thủ thủ với nó cả buổi. Lần nào nó cũng níu kéo, không chịu cho Hân đi về phòng với bố nó. Hai đứa anh chị nó ngày xưa đâu có thể, đến khi vào mẫu giáo là hết sợ... bóng tối rồi!”

Duyên nhìn Hân, nghe bạn đang kể chuyện về cậu con út mà để ý thấy mắt bạn vui và sáng, như hai đốm sao rõ ràng, long lanh. Bạn chị là một người từ bé đến lớn chỉ gặp toàn những điều may mắn. Trong giọng nói, lúc nào cũng có nụ cười, trong cách nhìn cuộc đời, lúc nào cũng điểm tấm lòng nhân hậu, vô tư. Nhưng Duyên nghĩ, không vì thế mà bạn đánh mất đi cái nhạy cảm trước những nghịch cảnh của cuộc đời. Lúc nào bạn cũng rất ân cần, rất gượng nhẹ trước những bất hạnh của người khác, như bạn cảm được với họ, thấm thía cùng với họ, muốn được chia sẻ niềm đau thương với họ, những người mà bạn biết là kém may mắn hơn bạn, không được an vui bằng bạn. Riêng với chị, biết tính nết chị, biết hoàn cảnh của chị, bạn thường tránh nói ra những điều làm cho chị phải bận lòng hoặc suy nghĩ xa xôi. Cái tế nhị của bạn, không phải ai là người cũng có thể có.

Nhưng lần này, có lẽ bạn đang cao hứng lắm nên mới kể lể hồn nhiên như thế. Nhìn bạn, nghe bạn, hiểu bạn, Duyên bỗng thấy thương Hân vô chừng, biết là bạn hẳn đang nhớ con ghê lắm khi nhắc đến cậu bé sắp lên tám mà vẫn còn đòi ngủ chung với mẹ, đến cái bến bờ hạnh phúc riêng tư mà Duyên biết là sẽ không bao giờ chị được ghé chân vào. Trong giây phút, chị bỗng thoáng quên đi niềm đau của mình, chỉ thấy mình như cũng đang

muốn hoà vào trong câu chuyện có tiếng cười trẻ thơ trong sáng. Duyên đùa:

“Thằng cu của Hân, mê mẹ như thế, được mẹ yêu như thế, mai một nó lớn lên đi lấy vợ...bỏ mẹ cho ai?”

“Thì cho... bố nó chứ cho ai!”

Bạn cười. Rồi vui vẻ kể tiếp:

“Có hôm, Hân chọc nó, mai một con lớn, lấy vợ, có vợ ngủ chung với con rồi, không cần mẹ nữa thì mẹ khỏi phải bị con lôi kéo như bây giờ. Vậy mà, Duyên biết thằng bé trả lời ra sao không? Sao mà nó lại trẻ con, ngây thơ đến thế không biết! Nó ôm cứng lấy mẹ rồi bảo, đâu có đâu mẹ, Cu lấy vợ thì mẹ nằm một bên, vợ Cu nằm một bên, Cu nằm ở giữa! Mà... nó nói thật chứ không phải nói đùa đâu, nghiêm trọng lắm đấy...”

Duyên nghe bạn kể đến đây thì không cầm lòng được nữa, hình ảnh mẹ anh đột nhiên hiện ra rõ mồn một trong đầu! Chị thấy luôn cả... anh, lên năm lên sáu, cái đầu húi cua sạch sẽ, bộ đồng phục mới may mặc lần đầu còn thẳng nếp, anh ôm cặp, đứng nép vào một người đàn bà còn rất trẻ, bà mặc áo dài ôm eo, cổ áo cao, áo dài phết gót, tóc bà uốn gọn sóng ra dáng rất tân thời. Tấm hình chụp hơn bốn mươi mấy năm về trước, chị đã xem qua nhiều lần, bây giờ nó bỗng hiện ra từng chi tiết một, còn rõ ràng, đậm nét hơn cả hình chụp gấp vạn nghìn lần. Bằng hoàng, chị đứng phắt dậy, cầm tách trà đã nguội của mình lên tay rồi cắt ngang lời bạn:

“Hân uống thêm trà nhé, Duyên đi đun thêm nước sôi. Trà nguội... uống tẻ quá.”

Chị thấy bạn chị thoáng chút ngỡ ngàng nhưng, chỉ một giây sau đó, bạn đã gạt đầu, mỉm cười với chị, nụ cười hiền lành, bao dung.

“Ừ, cho Hân thêm tí nước sôi đi. Mà hôm nay mình đi ngủ sớm nhé. Máy hôm nay thức khuya chuyện vãn quá xá, Hân sợ Duyên mệt đó thôi.”

Đêm hôm đó, chị nằm mơ thấy anh. Anh chẳng nói năng gì, anh đứng yên ở một góc phòng, hai tay ôm chiếc hộp đồng vuông trước ngực. Anh đứng nhìn chị. Mắt anh sâu hoắm, buồn bã đến

nào nùng. Không gian trong giấc mơ của chị dường như cũng sâu hun hút, Chị có cảm giác mình đang bị kẹt ở một đáy vực sâu không lối thoát, thăm thẳm mịt mù, mà mỗi giây trôi qua chị mỗi bị cuốn thốc xuống sâu hơn. Âm thanh chung quanh vỡ ra lao xao, rồi gần, rồi rít, nghe như tiếng chó tru đêm. Chị hét lên những tiếng không ra lời, trôi tuồn tuột xuống lòng một đáy giếng đen ngòm. Mở mắt ra, chị thấy lơ lửng trên cao ở cửa miệng giếng là chiếc tủ thờ chạm trổ rồng phượng của nhà họ Nguyễn. Nó được buộc ngang bởi một chiếc dây thừng, lủng la lủng lẳng như muốn đổ sập xuống che lấp mất miệng giếng... Rồi vắng vắng đâu đó, chị nghe thấy tiếng tụng kinh rền lên trong tiếng rít của gió... Tiếng kinh không làm cho chị cảm thấy dễ chịu chút nào, mà nó cho chị cảm giác luống cuống như khi phải nghe những tiếng còi tàu giục già, liên hồi không dứt. Chị đã phải bịt cả hai tai lại, nổi kinh hoàng bật ra thành tiếng thét, nhưng những tiếng hét cứ ngắc ngứ nghệt lại ở cuống cổ, không thể tìm được đường để thoát ra... Và khi choàng tỉnh dậy, chị giật mình ngó ngay lên đầu giường - trong bóng tối, chị thấy chiếc hộp đồng vuông có chạm đôi vầng trăng khuyết vẫn còn nằm nguyên ở chỗ cũ. Chị với tay ôm chiếc hộp xuống để sát bên mình, rồi vừa nằm mân mê bốn cái góc hộp lạnh băng quen thuộc, chị vừa trôi vào những giấc hôn mê nửa quen, nửa lạ khác nhau.



Tiến bạn về rồi, qua mùa xuân, qua mùa hè, đến khi trời bắt đầu chớm vào thu thì cái ý nghĩ tìm nuôi một con chó nhỏ bỗng lại hiện ra lờn vờn trong đầu chị. Chị mua về một con chó đực, loại chó Nhật Bản, lông xù, trắng như tuyết. Chị gọi nó bằng cái tên mà anh thích, một cái tên ở nhà, rất trẻ con, rất âu yếm mà anh định là sẽ để dành để gọi đứa con đầu lòng, trai hay gái gì cũng được... Tút-Ti! Anh nói, Tút-Ti, nghe giống một con chó nhồi bông xinh xinh, phải không em? Chị lắc đầu, mỉm cười, trả lời anh, không, Tút-Ti nghe giống như tên một cây...keo mút, hay một cái bông vụ đang quay tròn tròn đó anh à!

Con Tút-Ti là một con chó rất an phận. Nó biết xã giao, biết

thân thiện với người quen cũng như người lạ, nhưng nó không biết đùa giỡn, không biết vờ vĩnh mặt nong. Nó thui thủi ở nhà cả ngày lúc chị đi làm. Khi chị về, nó sà lại, quần quít cạnh chị một chập, liếm láp tay chị, má chị một hồi, rồi nó bỏ đi, để yên cho chị làm công việc của chị. Nó ăn uống tương đối...dè sẻn, nghĩa là không háu ăn, háu đói. Tiếng sữa của nó nghe rờ rạc, hiền lành, chị nghĩ, tiếng sữa ấy, điệu bộ ấy, chắc sẽ không đuổi trộm được dâu! Nhưng được cái là từ ngày có nó, chị có bớt cô đơn. Giống như anh nói, giống như bạn chị nói.

Đi đâu, chị cũng dẫn con Tút-Tì đi cùng... Đôi lúc chạnh lòng, chị nghĩ... Người đàn bà, chiếc hộp đồng vuông, và con chó nhỏ... Nghĩ như thế xong, chị ứa nước mắt... Trên xe, chị đặt con Tút-Tì bên cạnh chiếc hộp đồng vuông ở chiếc ghế phía trước, cạnh ghế người lái. Nó hay gác mõm lên chiếc hộp lạnh băng, đôi mắt tròn xoe ngó sang phía chị, đôi khi nó buông một, hai tiếng kêu ngắn như muốn hóng chuyện, cái đuôi nó cong lên, vẫy vẫy nhẹ nhàng. Chị vừa lái xe, vừa nói chuyện với nó, và cả với anh.... Chị nhớ anh, rồi lại khóc, khoảng kính xe trước mắt chị chột mờ đi như có đăm hơi sương.

Vào cuối mùa thu, khi những gốc anh đào già nằm ven theo con đường chính dẫn đến nhà anh chị thả rơi xuống bầu trời những cánh lá úa cuối cùng còn sót lại, chị vừa lái xe, vừa ngắm những hạt mưa lá tíu tít bay về nguồn mà niềm nhớ anh dâng lên như thác vỡ trong tim. Lá nhuộm màu thời gian, như trái tim chị đang nhuộm màu tàn úa...

Quay qua con chó nhỏ, chị khe khẽ hỏi, như hát:

“Tút-Tì có thấy không? Có hiểu không? Có nghe không? Tiếng của lá... Tình của lá... Đời của lá... Rửa màu thời gian...”



Gần hai năm về trước, khi lá thu bắt đầu rơi, là khi bệnh anh trở nặng. Ung thư gan. Ở thời kỳ cuối. Anh nhập viện, rồi xuất viện, rồi lại nhập viện. Những ngày anh nằm trong viện, chị lấy phép nghỉ ở nhà, vào nhà thương ngồi canh anh suốt ngày. Ngày nào cũng thế, anh cũng yêu cầu chị ghé qua đón mẹ anh vào cùng.... Hai người đàn bà ngồi yên lặng không ngó nhau, chỉ ngó

chăm chăm vào một người đàn ông bệnh hoạn, xanh xao, mệt mỏi, người mà họ đã dồn hết tình yêu thương lẫn niềm hy vọng vào.... Mẹ anh giành nói chuyện với anh, giành an ủi anh, giành chăm sóc anh... Chị qua lại như chiếc bóng, chỉ những lúc cụ ra ngoài sân cỏ đi bách bộ mười mười lăm phút cho co giãn tay chân mới là lúc chị được gần anh, được thủ thủ với anh, được cúi xuống đặt những nụ hôn mềm hơi ấm lên trán anh, lên môi anh, lên má anh... Lá gan của anh ngày lại ngày tiếp tục ung tấy, héo úa như những cánh lá rữa mục trên con đường vắng tanh không bóng người dẫn về nhà anh chị. Lần cuối chị lái xe chở anh đi trên con đường đó, là hôm chị đưa anh đi chạy điện lần cuối cùng trước khi bác sĩ xác nhận với chị là bệnh anh đã đến thời kỳ kịch liệt, chỉ còn chờ ngày ra đi.... Những hạt lá thu cuối cùng tíu tíu quay vòng vòng trong gió không còn chút dáng nét quyến rũ nào của mùa thu - mùa mộng mơ của anh và chị. Chị nhìn anh đang thoi thóp thở những hơi thở mệt nhọc bên cạnh, khuôn mặt héo tàn như những cánh lá đang bay lờn vờn quanh xe anh chị.... Chị nhìn anh, nhìn lá, bỗng liên tưởng đến những tàn tro bay, lá tả, phát phơ, xám nghịt.... và cả con đường dẫn về nhà anh chị, khi ấy, có khác gì đường tro bay....

Qua mùa thu, qua mùa đông, mùa xuân đến, anh ra đi, bỏ chị ở lại với những cánh hoa anh đào thấm màu mơn mớn, và cánh rừng xuân sau nhà mà anh chị yêu thích lắm, bấy giờ, đang mướt xanh... Anh ra đi trong vòng tay chị, đã trút hơi thở cuối cùng khi ánh mắt hết thần của anh đang hiện rõ lên trong đôi mắt quầng sâu của chị, khi ấy chỉ có mình anh và chị, chỉ hai vợ chồng thôi... Khi ấy, mẹ anh đang đi dạo ở khoảng sân thoáng mát phía dưới khung cửa bệnh viện. Năm, mười phút trước đó, chính chị là người đã luôn miệng nhắc cụ xuống đi dạo bộ cho giãn gân giãn cốt. Cụ giùng giàng mãi, rồi cuối cùng cũng đành đứng dậy đi xuống lầu khi anh mở mắt ra, thều thào nói:

“Con cần... được... nói riêng với Duyên... cái này... Mẹ đi dạo một chút, rồi lên lại... với con....”

Mẹ anh đi rồi, anh nói:

“Duyên lại... đây... sát anh... ôm anh!”

Chỉ chừng đó thôi, rồi dăm ba phút sau, anh đi.

Khi mẹ anh trở lại lên lầu, thấy anh trong tay chị, chị đang vuốt mắt anh, nước mắt chị nhỏ giọt... Cụ lặng người đi mất mấy giây rồi kêu thét lên hãi hùng và ngã quy xuống. Từ giây phút đó trở đi, cụ đồ riết cho Duyên là đã nhẫn tâm chia rẽ mẹ con cụ, không cho cụ được gần anh, được tiễn anh, được vuốt mắt anh lần cuối... Tang ma xong, cụ muốn giành anh lại, muốn giành cái hộp đồng vuông lại, nhưng cuối cùng, cụ đành phải chịu thua Duyên...



Mãi cho đến ngày tiễn chân Hân ra phi trường, Duyên vẫn không hề hé môi nói cho bạn biết trong cái hộp đồng vuông có chạm mấy câu thơ cổ và hai vầng trăng lẻ bóng ấy, là một mớ tro tàn, chỉ một mớ tro tàn...

Tro của anh!

Của anh.

Nhưng, nó là *của chị!*

Của chị!

Cái tủ thờ chạm tro rỗng phượng của nhà họ Nguyễn trong ngày giỗ đầu của anh không phải là nơi chốn để anh trở về. Cảnh chùa thanh tịnh khói hương nghi ngút cũng phải là nơi chốn để anh trở về. Nơi chốn an nghỉ của anh phải là trong trái tim bát ngát yêu thương của chị, trong vòng tay ân cần, chăm lo của chị...

Và sẽ không ai cướp được nó ra khỏi tay chị, khỏi đời chị, cho dù người đó đã mang nặng đẻ đau hơn chị, đã từng là người tác tạo ra hình hài cho anh...

Tro của anh!

Nhưng, nó là *của chị.*

Của chị!

Chị để anh bên cạnh chị...

Cho đến ngày chị cũng ra đi theo anh thì... khi ấy, chị biết, chị sẽ... *theo vào với anh, trộn lẫn với anh, hoà cùng với anh,* trong chiếc hộp đồng vuông có trạm đôi vầng trăng khuyết đó... □

Dụ ngôn cho bé nhỏ xiu
TRẦN YÊN HÒA

*Này em, con chim nhỏ ngoan hiền
hót véo von trên cánh đồng mùa hạ
anh, trái chuối vàng ươm, em rất lạ
khảy mở vào lịm ngọt mộng mơ em*

*Này em, con bướm bướm đẹp xinh
bay la đà trên ngàn cây nội cỏ
anh, nhụy ngon, nên em đừng bỏ
hãy ghé vào cho anh được, thưa em*

*Em nhỏ xiu gió bay chân guốc mộc
bước em qua còn thơm lựng câu cười
hồ mộng tưởng, nên anh đang nuôi mộng
mùa thu về vàng ruộm tuổi đôi mươi.*

*Bé đến cùng anh, anh thật hiền khô
hiền như đất, hiền như khoai, quê kiểng
hiền cũng như em, áo dài guốc mộc
mình sẽ chia nhau hệ lụy một đời.*

*Dụ ngôn cho bé nhỏ xiu của anh
mấy mươi năm, em vẫn còn nhỏ xiu.*

Sinh Nhật *Trần thị NgH.*

Bệnh viện Lê Minh Xuân, 14.03.1978

Xe trườn lên một chiếc cầu dốc bắt ngang con kênh nước phèn. Đầu cầu có tấm bảng lớn : Bệnh viện Lê Minh Xuân. Những đồng gạch lớn, cát, vôi, gỗ, ống dẫn nước từ phía đồng cỏ năng. Ông Mừng với nụ cười nhiều răng vàng và bọn thuốc chụp cái mũ lên đầu chạy ra chào.

Cát, vôi, gỗ, gạch đá, đồng cỏ năng. Những khu nhà mới dựng chưa tô. Những bức vách xi măng còn sậm màu. Những hàng chữ xiêu vẹo ghi ngày tháng. Một lá cờ đỏ treo nghiêng phía trên tấm bảng máng lỏng lẻo : Không có gì quý hơn Độc Lập Tự Do. Có biết tại sao tôi đi công tác ngoài với ông không ? Để coi ông trong không gian rộng có khác gì với lúc ở Phòng Kế hoạch chẳng. Cười. Nốt ruồi nhếch lên, hai mắt khép nhỏ, hàm răng úp, hơi nhô, trắng khít. Tôi bước chao trên những thanh gỗ bắc làm cầu. Nếu được ngã một cái. Không gian mênh mông. Màu trời giáp màu đồng cỏ, màu đất. Một bên vai cán bộ Xây Dựng Cơ Bản máng cái túi vải xanh, nụ cười chưa tắt hẳn, còn nếp nhếch. Một điệu nhạc hấp tấp từ cái đài bán dẫn đặt phía nhà kho. Ông Mừng khuất sau bức vách giếng. Tôi lần theo đường rãnh sát vách một khu nhà xây dở, bỗng dừng có ý định trốn. Trốn. Tôi sẽ trốn biệt. Zorba, trò chơi này không vui. Những ngày sau này, kể từ bữa tặng cho Zorba cây nến đen kèm theo

lời chúc sinh nhật ngoài tờ giấy gói, tôi cảm thấy buồn rĩ. Mỗi ngày đến sở như đến nơi hẹn, một chỗ hẹn bất toàn. Không bao giờ gặp. Tên du côn của Nikos Kazantzaki.

Ông Mừng với cái nón ny-lông cũ chụp trên mái tóc cháy nắng, say sưa giải thích những giai đoạn khó khăn của công trình xây dựng. Như thế này, ông ta xắn cao ống quần ngồi xổm trên cát dưới bóng mát của một bức vách che, tôi đã làm như thế này... Ngón tay đen, móng câu bần vẽ trên đất thiết kế phần nóc của bệnh viện. Zorba khoanh tay, một chân duỗi, một chân thẳng, cầm ghim xuống ngực, cái kính hiệu An Tài trên sống mũi. Phải nói sao đây ? Tôi chấp vá rời rạc nhiều nét mặt của Zorba để mừng tượng lại, những lúc một mình, khi nằm dỗ giấc bên cạnh con, hình ảnh Zorba trong màu nắng mênh mông đã làm chói chang cả cõi nhìn tôi vào những ngày trì trệ tăm tối nhất. Bỗng dừng tên du côn lên vào đời khấy động sự yên tĩnh giả tạo.

Xe chạy quanh qua con lộ đất đỏ. Bụi mịn. Đàn chim én bay hoảng lên từ những đồng rác hai bên đường. Mùa xuân trên đồng rác. Những con bò lòi xương sườn. Những dây leo đầy hoa vàng đã trở thành dây bò, bò trên đất khô.

“Ngày xưa tôi thích màu vàng, màu xanh rêu; ngày nay chỉ biết tôi thích màu gì không ?”

“Ông thích màu đỏ, màu đỏ là màu cách mạng, màu chiến thắng.”

Giọng cười giòn. Zorba đằng hắng sau tràng cười không biết giả hay thật.

Trạm y tế xã Phú Mỹ Tây, Nhà Bè 24.03.1978

Mười hai giờ trưa còn trở lộn từ Hóc Môn về thành phố bằng qua cầu chữ Y để đi Nhà Bè. Tôi mang cái kính màu rậm ri hiệu An Tài mượn của cán bộ Xây Dựng Cơ Bản. Không biết mặt mũi tôi lúc ấy ra sao. Một điệp viên. Zorba nói, cho đỡ gió. Rồi ngó nghiêng qua phía trái, thêm : Coi cũng được.

Hàng dừa nước chấp chới nắng trưa nhìn thấy qua màu kính mắt, một chiếc xuống tường tượng trôi treo mé lạch. Một tuổi

nhỏ thôi thúc nhớ lại. Zorba kể một đoạn về ngày sinh con đầu lòng. Tại sao ? Tôi tự hỏi tại sao tôi bị vướng trong những cái đó ? Một bên má Zorba ngó nghiêng, gầy, những lỗ chân lông, một phần cổ to, dày, thung. Hoàn toàn xa lạ. Không có lối nào cho tôi đến gần ngoại trừ mỗi ngày, khung cửa sổ thứ sáu và thứ bảy của Phòng Kế Hoạch, những mảng gỗ sọc ngang chia cắt cây lá, những trái điệp đen, những mái ngói bám bụi. Cặp kính mắt của ông Hiệu trưởng trường Phổ Thông Cấp Hai trên sống mũi của cán bộ Xây Dựng Cơ Bản.

Xe đỗ trước một đồng cát. Mẫu cầu tiêu hai ngăn bằng xi-măng để giữa sân cỏ trông giống như cái miếu cô hồn. Trạm y tế xây ngó qua hướng Đông Bắc, nằm thẳng góc với mặt lộ chính. Một cái bàn gỗ, hai băng ghế gỗ, những người thợ đang nghỉ trưa bỗng nhồm dậy mặc áo đứng chờ. Trường học nằm sau lưng trạm. Zorba rót nước trà ra những ly nhỏ, mang kính lão. Màu nắng chói trong hai mặt gương, trong đó những luống đất có trồng thuốc nam, một bụi hoa mỏng gà, bãi cỏ rác. Bắt đầu viết : Không diện nước, không máng xối, không ống khói, trần cốt thay vì ván dâm bào, sắt L. bạc đạn cửa đẩy không có, móng C và hai kè dầu hồi quay hướng Đông Bắc. Những chữ ký. Nhưng câu mời uống nước. Đường lộ chính vắng tiếng xe chạy, bên kia lộ mệnh mông một dải đất trống.

Bữa trưa về lại sở, Zorba vuốt mái tóc ướt nước :

“Ngán quá, không muốn ăn cơm.”

Tôi đứng đối diện, tay cầm ly nước vừa rót đầy. Im lặng.

“Đi không ? Đi ăn trưa?”

Tôi bung ra một hơi thở hắt :

“Tại sao không?”

Và quay lưng trở về chỗ ngồi. Tôi tự hỏi lần nữa, tại sao không ? Lại cái kính mát màu rậm ri của hiệu An Tài, cái lỗ mũi hơi thô của Zorba, hai môi mỏng mím. Tôi nheo mắt ngó người đàn ông lạ hoắc đang dẫn cái xe Vespas sấn qua cổng. Phải làm quen bằng cách nào đây ? Tôi ngồi lên yêu sau. Chỗ ngồi này của ai ? Gió thổi ngược, mùi kem chải tóc phát vô mặt. Chỗ ngồi này của ai ? Xe thắng gấp. Mùi vải áo, mùi nắng, mùi kem chải

tóc. Tôi giật người ghì chặt tay vịn. Người đàn ông này là ai ?

Trạm Y tế xã Tân Thới Nhứt, Hóc môn, tháng 3.1978

Từ bên này bóng mát của góc xoài nhìn qua bên kia là nhà máy dệt Vinatexco với rất nhiều hoa giấy bao quanh một diện tích rộng lớn, bờ tường dài. Zorba mất hút trong đó. Tôi ngồi lên niềng sắt đầu chiếc xe Jeep chết máy, ngó thẳng tắp. Mặt nhựa nóng hực. Những chiếc xe chở rác chạy bán mạng, những chiếc xe dò đầy nhóc người đánh đu, những em bé đi học về chân đất, mặt mũi lem luốc. Một chiếc xe microbus mới tinh của Trạm Vệ Sinh Phòng Dịch ngừng xịch lại đám cỏ bên kia đường đổ xuống một mớ người mặc blouse trắng mang kính cận thị. Tôi hát nhỏ trong miệng *từ khi ta đã có người, có em đi đứng trong trời nói cười...* Zorba trở ra từ mảng nắng chói chang trộn màu hoa giấy. Tôi tiếp tục hát ư ử. *Từ đó em là mây, từ đó em là hoa.* Thẳng tắp trước mặt con đường nhựa dài, những chiếc xe chở rác mất dạng còn để lại trong hơi gió mùi hôi thối khét trong nắng.

Khi đổi xe tiếp tục đoạn đường bị ngắt quãng hai lần, tôi mới nhớ ra tự này giờ mình chỉ hát đi hát lại có mấy câu. Zorba ngồi thụng người ở băng sau, kính mát trên sóng mũi, một lọn tóc ngã xuống, môi mỏng mím mờ nét qua kính chiếu hậu. Xe chạy vụt qua những khoảng đường không nhà cửa. Xa lộ vòng đai, rồi con đường nhỏ nửa quê, nửa chợ, những ngôi nhà có ụ rơm, có bò và xe kéo, có vườn trầu. Hoa lài thơm nhẹ, loãng mỏng. Trạm y tế xã Tân Thới Nhứt có bụi hoa bụi vàng trồng ép uổng trong luống đất trước cửa trạm. Hai chiếc băng gỗ, hai ông già của hãng thâu Trường Sơn, thợ thuyền đội nón ngồi trong mát, ly bắn để tập trung quanh một bình trà đã dứt quai.

Zorba ngồi kê giấy trên bệ gạch men, bắt đầu viết : không điện nước, không máng xối, không ống khói, trần cốt thay cho ván dâm bào, sắt L bạc đạn không có. Những chữ ký. Tôi đứng ngó mông qua khung cửa sổ còn thơm vôi sơn. Một bờ dốc trũng, cây đu đủ tía gặp lại, một dãy nhà còi cọc sau bờ đất.

Ly nước nhận từ tay Zorba nguội ngắt, cạn xoáy dưới đáy.

Tôi ực. Mùi trà tươi đã héo. Nắng cháy ngút trên ngọn cây trước trạm. Bụi tung mù. Zorba mỉm cười hàm răng hơi nhô ra, trắng cứng, chặt chĩa, hai con mắt nhỏ híp, mái tóc bám một cọng cỏ, nốt ruồi to ngay dưới đuôi mắt phải nhếch lên. Không thể bung ra được. Một thứ rượu mỗi ngày uống một hớp, không thể say, không thể bung ra được.

Viện điều dưỡng Rạch Ông, tháng 3.1978

Bước chân khập khiễng nhưng nụ cười rất tự tin, ông Thoại cho tôi nhiều cảm tình dù chưa tiếp xúc nhiều. Không có đồng chí Trưởng Phòng Kế Hoạch ở nhà vì bận đi tiếp nhận ở huyện Duyên Hải, tôi tự bịa ra lý do để theo Zorba bằng cái xe trắng của ông Thoại. Anh Xuân sở Tài chánh, anh Cảnh Ủy Ban Kế Hoạch, anh Cao Hồng Trang Thiết Bị và hai người nữa cộng ông tài xế tên Bường.

Xe bỏ thành phố, qua một chiếc cầu, quẹo quanh một đoạn đường nhiều nhà khang trang bỗng chấm dứt đột ngột để tiếp theo một chặng dài đất đỏ đầy vẻ ngoại ô.

Những ngôi nhà là Viện Điều Dưỡng tương lai cất theo kiểu song lập còn mới màu vôi sơn có lối đi rộng còn trụ trơ đất đá, chưa có cỏ. Một đám mía lớn dự kiến sẽ phá bỏ để xây nhà ăn và bếp cho bệnh nhân. Một đám người có cả trẻ con đang đào đường lộ giữa trưa nắng. Đất đá lộn lên còn nhiều dấu tích một bãi rác lớn được vùi nện trước đó. Những tờ ny-lông rách, mỏng, bẩn; những bàn tay đen, ốm, nhỏ. Những khuôn mặt mệt mỏi. Một dãy nhà trên bờ rạch yên tĩnh. Lay lắt trong gió sáng những ngọn dừa, một vườn cây ăn trái, những luống rau, hàng rào có trồng hoa bụi đỏ. Hàng dừa nước xao xác bên kia bờ rạch. Một ngôi chùa chông chơ nằm sót trên nền xây cầu lạc bộ tương lai, vách ván mái tôn, bảng kẻ sơ sịa nghèo nàn : Chùa Bình An. Những đồng cát, trụ điện ngã dài trên bãi cỏ cháy.

Xe chạy chậm theo lối đi trong khuôn viên viện. Nghĩ mai một lên đây làm việc với ông Thoại cũng hay. Zorba cười, ở đây phải ở hai người không thôi buồn chết. Tôi sẽ ở với con bé và

một con chó. Đôi mắt nhỏ ngó dò. Thật chứ. Tôi nói thắm, tôi phải đi khỏi Phòng Kế Hoạch, tôi phải trốn.

Bướm xanh, trung thu 79 :

Không cần biết năm nay là năm Quốc Tế Thiếu Nhi, mẹ chỉ biết bé An sắp được 4 tuổi, 4 lần ăn Tết Nhi Đồng. Càng lớn con càng biết thưởng thức các trò chơi và những ngày vui. Con càng lớn càng thấy cần mẹ làm bạn. Suốt buổi trưa nằm quạt cho con ngủ, mẹ tính nát óc buổi chiều sinh nhật của hai mẹ con. Để coi, nếu trời không mưa như vẫn hay mưa định kỳ vào buổi chiều, con sẽ ngủ dậy lúc 3 giờ theo thói quen, và mặc dù con hơi suyễn, mẹ vẫn nhất định đưa con đi chơi, tất nhiên sẽ mặc cái áo dài kín cổ cho đỡ gió. Mẹ sẽ đạp xe nhanh từ Phú Nhuận ra khu triển lãm Phó Đức Chính, để con khỏi phải mỏi lưng lắm vì đường xa.

Chương trình không thay đổi, chỉ hơi trễ nhỉnh một chút vì con ngồi bô sau giấc ngủ trưa. Xem nào, một đồng rưỡi một cái lồng đèn ở gian hàng phục vụ thiếu nhi, giá đồng hạng cho bướm bướm, chim cá và máy bay, xe tăng... con định chọn cái nào ? Chưa tính gian hàng bán đồ chơi bằng gỗ và nước ngọt - nếu nữa chừng con kêu khát. Hai mẹ con nói chuyện như bấp rang suốt đoạn đường dài. Trời gió lớn, trông buổi chiều mênh mông nhẹ hẫng, không có vẻ chuyển mưa, nhưng buồn. Rồi, mẹ lại sắp sửa lãng mạn. Bé An, con đừng giở lưng áo mẹ lên thế, nghịch dữ quá! Ôm chặt bụng mẹ kéo té. Mẹ à, tại sao con ngựa đi chân không ? Mẹ nó đâu ? Mẹ nó ở nhà nấu cơm chờ nó về ăn. Nhà nó ở đâu ? Ở Phú Nhuận. Cô kia là ai vậy mẹ ? Cô nào ? Cô che cây dù đằng kia. Cô ấy là người ta lạ đi ngoài đường, mẹ không quen. Cô ấy là mẹ của ai ? Trời ơi, Bé An ! Con nghỉ một một lát đừng hỏi nữa. Có thể cô ấy là mẹ một em bé 4 tuổi mà con không quen. Sao cô không dắt em bé đi chơi ?

Mẹ bí. Nhiều khi mẹ quạu, bực mình. Con không để mẹ nín thinh riêng tư. Nhiều khi con kéo mẹ ra khỏi những lo nghĩ, nhiều khi con đánh thức mẹ từ mơ mộng. Thực sự trong trí óc non nớt

của đứa trẻ 4 tuổi, con chỉ muốn biết có mỗi một điều về mọi sự: Nó có mẹ nó không và nhà nó ở đâu ? Con yêu, có phải con đang rất yên tâm có mẹ và một ngôi nhà ở Phú Nhuận để hai mẹ con trở về sau những buổi ứ hơi ?

Khu triển lãm buồn thiu. Gian hàng đồ gỗ chỉ còn lèo tèo mấy cái xe lửa dài ngoằng giá đắt mẹ không đời nào chịu mua. Leo hai ba tầng lầu qua các phòng triển lãm thể dục, thể thao, giáo dục, thương nghiệp... hai mẹ con lục tìm gian hàng phục vụ thiếu nhi. Hết lồng đèn. Trong tủ kính chỉ còn mấy cái đèn giấy, trên tường một số đèn mẫu treo không bán. Bé An muốn khóc. Sao mẹ nói dối con ? Đừng giận Bé An, mình đi chỗ khác mua. Hay mẹ mua cho con hộp viết chì sáp để con học mẫu giáo ? Bé An, hàng cần giấy giới thiệu.

Dĩ nhiên con không hiểu. Mẹ kéo con xuống mấy lượt cầu thang, con thở khò khè nghe tội. Đừng giận mẹ. Mình về Tân Định, con nhớ không, gần chỗ mẹ mua bánh cho con mỗi buổi sáng đi học đó. Con không chịu. Đường về con thôi nghịch, không nói chuyện với mẹ. Chiều xuống sấm sì. Mẹ thuyết phục, Tân Định có nhiều lồng đèn hơn khu triển lãm, giá đắt hơn nhưng mình tha hồ chọn. Bé An ôm lưng mẹ đi chớ. Con đi chơi về đừng bệnh nghe, sao tay con lạnh ngắt à. Bé An...

Sau cùng con cười úp mặt sau lưng mẹ. Rồi kia, con thấy không? Cả một khu liên mấy gian phố rực rỡ đèn lồng. Những đứa bé có mẹ và ba dẫn đi chơi, và cũng có nhà để mang lồng đèn về. Bé An chọn chiếc tàu. Không, con gái không chơi tàu. Sao con không chọn bướm hay chim ? Chim, bướm bay mất sao ? Con mang tàu về nhà thả dưới nước chơi. Mẹ cười ngật ngheo. Ngọn nê-ông hắt ánh sáng qua những lớp giấy bóng màu, in trên má con những vệt sáng nhòe nhẹt ngũ sắc, hai con mắt tròn như hai dấu chấm hạnh phúc, vầng trán thơm đầy lông măng và tóc tơ. Dĩ nhiên mẹ chủ quan, và mẹ không ao ước gì hơn.

Hai mẹ con sau rốt đồng ý chọn con bướm nhỏ xiu, vừa xinh vừa rẻ. Mẹ lại tính. Nếu không mẹ đã không chở bé An ra Phố Đức Chính để tìm mua cho được lồng đèn quốc doanh giá đồng hàng 1đ50 xu. Bao nhiêu cái này? Ba đồng ! một đồng thôi. Làm

gì có giá đó ? Một đồng rưỡi. Chưa tới giá. Thôi một đồng rưỡi đi. Đã bảo chưa tới giá. Mẹ không muốn mặc cả niềm vui của con. Một niềm vui 2đ bạc, để thấy con cười toe, khoe hàm răng sữa.

Hình ảnh con đứng bé xiu trong đám đông, tay cầm cái lồng đèn bướm bướm và màu sắc của các gian hàng bán đèn lồng, mẹ thấy đẹp như nhìn qua cái kính vạn hoa. Bé An giống hệt nhân vật cổ tích của Perrault.

Có một điều mẹ không tưởng tượng được, ngay chính trong khung cảnh tuyệt vời đó, với con là một niềm cảm xúc vô tận của mẹ lúc ấy, một cánh tay nhỏ gầy guộc, một cái đầu bù xù, chiếc áo rách không cài nút... mẹ chỉ thoáng nhìn thấy chú bé sau khi cái lồng đèn bướm bướm đã bị giật khỏi tay con. Chú bé chạy tung ra đường, vương xe té chồm tới trước, gượng ngồi dậy tiếp tục chạy băng qua phía chợ và mất hút trong hẻm chợ tối đen. Mẹ chỉ vụt nhìn thấy thật nhanh màu xanh của con bướm nhỏ bay loáng theo chú bé qua ánh điện trước hiên chợ. Còn bé An, ôi người bạn nhỏ của mẹ, con đứng ngơ ngác, rồi mếu máo òa khóc nhìn quanh.

Ngày chủ nhật đã hết. Mẹ chở con về lại ngôi nhà nhỏ ở Phú Nhuận. Tại sao nó giật lồng đèn của con ? Mẹ nó đâu ? Nhà nó ở đâu ? Đó là những câu hỏi chính mẹ cũng muốn hỏi. Mình còn có chỗ để về, phải không bé An. Còn con bướm kia bay về đâu ?

Nhật ký viết trong kho, 3.10.1979

Thật kỳ cục khi bỗng dưng tôi trở thành người có liên quan đến kho : khâu vác, tiếp nhận, phân phối và quét kho.

Sáng nay, sau khi ăn một bụng mì gói và chiêu hai ngum cà phê của bà Khuê chia cho, như thường lệ tôi chở con bé đến trường, vào Phòng Kế Hoạch nghe đọc báo, xong lên bảng đi công tác ngoài : kho Imexco và Công Ty Thiết Bị cấp I. Bây giờ đây tôi ngồi trong kho, bộ dạng quạu quọ. Tôi phân trần với Trạm Y Tế Nông trường Phạm Văn Hai về dụng cụ hộ sinh 26

khoản, tôi giải thích với bệnh viện Điện Biên Phủ về bộ dụng cụ xét nghiệm UNICEF 13 khoản, tôi gọi điện thoại cao giọng với Ban y tế Thể Dục Thể Thao quận Bình Thạnh về việc nhận bổ sung 3 kiện hàng của bộ trang bị Trạm Y Tế 84 khoản... Khi nói chuyện điện thoại với Bình Thạnh, bỗng nghe cái giọng bình thường bị nâng cao lên một bát độ, mới biết ra mình đang làm gì ở đây.

Thực ra hai năm làm việc ở sở, và trước đó nữa, kể như từ sau ngày tôi lấy chồng, tháng 7/1974, cơ man là sự việc đã xảy đến, được quên đi, được đối phó, được cầm cự. Những sự việc ấy, nghĩ cho cùng tôi đã sống bình thường như một người bình thường, những sự kiện tất nhiên phải xảy đến cho một người nào đó, ở một thời điểm nào đó, một chỗ nào đó.

Bây giờ tôi là nhân viên Sở Y Tế, giữ chức vụ tổng hợp viết báo cáo hoạt động toàn ngành, lên kế hoạch màng lưới, giường bệnh, nhân viên và hoạt động chuyên môn, giải quyết trang thiết bị cho các đơn vị, lên kế hoạch viện trợ, tiếp nhận, bảo quản và phân phối. Thật kinh khủng, chưa kể một thời gian làm công tác văn thư (vô sổ công văn đến, gửi công văn đi, lưu trữ, trình ký, trình xem, xin con dấu và lấy số hồ sơ) khi người phụ trách đã bị tẩy chay vì thiếu năng lực.

Không biết Trưởng Phòng Kế Hoạch đánh giá ra sao về một người đàn bà không có chuyên môn y tế, làm nghề vẽ guốc, dạy piano và Anh văn tư gia sau giờ làm việc, và mỗi ngày 8 tiếng kê cận thủ trưởng để phục vụ đất nước. Thật hỗn loạn, nếu tất cả những cái vừa kể xảy ra ở một người. Một người đàn bà bỏ chồng, có một con gái 4 tuổi gửi mẫu giáo, hiện chung sống với một mẹ già 80 tuổi, một cha già hơn nửa thế kỷ say sưa, một người anh mắc bệnh tâm thần và một người chị vừa có chồng thất cổ tự tử. Đúng là một mớ lộn ngổn những sự kiện không bình thường, nhưng tôi đã sống một cách bình thường, nếu không nói tôi an nhiên như một người vô chính phủ, không đảng phái, vô tổ quốc, vô sản, phi tôn giáo.

.....

Tôi trở thành một người lưu loát và dài dòng. Một số từ ngữ

tôi đã dùng một cách hết sức tự nhiên, rập khuôn xã hội mới. Tôi lãnh lương 50 đồng và làm việc bằng 3, theo đúng lời kêu gọi của Đảng. Con cái giao cho chính phủ, lương thực thực phẩm hưởng theo tiêu chuẩn công nhân viên, ngã bệnh được giải quyết theo chế độ dựa trên mức lương 50. Thế là chu. Tôi tự hỏi có phải tôi có lý tưởng ở lại xây dựng quê hương thay vì ra đi như một số người đã đào tẩu bằng nhiều cách ? Tôi tự hỏi có phải vì không có điều kiện ra đi, tôi đã ở lại chịu trận như đã từng chịu trận địa ngục gia đình ? Lười biếng hay nhất gan ? Thủ trưởng làm như nghe thấu được tâm tình nhân viên. Làm như không còn khoảng cách nào giữa lãnh đạo và cấp dưới. Tôi được nhìn như một người đàn bà hoàn lương, hướng thiện.

“Chị Hồng, tôi thấy chị tiến bộ.”

Có lúc tôi ngủ mơ thấy thủ trưởng lẫn lộn trong mơ giấy tờ công văn và hàng viện trợ ở kho Imexco. Thành thật, tôi đã có hình dung hai con mắt cận thị của thủ trưởng qua lớp kính trắng những lúc không gặp mặt. Tôi không sao quên được mái tóc bạc trắng sau những lần bị tra tấn bằng điện ở Côn Đảo, và hai bàn tay rất thư sinh. Và tôi cũng không quên ông ta là một người Cộng Sản. Vậy đó, cái giới hạn còn lại giữa tôi và thủ trưởng té ra thuộc về quan điểm chính trị. Dần dần người ta bị bắt buộc phải làm chính trị, nghĩ mà coi.

Tỉ như bây giờ tôi ngồi trong kho đây, hoàn thành công tác với cả tinh thần trách nhiệm, đảm bảo năng suất, chất lượng và giải quyết dứt điểm, một cái giấy lao động tiên tiến 6 tháng đầu năm hoặc cuối năm, một cái giấy cá nhân xuất sắc. Tôi, đương nhiên được coi như một người có lý tưởng, đầy tinh thần phục vụ, biết nhận thức, chấp nhận và cố gắng khắc phục những khó khăn tất nhiên của buổi đầu xây dựng lại đất nước.

Sự thực ra sao? Tôi dễ bị nhập đồng trong bất cứ hoàn cảnh nào. Một người tình rất chịu khó yêu đương và hẹn hò, một sinh viên xuất sắc trong các môn học, một đời sống gia đình vén khéo sạch sẽ, một người cộng sự đặc lực và có tinh thần trách nhiệm, cũng có thể tôi sẽ là một kẻ thù rất sòng phẳng trong những trò ti tiện, chưa biết được.

Nhưng khi đồng thẳng, trời hời, chỉ còn là những cảm giác tới tả, ê ẩm. Tôi thường tham dự mọi thứ với tư cách một người không phải là tôi. Cái tôi thực sự chỉ biết rình mò những vai tuồng do chính mình thủ diễn.

Sinh nhật 6 tuổi, tháng 12.1981

Tới bây giờ thì hết chuyện nói, chẳng còn gì hay ho đẹp dẽ. TgA sắp được 6 tuổi; tôi loay hoay một mình với sinh nhật sắp tới của con. Hấn biệt dạng rồi, sau cái điện tín đánh cùng thành phố trong đó tình phụ tử được gói ghém một câu : “Ba bận, vài hôm về thăm con”.

Suốt đời có lẽ chẳng bao giờ tôi có thể bận theo cái kiểu của hấn. Còn Đăng Cường thì làm nhạc đệm cho lòng căm thù của tôi đối với hấn. Dĩ nhiên phần Đăng Cường tôi không quên dành riêng.

TgA đã học lớp 1 được 3 tháng Trường Phổ Thông Cấp I Tân Định. Con đọc được các nguyên âm và phụ âm đơn, chưa phân biệt các phụ âm ghép. Con viết chữ đẹp, chịu học đàn; sắp hết quyển Méthode Rose, ngón tay tròn. Nhỏ hơn các bạn trong lớp gần một tuổi con đã cố gắng hết sức để đứng hạng 27/41. Tôi áy náy và cảm động vì sự phấn đấu mặc dù không ý thức của TgA. Những điều này Nhân không biết; thậm chí hấn chẳng rõ trường con bé ở đâu. Hấn không hiểu hay chẳng cần hiểu tôi đã làm gì để có thể nuôi con và giáo dục con với số giờ chen chúc hàng ngày. Rồi thuốc men áo quần, giải trí, những buổi chiều của TgA trong căn nhà đó. Mẹ không muốn con rảnh rỗi ? Tại sao ? Ôi tội nghiệp con bé bỏng của mẹ “Sinh nhật con, con chúc mẹ mạnh khỏe để dạy học mà không thấy mệt”. Đó cũng là lời chúc mẹ vẫn thường tự chúc lấy để cầm cự những ngày khó khăn.

TgA không biết đâu, mẹ đã bao lần gạt phăng những thêm muốn riêng tư để làm một người mẹ kiêu hãnh. Mong con hiểu rằng sự thiếu thốn của con mà mẹ cố gắng bù đắp, phải trải qua nhiều vất vả tinh thần lẫn vật chất. Để làm một người mẹ xứng đáng người ta phải quên mình đi. Cũng như bà ngoại chỉ biết có

những đứa con dù đã già yếu. Mẹ phải quên Nhân, quên Đăng Cường, quên căm thù và quên cả niềm hạnh phúc tạm bợ với Đăng Cường mà phải can đảm lắm mẹ mới có được. Chẳng bao giờ muộn để có thể điều chỉnh lại mọi thứ. Con hãy chúc mẹ can đảm hơn nữa để hai mẹ con đi hết đoạn đường hãy còn dài lắm.

Sinh nhật 6 tuổi, TgA muốn mẹ tặng gì ? Có đôi giày mới thì đã lộ bí mật. Giày hãy còn rộng trừ hao đến năm sau vẫn còn được. Cặp và vở mới cũng lộ vì đã làm quà mỗi chiều đi làm về cho con được vui, khăn mặt do cơ quan cung cấp cũng vậy (bà một chiếc, cậu một chiếc, mẹ một chiếc, con một chiếc). Em bé ư ? Mẹ không để nữa đâu. Để con gái nói nhiều, con trai du côn; mà nuôi mệt quá. Tặng TgA Kino, không để trong hộp vì nó sủa. Mềm mềm, nóng nóng và ... thật. Con muốn vậy phải không ? Kino dó, trám chỗ cho không khí ồn ào những ngày còn dì Khuê và anh Nghé. Gì nữa ? Mẹ muốn gói cho con rất nhiều quà, mà người tặng là tất cả những ai xung quanh con biết. Tất cả mọi người đều nhớ đến sinh nhật con và tặng con quà vì thương mến con, kể cả bà nội và ba của con.

Có thể nào đây là một sự lường gạt trẻ nít ? Mẹ không muốn thế đâu nhưng người lớn họ quên bằng niềm vui của bé thơ. Thực ra mẹ muốn con nhìn đời lạc quan, tin tưởng vào trái tim của mọi người. Mẹ chán muốn chết nhưng mẹ sẽ làm mọi thứ cho con được vui. Và để dành tiền từ bây giờ để con có thể mời đầy đủ Nghé, Phong, Vũ, Lộc, Hạnh, Khoa, Quỳnh Vy, Tố Uyên, Châu Hoàn kể luôn phụ huynh là vị chi 15 cộng thêm 4 người và Kino thì 20 mạng chẵn. Mẹ phải làm sao có bánh sinh nhật, thức uống và quà cáp đủ 12 món cho TgA nhỉ ? Con sinh tháng 12 mà.

Để coi đã. Hiện giờ chiều nay thứ bảy cuối tuần, trời lão đảo lạnh, muốn mưa. Vào đông cái kiểu cầm chừng bữa khô bữa ướt thật chán. Tuy vậy mà những ngày lạnh này (TgA chưa gọi đầu một tuần rồi nghe !), mẹ không khỏi bồn thần vì những ý nghĩ buồn rầu ôn dịch cứ đẩy cho mẹ mềm yếu, dịu dàng đến có thể sa ngã. Có những điều mẹ mơ ước, chứ sao, và mẹ nhận được từ Đăng Cường, nhưng sau cùng mẹ khám phá ra là không phải thế. Chẳng bao giờ muộn để chữa lại những điều sai hỏng,

phải không TgA ? Người bạn nhỏ của mẹ, chúc con 6 tuổi mập mạp khỏe mạnh, răng không bị sâu, vết Kino cần dừng làm độc; chúc con phân biệt các vần ghép, đọc giỏi sách Em Học Vần, đàn tròn tay; chúc con lên hạng. Chúc con luôn bé thơ đại khờ để luôn luôn là của mẹ.

Sinh nhật 21, tháng 12.1996

Bọn Mỹ thông minh đã viết hộ mình mọi thứ trong thiệp chúc sinh nhật. Nhưng còn thiếu một điều quan trọng, đó là “nó” không biết con là ai và bao nhiêu tuổi, con của ai. Vì vậy mẹ phải viết thêm để bổ sung mấy chi tiết thiếu. Con là Tưởng An, ngày hôm nay con 21 tuổi và là con của mẹ.

Cuộc tình 21 năm giữa hai đứa mình khá là đậm đà, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, xã hội hay gia đình. Con luôn luôn có nhiều hơn đủ.

Mẹ đã nuôi con trong ống nghiệm, không cho con bị ô nhiễm bởi tiền bạc, sự độc ác, lòng gian xảo, tính tham lam, và tất cả những thói xấu khác của môi trường xung quanh. Kể từ hôm nay mẹ móc con ra khỏi ống nghiệm cho con tự xoay xở với thực tế. Hãy cầm lấy chìa khóa và tự mở cửa.

Chúc con một đêm sinh nhật thật vui với bạn bè bên cạnh cũng như với những món quà của người thân yêu ở xa. Sinh nhật bờ sông nhất định phải đặc biệt hơn bất cứ sinh nhật nào trong 20 năm qua của con.

Sinh nhật 23, tháng 12.1998

Tưởng An cứng,

Con sắp 23 tuổi. Kinh khủng. Nhớ hồi nào hai mẹ con ngồi tính lúc con 25 tuổi mẹ 52. Lụi hụi mà hai đứa mình chơi với nhau gần một phần tư thế kỷ, vẫn chưa chán nhau phải không con? Sinh nhật năm nay lại không có mẹ, chắc con lại ngồi trong bếp trước cái bánh nhỏ xiu cắn độc một ngọn nến tượng trưng rồi chụp hình chung lần lượt với André, Liliane. Đặc biệt năm

nay con sẽ băng khuâng suốt mùa sinh nhật bởi chuyến đi Mỹ định mệnh sẽ làm vỡ lẽ ra cái màu đích thực của mối tình con đặt tên là màu xám tro.

Từ hồi cuối tháng tám, mẹ đã ra Fabio Lucci mua cho con cái áo nỉ sọc ca-rô đỏ đen mà hai mẹ con trước đó đã chần chừ mãi không chịu quyết định vì tiếc tiền. Gói ghém, gửi lại cho Lilinae, mẹ dặn dò : Tôi đi về Sài Gòn đây, nhớ giấu cho kỹ và nhất là đừng quên trao cho con bé đúng ngày. Hy vọng con mặc vừa. Mà có bao giờ mẹ sai lầm về kích cỡ của con đâu. Áo đó khoác ngoài một bộ đồ đen thì tuyệt vời. Tưởng tượng con xõa tóc, máng balô sau lưng đi tầng tầng dọc theo lề đường Avenue de la République để ra bưu điện Sartrouville gửi thư cho mẹ. Cũng tưởng tượng, trong cái áo sọc carô con ngồi quán cà phê với mối tình màu xám tro ở San José hoặc đi bộ với bố Miky ở Community Plaza.

Mẹ cho rằng cuộc chiến đấu trường kỳ của hai mẹ con nay đang ở chặng cực kỳ tuyệt. Có ai ngờ bé An nhỏ xíu đứng hạng 27/41 hồi lớp 1, sau đó đã trèo lên từ từ tới đứng đầu bảng điểm trong mười mấy năm liền. Cũng không ngờ con xong đại học với bằng đỏ rồi phóng một sải dài thòn vào Sorbonne để chơi cái món mà từ bé mẹ đã thềm chảy nước miếng. Bây giờ học về hội họa thời Trung Cổ, con nên quay lại những bảo tàng viện mà hai mẹ con đã lang thang hồi hai năm trước. Con sẽ thấy những thứ con học ở trường đã làm thay đổi thẩm mỹ quan của con bởi một chút kiến thức sẽ làm mình thưởng thức hội họa và điêu khắc một cách tròn trịa hơn. Cũng có thể con duy cảm, chỉ thích những ấn tượng ban đầu dù có hơi ngây thơ và què quặt ? Còn nhớ Van Gogh ở Amsterdam ? Mẹ tần ngần rất lâu trước “Hoa trong bình màu tím” và “Sọ người ngậm diếu thuốc cháy” trong khi con loanh quanh qua các phòng trưng bày để coi những người xem tranh.

Mẹ có một người bạn Mỹ không biết tiếng Việt Nam nhưng rất thích đi xem cải lương, kịch và các thứ. Bà ta có thể hiểu được những gì trên sân khấu bằng cách quan sát khán giả, bà ta khẳng định vậy, và còn viết cả một cuốn sách về sân khấu qua

quần chúng. Có thể con có lý, nhưng theo mẹ người ta cảm nhận hội họa âm thầm hơn nhiều.

Thư sinh nhật mà bàn chuyện nghệ thuật, kỳ há ? Tự nhiên ý tưởng nó chạy lung tung. Dù sao, cuộc hôn nhân mà mẹ tưởng chẳng ra gì, đã để lại cho mẹ một kỷ niệm đẹp không bút mực nào tả xiết. Con đã níu mẹ lại trong những lần buông, và vẫn còn là điểm tựa để mẹ ngo ngoe sống. Cảm ơn tình bạn 23 năm, cảm ơn con đã cùng mẹ chiến đấu sinh tử. Không bao giờ mẹ đơn độc, không bao giờ nữa.

Sinh nhật 23 mẹ chúc con hạnh phúc với những gì con đang làm, tiếp tục ăn rau và trái cây để một sáng nào đó thức dậy khỏi phải hoảng lên vì một mụn nhỏ trên cái trán mịn, giữ ấm nhé mùa đông này lạnh lắm, cứ việc lãng mạn trong tình yêu nhưng phải chắc cú nó là cái gì mới được. Chúc con có nhiều kỷ niệm đẹp để nhớ lại sau kỳ nghỉ Giáng sinh ở Cali. Tiếc là mẹ không tặng con đủ 12 món quà như mọi năm, nhưng hình như mẹ đã gói hết trong những trang này. □

Sài Gòn, Tháng 12, 1998.

Phân ưu

Được tin buồn Hòa sĩ

Ngọc Dũng

vừa từ trần tại Hoa Thịnh Đốn hôm 7 tháng Bảy năm 2000
hưởng dương 68 tuổi

Ban Chủ biên Văn Học cùng các văn hữu cộng tác xin thành
thực chia buồn cùng Chị Ngọc Dũng, cùng cầu nguyện cho
linh hồn Anh sớm tiêu diêu nơi Cõi Phật

Võ Phiến, Lê Tất Điều, Nhật Tiến & Phương Khanh, Nguyễn
Mộng Giác, Mai Kim Ngọc, Nguyễn Xuân Hoàng, Thạch Hân,
Châu văn Thọ, Hoàng Khởi Phong, Trịnh Y Thư, Cao Xuân
Huy, Nguyễn Xuân Nghĩa & Quỳnh Giao, Võ thắng Tiết, Đinh
Cường, Nguyễn Khai, Rừng, Trịnh Cung, Hồ Thành Đức & Bé
Ký, Khánh Trường, Thụy Khuê, Ngu Yên.

Mùa hạ, ngồi chờ bóng trăng soi!
 TRIỀU HOA ĐẠI

gửi các anh chị: Dư Mỹ, Nguyễn ngọc Thanh và các cháu

*đốt lửa đi tìm hoa phượng nở
 mùa hoa! ơi mùa của trái tim
 bước chân ai theo hoài bóng nhớ
 áo mơ phai. Phượng đứng chân buồn*

*về trở lại thành phố có tiếng ve
 nắng trên cao phủ đôi guốc ngày xưa
 đi theo mãi tiếng líu lo của gió
 tiếng em hay ngày xưa cũ quên về*

*gió và nắng hắt hiu chi lạ
 chút ân cần nhắn gửi tình riêng
 cổng nhà người giờ dây đóng. Mở
 trái tim ta rực rỡ hoa đèn*

*chào buổi sáng. chào bước chân rất vội
 chào mắt ai như ướt lúc về
 mây bay! Vội chi, ngày xiêu tán
 vội chi mà bước bước chân đi*

*mở giùm ta trái tim nhật nguyệt
 mở hộ luôn tiếng trống, tiếng kèn
 rộn rã. ba hồi chuông trống giục
 đã xa rồi. nhớ lúc anh. em!*

mở luôn đi những trái tim đã khép
để tay còn kề cận những vòng tay
bạn bè dấy vài ba người đâu để
đường xa xuôi! Có lại được bao ngày

buổi tối! quanh chiếc bàn đông đủ
nhích thêm gần. Chút nữa cho vui
những cười, nói. những lời ca không dứt
lửa khuya soi thiên cổ ngậm ngùi

nhích lại đi chút tình. Ở lại
mai ta về nhớ nắng, nhớ người
không phải đâu mùa sau đến nữa
chút môi gần nào để ngửi ngoài

đêm quần quanh đưa bước ngày trời tới
nước đôi bờ đã vội tìm nhau
thôi nhé, thôi một ngày nữa vội
rẽ chân cầu. đạt sóng nơi đâu?

đốt lửa lên thấy hai hàng phượng nở
mùa hạ. Mùa đỏ chín tình ai
những lúc soi gương thấy gần trở lại
những đời sau tìm lại mảnh trăng vơi

chúng ta hẹn đến mùa sau lại gặp
mùa tiếp mùa nối gót anh, em
đi tìm trăng. Dơ ngón tay ta thấy
đời bên kia. Khuất, lấp nổi niềm

tìm trăng! ô, một vùng trăng lấp
lửa đốt lên thấy lạ dáng người
dung nhan. Mùa hạ len vào tuổi
cỏ, cây ngồi chờ lại bóng trăng soi!

Cuộc Tình Xa

Diệp-Mỹ-Linh

Trong ánh nắng mong manh của một buổi chiều, Bảo-Trân và Phong đều cảm thấy buồn buồn nên không nói năng chi nữa, chỉ đi chậm chậm bên nhau, theo triền dốc, về hướng bờ Hồ-Xuân-Hương. Mặt hồ tĩnh lặng. Nhưng, từ tâm trạng bất an của lòng mình, Bảo-Trân nghĩ rằng sự tĩnh lặng đó chỉ để che giấu những đột biến âm thầm. Bất chợt Bảo-Trân quay lui, ngẩng nhìn lên ngọn đồi sau chợ Hoà-Bình, như có ý tìm lại vết tích ngôi nhà xưa của Ngoại.

Nhìn ngôi biệt thự có hai hàng hồng dọc theo con dốc nhỏ, Bảo-Trân tưởng như thấy được đứa bé gái mặc áo đầm trắng, mang giày màu đỏ, tóc cắt bum-bê, mái tóc phía trước được cài cái nơ đỏ, đang níu tay Ngoại, đòi đi mua kẹo kéo. Như mọi hôm, Ngoại bảo cậu Út, khoảng hơn mười tuổi, gọi chú tài lái xe đưa hai cậu cháu đi xuống phố mua kẹo kéo.

Động từ “xuống phố” nghe có vẻ xa, nhưng chiếc Traction đen chỉ chạy chậm chậm xuôi triền dốc, qua hai khúc quanh ngật là đến đường nhựa, ngay sau chợ Hoà-Bình. Tuy chợ đã tan từ lúc xế, chỉ còn lưa thưa mấy gánh hàng rong quanh mấy sạp hàng xén trong nhà lồng chợ, chú tài cũng vẫn cho xe chạy thật chậm men theo đoạn đường ngắn phía sau chợ để ra đoạn đường dài; đoạn đường này ngắn cách chợ Hoà-Bình và mấy căn phố lâu có nhiều tủ kính lớn để trưng bày những chiếc áo lạnh và những chiếc khăn quàng cổ, đan tay, màu sắc rực rỡ. Đến gần dốc Minh-Mạng, chiếc xe đậu sát vào lề đường cho cậu bé bước

ra, tiến về phía nhóm trẻ con đang vây quanh ông Tàu già bán kẹo kéo.

Khi cậu bé trở lại xe, tay cầm mẫu kẹo kéo, đưa bé gái vỗ hai tay vào nhau, gương mặt rạng rỡ. Đón nhận mẫu kẹo từ tay người cậu xong, đưa bé lại vùi vùi: "*Cậu cho em xuống ngồi chỗ bậc cấp coi Ba Má đi xe đạp, nhen, cậu*". Cậu bé giả vờ nghiêm nét mặt, mắt lườm lườm để thị oai với cháu: "*Mày cứ lộn xộn, nhõng nhẽo không hà. Chiều nào cũng bắt tao dẫn đi mua kẹo kéo, rồi lại đòi tới bậc cấp ngồi, để tối về mày bị sổ mũi cho tao bị la, hả?*" Thấy đứa bé gái rơm rớm nước mắt, môi trề ra như sắp khóc, cậu bé vừa mở cửa, ngồi vào băng sau vừa cười: "*Cho tao cắn một miếng kẹo kéo thì tao cho đi.*" Đứa bé gái giấu mẫu kẹo sau lưng, lắc đầu. Cậu bé năn nỉ: "*Cho cậu cắn một tý thôi, rồi cậu cho đi.*" Đứa bé gái đưa mẫu kẹo ra phía trước, ngấm ngấm rồi bậm môi, lắc đầu. Người cậu che mặt, giả vờ khóc. Đứa bé nhìn cậu bằng đôi mắt buồn hiu, rồi đưa mẫu kẹo cho cậu: "*Nè, cho cậu cắn miếng đó. Cậu cắn chút xíu thôi, nhen.*"

Dòng ý tưởng của Bảo-Trân vừa đến đây, Phong vô tình tiếp nối câu chuyện lúc nãy:

- Em có biết là trong suốt khoảng thời gian dài dằng dặc ấy, lòng anh ân hận biết dường nào không, Bảo-Trân?

Bảo-Trân nhìn Phong như thể câu nói của chàng tối nghĩa. Trong khối ký ức đặc quánh của nàng, hình ảnh rõ nét nhất của Phong là những mùa hè, Phong cùng mấy "ông" sinh viên từ Saigon lên nghỉ hè tại ngôi biệt thự của người chú, đối diện với ngôi nhà lâu, nơi Bảo-Trân sống sum vầy với gia đình dì dượng Mười, trên đường Phan-Đình-Phùng, gần rạp xi-nê Ngọc-Hiệp. Những khi Bảo-Trân cùng các bạn chơi nhảy dây, đánh thẻ, chơi ô, hoặc nhảy lò cò nơi khoảng sân hẹp trước nhà, Phong thường kín đáo ngắm nhìn, Bảo-Trân không hề biết. Những buổi tối, sau khi học bài xong, Bảo-Trân thường ôm mandoline tập đàn hoặc cùng chị em đến rạp Ngọc-Hiệp mua bắp nướng, hay xin tờ chương trình xi-nê, cũng không thiếu ánh mắt quan sát âm thầm của Phong. Chỉ ngần ấy thôi chứ đâu có chi tội lỗi mà Phong bảo

chàng ân hận?

- Tại sao anh lại ân hận? Anh ân hận điều gì?

- Anh ân hận vì mấy mươi năm qua anh đã không lo được cho cuộc đời của em.

Suốt mấy mươi năm qua, từ ruột thịt cho đến chồng và bên chồng hay bạn hữu, ai ai cũng đòi hỏi Bảo-Trân phải thế này, thế nọ chứ chưa ai ngỏ lời lo lắng cho nàng. Bây giờ câu nói của Phong đem đến cho trái tim héo mòn của nàng không biết bao nhiêu là êm ái.

- Nhưng đó đâu phải là lỗi của anh.

- Lỗi của anh, vì anh không hiểu sự việc nên anh đã tự ái, không trở lại tìm em. Bẵng đi một thời gian dài, sau khi ra trường và trước khi về phục vụ trong quân chủng Thủy-quân Lục-chiến, anh trở lại đây thì hay tin em cùng gia đình đã dời về Nhatrang.

Cả hai lại rơi vào sự im lặng buồn bã. Một lúc sau, Phong có vẻ dẫn do:

- Tại sao cho đến bây giờ mà em vẫn còn nghi ngờ tình yêu của anh, Bảo-Trân?

Tình yêu đầu đời đã lưu lại những tỳ vết xấu xí trong tim nàng; vì vậy, Bảo-Trân thường ngờ vực và rất ... sợ tình yêu. Bảo-Trân không dám nói ra điều đó nên chỉ im lặng, cúi nhìn khóm lá thông khô sậm màu. Không nghe Bảo-Trân đáp, Phong thở dài:

- Tại sao em im lặng? Em im lặng suốt mấy mươi năm qua rồi, chưa đủ sao, em?

Bảo-Trân bậm môi, cúi mặt để Phong không thấy môi nàng run như nàng đang mếu. Ngày đó, sau khi đọc lá thư tỏ tình của Phong, bé Bảo-Trân ngây thơ, đem trao cho người chị, con của dì Mười. Không ngờ người chị đem lá thư trao cho dì Mười. Ngại trách nhiệm đối với ông bà Dư, ba má của Bảo-Trân, dì Mười tìm mọi cách răn đe, ngăn cản, không cho Bảo-Trân tiếp xúc với Phong. Vì lý do đó, mỗi lần Phong nhắc lại hành động ngây thơ, khờ khạo của nàng ngày trước là mỗi lần Bảo-Trân cảm thấy tim nàng buốt đau. Tim nàng đau không phải vì nàng tiếc đã không yêu và không thành hôn với Phong mà vì nàng tiếc cho

mối tình đầu thánh thiện của nàng đã bị giết chết bằng những dối dang, bội phản liên tục của một người đã từng thề thốt là sẽ yêu thương nàng trọn đời!

Không nghe Bảo-Trân trả lời, Phong tiếp:

- Nhiều khi chính anh cũng không hiểu được anh nữa, em biết không?

- Tại sao anh lại không hiểu được anh?

Phong nhìn ra vùng không gian xám xám ánh hoàng hôn mà tưởng như chàng đang nhìn vào tâm thức buồn thảm của chính mình.

- Anh không hiểu tại sao anh cứ đeo đuổi mãi một mối tình vô vọng!

Bảo-Trân nhìn Phong vẻ như lo ngại Phong sẽ nói tiếp lời chia xa. Nhưng may quá, Phong tiếp:

- Em thấy không? Tại sao anh cứ đeo đuổi mãi một người đàn bà có chồng; và chính người đàn bà đó ngày xưa đã quay lưng lại với anh!

Bảo-Trân nhìn Phong như muốn tìm kiếm nỗi đau của Phong và cũng là nỗi đau của chính nàng. Nhưng, vào lúc lòng Bảo-Trân chưa kịp ăn năn đối với Hoan, người chồng xa vắng biến biệt nơi một góc trời, thì hình ảnh của Tuyết-Nhung, vợ của Phong, lại hiện đến.

Mỗi khi nghĩ đến Tuyết-Nhung và mối tình ngang trái, muộn màng - Phong đặt là Mối Tình Xa, Bảo-Trân thêm một từ nữa thành Mối Tình Xót Xa - giữa nàng và Phong, Bảo-Trân thường lặng lẽ khóc và dặn lòng là sẽ cố quên Phong, cố không liên lạc với Phong. Nhưng, mỗi đêm, ngồi lặng hắng giờ trong bóng tối để nghĩ về Phong, nếu chuông điện thoại reng, Bảo-Trân hồi hộp nhắc chiếc điện thoại không dây, lòng cứ thầm mong người gọi là Phong. Khi biết nhân vật nơi đầu dây bên kia không phải là Phong, Bảo-Trân cảm thấy nhức buốt nơi lồng ngực. Nhiều hôm, nhìn ánh nắng chiều nhạt dần ngoài khung cửa sổ nơi phòng làm việc hoặc những chiều cuối tuần thui thủi trong ngôi nhà im vắng, vì các con đi học xa, Bảo-Trân thấy nhớ thương Phong vô cùng. Chính những lúc đó, nhìn những vạt nắng lung linh trên

thảm cỏ non, Bảo-Trân cảm nhận được sự khuấy động dữ dội của niềm ray rứt, của nỗi băng khuâng, của niềm thương nhớ đang bùng lên trong trái tim sầu héo của nàng. Chính những lúc đó Bảo-Trân thật sự sợ hãi niềm cô đơn. Chính những lúc đó, Bảo-Trân chỉ muốn được...ngàn đời lịm chết trong vòng tay của Phong! Và cũng chính những lúc đó, Bảo-Trân nghĩ rằng nàng đã tìm được nơi Phong một phần đời thơ ấu của mình.

- Sao anh cứ trách hành động ngây ngô khờ khạo ngày xưa của em? Thế có bao giờ anh đặt câu hỏi là tại sao anh đến khi thì quá sớm và lúc thì quá muộn màng?

- Anh không thể giải đáp những câu hỏi của em, cũng như anh không thể hiểu được tại sao qua ngần ấy thời gian mà anh cũng vẫn chưa quên được em.

- Em đâu còn gì cho anh!

Phong nhìn Bảo-Trân bằng ánh mắt đầy xót thương, cố nói một câu bông đùa để chọc cho Bảo-Trân cười:

- Anh không cần gì cả. Anh chỉ muốn “nhảy” vào “ngôi” trong trái tim em thôi.

Bảo-Trân cười gượng. Phong tiếp, bằng giọng âu yếm:

- Lúc mới lớn, em ước mơ gì? Nói anh nghe, được không?

Sau một thoáng ngần ngừ, Bảo-Trân đáp:

- Em chỉ ước mơ được là người đàn bà cuối cùng trong cuộc đời của một người đàn ông mà em thương yêu và quý trọng.

- Tại sao anh Hoan lại là người đàn ông tốt số vậy hè? Nếu hồi đó anh biết, thay vì vào Quân-y, anh vào trường Võ-Bị như anh Hoan thì anh đâu có mất em.

Bảo-Trân kín đáo, muốn nói lên tâm trạng của nàng đối với Phong, nhưng bị Phong hiểu lầm, Bảo-Trân đính chính:

- Khi mới lớn, em yêu anh Khoa, đúng. Nhưng tình yêu chơn chất của em không níu chân được anh ấy. Xin anh chỉ nên hiểu như vậy thôi.

- Vậy em có cho anh làm người bạn đường cuối đời của em không?

Bảo-Trân không đáp, chỉ mỉm cười, nhìn Phong bằng ánh mắt nồng nàn, nhưng trong tâm lại lóe lên câu hỏi: “*Còn Bi-En-*

Ti (B.N.T. viết tắt của ba chữ Bà Nhà Tôi, danh từ Phong thường dùng để ám chỉ Tuyết-Nhung) *anh bỏ cho ai?"*

Hai người lại tiếp tục đếm bước bên nhau, tiến về hướng chiếc cầu gỗ trước ngôi biệt thự mà ngày xưa được dùng làm nơi nghỉ mát cho sĩ quan Hải-quân cao cấp. Bảo-Trân vịn vào thành cầu, hơi nghiêng người để nhìn bóng mình phản chiếu lung linh trên mặt hồ phẳng lặng. Chiếc áo choàng màu đỏ thắm của Bảo-Trân nổi bật trong bóng hoàng hôn u tịch. Phong im lặng ngắm Bảo-Trân và trong lòng chàng vang vang tiếng ca nức nở của Chris deBurgh. Gần cuối bản nhạc, cứ mỗi lần câu *Lady In Red* được lặp lại, tiếng *Red* rơi đúng vào *temps fort* cùng lúc với âm thanh dồn dập của nhiều nhạc cụ khác nhau khiến người nghe cảm thấy nao nao trong lòng; rồi Chris deBurgh ngân dài chữ *Red*. Giọng Chris deBurgh vang xa như bất tận, như xoáy sâu vào lòng người nghe. Và, cuối cùng, giọng Chris deBurgh trở nên tha thiết: "*My Lady In Red, I Love You*" để chấm dứt bản nhạc. Phong không hiểu tại sao cứ mỗi lần nghe bản này Phong lại nghĩ đến Bảo-Trân. Một lúc lâu, Phong hỏi:

- Bảo-Trân! Em đang nghĩ gì?

- Em đang nghĩ đến hai câu thơ của anh.

- Hai câu nào?

Bảo-Trân quay người lại, nhìn Phong rồi đọc nho nhỏ:

- *Lòng anh như nước Trường-Giang ấy. Chảy mãi xuôi giòng soi bóng em.* (Hoàng-Vũ-Bảo)

Phong nhìn Bảo-Trân đăm đuối. Bảo-Trân cười tinh nghịch:

- Anh biết mỗi khi nghe bản Đỗ-Quỳnh-Hương của Đức-Huy em nghĩ gì không?

Phong lắc đầu. Bảo-Trân tiếp:

- Em nghĩ đến hai câu thơ khác của anh.

- Nghe nhạc lại nghĩ đến thơ, em đúng là một nghệ sĩ.

- Vì trong bản nhạc ấy có câu: "*Đỗ-Quỳnh-Hương ơi! Hãy viết cho anh vài dòng*"... Còn anh thì: "*Lòng anh trong trắng tinh khôi lắm. Em viết lên đi, viết ít dòng.*" (Hoàng-Vũ-Bảo)

- Biết anh thêm đọc thư em đến như vậy mà em cũng hà tiện chữ với anh. Em thật là...tàn nhẫn.

- Nếu vậy thì em sẽ tàn nhẫn và tàn nhẫn mãi để anh sáng tác những vần thơ suốt mười, rồi bao nhiêu nữ độc giả sẽ ghiền đọc thơ anh và tim họ sẽ mềm ra...

- Em thật khác lạ. Anh chưa bao giờ đọc hoặc nghe ai dùng chữ tim mềm cả. Rất đặc biệt.

- Em lấy ý từ cụm từ "*my heart melted*" do công chúa Diana nói với hoàng tử Charles lúc hai người mới yêu nhau.

- Tim nữ độc giả sẽ mềm ra, còn tim em có mềm không?

Bảo-Trân cười, cúi mặt.

Hai người lại song đôi, hướng về phía cầu Ông-Đạo. Từ đây, Bảo-Trân nhìn quanh bờ hồ và tưởng như có thể thấy được hình dáng ông bà Dư, trên hai chiếc xe đạp bằng *duralumin*, hiệu Alcyon, khi ẩn khi hiện sau những gốc thông già. Khi nào đến cầu Ông-Đạo, ông bà Dư cũng đưa cao tay vẫy vẫy về hướng bậc cấp cao, nơi có đứa bé gái ham ăn kẹo kéo để người cậu ngồi buồn xo. Khi thấy ông bà Dư vẫy tay, đứa bé gái vui mừng đứng lên, một tay đưa thỏi kẹo kéo vẫy cao, tay kia vỗ vỗ vào vai người cậu: "*Ba Má em kìa. Ba Má em kìa.*" Người cậu vẫn lặng thính, nét mặt dầu dầu. Thấy Ba Má đã khuất vào khúc quanh, đứa bé ngồi xuống, nhìn người cậu một lúc, động lòng sao đó, đứa bé đưa mẫu kẹo cho cậu: "*Nè, em cho cậu cắn miếng nữa đó; mà cậu cắn ít ít thôi, nhen.*" Cắn miếng kẹo kéo xong, gương mặt cậu bé tươi tắn trở lại. Cậu bé xoay lưng về phía đứa bé gái rồi khom xuống: "*Tới đây cậu công qua mấy bậc cấp, lên xe, đi về. Chạng vạng rồi, về kẻ Ngoại la.*" Miệng nhai kẹo, hai tay quàng cổ người cậu, nhưng mắt của đứa bé gái lại dõi theo hình bóng ông bà Dư cho đến khi cả hai ông bà lẫn khuất chung vào với mấy "ông" Tây "bà" Đầm thích dạo xe đạp quanh bờ hồ vào mỗi buổi chiều.

Nghĩ đến đây bất giác Bảo-Trân thở dài, nhớ đến hai câu thơ của ông Dư, bút hiệu Diệp-Linh: "*Về nơi đây đâu vết cũ, ngày xanh? Tôi chỉ thấy bóng thời gian vô tận!*" Những buổi chiều của tuổi thơ sao êm ái ngọt mà, còn những buổi chiều của cô phụ sao quanh hiu đến buồn thảm! Từ ý tưởng đó Bảo-Trân không thích những buổi chiều khi quanh nàng không còn ai khác

nữa!

Trong khi Bảo-Trân chìm đắm trong vùng ký ức mịt mờ thì Phong tự phân tích tâm lý để tìm hiểu xem mối tình xưa sống lại trong lòng Phong là chỉ vì Bảo-Trân mà thôi hay là, vì qua hình ảnh của Bảo-Trân, Phong đã tìm lại được hình ảnh thân thương của một sinh viên Quân-Y đầy sức sống, đầy lãng mạn, đầy anh hùng tính. Nghĩ ngợi một lúc lâu cũng không thể hiểu được tâm trạng phức tạp của mình, Phong lại gợi chuyện:

-Này, em! Từ hôm về đến nay em đã trở lại thăm trường cũ của em chưa?

Trường cũ của Bảo-Trân là một trường Đạo, tọa lạc trên đường Hai-Bà-Trung, khuất sau những đồi cỏ xanh rì. Bảo-Trân nhớ dường như trường mang tên là Domaine De Marie.

- Dạ có, nhưng trường chỉ còn là một tu viện. Lúc đến đó em đã bùi ngùi nghĩ đến những người bạn xưa và tiếc thời thơ ấu của em.

- Em không nghĩ đến anh sao?

- Anh lớn hơn em, đâu có học với em mà bảo em nghĩ đến. Ô, em không nghĩ đến anh mà em nghĩ đến hai câu thơ của anh, chịu không?

- Hai câu nào?

- *Khói hương đậm ấm nào đâu thấy; chỉ thấy phai tàn bóng tuổi thơ!* (Hoàng-Vũ-Bảo)

- Em thật tuyệt vời.

Bảo-Trân nhìn Phong, cười một cách hóm hỉnh. Phong tiếp:

- Anh thì khác. Từ ngày liên lạc lại được với em, nhìn nơi nào anh cũng thấy hình bóng em.

- Thật không?

- Trong tâm mắt anh, lúc nào em cũng là cô bé tóc dài, mặc chiếc áo len đỏ - Nói ngang đây Phong mới chợt hiểu vì sao chàng thích bản *The Lady In Red* - Mỗi tối, sau khi học bài xong, em thường ôm đàn ngồi cạnh cửa sổ trên lầu. Đàn cho đến khoảng chín giờ, em vén màn cửa sổ, chồm ra, kéo hai khung cửa kính lại. Thỉnh thoảng cô bé cùng với vài cô bạn theo đoạn đường mòn thẳng đứng, có nhiều khúc thông khô ngăn đất đỏ để tạo

thành những bậc cấp cao, phía sau nhà, leo lên chùa Linh-Sơn. Đôi khi anh thấy em mặc đồng phục Gia-đình Phật-tử. Em thuộc Gia-đình Phật-tử chùa Linh-Sơn, phải không?

- Dạ không. Em thuộc Gia-đình Phật-tử chùa...hình như tên là chùa Tuệ-Quang, trên đường Hai-Bà-Trưng, gần trường em.

- Tại sao khi nào biết được anh đi theo hay anh nhìn trộm là em ù té chạy?

- Tại vì dì Mười cấm.

- Nói thật với anh đi, dạo đó, nếu không sợ dì Mười, em có muốn nói chuyện với anh không?

- Dạ....chắc không. Tại vì lúc đó em còn trẻ con, còn mấy “ông” sinh viên lớn và oai quá, em sợ!

Cả hai cùng cười vui.

Bảo-Trân rón rén rời chánh điện, bước ra sân, đi chậm chậm, len qua mấy băng đá mài có khắc tên của những người Việt từ ngoại quốc về thăm nhà. Từ cổng chùa, màu ngói đỏ còn tươi, Bảo-Trân chỉ thấy màu xanh biếc của những rừng thông chập chùng, giao tiếp với màu xanh nhạt của những áng mây lơ lửng cuối bầu trời trong vắt. Bảo-Trân bước dần về hướng những bậc cấp thoai thoải theo triền đồi để xuống Hồ-Tuyền-Lâm dưới thung lũng sâu.

Ngoài hai hàng *Blue Point Junipers* xanh ngát được trồng dọc theo hai bên bậc cấp, Bảo-Trân còn thấy những khóm *Impatiens* khoe sắc bên những cụm *Begonias* hoa nhỏ, lá dày và *Geraniums* nhiều màu chen chúc trong màu tím nhạt của *Dwarf Lily*, nơi mấy luống hoa. Bảo-Trân hơi ngỡ ngợ. Ngày xưa Dalat đâu có những loại hoa này. Những loại hoa này có lẽ đến từ Mỹ hoặc Canada. Nghĩ đến đây tự dưng Bảo-Trân nhớ đến vườn hoa rực rỡ ở Vancouver và những lời tha thiết của Phong trong một buổi chiều có gió xôn xao trên những cành phong lá đã ngả màu. Hôm đó, Phong hỏi Bảo-Trân ước muốn điều gì? Bảo-Trân đáp: “Điều mơ ước của em là, sau khi các con thành đạt, em sẽ về tu tại Trúc-Lâm Thiền-viện. Nhưng trước khi trở thành ni cô, em sẽ mua một mảnh đất nho nhỏ cạnh Trúc-Lâm Thiền-viện để trồng

lan.” Phong tròn mắt: “Em đi tu rồi anh sống với ai?” Nhìn ánh mắt và nét mặt của Phong, Bảo-Trân hiểu Phong nói rất thật lòng, nhưng Bảo-Trân vẫn đáp: “Em đã thưa với anh từ lâu rồi. Câu chuyện giữa anh và em không thể nào đưa đến một happy ending được.” Phong có vẻ không vừa ý: “Đã biết bao nhiêu lần anh khuyên em đừng nên nói đến diêm gở. Em nhớ không?” Bảo-Trân đáp: “Hãy thực tế đi, anh...” Phong nhìn nàng, nghiêm nét mặt: “Thực tế gì? Chuyện gia đình của anh phải không? Mấy mươi năm qua anh đã hết lòng, hết bốn phận của anh đối với vợ con anh rồi; những ngày còn lại cuối đời anh, anh phải sống cho anh.” Bảo-Trân chẳng biết nói gì, chỉ im lặng nhìn khóm Crown of thorn đầy gai. Phong cũng im lặng một lúc rồi tiếp: “Anh đã mất em hơn nửa đời anh rồi; bây giờ tìm lại được em, không bao giờ anh để mất em một lần nữa đâu.” Bảo-Trân xúc động nhưng vẫn phải nêu ra trở ngại: “Xin anh đừng quên rằng em còn phải về Việt-Nam để tìm hiểu tình trạng của anh Khoa đã.” Phong vẫn không chùn bước: “Anh không quên. Em nên tìm hiểu sự thật về anh Khoa, càng sớm càng tốt. Riêng anh, thời gian còn lại cuối đời anh, anh chỉ muốn được sống với em thôi. Bằng mọi cách, anh phải thực hiện ước muốn đó.”

Ước muốn đó, chỉ cách đây một đêm, cả Phong và Bảo-Trân đều tưởng rằng sẽ thực hiện được vào một ngày không xa. Nhưng, tối hôm qua, sau khi từ già Phong về nhà đi dưỡng Mười, Bảo-Trân nhận được điện thoại của cô con gái lớn. Cô con gái bảo rằng bác sĩ Lambert muốn Bảo-Trân đến văn phòng ông gấp, vì kết quả thí nghiệm thường niên của Bảo-Trân kỳ này có dấu hiệu nghi ngờ. Bác sĩ Lambert muốn thực hiện gấp một thí nghiệm khác để xác định bệnh trạng. Nhờ tâm đã hơi tỉnh và biết chấp nhận lẽ vô thường của tạo vật, Bảo-Trân chỉ hơi xúc động chứ không hoảng hốt. Nàng lấy giọng bình thản trấn an con: “Măng nghĩ, có thân thì có bệnh. Bệnh chỉ chứ bệnh đó, nếu măng mắc phải, thì một vài tuần cũng chẳng thay đổi được chi đâu, con. Cũng may măng về thăm quê nhà, nếu không, rủi bác sĩ bắt nhập viện thì có lẽ không bao giờ măng còn dịp nhìn lại nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Thôi, con đừng lo. Con gọi văn

phòng bác sĩ Lambert, giải thích với họ và lấy cái hẹn cho mặng vào tuần cuối của tháng này. Mặng phải tìm gặp Ba, đó là mục đích của chuyến đi này, con nhớ không?"

Sau khi gác điện thoại, Bảo-Trân thao thức, trần trọc với muôn vàn nỗi đắng cay. Bảo-Trân ôn lại đời mình và bất giác nghĩ đến hai câu thơ của Chế-Lan-Viên mà ngày xưa, sau khi thành hôn với Khoa ít lâu, nàng thường nghĩ đến mỗi khi khóc thầm vì bị Khoa lừa dối: "Với tôi tất cả như vô nghĩa; Tất cả không ngoài nghĩa khổ đau!" Bây giờ, gặp được người yêu nàng thật lòng thì, ngoài vấn đề mặc cảm tội lỗi, Bảo-Trân lại bị vấn đề sức khỏe chi phối. Bảo-Trân nghĩ rằng Định-Mệnh quá nghiệt ngã đối với nàng. Thôi, thà chịu khổ đau một mình hơn là kéo Phong vào vòng hệ lụy!

Sau khi đã chọn cho mình một thái độ, Bảo-Trân ư hử một điệu nhạc tình và bước đến điểm hẹn. Từ điểm hẹn, Bảo-Trân nhìn vu vơ vào vùng không gian yên ắng, được vây quanh bằng cả rừng thông xanh. Ngoài tiếng thì thầm bất tuyệt của ngàn thông, Bảo-Trân không nghe một âm thanh nào khác nữa. Bảo-Trân có cảm tưởng như nàng đã thật sự xa cách cuộc sống xô bồ và đảo điên của loài người. Ý nghĩ này giúp những ưu phiền trong hồn Bảo-Trân lắng xuống một cách êm ả như mặt nước dòng đục của Hồ-Tuyền-Lâm phía xa.

Trên mặt nước ấy, vài chiếc thuyền con đang phôi mình trong nắng nhạt để đợi khách nhân du. Bất chợt một cô bé đi về phía Bảo-Trân và mời Bảo-Trân mua những bức tranh thêu tay, trên lụa. Nhìn những bức tranh được thêu một cách công phu và mỹ thuật, Bảo-Trân chợt nhớ đến chữ "P" và chữ "T" Phong thường viết lồng vào nhau một cách tuyệt mỹ, dưới câu "*Thương nhớ em nhiều, rất nhiều, nhiều lắm*", trong những bức thư chàng E-mail cho nàng. Khi thấy bức tranh thêu bốn câu thơ của Thượng-Tọa Thích-Minh-Thông và một vị tu sĩ ngồi bên triền núi, dưới ánh trăng non, Bảo-Trân thích nên mua ngay.

Cô bé đi về hướng những bậc cấp cao trong khi lòng Bảo-Trân chùng xuống thật thấp vì bốn câu thơ: "*Vượt hết non cao, vực thăm rồi. Bên đường bỗng thấy sắc hoa tươi. Mới hay siêu,*

đọa do mình cả. Mà cỗi Mười Phương cũng huyễn thôi. Nếu cỗi Mười Phương mà cũng huyễn thì loài người bám víu vào đâu vào những lúc bị đời vùi dập? Nếu cỗi Mười Phương mà cũng huyễn thì tại sao niềm khổ đau lại có thật? Nếu sự khổ đau không có thật thì những nơi thờ phụng tôn nghiêm dùng để làm gì? Đôi khi, chính Bảo-Trân cũng hoài nghi... Bảo-Trân vừa nghĩ đến đây chợt nghe tiếng Phong:

- Em đợi anh lâu không?

Bảo-Trân giật mình, hơi lúng túng, vì thật tâm nàng âu lo, buồn phiền và nàng đang suy gẫm về ý nghĩa của bốn câu thơ, nhất là câu thứ ba, chứ nàng không có ý đợi chàng. Phong tiếp:

- Mình đi vòng bờ hồ chơi rồi tý nữa mình thuê ghe chèo vào trong xa chơi. Em nghĩ sao?

Bảo-Trân cố giữ nét mặt bình thản, nhìn Phong, cười, tỏ vẻ hưởng ứng rồi vin vào bàn tay Phong, đứng lên. Cả hai lại im lặng, chậm chậm đi bên nhau. Dường như cả Phong và Bảo-Trân đều thích những giây phút như vậy. Đi được một đoạn khá xa, Phong cảm biết dường như Bảo-Trân có điều chi bất ổn nên nét mặt nàng trông buồn rười rượi:

- Em có gì lo nghĩ, nói anh nghe, được không, em?

Bảo-Trân gượng cười lắc đầu. Phong tiếp:

- Chắc em buồn vì anh đến hơi trễ, phải không?

- Dạ ... Dạ ... không.

- Hay là em mệt chân? Thôi, mình đến bến dò thuê ghe, nhé.

Chiếc thuyền nhỏ đưa Phong và Bảo-Trân rời bến được một chốc thì cơn mưa mây gieo xuống những sợi nước trong suốt, long lanh, rơi đều đặn, tạo những vòng tròn nhỏ xíu trên mặt hồ đã sóng sánh vì mái chèo của cô bé chèo dò. Như đã chuẩn bị từ trước, cô bé chèo dò lấy nón đội rồi trao cho Phong cây dù.

Bảo-Trân tựa vào vai Phong để cả hai cùng núp mưa dưới một cây dù. Cả hai cùng im lặng, lắng nghe tiếng mưa rơi nhẹ nhẹ trên làn vải đen của cây dù. Một lúc lâu lắm, Phong hơi nghiêng sang Bảo-Trân:

- Em đang nghĩ gì, Bảo-Trân?

- Dạ, em đang ... tập...

- Tập? Tập cái gì?

- Dạ....Tập... tập...quên anh.

- Bây giờ đâu phải là tháng Tư mà có *April Fool's Day* hè?

- Em không dám đùa với anh đâu.

- Vậy thì tại sao em nói như vậy?

- Suốt cuộc đời em, lúc nào em cũng phải phấn đấu, phải tranh giành, phải dấn thân tự tạo để có được những gì em thích, những cái em muốn. Riêng về tình yêu, em cũng phấn đấu, cũng níu giữ, cũng giành giật, nhưng em đã hoàn toàn thất bại. Bây giờ, em mệt mỏi và chán chường, em không còn nghị lực để phấn đấu nữa.

- Anh chẳng hiểu gì cả. Tại sao em lại bi quan như vậy?

Bảo-Trân cúi mặt, không dám nói thật với Phong nỗi lo âu, niềm đau khổ đang xâu xé trong lòng. Phong tiếp:

- Mai em đi rồi. Thời gian mình gặp nhau đâu còn bao lâu. Khi trở lại Hoa-Kỳ, em phương Bắc, anh phương Nam, mỗi năm chưa chắc đã gặp nhau được một lần, sao em cứ làm khổ nhau?

- Em đâu muốn làm anh khổ; vì anh buồn thì em cũng khổ tâm lắm, anh biết không?

- Nếu vậy thì tại sao? Anh nghĩ, vào lứa tuổi của hai đứa mình thì đâu còn những giây phút nông nổi, bông bột nữa, phải không, em?

- Em đã suy nghĩ rồi chứ em không bông bột và nông nổi đâu. Em xin anh hãy xem em như người em gái hay là người bạn nhỏ của anh thôi.

- Tại sao em dối lòng và em buộc anh phải chấp nhận một điều trái với ước muốn của anh?

- Em dối lòng, đúng. Nhưng nếu anh thật tâm thương em thì xin anh chấp nhận sự dối lòng đó của em. Anh hứa đi, anh.

- Anh không thể hứa như vậy được.

Bảo-Trân thường tâm niệm sẽ yêu thương Phong hết lòng và sẽ đem hạnh phúc đến cho Phong trong khoảng đời còn lại của hai người chứ không bao giờ Bảo-Trân muốn Phong là người sẽ nhận chịu những bất hạnh của nàng. Đó là tất cả sự thật, nhưng Bảo-Trân không dám nói, lại tìm lý do khác để che giấu

niềm đắng cay:

- Thưa anh, giữa anh Hoan và em còn các cháu. Em không muốn bị các cháu trách cứ em.

Phong có vẻ thắng thốt vì tưởng nhầm rằng Bảo-Trân vẫn còn yêu Hoan. Lòng Phong tái tê như ngày nào được mấy người em con ông chú báo tin rằng gia đình di dưỡng Mười cho hay Bảo-Trân đã thành hôn với Hoan, tại Nhatrang! Phong trầm ngâm một lúc lâu lắm rồi nói ra nỗi xót xa của chàng:

- Anh đã nghĩ đến điều đó. Và chính anh, đôi khi anh cũng đã nói với em, anh không muốn làm người tệ bạc đối với anh Hoan. Em nhớ không? Nhưng vì thương yêu em, anh gạt bỏ tất cả. Bây giờ, cũng vì lý do đó, mình đành mất nhau!

Bảo-Trân lặng lẽ cúi đầu để Phong không thấy khuôn mặt nào nùng và hai hàng nước mắt đang lăn chã rơi. Phong tiếp:

- Hay là mình cứ sống trong sạch, bình thản như bấy lâu nay, để giòng đời đưa đẩy, em nghĩ sao?

Bảo-Trân chợt nghĩ đến câu "*Mới hay siêu, dọa do mình cả*" nên ngại ngùng:

- Dạ, em nghĩ chắc không được; vì nếu như vậy thì em cũng có tội về tinh thần đối với *Bi-En-Ti* và *Ô-En-Ti*.

Đang buồn, đang xúc động, Phong cũng phải bật cười vì nghe ba tiếng *Ô-En-Ti* (O.N.T. viết tắt của Ông Nhà Tôi) mà Bảo-Trân vừa nói để đối với ba chữ *B.N.T.* do Phong đặt ra.

- Anh chịu thua em. Bất cứ khi nào và bất cứ ở đâu em cũng có thể ứng dụng những câu thơ của anh để diễn đạt tâm trạng của em; và bất cứ điều chi anh nói ra em cũng đối đáp một cách dí dỏm. Người như vậy mà cứ đòi làm em gái của anh thôi thì có chết anh không!

- Thôi, anh. Thà như vậy mà đẹp; chạm vào thực tế sẽ ử ê.

Phong chỉ biết thở dài. Những ngày sắp đến, trong những sinh hoạt văn chương của chàng sẽ thiếu vắng sự cảm thông, sự góp ý và sự khuyến khích ân cần của Bảo-Trân. Phong không hiểu chàng sẽ phải sống như thế nào; nhưng Phong rất sợ phải trở lại cuộc sống thâm lặng, nhàm chán, thiếu cảm hứng sáng tác mà lại phải nghe những lời dạy nghiêng của Tuyết-Nhung:

Muối - Đường - Ta

DUNG NHAM

*Muối tan trong nước
Nước bốc hơi rồi
muối hiện ra*

*Đường tan trong nước
Nước bốc hơi rồi
đường hiện ra*

*Ta tan thành bụi
Bụi theo gió bay
Gió bay...
gió bay...
Bụi theo gió cuốn đi
Còn ta đi đâu?
Đi đâu? Đi đâu?
Bụi theo gió bay
Gió bay...
gió bay...*

“Ai làm bác sĩ cũng giàu nứt đổ đổ vách; còn anh là bác sĩ mà tối ngày chỉ lo thơ với thần thôi!” Một lúc lâu lắm, Phong bảo:

- Trong khi anh Hoan chưa sang đoàn tụ, bất cứ lúc nào em và các cháu cần gì, cứ E-mail hoặc gọi anh. Anh hứa sẽ lo cho em và các con của em trong tất cả mọi trường hợp.

- Xin cảm ơn anh. Mẹ con em đã sống tự lập bao nhiêu năm nay nên cũng quen rồi. Em chỉ cần thỉnh thoảng anh E-Mail cho em vài dòng để em biết anh bình an hay không, cho em đỡ lo.

Phong im lặng, nắm bàn tay Bảo-Trân, bóp nhẹ. Phong cảm biết niềm buồn thương đang kéo về, len nhẹ nhẹ vào từng tĩnh mạch, chạy về tim. Vừa khi đó, từ cõi lòng tan tác của Phong, ý thơ dâng lên, thể hiện được tất cả tâm trạng của chàng và Bảo-Trân: “Nghìn trùng tâm tưởng, thôi đành đoạn. Ai nhớ thương ai cũng ngại ngùng!”... (Hoàng-Vũ-Bảo).

Trí Nhớ Suy Tàn

Nguyễn Bình Phương

con đường vắng hồn hoa đi lão đảo

Chẳng mấy tháng nữa sẽ tròn hai mươi sáu tuổi. Mang trong mình sự phức tạp của phố phường, đôi lúc không tránh khỏi những giờ phút mơ mộng hão huyền từ thời sinh viên để lại.

Nói nhanh, âm trong veo, không chịu rề đi ngay cả lúc đã mệt mỏi, chán nản. Giọng ấy tự nó ngân nga vang vọng, xoáy vào tình cảm cho dù ngôn ngữ cứ sắc lạnh. Mắt thông minh, cong với làn da mỏng và chiếc mũi hếch ngọ nghĩnh, tinh quái. Cái ấy mẹ cha chẳng can thiệp, nó là của trời. Giọng nói của trời, làn da của trời, con mắt của trời. Vào thời điểm bất chợt nào đó, đem những thứ của trời ấy dâng cho người mình yêu, như một sự bày tỏ, một đền đáp, một ân huệ vụng trộm.

Thích các gam màu mạnh, chói, nhưng tính tình kín đáo. Chống đối bằng thái độ khinh bỉ. Thật khó ai bắt gặp giây phút buồn chán hay vui vẻ, có chăng chỉ khi trời mưa, nhìn kỹ nét mặt mới thấy vẻ khó chịu, nhưng cũng mơ hồ thoáng thoáng thôi.

Hàng ngày đúng bảy giờ mười lăm dắt xe đi làm, chiếc áo màu ghi xám lẫn giữa bao nhiêu áo trên đường phố. Nếu nhận ra cũng chỉ nhờ vào trí nhớ, mà mấy hôm nay cứ lịnh cảm sẽ suy tàn ghê gớm, tựa cây ổi trước nhà gãy vào năm lên mười hay

mười hai giờ đó, không cứu vãn được.

Tuấn đã ở chân trời khác với tiếng nói khác, màu da khác. Châu Âu xa xôi có tuyết trắng như những miếng xốp lót hàng điện tử.

Giờ em là một con chim bị nhốt trong lồng quá lâu, băng khuâng vì tự do, yên bình.

Ở cơ quan, vào các buổi trưa, đứng trên ban công tầng hai nhìn xuống cổng, chẳng ngóng ai chẳng nhớ thương tương tư ai, chỉ để đầu óc đỡ căng thẳng chuẩn bị cho giấc ngủ ngắn ngủi chớp nhoáng, để quên Tuấn và mang máng về Vũ. Ban công không có mái che, nắng cũng chẳng màng tới nên lập lờ giữa sáng với tối. Dễ chịu vì sự yên ổn. Mà để làm gì nữa ngoài sự tò mò của đám ba con bé nhà quê đi ăn cơm bình dân về. Buổi trưa không khí thơm tho mạch lạc, đầu giờ chiều sau giấc ngủ nông choèn mọi thứ cứ lơ mơ ử ử, giống chiếc váy may dở. Vì thế mà rất dễ lạc vào các ý nghĩ lan man đang giăng sẵn. Lạc là một thứ khoái cảm cho dù công việc đang bề bộn gấp gáp. Ngày bé đã từng lạc ở khu phố cổ, chưa đến mức đi hết ba mươi sáu phố phường nhưng cũng loanh quanh hàng tiếng đồng hồ trong Hàng Mã, Ngõ Gạch, Hàng Đồng. Khu phố cổ là một mê đồ đập chồn uẩn khúc làm dậy lên cảm giác hoảng loạn. Sau này biết thêm rằng cái mê đồ đập chồn uẩn khúc ấy giam giữ bao nhiêu người già với những ký ức phiền não, giam giữ cho đến chết mới thả họ ra tựa chiếc lá bàng khô đột ngột hiện từ miệng cống. Những ký ức phiền não quấn quanh trong những bức tường tróc lở rêu phong.

Trưa, nắng buông xuống nhiều, người đi lại ít hơn nhưng vẫn có cảm giác tỉnh táo mãi mãi. Vào giờ nhất định, có những chiếc tàu chạy xuyên vào lòng Hà Thành, sau đó lại xuyên ra đều đặn cần mẫn như một mũi kim khâu khâu lên cuộc đời rộng lớn nhưng mỗi một.

Mang máng rằng thế nào cũng có một chuyến tàu đi xa hơn tất cả các chuyến tàu.

Thời điểm ít mong nhớ, những cơn gió quấn trên các ngọn cây, ấn tượng chung là chán nản tuy chưa phải tàn cuộc. Năm

xưa đã một lần ốm nằm bẹp trên giường mất hai tuần, đầu óc bồng bênh chân tay bồng bênh, mình làm mây, không cất lên trời để trôi nhưng vẫn cảm giác chuyển động. Đám mây chỉ dừng lại sau khi uống xuyên hương. ốm dậy thấy cái gì cũng lạ, từ tiếng người, tiếng xe, từ cái lá mặt nước cho đến những chùm hoa nhỏ thấp thoáng trong vòm cây. Cố gắng đi một vòng quanh hồ Gươm và thấy khoẻ mạnh.

Hà Thành bây giờ khác xưa, gió thổi nhanh hơn người đi vội hơn. Một cái gì đó chêm vào giữa.

Không nhớ đã bao lần quay lưng lại với thương mến của người khác nhưng nhớ rõ về người khác quay lưng lại sự thương mến của mình cho nên đã buồn chán đi lang thang trong lòng Hà Thành với một chiếc túi sắc màu đen có đôi quai dài bằng cao su.

Một hàng rào găng xén phẳng men theo hè phố, vắt hờ hững trên đó một miếng giẻ lau màu cháo lòng. Ai đó vô danh vẫn ngồi hàng giờ với chiếc tủ kính nhỏ đựng thuốc lá, diêm và dăm ba gói kẹo màu sắc sỡ. Ô kính tủ in bóng người xe qua lại, như cái cửa dẫn vào cuộc sống khác run rẩy mờ ảo. Em sẽ phải đều đặn đi qua đó vào các buổi sáng, các buổi chiều. Có biết bao nhiêu những tủ kính khác nữa trên đường mà không được để ý vì Tuấn không dừng lại mua thuốc.

Tuấn đã ra đi như một đám mây, mây không đầu thai trở lại cùng những kỷ niệm đẹp đẽ bằng hoàng dưới gốc cây điệp phố Bà Triệu.

Vắng Tuấn thành phố trồng thêm nhiều điệp vàng, đi đâu cũng gặp, góc đường, ven hồ, đầu nhà, bãi đỗ xe, công viên. Chân núi Nùng cũng có một cây nhưng nó đã bị chặt, chỉ còn cái gốc đen thui vì mục, hàng năm đến mùa hè khu vực ấy cứ vàng chói lên, người ta bảo đó là hồn hoa về thương nhớ chính mình. Hoa điệp vàng không ngủ, tỉnh táo và chết đột ngột, đột ngột một ngày nhận ra rằng bạn bè tan vỡ trôi nổi khắp nơi. Khi ấy kết thúc đời sinh viên, kết thúc một cuộc náo loạn không biết mệt mỏi, kết thúc luôn cả mái tóc dài buông kín hai vai. Sau đó còn mình em với mái tóc ngắn.

Thời gian vỗ ào ạt.

Vũ bên trái, Tuấn bên phải, trận ồm sau lưng và cái gì đó như chiếc kim khâu khổng lồ trước mặt.

“Cho anh hôn em”

Cây điệp phố Bà Triệu đã nghe được câu nói của Tuấn lúc mười một giờ mười phút. Đó là nụ hôn đầu tiên em đón nhận.

Sau đó là chiếc nhẫn gắn bông hoa kim cương nhỏ có hai cánh với lời hứa sẽ mãi mãi thuộc về nhau.

Bây giờ cây điệp phố Bà Triệu đang rụng hoa. Hoa rụng chẳng làm ai thương tổn. Đây là Hà Thành. Sôi động, khuấy tất, một tổ mối ven sông với cơ cấu tổ chức hỗn loạn không mảy may tự do.

Người đàn ông phố Hàng Giấy đang canh giữ cây điệp phố Bà Triệu. Ông ta chưa bao giờ khóc.

Trở vào phòng, máy điều hoà o o. Hoài đang ngủ. Giấc ngủ đến với em chậm, thờ ơ mà vô cùng chắc chắn. Mi mắt cứ díp lại, sẩm tối những cánh hoa cũng díp lại như thế. Ngủ cùng hoa cho dù khác thời gian. Đi trong giấc ngủ, khề khàng ít đụng chạm. Giữa giấc mơ người ta không chèo lái được mình. Mơ là buông thả phó mặc như hành khách ngồi trên máy bay. Bây giờ em đang đi cạnh những làn sương mỏng, màu sắc khoan hoà nhã nhận. Chạm vào sương là chạm vào bông, thứ bông tinh khiết hơn cả mây ngày nắng ráo. Thầm ước có một buổi nào đó thành phố chìm trong sương mù để xem mình sẽ đi tới đâu. Ở một bức tường không phải xây bằng gạch ai đã vạch ba đường lượn song song gợi đến sông, gợi đến ký hiệu của một kẻ thần kinh hỗn loạn. Và trôi đi. Và biến mất các hình ảnh.

Bốn rưỡi rời khỏi cơ quan. Đến như một nghĩa vụ thì ra về cũng như một nghĩa vụ.

Đường phố giống đường của biển. Trong dòng người xa lạ mỗi một, tìm thấy khuôn mặt mình chờ mong thật khó. Tất cả mền yêu đang tan biến cùng với nắng.

Thành phố bước vào bóng tối chậm rãi, những ngọn đèn đường sáng lẻ tẻ, nhẫn nại đi theo chúng sẽ về tới nhà.



Tựa một cái cây, Vũ nhả nha lớn dần trong tâm trí em, không ồn ã, hào phóng, hơi chút hài hước vào những thời điểm vui vẻ cần thiết. Mỗi cử chỉ lời nói là một chiếc lá, mỗi cuộc tiếp xúc là một nhánh cành và cái cây xum xuê dần lên.

Vũ là người con trai sạch sẽ.

Một cái cây bền bỉ kiên nhẫn.

Đôi khi dễ tự ái, ít nổi giận, có những khoảng trống khó hiểu. Ăn mặc không theo mốt, sống ngoài thân nhiệt xã hội, ít để ý đến lớp người kém tuổi mình và luôn khinh thường họ.

Vũ người gầy, đi hơi nghiêng sang trái, thi thoảng đau đầu nhưng không kêu ca, luôn mang trong túi quần một chiếc chìa khoá duy nhất và mang trên mặt những tâm trạng bất thường. Thích đi, yêu sự khó hiểu, đặc biệt say mê bầu trời.

Vũ là bầu trời ở giữa cái bầu trời nắng mưa thường ngày. Một bầu trời nho nhỏ kết từ các ý nghĩ thông minh kín đáo nhưng không dầm dề.

Đôi ba lần nhận ra sự khác lạ trong cái nhìn của Vũ nhưng điều đó xảy ra nhanh, được lưu giữ vào vùng nào đó trong trí nhớ. Hình như có em Vũ nói chuyện sôi nổi hơn. Hình như những cử chỉ thân mật ân cần của Vũ đều do em gọi ra và chỉ cho riêng em.

Hình như cuộc sống còn rất nhiều con đường và người đàn ông đầu tiên không phải là tất cả.

Dăm ba chuyến đi xa cùng Vũ chẳng xảy ra điều gì nhưng một lần tình cờ gặp nhau ngang đường, vào ngôi ở khuôn viên nhỏ để nói chuyện thì cánh cửa khác đột ngột mở ra. Đang nói chuyện vui, Vũ dừng lại, ấp úng rồi cả khuôn mặt chìm trong trạng thái đăm chiêu nhầu nhĩ.

"Không hiểu sao dạo này anh hay nghĩ về em... Anh đã mơ thấy em... chẳng biết để làm gì..."

Vũ cúi đầu, xoè bàn tay ra như đối thoại với nó.

"Em cũng thế..."

Trong cơn choáng váng, em buột miệng và cầm chặt. Mọi thứ

ù đi, văng vắt lảo đảo. Chỉ biết sau đó cả hai đứng dậy ghì xiết lấy nhau. Cầm Vũ chạm đỉnh đầu em rồi thấp xuống và môi Vũ đậu ở cổ em, ấm mềm như một chú chim non vừa tỉnh giấc.

"Em không biết mình đúng hay sai nữa..."

Một câu nói gượng gạo, hơi nhanh, âm vẫn trong vút. Vùng ra về, bỏ Vũ lại một mình, gầy gò đứng giữa khuôn viên trống toàn sấu, giữa bóng tối với những bóng người lảng vảng ngoài hàng rào.

Cả đêm nhìn ra cửa sổ, thấy căn nhà của bà già độc thân tối mờ chìm đắm, một phần bức tường sáng lên vì ánh đèn hắt vào. Có thể đọc thấy những dòng chữ quảng cáo đỏ trên tường, chúng mờ tỏ, xô lệch, chổng chéo như một bức tranh trừu tượng. Con mèo đi qua nhẹ nhàng, không quệt đuôi vào cây ớt, không cả quay trở lại, chỉ cái bóng còn lớn vờn trên tường.

Sau này mới biết Vũ cũng thức trắng đêm.

Sang Bát Tràng.

Đi để được gần gũi, để Vũ cầm tay và nhìn Vũ qua gương phản chiếu. Mê mải, không chú ý đến nắng, bụi, không chú ý cả những ổ gà lổn nhổn khắp mặt đường. Vào làng cổ, luồn lách giữa hai bức tường dính kín những bánh than, nghiêng phải nghiêng trái và cười vang với nhau. Đi thẳng vào một ngõ cụt, bị chặn lại bởi chiếc cổng gỗ cao ngất nhưng đã mục nát, con chó mõm trắng gừ gừ nhìn ra cùng với người chủ mặt nâu bóng, cời trần. Vòng lại, liều lĩnh đi theo một lối gạch nhỏ sâu hun hút như đi xuống lòng giếng, càng đi càng nóng, càng bồn chồn rờn rợn. Đi mãi, rẽ ngang rẽ dọc mà không sao thoát khỏi con đường chật hẹp đen đúa. Vẫn con chó mõm trắng, người đàn ông da nâu và cánh cổng gỗ mục nát. Bầu không khí khó chịu lớn vờn trên đầu càng lúc càng xiết lại. Rõ ràng có gì đó không bình thường trong cái làng xám màu này, nó toát ra từ các lò gốm nhỏ lơ xô với những mảnh gốm vụn dẫn tới khuôn cửa mờ tối tuyệt vọng. Trên bức tường gạch dài đột ngột trở những ô cửa nhỏ ẩn giấu đằng sau sự quan sát lạnh lùng. Cả hai nổi da gà. Cảm giác tê dại khi bị lạc ở khu phố cổ trở lại trong em.

Cuối cùng sau cái hắt hơi của Vũ cũng ra được tới bờ sông,

mắt trái bát ngát cùng dòng nước đỏ và bãi phù sa lênh láng hai bên. Thấy mình là con thuyền lênh đênh giữa nước mây rạo rực.

"Anh yêu em."

Vũ nói.

"Em cũng yêu anh."

Đáp lại trong khi trống ngực còn đập dữ dội.

Lang thang vào cửa hàng, chọn mua một chiếc cốc uống nước loại to, một ống đựng bút, một cái lọ nhỏ bé vô nghĩa nhưng cực đẹp.

Không nhắc về buổi tối hôm trước, không kịp cả một nụ hôn để giao ước.

Đó là buổi trưa duy nhất tất cả đều mất trọng lực.

Tất cả, nghĩa là không miễn trừ.



Một chút dịu dàng lan toả giữa mùa hè oi bức đầy tai biến. ánh sáng của làn da trắng. Giọng nói thì chẳng hề thay đổi, vẫn nhanh nhẩu trong trẻo, vẫn cái âm cuối vút lên ngạc nhiên. Có đứa trẻ không rời xa em.

Theo lịch thì sắp lập thu.

Giờ cây vẫn xanh. Người quét lá đang ngủ thanh thản như chưa bao giờ nghe tiếng rơi rụng xào xạc. Thế nào cũng đến ngày mở mắt ra thấy toàn thành phố ngập tràn trong lá rụng. Trẻ con hồ hởi chạy, lăn, bò, dẫm đạp lên lá. Mỗi người đi đường sẽ được một chiếc lá rụng vào giỏ xe, vứt đi thì dễ, đủ can đảm mang vào nhà mới khó.

Hà Thành đang mùa hoa rụng. Còn lớn vồn đâu đó lời bày tỏ băng quơ của Tuấn, cả những bước chân băng quơ không rõ từ thuở nào.

Sau những bước chân ấy, Tuấn ra đi nhẹ nhàng với chiếc vali nhỏ và lời hẹn sẽ trở về.

"Nhưng bao giờ?"

Nước mắt em trào ra trước cả câu hỏi.

"Chưa biết. Một hai năm gì đấy."

Giọng Tuấn là bài cỏ hoang mênh mông.

Thời tiết chết trong sự sợ hãi, chết vĩnh viễn từ buổi trưa hôm ấy. Vô nghĩa cho tất cả những gì đã diễn ra dù rằng hy vọng chưa chấm dứt.

Mong một cơn giông đến từ chân trời khác.

Giá như đừng kéo nhau vào ngôi nói chuyện trong khuôn viên tối hôm đó, cơn giông sẽ không đến. Nhưng cuộc sống sẽ tẻ nhạt đi bao nhiêu.

Cửa sổ có nguy cơ bị cây ớt cảnh lấn át. Cây ớt hoa trắng, quả non vàng, chín chuyển thành đỏ và rụng xuống hoá màu tím thẫm. Thằng bé nhà hàng xóm một lần sang chơi, tưởng ớt là nho đã lén lút ăn ngón ngấu bốn quả sau đó môi nó căng phồng lên như chiếc bánh bao. Không ai có thể ngăn cản thằng bé lặn lội.

Từ cửa sổ nhìn thấy tháp truyền hình với chấm đỏ bằng ngón chân cái nhô lên giữa đỉnh nhà bà già độc thân. Ban ngày tháp truyền hình lồ lộ, sơn đỏ trắng, vượt quá sự hiện đại để trở thành vật quái đản. Đôi lúc màu đỏ của ngọn đèn trên đỉnh tháp làm em thấy khó chịu, ước có chiếc kéo cắt ngang nó đi cho đỡ vướng mắt. Nếu cắt được ngọn tháp có lẽ nhà bà già độc thân sẽ khác đi rất nhiều, sẽ tự do hơn.

Dưới ánh điện nê-ông sáng xanh, bà già độc thân ngồi im lặng như một pho tượng. Mười một giờ rưỡi đêm đèn tắt, bộ bàn ghế giả cổ bóng lộn, chiếc mũ thủy thủ gắn sau ghế, bằng khen, con sóc nhồi bông cùng chìm sâu vào bóng tối. Thoang thoang tiếng quạt máy khô dầu.

Những ngôi sao trên bầu trời xa lạ.



Đi chợ.

Mặc chiếc áo ghi xám, chất lụa mềm chảy, rủ thằng bé con nhà hàng xóm cùng đi, trao cho nó nhiệm vụ xách làn.

"Sau này cháu cũng đi chợ như cô."

Thằng bé hồ hởi nói. Em cười:

"Con trai phải làm việc lớn hơn. Hiểu chưa."

Nói thế nhưng lại nghĩ nếu mình là con trai thì vẫn thích đi chợ. Con bé bán rau có làn da sần sùi, bù lại đôi mắt đẹp gần bằng mắt em. Rồi đời nó cũng sẽ phải yêu điên dại một ai đó và chịu đựng một ai đó yêu mình điên dại.

Rau muống xanh non nhưng lắm bèo tấm. Những xiên thịt nướng tắm nước gừng nằm rải đều trên lưới sắt đen bóng mỡ. Lạc rang sẵn, giò lụa, nộm hoa chuối và rổ trứng mỏng manh dễ chịu. Những người bán hàng quen thuộc mỉm cười đơn giản. Thằng bé kiệt sức không nhắc nổi cái làn, nó trả lại em và lảng vảng đến quầy giấy dép duy nhất nằm trong chợ. Ở đó có một góc dành cho xe tăng nhựa.

Đột ngột mưa.

Cả chợ nháo nhào, chạy và vắng tịt. Con bé bán rau đứng dưới chiếc ô màu chì cũ kỹ. Lại đôi mắt dài cong nhìn ra mưa. Trùng điệp những sợi lông lánh rơi thẳng như không hề có ai ngả nghiêng vì tình yêu, không cả chao đảo trong lựa chọn.

Bao nhiêu cơn mưa cứ láng máng trong đầu.

Một người rẽ mưa về. Mờ nhạt. Chiếc áo ni lông xanh loáng lên như lời vĩnh biệt cuối cùng.

Trong mưa tranh thủ mua hai gói bột canh. Không mặc cả nhưng vẫn phải hỏi hai ba lần mới nghe được giá chính xác. Bà bán hàng hình như còn chào mời thêm gì đó. Thằng bé đã kịp sục sạo một vòng trong dãy nhà lớn. Em nhớ từ năm lên sáu tuổi, tuần nào nó cũng theo mọi người đi chợ mà không chán. Chợ là một thế giới ngập ngụa cần thiết.

Rón rén ra về, chiếc làn trĩu nặng tay cùng đứa trẻ. Tự nhiên nghĩ với chiếc áo màu ghi xám này mình là những gì còn sót lại của cơn mưa.



Bạn cũ tự tìm lại.

Dạo cấp hai nó nhút nhát, ăn nói lí nhí, luôn nhìn xuống và chỉ chực lẩn vào góc tối. Học lực trung bình đều đặn. Cuối cấp

nó bỏ học theo chị gái buôn chuyến. Nghe đồn vất vả nhưng giàu.

Nó quý em nhất lớp vì em là người bảo vệ nó mỗi khi bị trêu ghẹo, bắt nạt. Thi thoảng em tặng những món quà nhỏ làm nó xúc động cho dù đó là thứ em đã quá chán. Trước hôm bỏ học nó gặp riêng em, dúi vào tay chiếc lược bằng gỗ mun, bảo đấy là quà ông nó cho từ bé. Chiếc lược làm công phu, đen bóng, răng đều tăm tắp. Sóng lược chạm một con chim đuôi dài ngang với mỏ, sau này em mới biết đó là chim phượng.

"Ông tổ bảo nó được làm ra cách đây bốn trăm năm."

Nó thì thào.

"Sao bạn không giữ lấy. Cái này quý lắm."

Nó nhìn em, lắc đầu cười, đáp:

"Rồi tổ sẽ còn có nhiều hơn thế. Thật đấy."

Đằng đẳng bao nhiêu năm im lặng đột nhiên tối qua nó điện đến, giọng khàn khàn nhưng không kiêu cách, xa lạ.

Cửa hàng cầm đồ của nó nằm ngang ngã tư giáp phố Hàng Hòm, mặt tiền chỉ đủ để treo một tấm biển gỗ màu vàng nhạt với dòng chữ nâu đậm, nghiêm ngắc: Dịch vụ cầm đồ.

Khổ người vẫn đậm chắc, da hơi nâu nhưng tóc đã cắt ngắn và bộ quần áo bằng dũi rộng rãi làm nó ra dáng một chủ hiệu cầm đồ. Nó vỗ lấy em, nói huyên thuyên, ôn lại những ngày cấp hai kỹ lưỡng từng chi tiết, nhảy từ chỗ nọ sang chỗ kia nhưng không bỏ sót. Đầu óc nó chính xác đến kỳ lạ. Chưa chồng, chưa người yêu, một tay gây dựng cơ đồ, vốn khoảng ba bốn trăm triệu. Nó thông báo qua loa cho em rồi phẩy tay lãng sang chuyện khác.

"Mày ra sao?"

"Vẫn thế. Giống mày, chưa chồng. Kém về tiền bạc."

"Khỉ, mày hơn tao cái bằng đại học."

Em nhìn nó thái độ triu mến như ngày xưa cho dù bây giờ nó đã khác, đã vượt trội, ít chịu thu người lại.

Cửa hàng hơi lộn xộn, chỉ sáng nửa ngoài, nửa trong mờ tối bí ẩn với những đồ vật cao thấp to nhỏ. Đồng hồ quả lắc cổ và xe máy. Những chiếc hộp gỗ nhỏ khảm trai hứa hẹn bên trong những

giá trị bất ngờ. Một chiếc xe đạp cũ tróc hết sơn.

Mọi thứ đều có thể đến đây, nằm lại vĩnh viễn, ra đi, về với chủ cũ hoặc phiêu dạt sang kẻ khác.

Điện thoại đồ chuông nhưng không được nhắc. Vài ba kẻ tạt qua cắt ngang câu chuyện, vẻ mặt lo âu thảng thốt.

Thái độ của nó đối với khách hàng luôn bình thản, hơi chút lạnh lùng. Chỉ hơi chút thôi, không nhiều đến độ gây tâm trạng bỏ cuộc. Nó bảo với em đó là nghệ thuật sống còn của các chủ hiệu.

Trời đổ mưa, chiều sâm sẩm tối.

Cửa hàng cầm đồ gợi lên cảm giác cũ kỹ khổ ải nhưng giá trị, giống như cầu Long Biên.

Hơn chục năm xa nhau, nó trở thành kẻ sành sỏi lẫn át người đời còn em thì vẫn thế, với lời thú nhận rằng thay đổi thật khó. Chẳng thể kiểm soát kinh nghiệm từ các trường đại học. Nơi ấy mãi mãi chỉ là cuộc náo loạn vô tích sự.

Trong sổ ghi điện thoại của em có thêm số của nó. Một dãy toàn số lẻ. Một người bạn là chủ một cửa hàng. Một “chủ hiệu cầm đồ” đích thực.



Đèn nhà đối diện tắt muện. Bà già độc thân du đưa trên ghế trước màn hình vô tuyến. Những âm thanh lộn xộn và ánh sáng loáng nhoáng hắt lên người bà già. Chiếc mũ thủy thủ vẫn treo trên tường, cô đơn cam chịu. Bản tin thời tiết báo Vịnh Bắc Bộ có sóng dữ. Con mèo rón rén đi rìa ban công, đuôi cố tình quệt vào cây ớt, nó không hề quan tâm tới sự thiếu vắng một chiếc mũ thủy thủ trong cơn bão biển.

Qua đi một đêm với ấn tượng tiếng kim đồng hồ nhỏ dần nhỏ dần rồi tắt lịm như chưa hề có thời gian.



Bước qua cổng sơn xanh của cơ quan, sức nhớ lần xem phim cùng Tuấn thấy trên màn ảnh một hoàng tử loay hoay mở cửa

địa ngục để tìm người yêu, em quay sang thì thầm:

"Đố anh biết làm cách nào để vào được địa ngục."

Tuấn nhún vai lạnh lùng:

"Bước vào một xác chết."

Cả hai cùng khoái chí nhìn nhau cười trong khi hoàng tử đang loanh quanh lạc giữa một biển sương xanh lét ma quái.

Tâm niệm rằng khi đã có chồng mình không như thế nữa. Đẹp bỏ các ý nghĩ vớ vẩn sang bên, sống lành mạnh như một cây xà cừ và kiêu sa như những bông hồng vàng.

Công việc bộn bề nhưng tạm thời, vừa của mình vừa không phải của mình. Chữ nghĩa khô cứng khác xa với đời sống. Gõ đều đều, thờ ơ mà ít sai. Có thể mai kia sẽ hỏng mất vì bầu trời màu cỏ úa trước mặt. Thật đáng sợ.

Hoài ho, luôn ho không cưỡng lại được. Hoài gây ấn tượng cuộc sống đang co thắt lại dồn nén vào một chiếc đĩa. Không nhìn nhau, trao đổi dăm ba câu về ngày hôm qua. Hoài nói nhỏ nhưng nghe vẫn rõ bởi chất giọng kim.

Hôm qua trời đất vẫn thế.

Hôm qua một cơn gió chết dịu dàng dưới gốc một khóm hoa.

Hôm qua cả hai đều gặp lại người quen cũ.

"Trắng. Giàu. Lạnh lùng hơn ngày xưa."

Hoài kết luận về người bạn trai mới từ Đức về với một chút khát khao. Không lấy gì làm khó hiểu vì Việt kiều nào trở về cũng mang theo một bầu trời xanh cao ráo để so sánh với bầu trời xám xịt ở nước nhà.

Có thể mai này Tuấn cũng sẽ trở về với tư cách một Việt kiều nhưng không biết Tuấn có đủ sức mang thêm một bầu trời khác hay không.

"Con bạn em khác quá."

Em nói không chút trách móc, chỉ đơn thuần là nhận xét.

"Giàu hả?"

Hoài hỏi đồng nghĩa với khẳng định.

"Chưa hẳn thế."

Giọng em xa xôi.

"Chỉ có bọn mình là vất vả."

Hoài nói, tay dẫn nhanh tốc độ như đuổi theo cho kịp điều gì đó.

Phó ban kế hoạch thò đầu vào, khuôn mặt là một đám mây tối sùng nước, lem nhem, đôi mắt trắng dã nhìn quanh dò xét. Không ai dừng tay. Đám mây trôi dạt sang phòng khác, trôi đến khi nào tìm ra chỗ để trú mưa mới thôi. Hấn có quầy hàng tạp hoá nhỏ ở Hàng Đậu, có đứa con trai bé xíu, khôn ranh và một cô vợ nói không rõ tiếng vì môi dưới quá trễ. Tất cả đều lóc nhóc kéo nhau từ rừng xuống làm giàu trắng trợn nhưng khó bắt bẻ. Hấn không quát nạt ai, sự thâm hiểm toát ra từ dáng đi, nước da, cách ăn mặc làm mọi người ngại ngùng.

Loại rừng rú.

Khuôn mặt ít ánh sáng.

Nói ngọng.



Rất lâu Hà Thành mới có một đêm hoa đăng.

Cùng với cảm giác rạo rực bởi màu đỏ trong đêm, một cái gì nữa toát ra từ đoàn đoàn lũ lũ những con người trẻ trung ăn vận mỏng mảnh sạch sẽ.

Những chiếc lá sen xanh lênh dênh giữa hàng trăm vụn vàng đang lan toả cùng sóng nước. Mỗi lá sen như một câu thơ, một lời thầm thì về tuổi ngọc, một giấc mơ trong sáng khi chưa kịp nhận biết mình đang mơ.

ánh sáng rờn rờn trên mặt em, trên tóc, trong tiếng nói hơi mê mê.

"Bước vào đây tự nhiên em thấy buồn ngủ."

Vũ nới cúc áo ngực. Thấp thoáng sau ngọn cây núi Nùng nhô cao, toả sáng như tất cả những ngọn núi từng toả sáng trong các câu chuyện thần thoại. Khi đến chân núi, em đưa mắt tìm gốc cây điệp bị chặt nhưng không thấy, nó đã bị vùi lấp trong cỏ.

Vũ nghe tiếng bước chân em xao xác như tiếng vỗ cánh. Có thể em sắp bay lên, sau đó biến mất trong màn đêm xanh đậm đang ngự trị trên đầu. Vũ nắm tay em, nắm nhẹ rồi buông ra rất nhanh.

Trong thế giới đèn lồng đỏ không nghĩ tới máy vi tính, không nghĩ tới khuôn mặt phiến não của Hoài, quên luôn mình có chiếc xe máy gửi cách đây vài trăm mét. Chỉ có người nào đó giống mình và người nào đó rất tuyệt vời bước cạnh mình. Đi giữa hai hàng đèn lồng đỏ treo trên các cành cây, thấy lạc vào cõi khác, người người chờn vờn mờ ảo nắm tay nhau thơ thới như trẩy hội. Đi mãi cho đến khi bị chặn bởi một cánh cửa tối mờ, thực ra là một cây cổ thụ. Nếu không có cây cổ thụ đó, hai người sẽ bước thẳng vào bầu trời.

Dưới các hố nhỏ khô cạn có những con ếch xanh ngồi nhìn ra xung quanh, chúng không kêu nhưng toàn thân cứ vang vang trong đêm. Em bảo những con ếch quá sạch. Vũ cười mấp máy môi. Một bóng người vàng nhạt lướt qua làm tiếng Vũ nhoà đi. Em ngơ ngác hỏi lại, Vũ lắc đầu.

Cả hai bước chậm quanh miệng hố.

Bỗng nhiên muốn có một cử chỉ thật dịu dàng.

Người và đèn trôi nổi.

Ghé vào quầy lưu niệm chọn mua con búp bê quần áo sặc sỡ vàng bạc chồng chất trên cổ, chiếc khăn đỏ với tua rua phủ trên đầu như một quầng lửa khổng lồ. Dưới quầng lửa là khuôn mặt lạnh lùng với đôi lông mày cong, làn môi căng mọng cam lạng. Cô bán hàng người Tàu nói tiếng Việt ngọng lịu, bù lại khuôn mặt trẻ và sáng lạng.

"Người Dao đỏ. Người Dao đỏ."

Cứ lặp đi lặp lại và mỉm cười thân thiện với em. Xếp con búp bê vào chiếc hộp, nghĩ rằng đang phong kín một vùng đất xa lạ hoang dã, nếu mở ra đêm sẽ vô cùng buồn thảm. Đi hai vòng quanh khu hoa đăng mong có khoảng sáng nào đó mở ra rộng rãi.

"Về chứ?"

Vũ hỏi day dứt. Em đáp lại bằng cái chớp mắt, lạ lùng như bản thân con búp bê.

Rời khỏi thảo cầm viên, ngoái nhìn từ đường xuống thấy cả cây cả lá cả người cứ lênh đênh xa dần xa dần. □

(xem tiếp kỳ sau)

Giới thiệu sách mới

THƠ

📖 Trần Hoài Thư, *Qua sông, Mùa mận chín*, tập thơ, Tác giả tự thực hiện từ đầu chí cuối việc xuất bản, và xuất bản chỉ để dành tặng bạn bè chứ không bán. Thi tập dày 116 trang, trình bày đơn giản nhưng trang nhã. Lối in tác phẩm kiểu này khiến nhiều người nhớ lại một kiểu “in sách dành tặng văn hữu” trước 1975 của nhà xuất bản “Con Đường-Cần Thơ”.

Cảm hứng trong thi tập này vẫn là đời lính và đời sống lưu vong. Cái sôi nổi trong hơi văn Trần Hoài Thư vẫn đậm đà trong thơ, nên tập thơ ghi dấu những chặng đường người lính Trần Hoài Thư đi qua một cách chính xác. Nhiều bài còn nguyên vẹn chất liệu rờn của đời sống, như đoạn tác giả cho in vào bìa sau:

*Những thằng nói nhiều thường hay chạy mau
 Những đứa lắm lì mà như hổ gấu
 Uống đi bạn, rồi đêm đi bỏ báo
 Để nuôi con thành bác sĩ, kỹ sư
 Để trả thù cho những lúc sa cơ.*

Bạn văn ở xa muốn có tập thơ xin liên lạc về: Trần Hoài Thư
 PO Box 58, S. Bound Brook NJ 08880

📖 Phan Xuân Sinh, *Đứng dưới trời đổ nát.*, Tập chí Văn xuất bản; Bìa phụ bản và phổ nhạc: Nguyễn Trọng Khôi, Đinh Cường, Vũ Đức Thanh, Nguyễn Tất Vình. Thi tập in rất sang và đẹp, bìa cứng có jacket như sách loại sang của Âu Mỹ, thơ in trên giấy quý màu vàng nhạt, có lẽ từ trước đến nay trừ tập thơ của Hà Thúc Như Hỷ, chưa có tập nào in ấn công phu như “Đứng dưới trời đổ nát”.

Năm mươi bài thơ trong “Đứng dưới trời đổ nát” có đầy đủ “chất Quảng” như khá nhiều tập thơ của thi nhân gốc Quảng khác: Luân Hoán, Hoàng Lộc, Thái Tú Hạp, Hạ Quốc Huy, Thành Tôn, Hà Nguyên Dũng... Hình như thi nhân gốc Quảng đều nhất trí một điểm: thi ngôn chí. Hoài bão lớn, nhưng sinh bất phùng thời nên giọng thơ chứa chất sự phẫn hận bị dồn nén. ý kiến của những bạn văn như Lương Thư Trung, Hoàng Lộc, Lâm Chương, Quan Dương, Trần Hoài Thư, Lê Mai Linh, Trần Trung Đạo về “Đứng dưới trời đổ nát” đều đồng ý với Trần Doãn Nho; “Hơi thơ của Phan Xuân Sinh lạ. Ngang tàng mà ưu uất. Cuồng ngạo mà xót xa. Sâu mà chân chất. Trong cuộc rượu đọc lên, nghe nghèn nghẹn, từng tức, có cảm giác như muối xát vào lòng”.

Tập thơ dày 150 trang, giá 12 MK.

Thư từ liên lạc: Tạp chí Văn

P.O Box 611626 San Jose CA 95161

Phone: (408) 263-5283

hoặc Phan Xuân Sinh

67 Pine St. # 3, Stoneham, MA 02180

Phone: (đêm) 781-438-6377

📖 Hà Việt Hùng, *Ca dao buồn*, tập thơ, Antiem Studio ấn hành; dày 150 trang, giá tại Hoa Kỳ 15 MK (ngoài Hoa Kỳ thêm 2 MK). *Ca Dao Buồn* đồng dạng với rất nhiều thi tập do tác giả tự xuất bản khác, nghĩa là sưu tập những bài thơ tác giả làm một đời, như một lưu niệm cho mình, cho con cháu. Tác phẩm gồm hai phần: phần đầu sáng tác từ 1960 ố 1975. Phần hai là sáng tác sau 1975.

Thư từ liên lạc: Hà Việt Hùng

211 S. Western Ave. # 40

Anaheim, CA 92804 - 1653

KHẢO CỨU, TRUYỆN

📖 Nguyễn Quảng Tuân, *Tìm hiểu Nguyễn Du và Truyện Kiều*, biên khảo, Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội & Trung tâm

Nghiên cứu Quốc học (VN) xuất bản, sách dày 500 trang, giá 46.000 đồng VN.

Tác giả là một nhà giáo lão thành của Miền Nam Việt Nam trước 1975, sau 1975 quay sang nghiên cứu Truyện Kiều và hiện nay được xem là nhà Kiều học đáng tin cậy nhất của Việt Nam.

Trong tác phẩm nghiên cứu này, Nguyễn Quảng Tuân làm công việc một nhà văn bản học nghiêm túc, xét lại một số chữ nôm trong nguyên bản bị phiên âm sai lầm, hoặc một số vấn đề liên quan đến tác giả và tác phẩm Truyện Kiều bị hiểu sai lạc nhưng không ai chú ý nên trở thành cách diễn dịch chính thống. Nói chung, đây là một cuốn sách biên khảo có giá trị, những ai quan tâm đến quốc học cần tìm mua, tìm đọc.

 Lương Thư Trung, *Bến bờ còn lại*, tạp văn, Thư Trung xuất bản và phát hành, sách dày 350 trang, giá 14 MK.

Những bài viết được tập hợp trong cuốn sách này nguyên là những “Lá thư từ Kinh Xáng” của Hai Triều, một mục thường xuyên trên Liên mạng Văn Học Nghệ Thuật do Phạm Chi Lan chủ trương. Độc giả của liên mạng VHNT phần lớn thuộc giới trẻ, và theo Phạm Chi Lan cho biết, VHNT nhận được rất nhiều ý kiến hoan nghênh những bài viết về quê hương của Lương Thư Trung.

Phạm Chi Lan giới thiệu về “Bến bờ còn lại” như sau:

“Những bài viết trong tập sách này, bài nào cũng cho thấy một thứ tình cảm thật đôn hậu, rất dồi dào, hiền hòa và chân thật của người miền quê Miền Nam. Với bản chất hiền lành phóng khoáng, qua lối viết đơn giản và thoải mái của anh Trung, cho ta cảm giác nhẹ nhàng sau một ngày làm việc mệt nhọc, tinh thần an nhiên, thả hồn về một vùng “cổ tích ở phương nam”...

Địa chỉ liên lạc: Ms Lương Huỳnh Phương Thảo

9 Mather St # 1, Dorchester, MA 02124

Phone: 617-436-4377

 Lép Trốtski, *Văn học và Cách mạng* do Tủ sách Nghiên

cứu (Paris, France) dịch thuật, giới thiệu và ấn hành, sách dày 484 trang, giá 20 MK.

Tủ sách Nghiên cứu là cơ sở xuất bản của một nhóm cựu đảng viên trotskist ở Pháp, đa phần đã lớn tuổi, và sau khi phong trào cộng sản đệ tam tan rã, họ tin rằng phe đệ tam của Stalin đã phản bội cách mạng nên đã đưa phong trào cộng sản đến thảm bại như đã thấy ngày nay. Vì tin như vậy nên họ ra sức nghiên cứu, dịch thuật, xuất bản những cuốn sách của Trotsky, mà rất nhiều người cho là lạc lõng, lỗi thời. Tủ sách Nghiên cứu đã cho in những cuốn “Cuộc cách mạng bị phản bội”, “Đời tôi”, “Lenin, Con người, Cuộc đời và Sự nghiệp”, “Người Việt ở Pháp 1940-1954”, “Tờ trình bí mật của Krútsép về Stalin”, cũng như sắp cho in những cuốn “Hồ sơ phong trào Đệ tứ Việt Nam”, “Lịch sử Cách mạng Nga” (Trotsky), “Cách mạng thường trực” (Trotsky), “Đệ tam Quốc tế sau thời Lenin (Trotsky). Những cố gắng trên cũng giúp cho người đọc một số hiểu biết thêm về một hệ phái cộng sản thất thế, dù thành thật mà nói, có cái gì bị thảm lỗi thời.

Địa chỉ liên lạc: Tủ sách nghiên cứu
Boite Postale 246
75224 Paris Cedex 11 France

📖 Hội Cựu học sinh Cường Để, Nữ Trung học Qui nhơn (Houston), *Đặc san Cường để-Nữ Trung học 2000*, một tập đặc san bề thế in đẹp dày trên 500 trang, do một nhóm cựu học sinh hai trường trung học lớn nhất Qui nhơn thực hiện, những người nòng cốt của nhóm có Lê Đại Đồng, Phạm văn Nộ, Võ thị Lan, Nguyễn văn Gia Phong, Nguyễn thị Vân Nga, Huỳnh thị Ngọc Lan, Ngô Thị Bích Hòa, Nguyễn Mạnh Dạn, Đào Vĩnh Tuấn, Cù Minh Khánh, Nguyễn Công Hoàng. Nhà văn trực tiếp phụ trách đặc san là Nguyễn Mạnh An Dân. Phần cuối của đặc san có danh sách và địa chỉ một số lớn cựu giáo sư và cựu học sinh hai trường.

📖 Ngô Nguyên Dũng, *Khung cửa nắng*, truyện dài, Tạp chí

Văn Học xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành, sách dày 150 trang, giá 10 MK. Tác phẩm văn chương thứ tám được xuất bản của Ngô Nguyên Dũng (sau *Dòng chữ tâm tình*, Văn Nghệ, 1988; *Mười hai hoa cúc*, Văn Lang 1988; *Đêm*, Làng Văn 1989; *Tiếng núi*, Làng Văn 1992; *Chuông đêm*, Làng Văn 1992; *Gia đình Cún*, Làng Văn 1994; *Âm bản*, Minh Văn, 1994), và là cuốn sách mới nhất do Văn Học xuất bản trong năm 2000. Truyện dài đầu tay của Ngô Nguyên Dũng lấy khung cảnh là sinh hoạt một cộng đồng người Việt ở hải ngoại, với những nhà văn, nhà báo, người hoạt động hội đoàn, người làm chính trị, ca sĩ... Nhưng hình như Ngô Nguyên Dũng không viết truyện để kể về cộng đồng. Anh chú ý đến những dư âm của sinh hoạt lên trên tâm hồn con người, những xôn xao chung quanh những náo động của đời thường. Đúng như nhận xét của nhà văn Võ Phiến: “Trong khi câu chuyện diễn tiến, chúng ta tai nghe chim kêu sóng vỗ, mắt thấy nắng vàng mây bay, cùng lúc chúng ta đuổi theo những suy tưởng của nhân vật, của tác giả. Và khi câu chuyện dừng lại, chúng ta không kịp dừng theo. Cái truyện nó vươn ra ngoài truyện, nó đẩy động một cõi mộng lung”

📖 Trần Hoài Thư, *Đại đội cũ & Những trang sách cũ*, tập hợp một số bài viết rải rác suốt 40 năm viết lách của tác giả, kể từ bài văn đầu tiên “Nước mắt tuổi thơ” in trên tạp chí Bách Khoa năm 1960. Giống như hầu hết những tác phẩm được viết và in ở hải ngoại của Trần Hoài Thư, những bài tập hợp trong cuốn này là những bài viết về đời lính trong quá khứ, một ám ảnh không nguôi của tác giả. Đặc biệt phần phụ lục có hai bài phỏng vấn của Triều Hoa Đại và Nguyễn Mạnh Trinh.

Không thấy đề giá bán, nên không thể biết tập truyện này có phải là quà biếu như tập thơ “Qua sông mùa mận chín” hay không.

Địa chỉ liên lạc: Trần Hoài Thư
PO Box 58
S. Bound Brook, NJ 08880
Email: tht5@juno.com

hộp thư

Thư từ liên quan việc mua báo, gia hạn:

Phượng Nguyễn (Denver CO đổi địa chỉ), Asia Video (Dayton, OH), Đỗ Cẩm Vy (Victorville CA), Lê Quang Minh (Walnut CA), Diep Van Phan (San Francisco CA), Tuyen Nguyen (Plano TX), Nguyễn Xuân Sinh (Annandale VA), Lien-Hai Le (Yorba Linda, CA), Vo Tran Thi Mai (Koeln Germany), Leon Nguyen (đổi địa chỉ, Lockford, IL), Do Ngoc Tinh (Langem, Germany), Nguyễn Ngọc Anh (Panorama City, CA), Nguyễn Đỗ Mai (San Jose CA), Lâm Tài (San Jose CA), Ann Nguyen (Fort Worth, TX, đổi địa chỉ), Phan Hương Quỳ (Bruxelles Belgium), Dr. Hà Xuân Du (San Jose CA), Khang Tran (Ventura CA), Đặng Thơ Thơ (Westminster CA), Nguyễn Thiệp (Oakland CA) Dan Nguyen (Spring TX, trả tiền cho Trần Thị Mai Germany), C.H.T.N. Bảo Khanh (Garland TX), Minh Van Nguyen (Mission Viejo CA), Lê Trung Lập (Orlando FL), Dam Quang Lam (Philadelphia PA), Trịnh Văn Đáng (San Diego CA, đổi địa chỉ), Hồng Thêm (Corona CA), Võ Hồng San (Campsie, NSW

Australia), Can Bui (Fremont CA, đổi địa chỉ), Đức Phổ (Peachtree City GA), Nguyễn Văn Dũng (Lethridge Alberta Canada), Justine Trang Vo (Frisco TX), Nguyễn Khánh Hòa (Harvey LA), Lien-Hai N. Le (Yorba Linda CA, mua sách)

Bài nhận được trong tháng:

“Thư viết từ Issaquah” gửi từ Issaquah WA, “Đường tro bay” gửi từ North Potomac MD, “Chuyện tình Trương Chi” gửi từ Lakewood CA

Những bài nhận được trên đây đều gửi qua bưu điện.

Trong tháng Bảy 2000, hộp thư e-mail Văn Học đã nhận được một số bài từ xa gửi tới. Trừ trường hợp do trục trặc kỹ thuật các email ấy bị trả lại, những bài khác đều đã tới hộp thư email Văn Học đầy đủ. Từ tháng Tám, website Văn Học có thêm một địa chỉ mới trên **omely.org** như thông báo trong Thư Tòa soạn kỳ này. Nhưng website trên địa chỉ cũ **saigonline.com**, cùng hộp thư e-mail của Văn Học vẫn như cũ.

Nhắn tin chung:

Mỗi khi hạn mua báo đã đến hay sắp đến (hai tháng trước và hai tháng sau), máy vi tính tự động in hàng chữ PLEASE RENEW - XIN GIA HẠN trên nhãn địa chỉ.



Nhà Xuất Bản VĂN MỚI

*1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413*

Những sách mới của nhà xuất bản:

Chân Mang Giày Số 6

Tập truyện Song Thao

Gió Biếc

Tập truyện Lê Minh Hà

Qua Mấy Trời Sương Mưa

Thơ Hoàng Lộc

Miêng

Tuyển tập truyện ngắn của Miêng

Cồn Mây

Truyện dài Hồ Minh Dũng

Người Chết Vẫn Sống

Tập luận Nguyễn Quốc Trụ

Loanh Quanh Những Nẻo Đường

Ký Trần Doãn Nho

Kẻ Giật Dây

Tiến sĩ Lê Đình Chi

Cảm Nhận

Võ Phiến

Bay Di Cánh Chim Biển

Tập truyện Hoàng Nga

Tuyển Tập Thơ Văn Hải Ngoại Năm 2000

67 tác giả

Cõi Người Trong Văn Chương Bình Dân

Huỳnh Văn Phú

Sách có bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc:

Nhà Phát Hành Văn Nghệ:

Điện thoại: (714) 934-8574

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt. _____

Thành phố _____ Tiểu Bang _____ Zip _____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐ mua ☐ gia hạn báo Văn Học trong

thời hạn _____ năm,

từ số _____ tháng _____, gửi hàng _____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US\$ _____, để trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt. _____

Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

Người giới thiệu _____

Địa chỉ _____ Apt. _____

Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm US\$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm US\$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm US\$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm US\$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm US\$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm US\$94.00

THU VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr US\$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US\$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ, xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu để trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Văn Học.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

1528 S. La Cienega Blvd.

Los Angeles, CA 90035

Tel: (310) 559-0413 - Fax: (310) 659-2627



Xin giới thiệu:

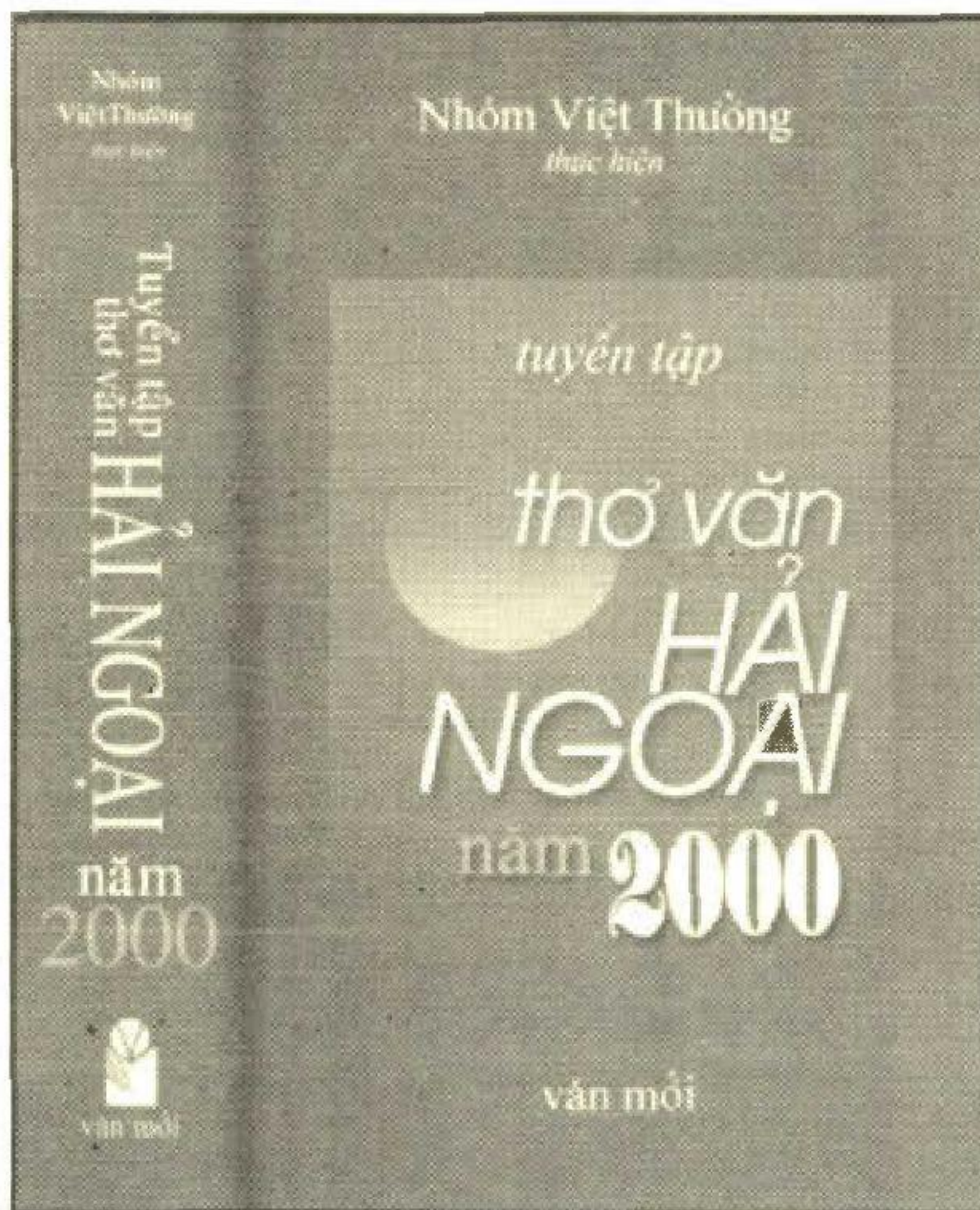
TUYỂN TẬP THƠ VĂN HẢI NGOẠI NĂM 2000

QUY TỰ 67 TÁC GIẢ

NHÓM VIỆT THƯỜNG thực hiện

VĂN MỚI xuất bản tháng 4 năm 2000

Bìa Nguyễn Trọng Khôi



NHÀ SÁCH



VĂN NGHỆ

SÁCH - BÁO - MUSIC - KINH SÁCH PHẬT GIÁO

9351 Bolsa ave. - Westminster, CA 92683 - USA

Tel (714) 934-8574

Email: vannghe@pacbell.net

Homepage: <http://hom.pacbell.net/vannghe>

SÁCH MỚI NĂM 2000

- **TÀNG SĨ VÀ TRIẾT GIA** 22MK
Hội luận về tôn giáo – Phật Giáo giữa hai nhà đại trí thức Pháp: triết gia *Jean-Francois Revel* (cha) và nhà bác học-tăng sĩ *Matthieu Ricard* (con). Bản Pháp ngữ và Anh ngữ đều thuộc loại Best Seller hiện nay. *Linh Thụy* chuyển ngữ.
- **CHUYỆN NƯỚC NON** 12MK
tiểu luận *Nguyễn Minh Cần*
- **GIỮA HAI MIỀN MƯA NẮNG** 13MK
tập ghi *Hoàng Mai Đạt*
- **MÙI HƯƠNG QUẾ** 14MK
truyện *Đương Như Nguyễn*
- **RỪNG MẮM VĂN NGHỆ** 13MK
18 chuyện văn nghệ. *Võ Đình*
- **MÁY NẸO ĐƯỜNG CỦA NGHỆ THUẬT VÀ CHỮ NGHĨA** 13MK
Huỳnh Hữu Ủy
- **BÔNG HỒNG VÀNG** 15MK
Konstantin Paustovsky. *Vũ Thư Hiên* dịch
- **GAJ THOẠI THIỀN SƯ** 10MK
Lâm Thanh Huyền, *Phạm Huệ* dịch
- **NHAN SẮC** 10MK
truyện *Đương Nghiễm Mậu*

SÁCH MỚI PHÁT HÀNH

- **CHUYỆN KỂ NĂM 2000 (toàn tập)** 20MK
Ấn bản Thời Mới Canada
Độc giả trong nước Mỹ muốn nhận được CKN 2000 mau trong 3, 4 ngày xin gởi thêm \$3.20 + \$20 = \$23.20.
Sách sẽ gởi theo Priority Mail

Giá:\$4.00